

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ
ĐẦU TƯ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CƠ QUAN HÀNH
CHÍNH NHÀ NƯỚC CÁC CẤP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 210 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

**PHẦN I:
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI
QUYẾT CỦA CẤP TỈNH (SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ): 128 THỦ TỤC**

STT	Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính
I	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (60 TTHC)
1	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân
2	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên
3	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên
4	Đăng ký thành lập công ty cổ phần
5	Đăng ký thành lập công ty hợp danh
6	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
7	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
8	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh
9	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần
10	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
11	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
12	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức
13	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước
14	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế
15	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

16	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp
17	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác
18	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích
19	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác
20	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
21	Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân
22	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần
23	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết
24	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế
25	Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
26	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
27	Thông báo sử dụng, thay đổi, huỷ mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
28	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
29	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
30	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
31	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động
32	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
33	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
34	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
35	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
36	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các

	giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
37	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)
38	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân
39	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp
40	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp
41	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp
42	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp
43	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp
44	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp
45	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)
46	Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)
47	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần
48	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
49	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
50	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn
51	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
52	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế
53	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp
54	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng
55	Thông báo tạm ngừng kinh doanh
56	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo
57	Giải thể doanh nghiệp
58	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án
59	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh
60	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp
II	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ (15 TTHC)
1	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã
2	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
3	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã
4	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
5	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia

6	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách
7	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất
8	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập
9	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)
10	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã
11	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã
12	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã
13	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
14	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
15	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã
III	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM (28 TTHC)
1	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
2	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
3	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
4	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
5	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư
6	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư
7	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
8	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)
9	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
10	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ
11	Chuyển nhượng dự án đầu tư
12	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế
13	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
15	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
16	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
17	Giãn tiến độ đầu tư
18	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư
19	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư

20	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
21	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC
22	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương
23	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư
24	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư
25	Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài
26	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư (cơ quan khác)
27	Thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài
28	Thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)
IV	LĨNH VỰC ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN (01 TTHC)
1	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ
V	LĨNH VỰC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA (07 TTHC)
1	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo
2	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo
3	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo
4	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo
5	Thủ tục thông báo về việc chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư
6	Thủ tục đề nghị hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn
7	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp
VI	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP XÃ HỘI (08 TTHC)
1	Thông báo Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường
2	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường
3	Thông báo chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường
4	Thông báo tiếp nhận viện trợ, tài trợ
5	Thông báo thay đổi nội dung tiếp nhận viện trợ, tài trợ
6	Công khai hoạt động của doanh nghiệp xã hội
7	Cung cấp thông tin, bản sao Báo cáo đánh giá tác động xã hội và Văn bản tiếp nhận viện trợ, tài trợ
8	Chuyển cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành Doanh nghiệp xã hội
VII	LĨNH VỰC ĐẤU THẦU (03 TTHC)
1	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án do nhà đầu tư đề xuất
2	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do nhà đầu tư đề xuất
3	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án do nhà đầu tư đề xuất
VIII	LĨNH VỰC VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA) VÀ

	VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI: (02 TTHC)
1	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản
2	Lập, thẩm định và quyết định phê duyệt Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại
IX	LĨNH VỰC NGUỒN VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI: (04 TTHC)
1	Tiếp nhận dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)
2	Tiếp nhận dự án đầu tư sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)
3	Tiếp nhận chương trình sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)
4	Tiếp nhận nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) dưới hình thức phi dự án.
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN: (21 TTHC)	
STT	Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính
I	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH (05 TTHC)
1	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh
2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
3	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh
4	Châm dứt hoạt động hộ kinh doanh
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh
II	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ, THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ (LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ) 16 TTHC
1	Đăng ký thành lập hợp tác xã
2	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã
3	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã
4	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã
5	Đăng ký khi hợp tác xã chia
6	Đăng ký khi hợp tác xã tách
7	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất
8	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập
9	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)
10	Giải thể tự nguyện hợp tác xã
11	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã
12	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác

	xã
13	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã
14	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã
15	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã
16	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ: 03 TTHC

STT	Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính
I	LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC (03 TTHC)
01	Thông báo thành lập tổ hợp tác
02	Thông báo thay đổi tổ hợp tác
03	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác

Tổng cộng: 152 Thủ tục hành chính (*cấp tỉnh 128 thủ tục, cấp huyện 21 thủ tục, cấp xã 03 thủ tục*)

PHẦN II:
NỘI DUNG CHI TIẾT CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH (SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ): 128 THỦ TỤC

I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (60 TTHC)

01. Thủ tục: Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân.

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh:
----------------------------	--

+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.

+ Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.

+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.

- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:

+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.

+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung

	<p>tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của chủ doanh nghiệp tư nhân: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; + Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực. - Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế trong trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	<p>Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>
Đối tượng thực hiện:	<p>Cá nhân, Tổ chức</p>
Cơ quan thực hiện:	<p>Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>
Kết quả:	<p>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</p>
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (Đăng ký thành lập doanh nghiệp). Mức thu: 50.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<p>- Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp tư nhân (<i>Phụ lục I-1, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);</p>
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên

	<p>loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy.</p> <p>2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử.</p> <p>3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.</p> <p>- Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:</p> <p>1. Ngành, nghề đăng ký kinh doanh không bị cấm đầu tư kinh doanh;</p> <p>2. Tên của doanh nghiệp được đặt theo đúng quy định tại các Điều 38, 39, 40 và 42 Luật Doanh nghiệp (<i>có phụ lục kèm theo</i>), lưu ý một số quy định như: tên bao gồm hai thành tố (loại hình + tên riêng); những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp; tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp; tên trùng và tên gây nhầm lẫn.</p> <p>3. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật);</p> <p>4. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.</p>
<p>Căn cứ pháp lý:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính;

Phụ lục I-1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Kon Tum

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Đăng ký doanh nghiệp tư nhân do tôi làm chủ với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

2. Tên doanh nghiệp:

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên doanh nghiệp viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn đầu tư:

Vốn đầu tư (bằng số; VND):

Vốn đầu tư (bằng chữ; VND):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

Tài sản góp vốn:

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (bằng số, VND)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi (ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ)		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh		

1

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

	<i>nghiệp)</i>		
Tổng số			

6. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
6.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (<i>nếu có</i>): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
6.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (<i>nếu có</i>) ² : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
6.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (<i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i>): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại (<i>nếu có</i>): Fax (<i>nếu có</i>): Email (<i>nếu có</i>):
6.4	Ngày bắt đầu hoạt động ³ (<i>trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này</i>):/...../.....
6.5	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
6.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁴ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
6.7	Tổng số lao động (<i>dự kiến</i>):
6.8	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
6.9	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>) ⁵ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/>

²Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 6.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 6.2.

³Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁴

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁵Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

	Không phải nộp thuế GTGT	
6.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai):	
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng

7. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh (chỉ kê khai MST 10 số):

Địa điểm kinh doanh:

Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Bản thân không thuộc diện quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp, không đồng thời là chủ doanh nghiệp tư nhân khác, không là chủ hộ kinh doanh, không là thành viên công ty hợp danh;
- Trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của tôi và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

(Ký và ghi họ tên)⁶

⁶Chủ doanh nghiệp tư nhân ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục:

Điều 38. Tên doanh nghiệp

1. Tên tiếng Việt của doanh nghiệp bao gồm hai thành tố theo thứ tự sau đây:

a) Loại hình doanh nghiệp. Tên loại hình doanh nghiệp được viết là “công ty trách nhiệm hữu hạn” hoặc “công ty TNHH” đối với công ty trách nhiệm hữu hạn; được viết là “công ty cổ phần” hoặc “công ty CP” đối với công ty cổ phần; được viết là “công ty hợp danh” hoặc “công ty HD” đối với công ty hợp danh; được viết là “doanh nghiệp tư nhân”, “DNTN” hoặc “doanh nghiệp TN” đối với doanh nghiệp tư nhân;

b) Tên riêng. Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, chữ số và ký hiệu.

2. Tên doanh nghiệp phải được gắn tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp. Tên doanh nghiệp phải được in hoặc viết trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.

Điều 39. Những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp

1. Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký được quy định tại Điều 42 của Luật Doanh nghiệp.

2. Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.

3. Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

Điều 40. Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên tiếng Việt sang một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ La-tinh. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của doanh nghiệp có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.

2. Trường hợp doanh nghiệp có tên bằng tiếng nước ngoài, tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp được in hoặc viết với khổ chữ nhỏ hơn tên tiếng Việt của doanh nghiệp tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoặc trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.

3. Tên viết tắt của doanh nghiệp được viết tắt từ tên tiếng Việt hoặc tên viết bằng tiếng nước ngoài.

Điều 42. Tên trùng và tên gây nhầm lẫn

1. Tên trùng là tên tiếng Việt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký được viết hoàn toàn giống với tên tiếng Việt của doanh nghiệp đã đăng ký.

2. Các trường hợp sau đây được coi là tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký:

- a) Tên tiếng Việt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký được đọc giống như tên doanh nghiệp đã đăng ký;
 - b) Tên viết tắt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký trùng với tên viết tắt của doanh nghiệp đã đăng ký;
 - c) Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đề nghị đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đã đăng ký;
 - d) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi một số tự nhiên, số thứ tự hoặc các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt và các chữ cái F, J, Z, W ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đó;
 - đ) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi ký hiệu “&”, “.”, “+”, “-”, “_”;
 - e) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước hoặc “mới” ngay sau hoặc trước tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký;
 - g) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”, “miền Đông” hoặc từ có ý nghĩa tương tự.
- Các trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e và g của khoản này không áp dụng đối với trường hợp công ty con của công ty đã đăng ký.

02. Thủ tục: Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên.

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum<ul style="list-style-type: none">+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.<ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh:<ul style="list-style-type: none">+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.+ Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận
----------------------------	--

	<p>đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh

	Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); - Điều lệ công ty (phải có họ, tên và chữ ký của chủ sở hữu công ty là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu công ty là tổ chức); - Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ sau: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với chủ sở hữu là cá nhân: <i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i> + Đối với chủ sở hữu là tổ chức: Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của chủ sở hữu công ty (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); - Văn bản ủy quyền của chủ sở hữu cho người được ủy quyền đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức và một trong các văn bản sau: <ul style="list-style-type: none"> + Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức quản lý theo mô hình chủ tịch công ty. + Danh sách người đại diện theo ủy quyền và bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của từng đại diện theo ủy quyền đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức quản lý theo mô hình hội đồng thành viên. - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành. - Bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong trường hợp thành lập tổ chức tín dụng. - Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế trong trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

	hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (Đăng ký thành lập doanh nghiệp). Mức thu: 50.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp..
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH một thành viên (<i>Phụ lục I-2, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (<i>Phụ lục I-10, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. - Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Ngành, nghề đăng ký kinh doanh không bị cấm đầu tư kinh doanh; 2. Tên của doanh nghiệp được đặt theo đúng quy định tại các Điều 38, 39, 40 và 42 Luật Doanh nghiệp (<i>có phụ lục kèm theo</i>), lưu ý một số quy định như: tên bao gồm hai thành tố (loại hình + tên riêng); những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp; tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp; tên trùng và tên gây nhầm lẫn. 3. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật); 4. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.

Căn cứ pháp lý:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;
- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.

Phụ lục I-2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tôi là người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh⁶ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

6

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Chủ sở hữu:

a) Đối với chủ sở hữu là cá nhân:

Họ tên chủ sở hữu (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài):

Mã số dự án:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

Tên tổ chức (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Danh sách người đại diện theo ủy quyền (kê khai theo mẫu, nếu có): Gửi kèm

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài):

Mã số dự án:.....

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

6. Mô hình tổ chức công ty (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu, đánh dấu X vào một trong 2 ô):

Hội đồng thành viên

Chủ tịch công ty

7. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

8. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

9. Tài sản góp vốn:

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (bằng số, VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi (ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ)		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp)		

Tổng số		
---------	--	--

10. Người đại diện theo pháp luật⁷:

- Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:Ngày hết hạn (*nếu có*):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*):Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*):Website (*nếu có*):

11. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
11.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (<i>nếu có</i>): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
11.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (<i>nếu có</i>) ⁸ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
11.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (<i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i>): Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại (<i>nếu có</i>):Fax (<i>nếu có</i>): Email (<i>nếu có</i>):

⁷ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

⁸Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chi tiêu 11.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chi tiêu 11.2.

11.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁹ (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....	
11.5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>	
11.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁵ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)	
11.7	Tổng số lao động (dự kiến):	
11.8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
11.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁶ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>	
11.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai):	
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng

	...	

12. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

- a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
- Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
- Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):
- Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
- b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
- Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
- Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):
- Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
- Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

⁹Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁵

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.
- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁶Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

13. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh (chỉ kê khai MST 10 số):

Địa điểm kinh doanh:

Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp:/..../.... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/..../....

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Trữ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT**

CỦA CÔNG TY

(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-10
DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

ST T	Chủ sở hữu/C ổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng , năm sinh	Giờ tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thườn g trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/H ộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký của người đại diện theo ủy quyền	Gh i chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

... .., ngày... ..tháng... ..năm...

...
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY**
(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục:

Điều 38. Tên doanh nghiệp

1. Tên tiếng Việt của doanh nghiệp bao gồm hai thành tố theo thứ tự sau đây:

a) Loại hình doanh nghiệp. Tên loại hình doanh nghiệp được viết là “công ty trách nhiệm hữu hạn” hoặc “công ty TNHH” đối với công ty trách nhiệm hữu hạn; được viết là “công ty cổ phần” hoặc “công ty CP” đối với công ty cổ phần; được viết là “công ty hợp danh” hoặc “công ty HD” đối với công ty hợp danh; được viết là “doanh nghiệp tư nhân”, “DNTN” hoặc “doanh nghiệp TN” đối với doanh nghiệp tư nhân;

b) Tên riêng. Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, chữ số và ký hiệu.

2. Tên doanh nghiệp phải được gắn tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp. Tên doanh nghiệp phải được in hoặc viết trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.

Điều 39. Những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp

1. Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký được quy định tại Điều 42 của Luật Doanh nghiệp.

2. Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.

3. Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

Điều 40. Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên tiếng Việt sang một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ La-tinh. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của doanh nghiệp có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.

2. Trường hợp doanh nghiệp có tên bằng tiếng nước ngoài, tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp được in hoặc viết với khổ chữ nhỏ hơn tên tiếng Việt của doanh nghiệp tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoặc trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.

3. Tên viết tắt của doanh nghiệp được viết tắt từ tên tiếng Việt hoặc tên viết bằng tiếng nước ngoài.

Điều 42. Tên trùng và tên gây nhầm lẫn

1. Tên trùng là tên tiếng Việt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký được viết hoàn toàn giống với tên tiếng Việt của doanh nghiệp đã đăng ký.

2. Các trường hợp sau đây được coi là tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký:

- a) Tên tiếng Việt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký được đọc giống như tên doanh nghiệp đã đăng ký;
 - b) Tên viết tắt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký trùng với tên viết tắt của doanh nghiệp đã đăng ký;
 - c) Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đề nghị đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đã đăng ký;
 - d) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi một số tự nhiên, số thứ tự hoặc các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt và các chữ cái F, J, Z, W ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đó;
 - đ) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi ký hiệu “&”, “.”, “+”, “-”, “_”;
 - e) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước hoặc “mới” ngay sau hoặc trước tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký;
 - g) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”, “miền Đông” hoặc từ có ý nghĩa tương tự.
- Các trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e và g của khoản này không áp dụng đối với trường hợp công ty con của công ty đã đăng ký.

3. Thủ tục: Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum<ul style="list-style-type: none">+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký DN (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.<ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh:<ul style="list-style-type: none">+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.+ Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận
----------------------------	--

	<p>đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh

	Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); - Điều lệ công ty (có đầy đủ chữ ký của người tham gia thành lập doanh nghiệp); - Danh sách thành viên (có đầy đủ chữ ký) (<i>theo mẫu</i>) - Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> + Thành viên là cá nhân: Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực; + Thành viên là tổ chức: Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác; Văn bản ủy quyền cho người được ủy quyền và một trong các loại giấy chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; + Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành. - Bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong trường hợp thành lập tổ chức tín dụng. - Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế trong trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (Đăng ký thành lập doanh nghiệp). Mức thu: 50.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp..
Tên mẫu đơn, tờ	- Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH hai thành viên

khai:	<p>trở lên (<i>Phụ lục I-3, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);</p> <p>- Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (<i>Phụ lục I-6, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);</p>
Yêu cầu, điều kiện:	<p>- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. <p>- Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ngành, nghề đăng ký kinh doanh không bị cấm đầu tư kinh doanh; 2. Tên của doanh nghiệp được đặt theo đúng quy định tại các Điều 38, 39, 40 và 42 Luật Doanh nghiệp (<i>có phụ lục kèm theo</i>), lưu ý một số quy định như: tên bao gồm hai thành tố (loại hình + tên riêng); những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp; tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp; tên trùng và tên gây nhầm lẫn. 3. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật); 4. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.
Căn cứ pháp lý:	<p>- <i>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</i></p> <p>- <i>Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</i></p> <p>- <i>Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</i></p> <p>- <i>Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</i></p> <p>- <i>Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019</i></p>

	<p><i>của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</i> <i>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của</i> <i>Bộ Tài chính.</i></p>
--	--

Phụ lục I-3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

**Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên do tôi
là người đại diện theo pháp luật với nội dung sau:**

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

E-mail (nếu có): Website (nếu có):

h nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh¹⁰ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

10

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VND):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VND):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Danh sách thành viên công ty: (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

8. Người đại diện theo pháp luật¹¹:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

¹¹ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Email (nếu có): Website (nếu có):

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
9.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
9.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ¹² : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
9.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (nếu có): Email (nếu có):
9.4	Ngày bắt đầu hoạt động ¹³ (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
9.5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
9.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁵ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
9.7	Tổng số lao động (dự kiến):
9.8	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
9.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁶ : <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>

¹²Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 9.2.

¹³Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁵
- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.
- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁶Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

	Khấu trừ Trực tiếp trên GTGT Trực tiếp trên doanh số Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>						
9.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai): <table border="1"> <thead> <tr> <th>Tên ngân hàng</th> <th>Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </tbody> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng						
.....						
.....						

10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

11. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):
Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:
Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:
Mã số thuế của hộ kinh doanh (chỉ kê khai MST 10 số):
Địa điểm kinh doanh:
Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Tru sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-6
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng , năm sinh đôi với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đôi với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Thời điểm góp vốn ³	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy CN đăng ký đầu tur (nếu có)	Chữ ký của thành viên ⁴	G hi ch ú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng , giá trị tài sản góp vốn ²				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16

....., ngày.....tháng.....năm.....

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.

² Loại tài sản góp vốn bao gồm:

- Đồng Việt Nam

- Ngoại tệ tự do chuyển đổi (ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ)

- Vàng

- Giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật

- Tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp)

³

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁵

⁵ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục:

Điều 38. Tên doanh nghiệp

1. Tên tiếng Việt của doanh nghiệp bao gồm hai thành tố theo thứ tự sau đây:

a) Loại hình doanh nghiệp. Tên loại hình doanh nghiệp được viết là “công ty trách nhiệm hữu hạn” hoặc “công ty TNHH” đối với công ty trách nhiệm hữu hạn; được viết là “công ty cổ phần” hoặc “công ty CP” đối với công ty cổ phần; được viết là “công ty hợp danh” hoặc “công ty HD” đối với công ty hợp danh; được viết là “doanh nghiệp tư nhân”, “DNTN” hoặc “doanh nghiệp TN” đối với doanh nghiệp tư nhân;

b) Tên riêng. Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, chữ số và ký hiệu.

2. Tên doanh nghiệp phải được gắn tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp. Tên doanh nghiệp phải được in hoặc viết trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.

Điều 39. Những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp

1. Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký được quy định tại Điều 42 của Luật Doanh nghiệp.

2. Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.

3. Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

Điều 40. Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên tiếng Việt sang một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ La-tinh. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của doanh nghiệp có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.

2. Trường hợp doanh nghiệp có tên bằng tiếng nước ngoài, tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp được in hoặc viết với khổ chữ nhỏ hơn tên tiếng Việt của doanh nghiệp tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoặc trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.

3. Tên viết tắt của doanh nghiệp được viết tắt từ tên tiếng Việt hoặc tên viết bằng tiếng nước ngoài.

Điều 42. Tên trùng và tên gây nhầm lẫn

1. Tên trùng là tên tiếng Việt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký được viết hoàn toàn giống với tên tiếng Việt của doanh nghiệp đã đăng ký.

2. Các trường hợp sau đây được coi là tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký:

a) Tên tiếng Việt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký được đọc giống như tên doanh nghiệp đã đăng ký;

b) Tên viết tắt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký trùng với tên viết tắt của doanh nghiệp đã đăng ký;

- c) Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đề nghị đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đã đăng ký;
 - d) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi một số tự nhiên, số thứ tự hoặc các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt và các chữ cái F, J, Z, W ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đó;
 - đ) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi ký hiệu “&”, “:”, “+”, “-”, “_”;
 - e) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước hoặc “mới” ngay sau hoặc trước tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký;
 - g) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”, “miền Đông” hoặc từ có ý nghĩa tương tự.
- Các trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e và g của khoản này không áp dụng đối với trường hợp công ty con của công ty đã đăng ký.

4. Thủ tục: Đăng ký thành lập công ty cổ phần.

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum<ul style="list-style-type: none">+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.<ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh:<ul style="list-style-type: none">+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.+ Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng
----------------------------	--

	<p>Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); - Điều lệ công ty (có đầy đủ chữ ký của người tham gia thành lập doanh nghiệp);

	<p>- Danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (<i>theo mẫu</i>). Danh sách người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông nước ngoài là tổ chức (có đầy đủ chữ ký) (<i>theo mẫu</i>)</p> <p>- Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây:</p> <p>+ Đối với thành viên là cá nhân: <i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực;</i></p> <p>+ Đối với thành viên là tổ chức: Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác; Văn bản ủy quyền cho người được ủy quyền và một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>)</p> <p>+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>- Bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong trường hợp thành lập tổ chức tín dụng.</p> <p>- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế trong trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<p>- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (Đăng ký thành lập doanh nghiệp). Mức thu: 50.000 đồng/lần.</p> <p>- Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp..</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<p>- Giấy đề nghị đăng ký công ty cổ phần (<i>Phụ lục I-4, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);</p> <p>- Danh sách cổ đông sáng lập (<i>Phụ lục I-7, Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT</i>);</p> <p>- Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (<i>Phụ lục I-</i></p>

	<p>8, <i>Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);</p> <p>- Danh sách người đại diện theo ủy quyền (của cổ đông là tổ chức nước ngoài) (<i>Phụ lục I-10, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).</p>
Yêu cầu, điều kiện:	<p>- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. <p>- Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ngành, nghề đăng ký kinh doanh không bị cấm đầu tư kinh doanh; 2. Tên của doanh nghiệp được đặt theo đúng quy định tại các Điều 38, 39, 40 và 42 Luật Doanh nghiệp (<i>có phụ lục kèm theo</i>), lưu ý một số quy định như: tên bao gồm hai thành tố (loại hình + tên riêng); những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp; tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp; tên trùng và tên gây nhầm lẫn. 3. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật); 4. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.
Căn cứ pháp lý:	<p>- <i>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13</i> ngày 26/11/2014;</p> <p>- <i>Nghị định số 78/2015/NĐ-CP</i> ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</p> <p>- <i>Nghị định số 108/2018/NĐ-CP</i> ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</p> <p>- <i>Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT</i> ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p> <p>- <i>Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i> ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p> <p>- <i>Thông tư số 215/2016/TT-BTC</i> ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.</p> <p>- <i>Thông tư số 130/2017/TT-BTC</i> ngày 04/12/2017 của Bộ</p>

Phụ lục I-4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Đăng ký công ty cổ phần do tôi là người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
-----	-----------	----------	------------------------------

¹

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

			(đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VND):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VND):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiện thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Thông tin về cổ phần:

Mệnh giá cổ phần (VND):

STT	Loại cổ phần	Số lượng	Giá trị (bằng số, VND)	Tỷ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

Thông tin về cổ phần được quyền chào bán:

STT	Loại cổ phần được quyền chào bán	Số lượng
1	Cổ phần phổ thông	
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức	
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	
5	Cổ phần ưu đãi khác	
Tổng số		

8. Danh sách cổ đông sáng lập (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

9. Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (kê khai theo mẫu, nếu có): Gửi kèm

10. Danh sách người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (kê khai theo mẫu, nếu có): Gửi kèm

11. Người đại diện theo pháp luật²:- Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

<input type="checkbox"/>	Chứng minh nhân dân	<input type="checkbox"/>	Căn cước công dân
<input type="checkbox"/>	Hộ chiếu	<input type="checkbox"/>	Loại khác (<i>ghi rõ</i>):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:Ngày hết hạn (*nếu có*):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*):Fax (*nếu có*):Email (*nếu có*):Website (*nếu có*):**12. Thông tin đăng ký thuế:**

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
12.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (<i>nếu có</i>): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
12.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (<i>nếu có</i>) ³ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
12.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (<i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i>): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại:Fax: Email:
12.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁴ (<i>trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này</i>):/...../.....

² Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.³ Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 12.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 12.2.

12.5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>						
12.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁵ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)						
12.7	Tổng số lao động (dự kiến):						
12.8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>						
12.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁶ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>						
12.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai): <table border="1"> <thead> <tr> <th>Tên ngân hàng</th> <th>Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </tbody> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng						
.....						
.....						

13. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp://Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp://Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

14. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp://Nơi cấp:

⁴Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁵
- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁶Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

Mã số thuế của hộ kinh doanh (*chỉ kê khai MST 10 số*):

Địa điểm kinh doanh:

Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (*kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh*):

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (*kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh*):

Ngày cấp: .../.../....Nơi cấp:Ngày hết hạn (*nếu có*): .../.../....

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA CÔNG TY

(*Ký và ghi họ tên*)⁷

⁷Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-7
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN

ST T	Tên cổ đôn g sản g lập	Ngày , tháng, năm sinh đôi với cổ đông sáng lập là cá nhân	Giớ i tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đôi với cổ đôn g sản g lập là cá nhâ n	Nơi đăng ký hộ khẩu thườn g trú đôi với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đôi với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Cã n cước công dân hoặc Hộ chiếu đôi với cá nhân; Giấy chứng nhận ĐKDN (hoặc	Vốn góp ¹						Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chún g nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của cổ đôn g sáng lập ²	Gh i ch ú		
									Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần						Thời điểm góp vốn ³	
									Số lượn g	Gi á trị		Phổ thông						
Số lượn g	Gi á trị	Số lượn g	Gi á trị	Số lượn g	Gi á trị														

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có.

² Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông sáng lập là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

³ Khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông sáng lập dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

								các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp ; Quyết định thành lập đối với tổ chức											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

....., ngày.....tháng.....năm.....
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG
TY**
(Ký, ghi họ tên)

Phụ lục I-8
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

ST T	Tên cổ đồng là nhà đầu tư nước ngoài 1	Ngày, tháng, năm sinh của cổ đồng là cá nhân nước ngoài	Giờ i tính	Quốc tịch	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đồng là cá nhân nước ngoài	Nơi đăng ký hộ khẩu thườn g trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ²							Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Chữ ký của cổ đồng là nhà đầu tư nước ngoài ⁴	G hi c h ú	
								Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần							Thời điểm góp vốn ³
								Số lượn g	Giá trị		Phổ thông						
Số lượn g	Gi á trị	Số lượn g	Giá trị															
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19

....., ngày.....tháng.....năm.....

¹ Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài kê khai tại Danh sách người đại diện theo ủy quyền.
² Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có

³
- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài dự kiến hoàn thành việc góp vốn.
- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài hoàn thành việc góp vốn.
- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì chữ ký là của người đại diện theo ủy quyền của tổ chức.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG
TY**
(Ký, ghi họ tên)

PHỤ LỤC I-10
DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký của người đại diện theo ủy quyền	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục:

Điều 38. Tên doanh nghiệp

1. Tên tiếng Việt của doanh nghiệp bao gồm hai thành tố theo thứ tự sau đây:

a) Loại hình doanh nghiệp. Tên loại hình doanh nghiệp được viết là “công ty trách nhiệm hữu hạn” hoặc “công ty TNHH” đối với công ty trách nhiệm hữu hạn; được viết là “công ty cổ phần” hoặc “công ty CP” đối với công ty cổ phần; được viết là “công ty hợp danh” hoặc “công ty HD” đối với công ty hợp danh; được viết là “doanh nghiệp tư nhân”, “DNTN” hoặc “doanh nghiệp TN” đối với doanh nghiệp tư nhân;

b) Tên riêng. Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, chữ số và ký hiệu.

2. Tên doanh nghiệp phải được gắn tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp. Tên doanh nghiệp phải được in hoặc viết trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.

Điều 39. Những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp

1. Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký được quy định tại Điều 42 của Luật Doanh nghiệp.

2. Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.

3. Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

Điều 40. Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên tiếng Việt sang một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ La-tinh. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của doanh nghiệp có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.

2. Trường hợp doanh nghiệp có tên bằng tiếng nước ngoài, tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp được in hoặc viết với khổ chữ nhỏ hơn tên tiếng Việt của doanh nghiệp tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoặc trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.

3. Tên viết tắt của doanh nghiệp được viết tắt từ tên tiếng Việt hoặc tên viết bằng tiếng nước ngoài.

Điều 42. Tên trùng và tên gây nhầm lẫn

1. Tên trùng là tên tiếng Việt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký được viết hoàn toàn giống với tên tiếng Việt của doanh nghiệp đã đăng ký.

2. Các trường hợp sau đây được coi là tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký:

a) Tên tiếng Việt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký được đọc giống như tên doanh nghiệp đã đăng ký;

b) Tên viết tắt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký trùng với tên viết tắt của doanh nghiệp đã đăng ký;

- c) Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đề nghị đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đã đăng ký;
 - d) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi một số tự nhiên, số thứ tự hoặc các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt và các chữ cái F, J, Z, W ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đó;
 - đ) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi ký hiệu “&”, “.”, “+”, “-”, “_”;
 - e) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước hoặc “mới” ngay sau hoặc trước tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký;
 - g) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”, “miền Đông” hoặc từ có ý nghĩa tương tự.
- Các trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e và g của khoản này không áp dụng đối với trường hợp công ty con của công ty đã đăng ký.

5. Thủ tục: Đăng ký thành lập công ty hợp danh.

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum<ul style="list-style-type: none">+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.<ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh:<ul style="list-style-type: none">+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.+ Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế,
----------------------------	--

	<p>Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); - Điều lệ công ty (có đầy đủ chữ ký của các thành viên hợp danh);

	<p>- Danh sách thành viên (có đầy đủ chữ ký) (<i>theo mẫu</i>)</p> <p>- Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây:</p> <p>+ Đối với thành viên là cá nhân: Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực;</p> <p>+ Đối với thành viên là tổ chức: Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác; Văn bản ủy quyền cho người được ủy quyền và một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>)</p> <p>+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế trong trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<p>- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (Đăng ký thành lập doanh nghiệp). Mức thu: 50.000 đồng/lần.</p> <p>- Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<p>- Giấy đề nghị đăng ký công ty hợp danh (<i>Phụ lục I-5, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);</p> <p>- Danh sách thành viên công ty hợp danh (<i>Phụ lục I-9, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);</p>
Yêu cầu, điều kiện:	<p>- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau:</p> <p>1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ</p>

	<p>sơ bằng bản giấy.</p> <p>2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử.</p> <p>3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.</p> <p>- Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:</p> <p>1. Ngành, nghề đăng ký kinh doanh không bị cấm đầu tư kinh doanh;</p> <p>2. Tên của doanh nghiệp được đặt theo đúng quy định tại các Điều 38, 39, 40 và 42 Luật Doanh nghiệp (<i>có phụ lục kèm theo</i>), lưu ý một số quy định như: tên bao gồm hai thành tố (loại hình + tên riêng); những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp; tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp; tên trùng và tên gây nhầm lẫn.</p> <p>3. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật);</p> <p>4. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.</p>
<p>Căn cứ pháp lý:</p>	<p>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p> <p>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p> <p>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</p>

Phụ lục I-5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY HỢP DANH

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):Giới tính:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/....../.....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có):/....../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

Là Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty

Đăng ký công ty hợp danh với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VND):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VND):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Danh sách thành viên công ty (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

8. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
8.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
8.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ² : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
8.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/ tổ/ xóm/ ấp/ thôn:

1

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

²Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 8.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 8.2.

	Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại:Fax: Email:						
8.4	Ngày bắt đầu hoạt động ³ (<i>trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này</i>):/...../.....						
8.5	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>						
8.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁴ (<i>ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i>)						
8.7	Tổng số lao động (<i>dự kiến</i>):						
8.8	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>						
8.9	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>) ⁵ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>						
8.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (<i>nếu có tại thời điểm kê khai</i>): <table border="1" style="width: 100%;"> <thead> <tr> <th>Tên ngân hàng</th> <th>Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </tbody> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng						
.....						
.....						

9. Thông tin về các doanh nghiệp bị hợp nhất (*chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp*):

a) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):
Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):
Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

³Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁴

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.
- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁵Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị hợp nhất.

10. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh (chỉ kê khai MST 10 số):

Địa điểm kinh doanh:

Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi và các thành viên hợp danh cam kết:

- Bản thân không thuộc diện quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp; không là chủ doanh nghiệp tư nhân; không đồng thời là thành viên hợp danh của công ty hợp danh khác (trừ trường hợp được sự nhất trí của các thành viên hợp danh còn lại);

- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

CÁC THÀNH VIÊN HỢP DANH

(Ký và ghi họ tên từng thành viên)⁶

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH

VIÊN CỦA CÔNG TY

(Ký và ghi họ tên)⁷

⁶Các thành viên hợp danh của công ty ký trực tiếp vào phần này.

⁷Chủ tịch Hội đồng thành viên của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-9
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY HỢP DANH

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ³	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm góp vốn ²			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	A. Thành viên hợp danh													
	B. Thành viên góp vốn (nếu có)													

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

²

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

³ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục:

Điều 38. Tên doanh nghiệp

1. Tên tiếng Việt của doanh nghiệp bao gồm hai thành tố theo thứ tự sau đây:

a) Loại hình doanh nghiệp. Tên loại hình doanh nghiệp được viết là “công ty trách nhiệm hữu hạn” hoặc “công ty TNHH” đối với công ty trách nhiệm hữu hạn; được viết là “công ty cổ phần” hoặc “công ty CP” đối với công ty cổ phần; được viết là “công ty hợp danh” hoặc “công ty HD” đối với công ty hợp danh; được viết là “doanh nghiệp tư nhân”, “DNTN” hoặc “doanh nghiệp TN” đối với doanh nghiệp tư nhân;

b) Tên riêng. Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, chữ số và ký hiệu.

2. Tên doanh nghiệp phải được gắn tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp. Tên doanh nghiệp phải được in hoặc viết trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.

Điều 39. Những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp

1. Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký được quy định tại Điều 42 của Luật Doanh nghiệp.

2. Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.

3. Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

Điều 40. Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên tiếng Việt sang một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ La-tinh. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của doanh nghiệp có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.

2. Trường hợp doanh nghiệp có tên bằng tiếng nước ngoài, tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp được in hoặc viết với khổ chữ nhỏ hơn tên tiếng Việt của doanh nghiệp tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoặc trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.

3. Tên viết tắt của doanh nghiệp được viết tắt từ tên tiếng Việt hoặc tên viết bằng tiếng nước ngoài.

Điều 42. Tên trùng và tên gây nhầm lẫn

1. Tên trùng là tên tiếng Việt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký được viết hoàn toàn giống với tên tiếng Việt của doanh nghiệp đã đăng ký.

2. Các trường hợp sau đây được coi là tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký:

a) Tên tiếng Việt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký được đọc giống như tên doanh nghiệp đã đăng ký;

b) Tên viết tắt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký trùng với tên viết tắt của doanh nghiệp đã đăng ký;

- c) Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đề nghị đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đã đăng ký;
 - d) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi một số tự nhiên, số thứ tự hoặc các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt và các chữ cái F, J, Z, W ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đó;
 - đ) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi ký hiệu “&”, “.”, “+”, “-”, “_”;
 - e) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước hoặc “mới” ngay sau hoặc trước tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký;
 - g) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”, “miền Đông” hoặc từ có ý nghĩa tương tự.
- Các trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e và g của khoản này không áp dụng đối với trường hợp công ty con của công ty đã đăng ký.

6. Thủ tục: Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh).

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum<ul style="list-style-type: none">+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.<ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh:<ul style="list-style-type: none">+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.+ Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau
----------------------------	--

	<p>khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm: * Trường hợp chuyển địa chỉ trụ sở chính đến nơi khác trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi</p>

	<p><i>doanh nghiệp đã đăng ký:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); - Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên); - Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông (đối với công ty cổ phần); - Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của các thành viên hợp danh (đối với công ty hợp danh); - Quyết định của chủ sở hữu công ty (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên). <p>Lưu ý: Quyết định, biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong Điều lệ công ty.</p> <p><i>* Trường hợp chuyển địa chỉ trụ sở chính sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác nơi doanh nghiệp đã đăng ký</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ Điều lệ đã sửa đổi của công ty; <p>Một trong các loại văn bản sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Danh sách thành viên (đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên) (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (đối với công ty TNHH một thành viên) (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần) (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách thành viên hợp danh (đối với công ty hợp danh) (<i>theo mẫu</i>). - Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; - Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần; - Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh; - Quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. <p>Lưu ý: Quyết định, biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong Điều lệ công ty</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi địa chỉ trụ sở chính). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>Phụ lục II-1, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); * Ngoài ra, tùy theo loại hình doanh nghiệp, khi đăng ký thay đổi, doanh nghiệp phải bổ sung một/một số mẫu đơn trong hồ sơ như sau: <ul style="list-style-type: none"> - Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (<i>Phụ lục I-6, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách cổ đông sáng lập (<i>Phụ lục I-7, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (<i>Phụ lục I-8, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách thành viên hợp danh (<i>Phụ lục I-9, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (đối với công ty TNHH một thành viên)/Danh sách người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần) (<i>Phụ lục I-10, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. - Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật); 2. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11</i>

	<p><i>năm 2014;</i></p> <ul style="list-style-type: none">- <i>Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</i>- <i>Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</i>- <i>Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</i>- <i>Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</i>- <i>Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</i>
--	---

Phụ lục II-1
TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO
Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở (*chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp hoặc sáp nhập doanh nghiệp, đánh dấu X vào ô thích hợp*):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp
- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp

Thông tin về doanh nghiệp bị sáp nhập(*chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp*):

a) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị sáp nhập.

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp như sau:

(Doanh nghiệp chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/thông báo thay đổi và gửi kèm)

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt sau khi thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*): ..

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài sau khi thay đổi (*nếu có*):

.....

Tên doanh nghiệp viết tắt sau khi thay đổi (*nếu có*):

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở h).

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

Thông tin về người đại diện pháp luật của doanh nghiệp (chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp chuyển địa chỉ trụ sở chính sang tỉnh, thành phố khác):

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: .../.../....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có): .../.../....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH/
THÀNH VIÊN HỢP DANH CÔNG TY HỢP DANH**

Trường hợp thay đổi thành viên công ty TNHH, thành viên hợp danh công ty hợp danh: kê khai theo mẫu Danh sách thành viên quy định tại Phụ lục I-6, I-9 (Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó).

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ, TỶ LỆ VỐN GÓP

1. Đăng ký thay đổi vốn điều lệ của công ty:

Vốn điều lệ đã đăng ký (bằng số, bằng chữ, VNĐ):

Vốn điều lệ sau khi thay đổi (bằng số, bằng chữ, VNĐ):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

Thông tin về cổ phần (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần):

Mệnh giá cổ phần:

STT	Loại cổ phần	Số	Giá trị	Tỉ lệ so với
-----	--------------	----	---------	--------------

		lượng	(bằng số, VNĐ)	vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

2. Đăng ký thay đổi tỷ lệ vốn góp công ty TNHH, công ty hợp danh

Kê khai tỷ lệ vốn góp mới của thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên/thành viên hợp danh công ty hợp danh theo mẫu tương ứng quy định tại các Phụ lục I-6, Phụ lục I-9.

(Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH¹

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ghi chú

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú

Lưu ý:

- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, doanh nghiệp kê khai đồng thời tại mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại mục 2.
- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính từ ngành này sang ngành khác nhưng không thay đổi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký,

¹- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

doanh nghiệp thực hiện cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 15 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.

THÔNG BÁO THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Vốn đầu tư đã đăng ký (*bằng số; bằng chữ; VNĐ*):

Vốn đầu tư sau khi thay đổi (*bằng số; bằng chữ; VNĐ*):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (*nếu có*):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

Tài sản góp vốn:

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (<i>bằng số, VNĐ</i>)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi (<i>ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ</i>)		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (<i>ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp</i>)		
Tổng số			

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

Người đại diện theo ủy quyền sau khi thay đổi (*kê khai theo mẫu Phụ lục I-10*):

Gửi kèm

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP,
CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÔNG TY CỔ PHẦN**

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông sáng lập: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông sáng lập quy định tại Phụ lục I-7 (*Đối với cổ đông sáng lập có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông sáng lập không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông sáng lập đó*).

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Phụ lục I-8 (*Đối với cổ đông có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông đó*).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Người quản lý doanh nghiệp sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Chức danh:
 Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:
 Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....
 Số giấy tờ chứng thực cá nhân:
 Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Chỗ ở hiện tại:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
 Email (nếu có): Website (nếu có):

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

ST T	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (chỉ kê khai trong trường hợp Giám đốc (Tổng giám đốc) không phải người đại diện theo pháp luật): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc):Điện thoại:
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ² : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán:Điện thoại:
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố:Điện thoại:Fax (nếu có): Email (nếu có):
4	Ngày bắt đầu hoạt động ³ :/...../.....
5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>

²Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

³Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ⁴ (Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)	
7	Tổng số lao động:	
8	Có hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT BTL, O&M không? Có <input type="checkbox"/> Khôn <input type="checkbox"/>	
9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁵ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>	
10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng:	
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
 <input type="checkbox"/>
		...

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp đối với các thông tin thay đổi nêu trên. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp).

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên)⁶

⁴- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁵Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

⁶Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-6
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

STT	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Thời điểm góp vốn ³	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy CN đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ⁴	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn ²				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi họ tên)⁵

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.

² Loại tài sản góp vốn bao gồm:

- Đồng Việt Nam
- Ngoại tệ tự do chuyển đổi (*ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ*)
- Vàng
- Giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật

- Tài sản khác (*ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp*)

³

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁵ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-7
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN

STT	Tên cổ đông sáng lập	Ngày, tháng, năm sinh đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận ĐKDN (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ¹								Mã số dự án, ngày, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của cổ đông sáng lập ³	Ghi chú
									Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn ²			
									Số lượng	Giá trị		Phổ thông						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁴

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có.

² Khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông sáng lập dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

³ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông sáng lập là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁴ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-8
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

STT	Tên cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ¹	Ngày, tháng, năm sinh của cổ đông là cá nhân nước ngoài	Giới tính	Quốc tịch	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông là cá nhân nước ngoài	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ²								Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Chữ ký của cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ⁴	Ghi chú
								Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn ³			
								Số lượng	Giá trị		Phổ thông						
											Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi họ tên)⁵

¹ Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài kê khai tại Danh sách người đại diện theo ủy quyền.

² Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có

³

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì chữ ký là của người đại diện theo ủy quyền của tổ chức.

⁵ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-9
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY HỢP DANH

STT	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ³	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm góp vốn ²			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	A. Thành viên hợp danh													
	B. Thành viên góp vốn (nếu có)													

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁴

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

²

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.
- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.
- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

³ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁴ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-10
DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký của người đại diện theo ủy quyền	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

7. Thủ tục: Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh).

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum<ul style="list-style-type: none">+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.<ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh:<ul style="list-style-type: none">+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.+ Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận
----------------------------	---

	<p>đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); - Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên); - Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông (đối với công ty cổ phần); - Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của các thành

	<p>viên hợp danh (đối với công ty hợp danh);</p> <p>- Quyết định của chủ sở hữu công ty (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên).</p> <p>Lưu ý: Quyết định, biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong Điều lệ công ty.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<p>- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (đổi tên doanh nghiệp). Mức thu: 50.000 đồng/lần</p> <p>- Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>Phụ lục II-1, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	<p>- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. <p>- Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tên của doanh nghiệp được đặt theo đúng quy định tại các Điều 38, 39, 40 và 42 Luật Doanh nghiệp (<i>có phụ lục kèm theo</i>), lưu ý một số quy định như: tên bao gồm hai thành tố (loại hình + tên riêng); những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp; tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp; tên trùng và tên gây nhầm lẫn. 2. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật); 3. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.
Căn cứ pháp lý:	- <i>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11</i>

	<p><i>năm 2014;</i></p> <ul style="list-style-type: none">- <i>Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</i>- <i>Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</i>- <i>Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</i>- <i>Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</i>- <i>Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</i>
--	---

Phụ lục II-1
TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO
Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở (*chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp hoặc sáp nhập doanh nghiệp, đánh dấu X vào ô thích hợp*):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp
- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp

Thông tin về doanh nghiệp bị sáp nhập(*chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp*):

a) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị sáp nhập.

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp như sau:

(Doanh nghiệp chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/thông báo thay đổi và gửi kèm)

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt sau khi thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*): ..

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài sau khi thay đổi (*nếu có*):

.....

Tên doanh nghiệp viết tắt sau khi thay đổi (*nếu có*):

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở (h)).

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

Thông tin về người đại diện pháp luật của doanh nghiệp (chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp chuyển địa chỉ trụ sở chính sang tỉnh, thành phố khác):

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: .../.../....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có): .../.../....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH/
THÀNH VIÊN HỢP DANH CÔNG TY HỢP DANH**

Trường hợp thay đổi thành viên công ty TNHH, thành viên hợp danh công ty hợp danh: kê khai theo mẫu Danh sách thành viên quy định tại Phụ lục I-6, I-9 (Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó).

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ, TỶ LỆ VỐN GÓP

1. Đăng ký thay đổi vốn điều lệ của công ty:

Vốn điều lệ đã đăng ký (bằng số, bằng chữ, VNĐ):

Vốn điều lệ sau khi thay đổi (bằng số, bằng chữ, VNĐ):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

Thông tin về cổ phần (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần):

Mệnh giá cổ phần:

STT	Loại cổ phần	Số	Giá trị	Tỉ lệ so với
-----	--------------	----	---------	--------------

		lượng	(bằng số, VNĐ)	vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

2. Đăng ký thay đổi tỷ lệ vốn góp công ty TNHH, công ty hợp danh

Kê khai tỷ lệ vốn góp mới của thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên/thành viên hợp danh công ty hợp danh theo mẫu tương ứng quy định tại các Phụ lục I-6, Phụ lục I-9.

(Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH¹

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ghi chú

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú

Lưu ý:

- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, doanh nghiệp kê khai đồng thời tại mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại mục 2.
- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính từ ngành này sang ngành khác nhưng không thay đổi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký,

¹- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

doanh nghiệp thực hiện cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 15 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.

THÔNG BÁO THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Vốn đầu tư đã đăng ký (*bằng số; bằng chữ; VNĐ*):

Vốn đầu tư sau khi thay đổi (*bằng số; bằng chữ; VNĐ*):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (*nếu có*):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

Tài sản góp vốn:

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (<i>bằng số, VNĐ</i>)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi (<i>ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ</i>)		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (<i>ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp</i>)		
Tổng số			

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

Người đại diện theo ủy quyền sau khi thay đổi (*kê khai theo mẫu Phụ lục I-10*):

Gửi kèm

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP,
CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÔNG TY CỔ PHẦN**

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông sáng lập: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông sáng lập quy định tại Phụ lục I-7 (*Đối với cổ đông sáng lập có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông sáng lập không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông sáng lập đó*).

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Phụ lục I-8 (*Đối với cổ đông có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông đó*).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Người quản lý doanh nghiệp sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Chức danh:
 Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:
 Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....
 Số giấy tờ chứng thực cá nhân:
 Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Chỗ ở hiện tại:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
 Email (nếu có): Website (nếu có):

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

ST T	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (chỉ kê khai trong trường hợp Giám đốc (Tổng giám đốc) không phải người đại diện theo pháp luật): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc):Điện thoại:
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ² : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán:Điện thoại:
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố:Điện thoại:Fax (nếu có): Email (nếu có):
4	Ngày bắt đầu hoạt động ³ :/...../.....
5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
6	Năm tài chính:

²Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

³Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

	Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ⁴ (Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)	
7	Tổng số lao động:	
8	Có hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁵ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>	
10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng:	
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
 <input type="checkbox"/>

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp đối với các thông tin thay đổi nêu trên. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp).

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên)⁶

⁴- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁵Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

⁶Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục:

Điều 38. Tên doanh nghiệp

1. Tên tiếng Việt của doanh nghiệp bao gồm hai thành tố theo thứ tự sau đây:

a) Loại hình doanh nghiệp. Tên loại hình doanh nghiệp được viết là “công ty trách nhiệm hữu hạn” hoặc “công ty TNHH” đối với công ty trách nhiệm hữu hạn; được viết là “công ty cổ phần” hoặc “công ty CP” đối với công ty cổ phần; được viết là “công ty hợp danh” hoặc “công ty HD” đối với công ty hợp danh; được viết là “doanh nghiệp tư nhân”, “DNTN” hoặc “doanh nghiệp TN” đối với doanh nghiệp tư nhân;

b) Tên riêng. Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, chữ số và ký hiệu.

2. Tên doanh nghiệp phải được gắn tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp. Tên doanh nghiệp phải được in hoặc viết trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.

Điều 39. Những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp

1. Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký được quy định tại Điều 42 của Luật Doanh nghiệp.

2. Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.

3. Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

Điều 40. Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên tiếng Việt sang một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ La-tinh. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của doanh nghiệp có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.

2. Trường hợp doanh nghiệp có tên bằng tiếng nước ngoài, tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp được in hoặc viết với khổ chữ nhỏ hơn tên tiếng Việt của doanh nghiệp tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoặc trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.

3. Tên viết tắt của doanh nghiệp được viết tắt từ tên tiếng Việt hoặc tên viết bằng tiếng nước ngoài.

Điều 42. Tên trùng và tên gây nhầm lẫn

1. Tên trùng là tên tiếng Việt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký được viết hoàn toàn giống với tên tiếng Việt của doanh nghiệp đã đăng ký.

2. Các trường hợp sau đây được coi là tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký:

a) Tên tiếng Việt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký được đọc giống như tên doanh nghiệp đã đăng ký;

b) Tên viết tắt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký trùng với tên viết tắt của doanh nghiệp đã đăng ký;

- c) Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đề nghị đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đã đăng ký;
 - d) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi một số tự nhiên, số thứ tự hoặc các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt và các chữ cái F, J, Z, W ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đó;
 - đ) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi ký hiệu “&”, “.”, “+”, “-”, “_”;
 - e) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước hoặc “mới” ngay sau hoặc trước tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký;
 - g) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”, “miền Đông” hoặc từ có ý nghĩa tương tự.
- Các trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e và g của khoản này không áp dụng đối với trường hợp công ty con của công ty đã đăng ký.

8. Thủ tục: Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum<ul style="list-style-type: none">+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.<ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh:<ul style="list-style-type: none">+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.+ Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
----------------------------	---

	<p>+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách thành viên công ty hợp danh (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của thành viên hợp danh mới: <p>+ Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực.</p> <p>+ Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc</p>

	giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi thành viên). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>Phụ lục II-1, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách thành viên công ty hợp danh (<i>Phụ lục I-9, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. - Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: 1. Tên của doanh nghiệp được đặt theo đúng quy định tại các Điều 38, 39, 40 và 42 Luật Doanh nghiệp (<i>Có phụ lục kèm theo</i>), lưu ý một số quy định như: tên bao gồm hai thành tố (loại hình + tên riêng); những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp; tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp; tên trùng và tên gây nhầm lẫn. 2. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật); 3. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.
Căn cứ pháp lý:	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

	<ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.
--	--

Phụ lục II-1
TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO
Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở (*chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp hoặc sáp nhập doanh nghiệp, đánh dấu X vào ô thích hợp*):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp
- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp

Thông tin về doanh nghiệp bị sáp nhập(*chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp*):

a) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị sáp nhập.

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp như sau:

(*Doanh nghiệp chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/thông báo thay đổi và gửi kèm*)

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt sau khi thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*): ..

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài sau khi thay đổi (*nếu có*):

.....

Tên doanh nghiệp viết tắt sau khi thay đổi (*nếu có*):

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở h).

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

Thông tin về người đại diện pháp luật của doanh nghiệp (chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp chuyển địa chỉ trụ sở chính sang tỉnh, thành phố khác):

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: .../.../....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có): .../.../....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH/
THÀNH VIÊN HỢP DANH CÔNG TY HỢP DANH**

Trường hợp thay đổi thành viên công ty TNHH, thành viên hợp danh công ty hợp danh: kê khai theo mẫu Danh sách thành viên quy định tại Phụ lục I-6, I-9 (Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó).

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ, TỶ LỆ VỐN GÓP

1. Đăng ký thay đổi vốn điều lệ của công ty:

Vốn điều lệ đã đăng ký (bằng số, bằng chữ, VNĐ):

Vốn điều lệ sau khi thay đổi (bằng số, bằng chữ, VNĐ):

Có hiện thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

Thông tin về cổ phần (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần):

Mệnh giá cổ phần:

STT	Loại cổ phần	Số	Giá trị	Tỷ lệ so với
-----	--------------	----	---------	--------------

		lượng	(bằng số, VNĐ)	vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

2. Đăng ký thay đổi tỷ lệ vốn góp công ty TNHH, công ty hợp danh

Kê khai tỷ lệ vốn góp mới của thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên/thành viên hợp danh công ty hợp danh theo mẫu tương ứng quy định tại các Phụ lục I-6, Phụ lục I-9.

(Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH¹

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ghi chú

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú

Lưu ý:

- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, doanh nghiệp kê khai đồng thời tại mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại mục 2.
- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính từ ngành này sang ngành khác nhưng không thay đổi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký,

¹- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

doanh nghiệp thực hiện cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 15 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.

THÔNG BÁO THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Vốn đầu tư đã đăng ký (*bằng số; bằng chữ; VNĐ*):

Vốn đầu tư sau khi thay đổi (*bằng số; bằng chữ; VNĐ*):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (*nếu có*):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

Tài sản góp vốn:

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (<i>bằng số, VNĐ</i>)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi (<i>ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ</i>)		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (<i>ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp</i>)		
Tổng số			

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

Người đại diện theo ủy quyền sau khi thay đổi (*kê khai theo mẫu Phụ lục I-10*):

Gửi kèm

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÔNG TY CỔ PHẦN

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông sáng lập: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông sáng lập quy định tại Phụ lục I-7 (*Đối với cổ đông sáng lập có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông sáng lập không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông sáng lập đó*).

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Phụ lục I-8 (*Đối với cổ đông có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông đó*).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Người quản lý doanh nghiệp sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

<input type="checkbox"/>	Chứng minh nhân dân	<input type="checkbox"/>	Căn cước công dân
<input type="checkbox"/>	Hộ chiếu	<input type="checkbox"/>	Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

ST T	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (chỉ kê khai trong trường hợp Giám đốc (Tổng giám đốc) không phải người đại diện theo pháp luật): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc):Điện thoại:
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ² : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán:Điện thoại:
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố:Điện thoại:Fax (nếu có): Email (nếu có):
4	Ngày bắt đầu hoạt động ³ :/...../.....
5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
6	Năm tài chính:

²Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

³Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

	Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ⁴ (Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)	
7	Tổng số lao động:	
8	Có hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁵ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>	
10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng:	
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp đối với các thông tin thay đổi nêu trên. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp).

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi họ tên)⁶

⁴- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁵Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

⁶Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-9
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY HỢP DANH

STT	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ³	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm góp vốn ²			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	A. Thành viên hợp danh													
	B. Thành viên góp vốn (nếu có)													

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁴

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

²

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.
- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.
- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

³ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁴ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục:

Điều 38. Tên doanh nghiệp

1. Tên tiếng Việt của doanh nghiệp bao gồm hai thành tố theo thứ tự sau đây:

a) Loại hình doanh nghiệp. Tên loại hình doanh nghiệp được viết là “công ty trách nhiệm hữu hạn” hoặc “công ty TNHH” đối với công ty trách nhiệm hữu hạn; được viết là “công ty cổ phần” hoặc “công ty CP” đối với công ty cổ phần; được viết là “công ty hợp danh” hoặc “công ty HD” đối với công ty hợp danh; được viết là “doanh nghiệp tư nhân”, “DNTN” hoặc “doanh nghiệp TN” đối với doanh nghiệp tư nhân;

b) Tên riêng. Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, chữ số và ký hiệu.

2. Tên doanh nghiệp phải được gắn tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp. Tên doanh nghiệp phải được in hoặc viết trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.

Điều 39. Những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp

1. Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký được quy định tại Điều 42 của Luật Doanh nghiệp.

2. Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.

3. Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

Điều 40. Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên tiếng Việt sang một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ La-tinh. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của doanh nghiệp có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.

2. Trường hợp doanh nghiệp có tên bằng tiếng nước ngoài, tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp được in hoặc viết với khổ chữ nhỏ hơn tên tiếng Việt của doanh nghiệp tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoặc trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.

3. Tên viết tắt của doanh nghiệp được viết tắt từ tên tiếng Việt hoặc tên viết bằng tiếng nước ngoài.

Điều 42. Tên trùng và tên gây nhầm lẫn

1. Tên trùng là tên tiếng Việt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký được viết hoàn toàn giống với tên tiếng Việt của doanh nghiệp đã đăng ký.

2. Các trường hợp sau đây được coi là tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký:

a) Tên tiếng Việt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký được đọc giống như tên doanh nghiệp đã đăng ký;

b) Tên viết tắt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký trùng với tên viết tắt của doanh nghiệp đã đăng ký;

- c) Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đề nghị đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đã đăng ký;
 - d) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi một số tự nhiên, số thứ tự hoặc các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt và các chữ cái F, J, Z, W ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đó;
 - đ) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi ký hiệu “&”, “.”, “+”, “-”, “_”;
 - e) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước hoặc “mới” ngay sau hoặc trước tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký;
 - g) Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”, “miền Đông” hoặc từ có ý nghĩa tương tự.
- Các trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e và g của khoản này không áp dụng đối với trường hợp công ty con của công ty đã đăng ký.

9. Thủ tục: Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum<ul style="list-style-type: none">+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.<ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh:<ul style="list-style-type: none">+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.+ Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp đề yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận
----------------------------	---

	<p>đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người bổ sung, thay thế làm đại diện theo pháp luật của công ty; - Quyết định của chủ sở hữu công ty (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên); - Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng

	<p>thành viên (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông (đối với công ty cổ phần về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật trong trường hợp việc thay đổi người đại diện theo pháp luật làm thay đổi nội dung Điều lệ công ty); - Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng quản trị (đối với công ty cổ phần trong trường hợp việc thay đổi người đại diện theo pháp luật không làm thay đổi nội dung của Điều lệ công ty ngoài nội dung họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty quy định tại Điều 25 Luật Doanh nghiệp); - Trường hợp doanh nghiệp là tổ chức tín dụng, khi thay đổi người đại diện theo pháp luật do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ định người đại diện tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thì: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên: Quyết định của chủ sở hữu công ty được thay bằng Bản sao hợp lệ quyết định chỉ định người đại diện tổ chức tín dụng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; + Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên: Quyết định và Bản sao hợp lệ biên bản họp Hội đồng thành viên được thay bằng Bản sao hợp lệ quyết định chỉ định người đại diện tổ chức tín dụng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; + Đối với công ty cổ phần: Quyết định và Bản sao hợp lệ biên bản họp Hội đồng quản trị được thay bằng Bản sao hợp lệ quyết định chỉ định người đại diện tổ chức tín dụng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. <p>Lưu ý: Quyết định, biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong Điều lệ công ty</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi người đại diện). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa

	chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật (<i>Phụ lục II-2, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	<p>- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. <p>- Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật); 2. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.

THÔNG BÁO
Thay đổi người đại diện theo pháp luật

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

1. Người đại diện theo pháp luật cũ¹:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:
Chức danh:
Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

<input type="checkbox"/> Chứng minh nhân dân	<input type="checkbox"/> Căn cước công dân
<input type="checkbox"/> Hộ chiếu	<input type="checkbox"/> Loại khác (<i>ghi rõ</i>):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*): ... / ... / ...

2. Người đại diện theo pháp luật sau khi thay đổi²:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:
Chức danh:
Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

<input type="checkbox"/> Chứng minh nhân dân	<input type="checkbox"/> Căn cước công dân
<input type="checkbox"/> Hộ chiếu	<input type="checkbox"/> Loại khác (<i>ghi rõ</i>):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*): ... / ... / ...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

^{1,2} Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Trường hợp người đại diện pháp luật giữ một trong các chức danh theo quy định tại Điều 12 Luật Doanh nghiệp thì ghi: Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cập nhật thông tin về người quản lý doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/
CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY/
CHỦ TỊCH CÔNG TY/
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
(Ký, ghi họ tên)³

³ Chủ tịch Hội đồng thành viên/Chủ sở hữu công ty/Chủ tịch công ty/Chủ tịch Hội đồng quản trị ký trực tiếp vào phần này.

10. Thủ tục: Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum<ul style="list-style-type: none">+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.<ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh:<ul style="list-style-type: none">+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.+ Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận
----------------------------	---

	<p>đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>- Trường hợp thay đổi tỷ lệ vốn góp không làm thay đổi vốn điều lệ:</p> <p>+ Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (theo mẫu);</p> <p>(Nội dung thông báo gồm: Họ, tên, địa chỉ, quốc tịch, số Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác hoặc số quyết định thành lập, mã số doanh nghiệp của mỗi thành viên đối với công ty trách nhiệm</p>

hữu hạn hai thành viên trở lên, của thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh; Tỷ lệ phần vốn góp của mỗi thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc của mỗi thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh)

- Trường hợp thay đổi vốn điều lệ:

+ Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (theo mẫu);

+ Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên);

+ Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông (đối với công ty cổ phần);

+ Quyết định của chủ sở hữu công ty (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc thay đổi vốn điều lệ của công ty);

+ Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật Đầu tư (Nhà đầu tư thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế trong các trường hợp sau đây: Nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài; Việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp dẫn đến nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật Đầu tư (Tổ chức kinh tế phải đáp ứng điều kiện và thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hợp đồng BCC thuộc một trong các trường hợp sau đây: Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh; Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên; Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên) nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên của tổ chức kinh tế).

Lưu ý: Quyết định, biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong Điều lệ công ty

- Trường hợp chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ:

+ Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (theo mẫu);

+ Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội

	<p>đồng cổ đông về việc phát hành cổ phần chào bán để tăng vốn điều lệ, trong đó nêu rõ số lượng cổ phần chào bán và giao Hội đồng quản trị thực hiện thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ sau khi kết thúc mỗi đợt chào bán cổ phần;</p> <p>+ Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng quản trị công ty cổ phần về việc đăng ký tăng vốn điều lệ công ty sau khi kết thúc mỗi đợt chào bán cổ phần.</p> <p>Quyết định, biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong Điều lệ công ty.</p> <p>- Trường hợp giảm vốn điều lệ:</p> <p>+ Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (theo mẫu);</p> <p>+ Văn bản cam kết của doanh nghiệp bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi giảm vốn.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<p>- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp). Mức thu: 50.000 đồng/lần</p> <p>- Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>Phụ lục II-1, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	<p>- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. <p>- Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật);

	2. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.

Phụ lục II-1
TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO
Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở (*chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp hoặc sáp nhập doanh nghiệp, đánh dấu X vào ô thích hợp*):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp
- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp

Thông tin về doanh nghiệp bị sáp nhập(*chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp*):

a) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị sáp nhập.

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp như sau:

(*Doanh nghiệp chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/thông báo thay đổi và gửi kèm*)

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt sau khi thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*): ..

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài sau khi thay đổi (*nếu có*):

.....

Tên doanh nghiệp viết tắt sau khi thay đổi (*nếu có*):

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở h).

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

Thông tin về người đại diện pháp luật của doanh nghiệp (chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp chuyển địa chỉ trụ sở chính sang tỉnh, thành phố khác):

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: .../.../....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có): .../.../....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH/
THÀNH VIÊN HỢP DANH CÔNG TY HỢP DANH**

Trường hợp thay đổi thành viên công ty TNHH, thành viên hợp danh công ty hợp danh: kê khai theo mẫu Danh sách thành viên quy định tại Phụ lục I-6, I-9 (Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó).

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ, TỶ LỆ VỐN GÓP

1. Đăng ký thay đổi vốn điều lệ của công ty:

Vốn điều lệ đã đăng ký (bằng số, bằng chữ, VNĐ):

Vốn điều lệ sau khi thay đổi (bằng số, bằng chữ, VNĐ):

Có hiện thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không Có Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

Thông tin về cổ phần (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần):

Mệnh giá cổ phần:

STT	Loại cổ phần	Số	Giá trị	Tỷ lệ so với
-----	--------------	----	---------	--------------

		lượng	(bằng số, VNĐ)	vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

2. Đăng ký thay đổi tỷ lệ vốn góp công ty TNHH, công ty hợp danh

Kê khai tỷ lệ vốn góp mới của thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên/thành viên hợp danh công ty hợp danh theo mẫu tương ứng quy định tại các Phụ lục I-6, Phụ lục I-9.

(Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH¹

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ghi chú

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú

Lưu ý:

- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, doanh nghiệp kê khai đồng thời tại mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại mục 2.
- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính từ ngành này sang ngành khác nhưng không thay đổi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký,

¹- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

doanh nghiệp thực hiện cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 15 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.

THÔNG BÁO THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Vốn đầu tư đã đăng ký (*bằng số; bằng chữ; VNĐ*):

Vốn đầu tư sau khi thay đổi (*bằng số; bằng chữ; VNĐ*):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (*nếu có*):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

Tài sản góp vốn:

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (<i>bằng số, VNĐ</i>)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi (<i>ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ</i>)		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (<i>ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp</i>)		
Tổng số			

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

Người đại diện theo ủy quyền sau khi thay đổi (*kê khai theo mẫu Phụ lục I-10*):

Gửi kèm

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÔNG TY CỔ PHẦN

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông sáng lập: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông sáng lập quy định tại Phụ lục I-7 (*Đối với cổ đông sáng lập có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông sáng lập không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông sáng lập đó*).

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Phụ lục I-8 (*Đối với cổ đông có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông đó*).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Người quản lý doanh nghiệp sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):Giới tính:

Chức danh:
 Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:
 Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....
 Số giấy tờ chứng thực cá nhân:
 Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Chỗ ở hiện tại:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
 Email (nếu có): Website (nếu có):

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

ST T	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (chỉ kê khai trong trường hợp Giám đốc (Tổng giám đốc) không phải người đại diện theo pháp luật): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc):Điện thoại:
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ² : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán:Điện thoại:
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố:Điện thoại:Fax (nếu có): Email (nếu có):
4	Ngày bắt đầu hoạt động ³ :/...../.....
5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
6	Năm tài chính:

²Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

³Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

	Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ⁴ (Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)	
7	Tổng số lao động:	
8	Có hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁵ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>	
10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng:	
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp đối với các thông tin thay đổi nêu trên. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp).

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên)⁶

⁴- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁵Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

⁶Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

11. Thủ tục: Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum<ul style="list-style-type: none">+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.<ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh:<ul style="list-style-type: none">+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.+ Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận
----------------------------	---

	<p>đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (<i>theo mẫu</i>); <p>* Trường hợp tiếp nhận thành viên mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên về việc tiếp nhận thành viên mới; - Giấy tờ xác nhận việc góp vốn của thành viên mới của

công ty;

- Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của thành viên là cá nhân (*Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực*);

Hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của thành viên là tổ chức và Văn bản ủy quyền cho người được ủy và Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền (*Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực*)

- Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật Đầu tư (*Nhà đầu tư thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế trong các trường hợp sau đây: Nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài; Việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp dẫn đến nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật Đầu tư (Tổ chức kinh tế phải đáp ứng điều kiện và thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hợp đồng BCC thuộc một trong các trường hợp sau đây: Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh; Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên; Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên) nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên của tổ chức kinh tế*).

Quyết định, biên bản họp của Hội đồng thành viên phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong Điều lệ công ty.

*** Trường hợp thay đổi thành viên do chuyển nhượng phần vốn góp:**

- Hợp đồng chuyển nhượng hoặc các giấy tờ chứng minh đã hoàn tất việc chuyển nhượng;

- Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của thành viên là cá nhân (*Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực*);

Hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của thành viên là tổ chức và Quyết định ủy quyền cho người được ủy và Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền (*Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực*)

- Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật Đầu tư (*Nhà đầu tư thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế trong các trường hợp sau đây: Nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài; Việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp dẫn đến nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật Đầu tư (Tổ chức kinh tế phải đáp ứng điều kiện và thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hợp đồng BCC thuộc một trong các trường hợp sau đây: Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh; Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên; Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên) nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên của tổ chức kinh tế).*

*** Trường hợp thay đổi thành viên do thừa kế:**

- Bản sao hợp lệ văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế;

- Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp quy định của người thừa kế (*Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người*

nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực).

*** Trường hợp đăng ký thay đổi thành viên do có thành viên không thực hiện cam kết góp vốn theo quy định tại Khoản 3 Điều 48 Luật Doanh nghiệp:**

- Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp Hội đồng thành viên về việc thay đổi thành viên do không thực hiện cam kết góp vốn;
- Quyết định, biên bản họp của Hội đồng thành viên phải ghi rõ những nội dung được sửa đổi trong Điều lệ công ty.

*** Trường hợp đăng ký thay đổi thành viên do tặng cho phần vốn góp:**

- Hợp đồng tặng cho phần vốn góp;
- Bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền (*Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực*) và quyết định ủy quyền tương ứng đối với thành viên mới là tổ chức hoặc bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của thành viên mới là cá nhân (*Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực*);
- Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật Đầu tư (*Nhà đầu tư thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế trong các trường hợp sau đây: Nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài; Việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp dẫn đến nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật Đầu tư (Tổ chức kinh tế phải đáp ứng điều kiện và thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hợp đồng BCC thuộc một trong các trường hợp sau đây: Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài*

đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh; Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên; Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên) nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên của tổ chức kinh tế).

*** Trường hợp chuyển nhượng hoặc thay đổi phần vốn góp của các thành viên dẫn đến chỉ còn một thành viên trong công ty, công ty phải tổ chức hoạt động theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.**

- Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH một thành viên (theo mẫu);

- Điều lệ công ty chuyển đổi;

- Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu là cá nhân (Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực) hoặc bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức;

- Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực) của người đại diện theo ủy quyền đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức quản lý theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 78 Luật Doanh nghiệp (Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên).

- Danh sách người đại diện theo ủy quyền (theo mẫu) và bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực) của từng đại diện theo ủy quyền đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức quản lý theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 78 Luật Doanh nghiệp (Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên);

- Văn bản ủy quyền của chủ sở hữu cho người được ủy quyền đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức

	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp trong công ty hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng; - Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên về việc chuyển đổi loại hình công ty. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi thành viên công ty). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>Phụ lục II-1, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (<i>Phụ lục I-6, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>). - Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH một thành viên (<i>Phụ lục I-2, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (<i>Phụ lục I-10, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. - Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật); 2. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.
Căn cứ pháp lý:	- <i>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11</i>

	<p><i>năm 2014;</i></p> <ul style="list-style-type: none">- <i>Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</i>- <i>Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</i>- <i>Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</i>- <i>Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</i>
--	--

Phụ lục II-1
TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO
Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở (*chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp hoặc sáp nhập doanh nghiệp, đánh dấu X vào ô thích hợp*):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp
- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp

Thông tin về doanh nghiệp bị sáp nhập(*chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp*):

a) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị sáp nhập.

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp như sau:

(*Doanh nghiệp chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/thông báo thay đổi và gửi kèm*)

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt sau khi thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*): ..

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài sau khi thay đổi (*nếu có*):

.....

Tên doanh nghiệp viết tắt sau khi thay đổi (*nếu có*):

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại:Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở h).

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

Thông tin về người đại diện pháp luật của doanh nghiệp (chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp chuyển địa chỉ trụ sở chính sang tỉnh, thành phố khác):

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: .../.../....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có): .../.../....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH/ THÀNH VIÊN HỢP DANH CÔNG TY HỢP DANH

Trường hợp thay đổi thành viên công ty TNHH, thành viên hợp danh công ty hợp danh: kê khai theo mẫu Danh sách thành viên quy định tại Phụ lục I-6, I-9 (Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

Người đại diện theo ủy quyền sau khi thay đổi (kê khai theo mẫu Phụ lục I-10):
Gửi kèm

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP,
CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÔNG TY CỔ PHẦN**

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông sáng lập: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông sáng lập quy định tại Phụ lục I-7(Đối với cổ đông sáng lập có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông sáng lập không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông sáng lập đó).

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Phụ lục I-8(Đối với cổ đông

có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông đó).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Người quản lý doanh nghiệp sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

<input type="checkbox"/>	Chứng minh nhân dân	<input type="checkbox"/>	Căn cước công dân
<input type="checkbox"/>	Hộ chiếu	<input type="checkbox"/>	Loại khác (<i>ghi rõ</i>):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/..../....Nơi cấp:Ngày hết hạn (*nếu có*): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*):Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*):Website (*nếu có*):

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

ST T	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (<i>chỉ kê khai trong trường hợp Giám đốc (Tổng giám đốc) không phải người đại diện theo pháp luật</i>): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc):Điện thoại:
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (<i>nếu có</i>) ² : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán:Điện thoại:
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố:Điện thoại:Fax (<i>nếu có</i>): Email (<i>nếu có</i>):
4	Ngày bắt đầu hoạt động ³ :/..../.....

²Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>						
6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ⁴ (Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)						
7	Tổng số lao động:						
8	Có hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>						
9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁵ : Khấu trừ Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>						
10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng: <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td>Tên ngân hàng</td> <td>Số tài khoản gắn hàng</td> </tr> <tr> <td>..... <input type="checkbox"/></td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td></td> <td>...</td> </tr> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản gắn hàng <input type="checkbox"/>
Tên ngân hàng	Số tài khoản gắn hàng						
..... <input type="checkbox"/>						
	...						

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp đối với các thông tin thay đổi nêu trên. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp).

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi họ tên)⁶

³Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁴- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁵Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

⁶Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tôi là người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình

doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh

doanh

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có)..... Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Chủ sở hữu:

a) Đối với chủ sở hữu là cá nhân:

Họ tên chủ sở hữu (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*):...../...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*)..... Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài*):

Mã số dự án:.....

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

Tên tổ chức (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*)..... Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

Danh sách người đại diện theo ủy quyền (*kê khai theo mẫu, nếu có*): Gửi kèm

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài*):

Mã số dự án:.....

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

6. Mô hình tổ chức công ty (*chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu, đánh dấu X vào một trong 2 ô*):

Hội đồng thành viên

Chủ tịch công ty

7. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có

Không

8. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

9. Tài sản góp vốn:

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (bằng số, VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi (ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ)		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp)		
	Tổng số		

10. Người đại diện theo pháp luật²:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):...../...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Chỗ ở hiện tại:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Điện thoại (nếu có)..... Fax (nếu có):
 Email (nếu có): Website (nếu có):

11. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế	
11.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:	
11.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ³ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:	
11.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại (nếu có)..... Fax (nếu có): Email (nếu có):	
11.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁴ (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....	
11.5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>	
11.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁵ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)	
11.7	Tổng số lao động (dự kiến):	
11.8	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	
11.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁶ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>	
11.1	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai):	
0	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
 <input type="checkbox"/>

.....
.....
.....

12. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

.....

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

.....

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

13. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh (chỉ kê khai MST 10 số):

Địa điểm kinh doanh:

Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Trữ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)⁷

1

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

² Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

³ Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 11.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 11.2.

⁴ Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

5

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁶ Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

⁷ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-6
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng , năm sinh đôi với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đôi với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Thời điểm góp vốn ³	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy CN đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ⁴	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng , giá trị tài sản góp vốn ²				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16

....., ngày.....tháng.....năm.....

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.

² Loại tài sản góp vốn bao gồm:

- Đồng Việt Nam

- Ngoại tệ tự do chuyển đổi (*ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ*)

- Vàng

- Giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật

- Tài sản khác (*ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp*)

³

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CÔNG TY**
(Ký, ghi họ tên)⁵

⁵ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-10
DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký của người đại diện theo ủy quyền	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

12. Thủ tục: Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum<ul style="list-style-type: none">+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.<ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh:<ul style="list-style-type: none">+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.+ Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký
----------------------------	---

	<p>doanh nghiệp.</p> <p>+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thông nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ một trong những giấy tờ chứng thực cá nhân của người nhận chuyển nhượng là cá nhân (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu</i>

	<p>lực) hoặc bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (<i>theo mẫu</i>) và bản sao hợp lệ một trong những giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>) và văn bản ủy quyền của chủ sở hữu cho người được ủy quyền; - Bản sao hợp lệ Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty; - Hợp đồng chuyển nhượng vốn hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng vốn; - Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật Đầu tư (<i>Nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài; Việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp dẫn đến nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật (Tổ chức kinh tế phải đáp ứng điều kiện và thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hợp đồng BCC thuộc một trong các trường hợp sau đây: Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh; Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên; Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên) này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên của tổ chức kinh tế</i>). <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi chủ sở hữu). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi

	từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (<i>Phụ lục II-4, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (<i>Phụ lục I-10, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: <ul style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. - Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: <ul style="list-style-type: none"> 1. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật); 2. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</i> - <i>Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</i> - <i>Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</i> - <i>Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</i> - <i>Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</i> - <i>Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</i>

Phụ lục II-4
TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên, thông tin về chủ sở hữu mới như sau:

1. Đối với chủ sở hữu là cá nhân

- Thông tin về cá nhân:

Họ và tên chủ sở hữu (*ghi bằng chữ in hoa*):Giới tính:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/..../....Nơi cấp:Ngày hết hạn (*nếu có*): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*):Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*):Website (*nếu có*):

2. Đối với chủ sở hữu là tổ chức

- Thông tin về tổ chức:

Tên chủ sở hữu (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:
Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
Email (nếu có): Website (nếu có):

3. Mô hình tổ chức công ty(chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu, đánh dấu X vào một trong 2 ô):

Hội đồng thành viên

Chủ tịch công ty

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**CHỦ SỞ HỮU MỚI/NGƯỜI ĐẠI
DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ SỞ HỮU MỚI**
(Ký, ghi họ tên)¹

**CHỦ SỞ HỮU CŨ/NGƯỜI ĐẠI
DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ SỞ HỮU CŨ**
(Ký, ghi họ tên)²

¹ Chủ sở hữu mới/Người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký trực tiếp vào phần này.

² Không có phần nội dung này trong trường hợp thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên do thừa kế. Trong các trường hợp khác, chủ sở hữu cũ/Người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu cũ ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-10
DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký của người đại diện theo ủy quyền	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

13. Thủ tục: Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum<ul style="list-style-type: none">+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.<ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh:<ul style="list-style-type: none">+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.+ Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
----------------------------	---

	<p>+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ một trong những giấy tờ chứng thực cá nhân của chủ sở hữu mới trong trường hợp chủ sở hữu mới là cá nhân (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>) hoặc bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký

	<p>doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác trong trường hợp chủ sở hữu mới là tổ chức;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (<i>theo mẫu</i>) và bản sao hợp lệ một trong những giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>) và văn bản ủy quyền của chủ sở hữu cho người được ủy quyền; - Bản sao hợp lệ Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty; - Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi chủ sở hữu công ty; - Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật Đầu tư (<i>Nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài; Việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp dẫn đến nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật (Tổ chức kinh tế phải đáp ứng điều kiện và thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hợp đồng BCC thuộc một trong các trường hợp sau đây: Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh; Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên; Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên)</i> này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên của tổ chức kinh tế). <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi chủ sở hữu). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa

	điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyên đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (<i>Phụ lục II-4, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (<i>Phụ lục I-10, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. - Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật); 2. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</i> - <i>Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</i> - <i>Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</i> - <i>Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</i> - <i>Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</i> - <i>Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính</i>

Phụ lục II-4
TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên, thông tin về chủ sở hữu mới như sau:

1. Đối với chủ sở hữu là cá nhân

- Thông tin về cá nhân:

Họ và tên chủ sở hữu (*ghi bằng chữ in hoa*):Giới tính:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/..../....Nơi cấp:Ngày hết hạn (*nếu có*):/..../....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*):Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*):Website (*nếu có*):

2. Đối với chủ sở hữu là tổ chức

- Thông tin về tổ chức:

Tên chủ sở hữu (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:
Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
Email (nếu có): Website (nếu có):

3. Mô hình tổ chức công ty(chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu, đánh dấu X vào một trong 2 ô):

Hội đồng thành viên

Chủ tịch công ty

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**CHỦ SỞ HỮU MỚI/NGƯỜI ĐẠI
DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ SỞ HỮU MỚI**
(Ký, ghi họ tên)³

**CHỦ SỞ HỮU CŨ/NGƯỜI ĐẠI
DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ SỞ HỮU CŨ**
(Ký, ghi họ tên)⁴

³ Chủ sở hữu mới/Người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký trực tiếp vào phần này.

⁴ Không có phần nội dung này trong trường hợp thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên do thừa kế. Trong các trường hợp khác, chủ sở hữu cũ/Người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu cũ ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-10
DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký của người đại diện theo ủy quyền	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

14. Thủ tục: Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận
-----------------------------------	--

	<p>đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty; - Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của chủ sở hữu mới. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; + Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực;

	<p>- Bản sao hợp lệ văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người được thừa kế.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<p>- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi chủ sở hữu). Mức thu: 50.000 đồng/lần</p> <p>- Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (<i>Phụ lục II-4, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	<p>- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. <p>- Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật); 2. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.
Căn cứ pháp lý:	<p>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</p>

	<ul style="list-style-type: none">- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính
--	--

Phụ lục II-4
TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên, thông tin về chủ sở hữu mới như sau:

1. Đối với chủ sở hữu là cá nhân

- Thông tin về cá nhân:

Họ và tên chủ sở hữu (*ghi bằng chữ in hoa*):Giới tính:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/..../....Nơi cấp:Ngày hết hạn (*nếu có*): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*):Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*):Website (*nếu có*):

2. Đối với chủ sở hữu là tổ chức

- Thông tin về tổ chức:

Tên chủ sở hữu (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:
Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
Email (nếu có): Website (nếu có):

3. Mô hình tổ chức công ty(chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu, đánh dấu X vào một trong 2 ô):

Hội đồng thành viên

Chủ tịch công ty

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**CHỦ SỞ HỮU MỚI/NGƯỜI ĐẠI
DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ SỞ HỮU MỚI**
(Ký, ghi họ tên)⁵

**CHỦ SỞ HỮU CŨ/NGƯỜI ĐẠI
DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ SỞ HỮU CŨ**
(Ký, ghi họ tên)⁶

⁵ Chủ sở hữu mới/Người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký trực tiếp vào phần này.

⁶ Không có phần nội dung này trong trường hợp thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên do thừa kế. Trong các trường hợp khác, chủ sở hữu cũ/Người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu cũ ký trực tiếp vào phần này.

15. Thủ tục: Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp đề yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
----------------------------	--

	<p>nghiệp.</p> <p>+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH hai thành viên trở lên (<i>theo mẫu</i>); - Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty chuyển đổi; - Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của các thành viên đối với trường hợp thành viên là cá nhân (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc</i>

	<p><i>Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực); bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác đối với trường hợp thành viên là tổ chức;</i></p> <p>- Bản sao hợp lệ văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của các tổ chức, cá nhân được thừa kế.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<p>- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi chủ sở hữu). Mức thu: 50.000 đồng/lần</p> <p>- Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<p>- Giấy đề nghị đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (<i>Phụ lục I-3, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);</p> <p>- Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (<i>Phụ lục I-6, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);</p>
Yêu cầu, điều kiện:	<p>- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. <p>- Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại

	<p>Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật);</p> <p>2. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.</p>
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

Phụ lục I-3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

**Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên do tôi
là người đại diện theo pháp luật với nội dung sau:**

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

- | | |
|--|--------------------------|
| Thành lập mới | <input type="checkbox"/> |
| Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp | <input type="checkbox"/> |
| Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp | <input type="checkbox"/> |
| Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp | <input type="checkbox"/> |
| Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp | <input type="checkbox"/> |
| Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh | <input type="checkbox"/> |

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh⁷ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
-----	-----------	----------	------------------------------

7

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

			(đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VND):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VND):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Danh sách thành viên công ty: (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

8. Người đại diện theo pháp luật⁸:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....
Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tô/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tô/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
-----	-------------------------------------

⁸ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

9.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:						
9.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁹ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:						
9.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại:Fax (nếu có): Email (nếu có):						
9.4	Ngày bắt đầu hoạt động ¹⁰ (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....						
9.5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>						
9.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁵ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)						
9.7	Tổng số lao động (dự kiến):						
9.8	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>						
9.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁶ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>						
9.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai): <table border="1" style="width: 100%;"> <thead> <tr> <th>Tên ngân hàng</th> <th>Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>..... <input type="checkbox"/></td> <td>.....</td> </tr> </tbody> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng <input type="checkbox"/>
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng						
.....						
..... <input type="checkbox"/>						

⁹ Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 9.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 9.2.

¹⁰ Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

5

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁶ Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

11. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh (chỉ kê khai MST 10 số):

Địa điểm kinh doanh:

Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Trữ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY**

(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-6
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

STT	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Thời điểm góp vốn ³	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy CN đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ⁴	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn ²				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁵

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.

² Loại tài sản góp vốn bao gồm:

- Đồng Việt Nam
- Ngoại tệ tự do chuyển đổi (ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ)
- Vàng

- Giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật
- Tài sản khác (*ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp*)

³

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.
- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.
- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁵ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

16. Thủ tục: Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận
----------------------------	--

	<p>đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ một trong những giấy tờ chứng thực cá nhân của người nhận chuyển nhượng trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là cá nhân (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>) hoặc bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương

	<p>khác trong trường hợp người nhận chuyển nhượng là tổ chức;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (<i>theo mẫu</i>), bản sao hợp lệ một trong những giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>) và văn bản ủy quyền của chủ sở hữu cho người được ủy quyền; - Bản sao hợp lệ Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty; - Hợp đồng tặng cho phần vốn góp; - Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật Đầu tư (<i>Nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài; Việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp dẫn đến nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật (Tổ chức kinh tế phải đáp ứng điều kiện và thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hợp đồng BCC thuộc một trong các trường hợp sau đây: Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh; Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên; Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên) này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên của tổ chức kinh tế).</i> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi chủ sở hữu). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp

	qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (<i>Phụ lục II-4, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (<i>Phụ lục I-10, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>)
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. - Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật); 2. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</i> - <i>Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</i> - <i>Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</i> - <i>Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</i> - <i>Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</i> - <i>Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính</i>

Phụ lục II-4
TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên, thông tin về chủ sở hữu mới như sau:

1. Đối với chủ sở hữu là cá nhân

- Thông tin về cá nhân:

Họ và tên chủ sở hữu (*ghi bằng chữ in hoa*):Giới tính:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/..../....Nơi cấp:Ngày hết hạn (*nếu có*): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*):Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*):Website (*nếu có*):

2. Đối với chủ sở hữu là tổ chức

- Thông tin về tổ chức:

Tên chủ sở hữu (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
Email (nếu có): Website (nếu có):

3. Mô hình tổ chức công ty(chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu, đánh dấu X vào một trong 2 ô):

Hội đồng thành viên

Chủ tịch công ty

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**CHỦ SỞ HỮU MỚI/NGƯỜI ĐẠI
DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ SỞ HỮU MỚI**
(Ký, ghi họ tên)¹

**CHỦ SỞ HỮU CŨ/NGƯỜI ĐẠI
DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ SỞ HỮU CŨ**
(Ký, ghi họ tên)²

¹ Chủ sở hữu mới/Người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu mới ký trực tiếp vào phần này.

² Không có phần nội dung này trong trường hợp thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên do thừa kế. Trong các trường hợp khác, chủ sở hữu cũ/Người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu cũ ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-10
DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký của người đại diện theo ủy quyền	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

17. Thủ tục: Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp đề yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
----------------------------	--

	<p>nghiệp.</p> <p>+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH hai thành viên trở lên (<i>theo mẫu</i>); - Điều lệ sửa đổi, bổ sung của công ty chuyển đổi; - Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của các thành viên đối với trường hợp thành viên là cá nhân (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc</i>

	<p><i>Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực); bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác đối với trường hợp thành viên là tổ chức;</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng chuyển nhượng hoặc giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng hoặc hợp đồng tặng cho đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho cá nhân hoặc tổ chức khác; - Quyết định của chủ sở hữu công ty về việc huy động thêm vốn góp đối với trường hợp công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi chủ sở hữu). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (<i>Phụ lục I-3, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (<i>Phụ lục I-6, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. - Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ

	<p>tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật);</p> <p>2. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.</p>
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

Phụ lục I-3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

**Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên do tôi
là người đại diện theo pháp luật với nội dung sau:**

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

- Thành lập mới
- Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh³ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
-----	-----------	----------	------------------------------

3

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

			(đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VND):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VND):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiện thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Danh sách thành viên công ty: (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

8. Người đại diện theo pháp luật⁴:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

9. Thông tin đăng ký thuế:

⁴ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
9.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
9.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁵ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
9.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại:Fax (nếu có): Email (nếu có):
9.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁶ (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
9.5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
9.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁵ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
9.7	Tổng số lao động (dự kiến):
9.8	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Kh ng <input type="checkbox"/>
9.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁶ : <input type="checkbox"/>

⁵ Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 9.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 9.2.

⁶ Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

	Khấu trừ Trục tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trục tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>						
9.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai): <table border="1"> <thead> <tr> <th>Tên ngân hàng</th> <th>Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </tbody> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng						
.....						
.....						

10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

11. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh (chỉ kê khai MST 10 số):

Địa điểm kinh doanh:

Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân

Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Trục sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

⁶ Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-6
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

STT	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Thời điểm góp vốn ³	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy CN đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ⁴	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn ²				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁵

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.

² Loại tài sản góp vốn bao gồm:

- Đồng Việt Nam
- Ngoại tệ tự do chuyển đổi (ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ)
- Vàng

- Giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật
- Tài sản khác (*ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp*)

³

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.
- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.
- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁵ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

18. Thủ tục: Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum<ul style="list-style-type: none">+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.<ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh:<ul style="list-style-type: none">+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.+ Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận
-----------------------------------	---

	<p>đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ một trong những giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP của người mua, người được tặng cho doanh nghiệp tư nhân, người thừa kế (<i>cụ thể: Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>); - Đối với trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp tư nhân:

	Hợp đồng mua bán, hợp đồng tặng cho doanh nghiệp hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng; - Đối với trường hợp thay đổi do thừa kế: Bản sao hợp lệ văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người được thừa kế b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi chủ sở hữu). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân (<i>Phụ lục II-3, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. - Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: 1. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật); 2. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.
Căn cứ pháp lý:	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ

	<i>Kế hoạch và Đầu tư;</i> <i>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính</i>
--	---

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-3
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

Thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân với các nội dung sau:

Trường hợp thay đổi chủ doanh nghiệp (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Tặng cho doanh nghiệp tư nhân
Chủ doanh nghiệp chết, mất tích
Bán doanh nghiệp tư nhân

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

1. Người tặng cho/Người chết, mất tích/Người bán

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/..../....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại (trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân chết, mất tích không cần kê khai nội dung này):

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

2. Người được tặng cho/Người thừa kế/Người mua

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*): / /

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Chúng tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐƯỢC TẶNG CHO /
NGƯỜI ĐƯỢC THỪA KẾ/NGƯỜI**

MUA

(*Ký, ghi họ tên*)¹

**CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ
NHÂN²**

(*Ký, ghi họ tên*)

¹ Người được tặng cho/Người được thừa kế/Người mua ký trực tiếp vào phần này.

² Không có phần nội dung này trong trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân chết, mất tích. Trong các trường hợp khác, chủ doanh nghiệp tư nhân ký trực tiếp vào phần này.

19. Thủ tục: Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum<ul style="list-style-type: none">+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.<ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh:<ul style="list-style-type: none">+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.+ Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
----------------------------	---

	<p>+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>* Trường hợp doanh nghiệp đề nghị được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay thế cho nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận đầu tư) mà không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế; - Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu

	<p>tư, Giấy chứng nhận đầu tư (<i>theo mẫu</i>);</p> <p>* Trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư; - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế; - Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (<i>theo mẫu</i>); - Hồ sơ bao gồm các giấy tờ tương ứng với từng trường hợp đăng ký thay đổi như sau: <ul style="list-style-type: none"> - Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách cổ đông sáng lập (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách thành viên hợp danh (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (đối với công ty TNHH một thành viên)/Danh sách người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần) (<i>theo mẫu</i>). <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay thế nội dung đăng ký kinh doanh). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (<i>Phụ lục II-18 Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>). * Ngoài ra, tùy theo loại hình doanh nghiệp, khi đăng ký thay đổi, doanh nghiệp phải bổ sung một/một số mẫu đơn trong hồ sơ như sau: <ul style="list-style-type: none"> - Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (<i>Phụ lục I-6, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách cổ đông sáng lập (<i>Phụ lục I-7, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);

	<ul style="list-style-type: none"> - Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (<i>Phụ lục I-8, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách thành viên hợp danh (<i>Phụ lục I-9, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (đối với công ty TNHH một thành viên)/Danh sách người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần) (<i>Phụ lục I-10, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. - Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật); 2. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</i> - <i>Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</i> - <i>Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</i> - <i>Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</i> - <i>Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</i> - <i>Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính</i>

Phụ lục II-18
TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (*hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cụ thể như sau (*đánh dấu X vào ô thích hợp*):

Loại hình doanh nghiệp

- Công ty TNHH một thành viên
- Công ty TNHH hai thành viên trở lên
- Công ty cổ phần
- Công ty hợp danh

1. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên công ty viết tắt (*nếu có*):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

3. Ngành, nghề kinh doanh¹ (*ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam*):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (<i>đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê</i>

¹

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

			<i>khai)</i>

4. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ (*bằng số; VNĐ*):

Vốn điều lệ (*bằng chữ; VNĐ*):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (*nếu có*):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không Có Không

5. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (<i>bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có</i>)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

Tài sản góp vốn (*chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên*)

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (<i>bằng số, VNĐ</i>)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (<i>ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp</i>)		
Tổng số			

Thông tin về cổ phần (*chỉ kê khai đối với công ty cổ phần*):

Mệnh giá cổ phần (VNĐ):

STT	Loại cổ phần	Số lượng	Giá trị (<i>bằng số, VNĐ</i>)	Tỉ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

Thông tin về cổ phần được quyền chào bán (*nếu có*):

STT	Loại cổ phần được quyền chào bán	Số lượng
1	Cổ phần phổ thông	

2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức	
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	
5	Cổ phần ưu đãi khác	
Tổng số:		

6. Chủ sở hữu (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên):

a) Đối với chủ sở hữu là cá nhân (chỉ kê khai nếu chủ sở hữu không phải là người đại diện theo pháp luật):

Họ tên chủ sở hữu (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

Tên tổ chức (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

7. Mô hình tổ chức công ty trách nhiệm hữu hạn (đánh dấu X vào ô thích hợp, chỉ kê khai đối với công ty TNHH một thành viên có chủ sở hữu là tổ chức):

Hội đồng thành viên

Chủ tịch công ty

8. Người đại diện theo pháp luật¹(đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)/Chủ tịch công ty (đối với công ty hợp danh):

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

9. Danh sách thành viên công ty²(chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên/công ty hợp danh, kê khai theo mẫu): Gửi kèm

10. Danh sách người đại diện theo ủy quyền⁴(chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có chủ sở hữu là tổ chức/ cổ đông là tổ chức nước ngoài của công ty cổ phần): Gửi kèm

11. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài⁵(chỉ kê khai đối với công ty cổ phần chưa niêm yết, kê khai theo mẫu): Gửi kèm

12. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
12.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
12.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁶ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
12.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính):

¹ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

^{2,4,5}Thành viên, cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, người đại diện theo ủy quyền không bắt buộc phải ký vào danh sách thành viên, danh sách cổ đông, danh sách người đại diện theo ủy quyền.

⁶Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 12.4 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 12.2

	Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (nếu có): Email (nếu có):										
12.4	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>										
12.5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁷ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)										
12.6	Tổng số lao động:										
12.7	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>										
12.8	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁸ :										
	<table border="1"> <tr> <td>Khấu trừ</td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>Trực tiếp trên GTGT</td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>Trực tiếp trên doanh số</td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>Không phải nộp thuế GTGT</td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> </table>	Khấu trừ	<input type="checkbox"/>	Trực tiếp trên GTGT	<input type="checkbox"/>	Trực tiếp trên doanh số	<input type="checkbox"/>	Không phải nộp thuế GTGT	<input type="checkbox"/>		
Khấu trừ	<input type="checkbox"/>										
Trực tiếp trên GTGT	<input type="checkbox"/>										
Trực tiếp trên doanh số	<input type="checkbox"/>										
Không phải nộp thuế GTGT	<input type="checkbox"/>										
12.9	Thông tin về Tài khoản ngân hàng: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Tên ngân hàng</th> <th>Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>...</td> <td>...</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>...</td> <td>...</td> </tr> </tbody> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng										
.....										
...	...										
.....										
...	...										

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp).

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên)⁹

⁷Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁸Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

⁹Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-6
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

STT	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Thời điểm góp vốn ³	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy CN đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ⁴	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn ²				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi họ tên)⁵

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.

² Loại tài sản góp vốn bao gồm:

- Đồng Việt Nam
- Ngoại tệ tự do chuyển đổi (*ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ*)
- Vàng
- Giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật

- Tài sản khác (*ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp*)

³

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁵ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-7
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN

STT	Tên cổ đông sáng lập	Ngày, tháng, năm sinh đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận ĐKDN (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ¹							Mã số dự án, ngày, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của cổ đông sáng lập ³	Ghi chú	
									Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần							Thời điểm góp vốn ²
									Số lượng	Giá trị		Phổ thông						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁴

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của

từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có.

² Khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông sáng lập dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

³ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông sáng lập là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁴ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-8
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

STT	Tên cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ¹	Ngày, tháng, năm sinh của cổ đông là cá nhân nước ngoài	Giới tính	Quốc tịch	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông là cá nhân nước ngoài	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ²								Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Chữ ký của cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ⁴	Ghi chú
								Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn ³			
								Số lượng	Giá trị		Phổ thông						
											Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi họ tên)⁵

¹ Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài kê khai tại Danh sách người đại diện theo ủy quyền.

² Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có

³

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì chữ ký là của người đại diện theo ủy quyền của tổ chức.

⁵ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-9
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY HỢP DANH

STT	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ³	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm góp vốn ²			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	A. Thành viên hợp danh													
	B. Thành viên góp vốn (nếu có)													

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁴

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

²

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.
- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.
- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

³ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁴ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-10
DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký của người đại diện theo ủy quyền	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

20. Thủ tục: Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận
----------------------------	--

	<p>đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); - Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên/ Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần/ Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh; Quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh;

	<p>- Đối với doanh nghiệp được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương thì ngoài các giấy tờ nêu trên, doanh nghiệp nộp kèm theo: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư; Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế; Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp quy định (<i>theo mẫu</i>).</p> <p>Lưu ý: Quyết định, biên bản họp phải ghi rõ những nội dung được thay đổi trong Điều lệ công ty.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<p>- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh). Mức thu: 50.000 đồng/lần</p> <p>- Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<p>- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>Phụ lục II-1, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);</p> <p>- Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp (<i>Phụ lục II-18 Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>)</p>
Yêu cầu, điều kiện:	<p>- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. <p>- Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại

	<p>Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật);</p> <p>2. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.</p>
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

Phụ lục II-1
TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO
Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở (*chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp hoặc sáp nhập doanh nghiệp, đánh dấu X vào ô thích hợp*):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp
- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp

Thông tin về doanh nghiệp bị sáp nhập(*chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp*):

a) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị sáp nhập.

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp như sau:

(*Doanh nghiệp chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/thông báo thay đổi và gửi kèm*)

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt sau khi thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*): ..

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài sau khi thay đổi (*nếu có*):

.....

Tên doanh nghiệp viết tắt sau khi thay đổi (*nếu có*):

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở h).

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

Thông tin về người đại diện pháp luật của doanh nghiệp (chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp chuyển địa chỉ trụ sở chính sang tỉnh, thành phố khác):

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: .../.../....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có): .../.../....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH/
THÀNH VIÊN HỢP DANH CÔNG TY HỢP DANH**

Trường hợp thay đổi thành viên công ty TNHH, thành viên hợp danh công ty hợp danh: kê khai theo mẫu Danh sách thành viên quy định tại Phụ lục I-6, I-9 (Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó).

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ, TỶ LỆ VỐN GÓP

1. Đăng ký thay đổi vốn điều lệ của công ty:

Vốn điều lệ đã đăng ký (bằng số, bằng chữ, VNĐ):

Vốn điều lệ sau khi thay đổi (bằng số, bằng chữ, VNĐ):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

Thông tin về cổ phần (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần):

Mệnh giá cổ phần:

STT	Loại cổ phần	Số	Giá trị	Tỉ lệ so với
-----	--------------	----	---------	--------------

		lượng	(bằng số, VNĐ)	vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

2. Đăng ký thay đổi tỷ lệ vốn góp công ty TNHH, công ty hợp danh

Kê khai tỷ lệ vốn góp mới của thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên/thành viên hợp danh công ty hợp danh theo mẫu tương ứng quy định tại các Phụ lục I-6, Phụ lục I-9.

(Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH¹

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (*kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh*):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ghi chú

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (*kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh*):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau (*kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh*):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú

Lưu ý:

- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, doanh nghiệp kê khai đồng thời tại mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại mục 2.
- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính từ ngành này sang ngành khác nhưng không thay đổi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký,

¹- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

doanh nghiệp thực hiện cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 15 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.

THÔNG BÁO THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Vốn đầu tư đã đăng ký (*bằng số; bằng chữ; VNĐ*):

Vốn đầu tư sau khi thay đổi (*bằng số; bằng chữ; VNĐ*):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (*nếu có*):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

Tài sản góp vốn:

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (<i>bằng số, VNĐ</i>)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi (<i>ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ</i>)		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (<i>ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp</i>)		
Tổng số			

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

Người đại diện theo ủy quyền sau khi thay đổi (*kê khai theo mẫu Phụ lục I-10*):

Gửi kèm

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÔNG TY CỔ PHẦN

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông sáng lập: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông sáng lập quy định tại Phụ lục I-7 (*Đối với cổ đông sáng lập có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông sáng lập không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông sáng lập đó*).

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Phụ lục I-8 (*Đối với cổ đông có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông đó*).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Người quản lý doanh nghiệp sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Chức danh:
 Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:
 Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....
 Số giấy tờ chứng thực cá nhân:
 Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Chỗ ở hiện tại:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
 Email (nếu có): Website (nếu có):

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

ST T	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (chỉ kê khai trong trường hợp Giám đốc (Tổng giám đốc) không phải người đại diện theo pháp luật): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc):Điện thoại:
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ² : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán:Điện thoại:
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố:Điện thoại:Fax (nếu có): Email (nếu có):
4	Ngày bắt đầu hoạt động ³ :/...../.....
5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
6	Năm tài chính:

²Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

³Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

	Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ⁴ (Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)						
7	Tổng số lao động:						
8	Có hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>						
9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁵ : <input type="checkbox"/> Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT						
10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng: <table border="1"> <tr> <th>Tên ngân hàng</th> <th>Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>...</td> <td>...</td> </tr> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng						
.....						
...	...						

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp đối với các thông tin thay đổi nêu trên. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp).

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên)⁶

PHỤ LỤC II-18

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:, ngày... .. tháng... .. năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

**Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp
hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

⁴- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁵Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

⁶Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
 Sổ Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cụ thể như sau (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Loại hình doanh nghiệp

- Công ty TNHH một thành viên

- Công ty TNHH hai thành viên trở lên

- Công ty cổ phần

- Công ty hợp danh

1. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):.....

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:.....

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

3. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

4. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ (bằng số; VND):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VND):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

5. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

Tài sản góp vốn (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên)

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (bằng số, VND)	Tỷ lệ (%)

1	Đông Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyên đổi		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp)		
Tổng số			

Thông tin về cổ phần (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần):

Mệnh giá cổ phần (VNĐ):

STT	Loại cổ phần	Số lượng	Giá trị (bằng số, VNĐ)	Tỷ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

Thông tin về cổ phần được quyền chào bán (nếu có):

STT	Loại cổ phần được quyền chào bán	Số lượng
1	Cổ phần phổ thông	
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức	
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	
5	Cổ phần ưu đãi khác	
Tổng số:		

6. Chủ sở hữu (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên):

a) Đối với chủ sở hữu là cá nhân (chỉ kê khai nếu chủ sở hữu không phải là người đại diện theo pháp luật):

Họ tên chủ sở hữu (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:
Chỗ ở hiện tại:
Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
Quốc gia:
Điện thoại (nếu có):..... Fax (nếu có):
Email (nếu có): Website (nếu có):

b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

Tên tổ chức (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
Địa chỉ trụ sở chính:
Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
Quốc gia:
Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
Email (nếu có): Website (nếu có):

7. Mô hình tổ chức công ty trách nhiệm hữu hạn (đánh dấu X vào ô thích hợp, chỉ kê khai đối với công ty TNHH một thành viên có chủ sở hữu là tổ chức):

- Hội đồng thành viên
Chủ tịch công ty

8. Người đại diện theo pháp luật² (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)/**Chủ tịch công ty** (đối với công ty hợp danh):

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:
Chức danh:
Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

- Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):...../...../.....

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
Quốc gia:
Chỗ ở hiện tại:
Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
Quốc gia:
Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

9. Danh sách thành viên công ty³ (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên/công ty hợp danh, kê khai theo mẫu): Gửi kèm

10. Danh sách người đại diện theo ủy quyền⁴ (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có chủ sở hữu là tổ chức/ cổ đông là tổ chức nước ngoài của công ty cổ phần): Gửi kèm.

11. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài⁵ (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần chưa niêm yết, kê khai theo mẫu): Gửi kèm

12. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế	
12.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:	
12.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁶ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:	
12.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại (nếu có)..... Fax (nếu có): Email (nếu có):	
12.4	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>	
12.5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁷ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)	
12.6	Tổng số lao động:	
12.7	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	
12.8	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁸ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>	
12.9	Thông tin về Tài khoản ngân hàng	
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng

□ Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*).

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi họ tên)⁹

1

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

² Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

^{3,4,5} Thành viên, cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, người đại diện theo ủy quyền không bắt buộc phải ký vào danh sách thành viên, danh sách cổ đông, danh sách người đại diện theo ủy quyền.

⁶ Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 12.4 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 12.2

⁷ Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁸ Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

⁹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

21. Thủ tục: *Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp đề yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ
----------------------------	--

	<p>đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>);</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi vốn đầu tư). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>Phụ lục II-1, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. - Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật); 2. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở (*chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp hoặc sáp nhập doanh nghiệp, đánh dấu X vào ô thích hợp*):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp
- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp

Thông tin về doanh nghiệp bị sáp nhập(*chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp*):

a) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị sáp nhập.

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp như sau:

(*Doanh nghiệp chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/thông báo thay đổi và gửi kèm*)

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt sau khi thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*): ..

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài sau khi thay đổi (*nếu có*):

.....

Tên doanh nghiệp viết tắt sau khi thay đổi (*nếu có*):

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại:Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở (.....h)).

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

Thông tin về người đại diện pháp luật của doanh nghiệp (chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp chuyển địa chỉ trụ sở chính sang tỉnh, thành phố khác):

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/....../....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có):/....../....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH/

THÀNH VIÊN HỢP DANH CÔNG TY HỢP DANH

Trường hợp thay đổi thành viên công ty TNHH, thành viên hợp danh công ty hợp danh: kê khai theo mẫu Danh sách thành viên quy định tại Phụ lục I-6, I-9 (Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó).

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ, TỶ LỆ VỐN GÓP

1. Đăng ký thay đổi vốn điều lệ của công ty:

Vốn điều lệ đã đăng ký (bằng số, bằng chữ, VNĐ):

Vốn điều lệ sau khi thay đổi (bằng số, bằng chữ, VNĐ):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

Thông tin về cổ phần (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần):

Mệnh giá cổ phần:

STT	Loại cổ phần	Số lượng	Giá trị (bằng số, VNĐ)	Tỷ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			

3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

2. Đăng ký thay đổi tỷ lệ vốn góp công ty TNHH, công ty hợp danh

Kê khai tỷ lệ vốn góp mới của thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên/thành viên hợp danh công ty hợp danh theo mẫu tương ứng quy định tại các Phụ lục I-6, Phụ lục I-9.

(Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH¹

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ghi chú

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú

Lưu ý:

- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, doanh nghiệp kê khai đồng thời tại mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại mục 2.

- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính từ ngành này sang ngành khác nhưng không thay đổi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký, doanh nghiệp thực hiện cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 15 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.

THÔNG BÁO THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Vốn đầu tư đã đăng ký (bằng số; bằng chữ; VNĐ):

¹- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

Vốn đầu tư sau khi thay đổi (*bằng số; bằng chữ; VNĐ*):
 Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (*nếu có*):
 Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không
 Thời điểm thay đổi vốn:
 Hình thức tăng, giảm vốn:
 Tài sản góp vốn:

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (<i>bằng số, VNĐ</i>)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi (<i>ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ</i>)		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (<i>ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp</i>)		
Tổng số			

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

Người đại diện theo ủy quyền sau khi thay đổi (*kê khai theo mẫu Phụ lục I-10*):
 Gửi kèm

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP,
 CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÔNG TY CỔ PHẦN**

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông sáng lập: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông sáng lập quy định tại Phụ lục I-7 (*Đối với cổ đông sáng lập có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông sáng lập không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông sáng lập đó*).

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Phụ lục I-8 (*Đối với cổ đông có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông đó*).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP
Người quản lý doanh nghiệp sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:
 Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Chỗ ở hiện tại:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):
 Email (nếu có):Website (nếu có):

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

ST T	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (chỉ kê khai trong trường hợp Giám đốc (Tổng giám đốc) không phải người đại diện theo pháp luật): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc):Điện thoại:
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ² : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán:Điện thoại:
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố:Điện thoại:Fax (nếu có): Email (nếu có):
4	Ngày bắt đầu hoạt động ³ :/...../.....
5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): <div style="text-align: center;"> Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/> </div>
6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ⁴ (Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)

²Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

³Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁴ Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

7	Tổng số lao động:	
8	Có hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁵ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>	
10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng:	
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp đối với các thông tin thay đổi nêu trên. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp).

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi họ tên)⁶

⁵Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chi tiêu này.

⁶Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

22. Thủ tục: *Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận
----------------------------	--

	<p>đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); - Quyết định và bản sao Biên bản họp của đại hội đồng cổ đông - Danh sách cổ đông sáng lập <p>-Đối với doanh nghiệp được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương thì ngoài giấy tờ nêu trên, doanh nghiệp nộp kèm theo: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư; Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế; Giấy đề nghị bổ sung, cập</p>

	nhập thông tin đăng ký doanh nghiệp quy định (<i>theo mẫu</i>). b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi thông tin). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>Phụ lục II-1, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách cổ đông sáng lập (<i>Phụ lục I-7 Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	- Thủ tục chỉ áp dụng đối với Công ty cổ phần chưa niêm yết. - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. - Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: 1. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật); 2. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.
Căn cứ pháp lý:	- <i>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014</i> ;

- | | |
|--|---|
| | <ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính |
|--|---|

Phụ lục II-1
TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO
Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp://Nơi cấp:

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở (chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp hoặc sáp nhập doanh nghiệp, đánh dấu X vào ô thích hợp):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh

niệp

Thông tin về doanh nghiệp bị sáp nhập (chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp://Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp://Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị sáp nhập.

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp như sau:

(Doanh nghiệp chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/ thông báo thay đổi và gửi kèm)

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP,
CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÔNG TY CỔ PHẦN**

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông sáng lập: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông sáng lập quy định tại Phụ lục I-7 (Đối với cổ đông sáng lập có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông sáng lập không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông sáng lập đó).

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Phụ lục I-8 (*Đối với cổ đông có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông đó*).

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH
NGHIỆP**

Người quản lý doanh nghiệp sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

<input type="checkbox"/> Chứng minh nhân dân <input type="checkbox"/> Hộ chiếu Số giấy tờ	<input type="checkbox"/> Căn cước công dân <input type="checkbox"/> Loại khác (<i>ghi rõ</i>):..... chứng thực cá nhân:
---	--

Ngày cấp:/..../....Nơi cấp:Ngày hết hạn (*nếu có*): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*):Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*):Website (*nếu có*):

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

ST T	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (<i>chỉ kê khai trong trường hợp Giám đốc (Tổng giám đốc) không phải người đại diện theo pháp luật</i>): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (<i>nếu có</i>) ² : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại:Fax (<i>nếu có</i>): Email (<i>nếu có</i>):
4	Ngày bắt đầu hoạt động ³ :/...../.....

² Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

5	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>								
6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ⁴ (<i>Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i>)								
7	Tổng số lao động:								
8	Có hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>								
9	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>) ⁵ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>								
10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng: <table border="1" style="width: 100%;"> <thead> <tr> <th style="width: 50%;">Tên ngân hàng</th> <th style="width: 50%;">Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>..... <input type="checkbox"/></td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>..... <input type="checkbox"/></td> </tr> </tbody> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng								
..... <input type="checkbox"/>								
.....								
..... <input type="checkbox"/>								

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp đối với các thông tin thay đổi nêu trên. (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp*).

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(*Ký, ghi họ tên*)⁶

³ Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁴ - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.
- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁵ Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

⁶ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-7
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN

STT	Tên cổ đông sáng lập	Ngày, tháng, năm sinh đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận ĐKDN (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ¹							Mã số dự án, ngày, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của cổ đông sáng lập ³	Ghi chú	
									Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần							Thời điểm góp vốn ²
									Số lượng	Giá trị		Phổ thông						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁴

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có.

² Khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông sáng lập dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

³ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông sáng lập là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁴ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

23. Thủ tục: Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận
----------------------------	--

	<p>đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>* Trường hợp công ty cổ phần chưa niêm yết thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại Khoản 3 Điều 32 Luật Doanh nghiệp (<i>có thay đổi đối với cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài được đăng ký trong Sổ đăng ký cổ đông của công ty</i>), hồ sơ gồm:</p> <p>- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>);</p> <p>- Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài;</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Danh sách các cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài khi đã thay đổi (<i>theo mẫu</i>); - Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần hoặc các giấy tờ chứng minh việc hoàn tất chuyển nhượng; - Bản sao hợp lệ quyết định thành lập hoặc giấy tờ tương đương khác, bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền; + Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực. + Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực. - Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư. * Đối với doanh nghiệp được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương thì ngoài các giấy tờ nêu trên, doanh nghiệp nộp kèm theo: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư; Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế; Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp quy định (<i>theo mẫu</i>). <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi cổ đông). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>Phụ lục II-1, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (<i>Phụ lục I-8, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (<i>Phụ lục II-18 Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	- Thủ tục chỉ áp dụng đối với Công ty cổ phần chưa niêm

	<p>yết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. - Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật); 2. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.
<p>Căn cứ pháp lý:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

Phụ lục II-1
TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO
Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở (*chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp hoặc sáp nhập doanh nghiệp, đánh dấu X vào ô thích hợp*):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp
- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp

Thông tin về doanh nghiệp bị sáp nhập(*chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp*):

a) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị sáp nhập.

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp như sau:

(*Doanh nghiệp chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/thông báo thay đổi và gửi kèm*)

Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết

Có danh sách kèm theo

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp đối với các thông tin thay đổi nêu trên. (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp*).

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên)⁶

⁶Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-8
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

ST T	Tên cổ đồng là nhà đầu tư nước ngoài ¹	Ngày, tháng, năm sinh của cổ đồng là cá nhân nước ngoài	Giới tính	Quốc tịch	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đồng là cá nhân nước ngoài	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ²							Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Chữ ký của cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ⁴	Ghi chú	
								Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần							Thời điểm góp vốn ³
								Số lượng	Giá trị		Phổ thông						
											Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi họ tên)⁵

¹ Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài kê khai tại Danh sách người đại diện theo ủy quyền.

² Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản

góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có

³

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì chữ ký là của người đại diện theo ủy quyền của tổ chức.

⁵ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC II-18
TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:, ngày... .. tháng... .. năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (*hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác*):
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
Đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cụ thể như sau (*đánh dấu X vào ô thích hợp*):

- Loại hình doanh nghiệp
- Công ty TNHH một thành viên
 - Công ty TNHH hai thành viên trở lên
 - Công ty cổ phần
 - Công ty hợp danh

1. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):
Tên công ty viết tắt (*nếu có*):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
Điện thoại: Fax (*nếu có*):
Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

3. Ngành, nghề kinh doanh¹ (*ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam*):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (<i>đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai</i>)

4. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ (*bằng số; VND*):
Vốn điều lệ (*bằng chữ; VND*):
Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (*nếu có*):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

5. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

Tài sản góp vốn (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên)

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (bằng số, VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp)		
Tổng số			

Thông tin về cổ phần (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần):

Mệnh giá cổ phần (VNĐ):

STT	Loại cổ phần	Số lượng	Giá trị (bằng số, VNĐ)	Tỷ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

Thông tin về cổ phần được quyền chào bán (nếu có):

STT	Loại cổ phần được quyền chào bán	Số lượng
1	Cổ phần phổ thông	
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức	
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	
5	Cổ phần ưu đãi khác	
Tổng số:		

6. Chủ sở hữu (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên):

a) Đối với chủ sở hữu là cá nhân (chỉ kê khai nếu chủ sở hữu không phải là người đại diện theo pháp luật):

Họ tên chủ sở hữu (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân

Hộ chiếu Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*):...../...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*):..... Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

Tên tổ chức (*ghi bằng chữ in hoa*):
Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*):..... Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

7. Mô hình tổ chức công ty trách nhiệm hữu hạn (*đánh dấu X vào ô thích hợp, chỉ kê khai đối với công ty TNHH một thành viên có chủ sở hữu là tổ chức*):

Hội đồng thành viên

Chủ tịch công ty

8. Người đại diện theo pháp luật² (*đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần*)/Chủ tịch công ty** (*đối với công ty hợp danh*):**

- Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân

Hộ chiếu Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*):...../...../.....

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Chỗ ở hiện tại:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Điện thoại (nếu có):..... Fax (nếu có):
 Email (nếu có): Website (nếu có):

9. Danh sách thành viên công ty³ (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên/công ty hợp danh, kê khai theo mẫu): Gửi kèm

10. Danh sách người đại diện theo ủy quyền⁴ (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có chủ sở hữu là tổ chức/ cổ đông là tổ chức nước ngoài của công ty cổ phần): Gửi kèm.

11. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài⁵ (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần chưa niêm yết, kê khai theo mẫu): Gửi kèm

12. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
12.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
12.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁶ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
12.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại (nếu có)..... Fax (nếu có): Email (nếu có):
12.4	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
12.5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁷ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
12.6	Tổng số lao động:
12.7	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không
12.8	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁸ :

	Khấu trừ	<input type="checkbox"/>
	Trực tiếp trên GTGT	<input type="checkbox"/>
	Trực tiếp trên doanh số	<input type="checkbox"/>
	Không phải nộp thuế GTGT	<input type="checkbox"/>
12.9	Thông tin về Tài khoản ngân hàng	
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
 <input type="checkbox"/>

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*).

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi họ tên)⁹

1

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

² Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

^{3,4,5} Thành viên, cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, người đại diện theo ủy quyền không bắt buộc phải ký vào danh sách thành viên, danh sách cổ đông, danh sách người đại diện theo ủy quyền.

⁶ Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 12.4 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 12.2

⁷ Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁸ Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

⁹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

24. Thủ tục: *Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp đề yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ
----------------------------	--

	<p>đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); - Đối với doanh nghiệp được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương thì ngoài giấy tờ nêu trên, doanh nghiệp nộp kèm theo: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư; Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế; Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>) <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
<p>Thời gian giải quyết:</p>	<p>- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>

Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi nội dung). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>Phụ lục II-1, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp (<i>Phụ lục II-18 Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>)
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. - Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật); 2. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ

	<i>Kế hoạch và Đầu tư;</i> <i>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính</i>
--	---

Phụ lục II-1
TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO
Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở (*chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp hoặc sáp nhập doanh nghiệp, đánh dấu X vào ô thích hợp*):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp
- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp

Thông tin về doanh nghiệp bị sáp nhập(*chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp*):

a) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị sáp nhập.

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp như sau:

(*Doanh nghiệp chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/thông báo thay đổi và gửi kèm*)

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt sau khi thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*): ..

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài sau khi thay đổi (*nếu có*):

.....

Tên doanh nghiệp viết tắt sau khi thay đổi (*nếu có*):

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở h).

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

Thông tin về người đại diện pháp luật của doanh nghiệp (chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp chuyển địa chỉ trụ sở chính sang tỉnh, thành phố khác):

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....
Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: .../.../....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có): .../.../....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH/ THÀNH VIÊN HỢP DANH CÔNG TY HỢP DANH

Trường hợp thay đổi thành viên công ty TNHH, thành viên hợp danh công ty hợp danh: kê khai theo mẫu Danh sách thành viên quy định tại Phụ lục I-6, I-9 (Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó).

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ, TỶ LỆ VỐN GÓP

1. Đăng ký thay đổi vốn điều lệ của công ty:

Vốn điều lệ đã đăng ký (bằng số, bằng chữ, VNĐ):

Vốn điều lệ sau khi thay đổi (bằng số, bằng chữ, VNĐ):

Có hiện thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không Có Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

Thông tin về cổ phần (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần):

Mệnh giá cổ phần:

STT	Loại cổ phần	Số	Giá trị	Tỉ lệ so với
-----	--------------	----	---------	--------------

		lượng	(bằng số, VNĐ)	vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

2. Đăng ký thay đổi tỷ lệ vốn góp công ty TNHH, công ty hợp danh

Kê khai tỷ lệ vốn góp mới của thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên/thành viên hợp danh công ty hợp danh theo mẫu tương ứng quy định tại các Phụ lục I-6, Phụ lục I-9.

(Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH¹

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (*kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh*):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ghi chú

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (*kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh*):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau (*kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh*):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú

Lưu ý:

- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, doanh nghiệp kê khai đồng thời tại mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại mục 2.
- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính từ ngành này sang ngành khác nhưng không thay đổi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký,

¹- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

doanh nghiệp thực hiện cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 15 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.

THÔNG BÁO THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Vốn đầu tư đã đăng ký (*bằng số; bằng chữ; VNĐ*):

Vốn đầu tư sau khi thay đổi (*bằng số; bằng chữ; VNĐ*):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (*nếu có*):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

Tài sản góp vốn:

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (<i>bằng số, VNĐ</i>)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi (<i>ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ</i>)		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (<i>ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp</i>)		
Tổng số			

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

Người đại diện theo ủy quyền sau khi thay đổi (*kê khai theo mẫu Phụ lục I-10*):

Gửi kèm

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÔNG TY CỔ PHẦN

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông sáng lập: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông sáng lập quy định tại Phụ lục I-7 (*Đối với cổ đông sáng lập có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông sáng lập không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông sáng lập đó*).

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Phụ lục I-8 (*Đối với cổ đông có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông đó*).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Người quản lý doanh nghiệp sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Chức danh:
 Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:
 Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....
 Số giấy tờ chứng thực cá nhân:
 Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Chỗ ở hiện tại:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
 Email (nếu có): Website (nếu có):

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

ST T	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (chỉ kê khai trong trường hợp Giám đốc (Tổng giám đốc) không phải người đại diện theo pháp luật): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc):Điện thoại:
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ² : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán:Điện thoại:
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố:Điện thoại:Fax (nếu có): Email (nếu có):
4	Ngày bắt đầu hoạt động ³ :/...../.....
5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div>Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/></div> <div>Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/></div> </div>
6	Năm tài chính:

²Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

³Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

	Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ⁴ (Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)	
7	Tổng số lao động:	
8	Có hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁵ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>	
10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng:	
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
 <input type="checkbox"/>

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp đối với các thông tin thay đổi nêu trên. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp).

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên)⁶

PHỤ LỤC II-18

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

... .., ngày... .. tháng... .. năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

⁴- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁵Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

⁶Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Số Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cụ thể như sau (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Loại hình doanh nghiệp

- Công ty TNHH một thành viên
- Công ty TNHH hai thành viên trở lên
- Công ty cổ phần
- Công ty hợp danh

1. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

3. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

4. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ (bằng số; VND):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VND):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

5. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

Tài sản góp vốn (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên)

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (bằng số, VND)	Tỷ lệ (%)
1	Đông Việt Nam		

2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (<i>ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp</i>)		
Tổng số			

Thông tin về cổ phần (*chỉ kê khai đối với công ty cổ phần*):

Mệnh giá cổ phần (VNĐ):

STT	Loại cổ phần	Số lượng	Giá trị (bằng số, VNĐ)	Tỷ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

Thông tin về cổ phần được quyền chào bán (*nếu có*):

STT	Loại cổ phần được quyền chào bán	Số lượng
1	Cổ phần phổ thông	
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức	
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	
5	Cổ phần ưu đãi khác	
Tổng số:		

6. Chủ sở hữu (*chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên*):

a) Đối với chủ sở hữu là cá nhân (*chỉ kê khai nếu chủ sở hữu không phải là người đại diện theo pháp luật*):

Họ tên chủ sở hữu (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (*ghi rõ*):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*):...../...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
Quốc gia:
Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
Email (nếu có): Website (nếu có):

b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

Tên tổ chức (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
Địa chỉ trụ sở chính:
Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
Quốc gia:
Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
Email (nếu có): Website (nếu có):

7. Mô hình tổ chức công ty trách nhiệm hữu hạn (đánh dấu X vào ô thích hợp, chỉ kê khai đối với công ty TNHH một thành viên có chủ sở hữu là tổ chức):

Hội đồng thành viên
Chủ tịch công ty

8. Người đại diện theo pháp luật² (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)/Chủ tịch công ty (đối với công ty hợp danh):

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:
Chức danh:
Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:
 Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....
Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
Quốc gia:
Chỗ ở hiện tại:
Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
Quốc gia:
Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
Email (nếu có): Website (nếu có):

9. Danh sách thành viên công ty³ (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên/công ty hợp danh, kê khai theo mẫu): Gửi kèm

10. Danh sách người đại diện theo ủy quyền⁴ (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có chủ sở hữu là tổ chức/ cổ đông là tổ chức nước ngoài của công ty cổ phần): Gửi kèm.

11. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài⁵ (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần chưa niêm yết, kê khai theo mẫu): Gửi kèm

12. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế	
12.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:	
12.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁶ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:	
12.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại (nếu có)..... Fax (nếu có): Email (nếu có):	
12.4	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>	
12.5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁷ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)	
12.6	Tổng số lao động:	
12.7	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	
12.8	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁸ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>	
12.9	Thông tin về Tài khoản ngân hàng	
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
 <input type="checkbox"/>

□ Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*).

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên)⁹

1

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

² Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

^{3,4,5} Thành viên, cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, người đại diện theo ủy quyền không bắt buộc phải ký vào danh sách thành viên, danh sách cổ đông, danh sách người đại diện theo ủy quyền.

⁶ Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 12.4 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 12.2

⁷ Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁸ Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

⁹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

25. Thủ tục: Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được uỷ quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum<ul style="list-style-type: none">+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được uỷ quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký DN (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được uỷ quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.<ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh:<ul style="list-style-type: none">+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.+ Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
----------------------------	---

	<p>+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	a) Thành phần hồ sơ bao gồm: - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi thông tin). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyên đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>Phụ lục II-1, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử là hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. 2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử. 3. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. - Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ tương ứng đối với loại hình doanh nghiệp như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật); 2. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

Phụ lục II-1
TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO
Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở (*chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp hoặc sáp nhập doanh nghiệp, đánh dấu X vào ô thích hợp*):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp
- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp

Thông tin về doanh nghiệp bị sáp nhập(*chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp*):

a) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị sáp nhập.

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp như sau:

(*Doanh nghiệp chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/thông báo thay đổi và gửi kèm*)

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt sau khi thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*): ..

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài sau khi thay đổi (*nếu có*):

.....

Tên doanh nghiệp viết tắt sau khi thay đổi (*nếu có*):

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở (h)).

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

Thông tin về người đại diện pháp luật của doanh nghiệp (chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp chuyển địa chỉ trụ sở chính sang tỉnh, thành phố khác):

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: .../.../....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có): .../.../....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH/
THÀNH VIÊN HỢP DANH CÔNG TY HỢP DANH**

Trường hợp thay đổi thành viên công ty TNHH, thành viên hợp danh công ty hợp danh: kê khai theo mẫu Danh sách thành viên quy định tại Phụ lục I-6, I-9 (Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó).

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ, TỶ LỆ VỐN GÓP

1. Đăng ký thay đổi vốn điều lệ của công ty:

Vốn điều lệ đã đăng ký (bằng số, bằng chữ, VNĐ):

Vốn điều lệ sau khi thay đổi (bằng số, bằng chữ, VNĐ):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

Thông tin về cổ phần (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần):

Mệnh giá cổ phần:

STT	Loại cổ phần	Số	Giá trị	Tỉ lệ so với
-----	--------------	----	---------	--------------

		lượng	(bằng số, VNĐ)	vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

2. Đăng ký thay đổi tỷ lệ vốn góp công ty TNHH, công ty hợp danh

Kê khai tỷ lệ vốn góp mới của thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên/thành viên hợp danh công ty hợp danh theo mẫu tương ứng quy định tại các Phụ lục I-6, Phụ lục I-9.

(Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH¹

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (*kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh*):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ghi chú

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (*kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh*):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau (*kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh*):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú

Lưu ý:

- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, doanh nghiệp kê khai đồng thời tại mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại mục 2.
- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính từ ngành này sang ngành khác nhưng không thay đổi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký,

¹- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

doanh nghiệp thực hiện cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 15 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.

THÔNG BÁO THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Vốn đầu tư đã đăng ký (*bằng số; bằng chữ; VNĐ*):

Vốn đầu tư sau khi thay đổi (*bằng số; bằng chữ; VNĐ*):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (*nếu có*):

Có hiện thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

Tài sản góp vốn:

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (<i>bằng số, VNĐ</i>)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi (<i>ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ</i>)		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (<i>ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp</i>)		
Tổng số			

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

Người đại diện theo ủy quyền sau khi thay đổi (*kê khai theo mẫu Phụ lục I-10*):

Gửi kèm

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÔNG TY CỔ PHẦN

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông sáng lập: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông sáng lập quy định tại Phụ lục I-7 (*Đối với cổ đông sáng lập có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông sáng lập không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông sáng lập đó*).

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Phụ lục I-8 (*Đối với cổ đông có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông đó*).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Người quản lý doanh nghiệp sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Chức danh:
 Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:
 Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....
 Số giấy tờ chứng thực cá nhân:
 Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Chỗ ở hiện tại:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
 Email (nếu có): Website (nếu có):

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

ST T	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (chỉ kê khai trong trường hợp Giám đốc (Tổng giám đốc) không phải người đại diện theo pháp luật): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc):Điện thoại:
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ² : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán:Điện thoại:
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố:Điện thoại:Fax (nếu có): Email (nếu có):
4	Ngày bắt đầu hoạt động ³ :/...../.....
5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): <div style="display: flex; justify-content: space-around; align-items: center;"> <div>Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/></div> <div>Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/></div> </div>
6	Năm tài chính:

²Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

³Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

	Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ⁴ (Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)	
7	Tổng số lao động:	
8	Có hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M không? Có <input type="checkbox"/> không <input type="checkbox"/>	
9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁵ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>	
10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng:	
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
 <input type="checkbox"/>

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp đối với các thông tin thay đổi nêu trên. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp).

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên)⁶

⁴- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁵Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

⁶Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

26. Thủ tục: Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1: + Trường hợp đăng ký trực tiếp: - Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). - Trường hợp nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chuyên viên tiếp nhận cấp Giấy biên nhận hồ sơ và công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ còn thiếu hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung. + Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Tại thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp gửi Giấy đề nghị công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp để thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Bước 2: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm: - Giấy đề nghị công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
<p>Thời gian giải quyết:</p>	<p>- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>
<p>Đối tượng thực hiện:</p>	<p>Cá nhân, Tổ chức</p>
<p>Cơ quan thực hiện:</p>	<p>Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>
<p>Kết quả:</p>	<p>Các nội dung tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp liên quan đến ngành, nghề kinh doanh, cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</p>

Phí, Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Phí Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp. Mức thu: 100.000 đồng/lần - Miễn phí, lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Giấy đề nghị công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>Phụ lục II-25, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

**TÊN DOANH
NGHIỆP**

**Phụ lục II-25
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố.....

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: .../.../...Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...

Điện thoại (nếu có): Email (nếu có):

Là đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp:

Đăng ký lần đầu ngày...../...../.....

Đăng ký thay đổi lần thứ....**ngày**...../...../.....

Đề nghị đăng Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

Ngày bắt đầu đăng thông tin:/...../.....

Ngày kết thúc đăng thông tin:/...../.....

Văn bản gửi kèm (chỉ kê khai nếu doanh nghiệp có văn bản gửi kèm)

Đề nghị Quý Phòng xem xét, đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

27. Thủ tục: Thông báo sử dụng, thay đổi, huỷ mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). - Trường hợp nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chuyên viên tiếp nhận cấp Giấy biên nhận hồ sơ và công bố mẫu dấu/hủy dấu của DN lên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp hồ sơ còn thiếu hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung. + Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: <ul style="list-style-type: none"> - Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). - Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, Phòng Đăng ký kinh doanh công bố trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc sử dụng mẫu con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện (<i>theo mẫu-Phụ lục II-</i>

	<p>8) đối với trường hợp sử dụng con dấu;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc thay đổi mẫu con dấu/số lượng con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện (<i>theo mẫu-Phụ lục II-9</i>) đối với trường hợp thay đổi mẫu con dấu/số lượng con dấu; - Thông báo về việc hủy mẫu con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện (<i>theo mẫu-Phụ lục II-10</i>) đối với trường hợp hủy mẫu con dấu; <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	<ul style="list-style-type: none"> - Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Doanh nghiệp không cần gửi hồ sơ bằng bản giấy cho phòng Đăng ký kinh doanh.
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Thông báo mẫu con dấu/Thông báo về việc thay đổi mẫu con dấu, số lượng con dấu/Thông báo về việc hủy mẫu con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện của doanh nghiệp được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc sử dụng mẫu con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện (<i>Phụ lục II-8, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Thông báo về việc thay đổi mẫu con dấu/số lượng con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện (<i>Phụ lục II-9, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Thông báo về việc hủy mẫu con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện (<i>Phụ lục II-10, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

Phụ lục II-8
TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc sử dụng mẫu con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Thông tin về chi nhánh/văn phòng đại diện (*chỉ kê khai trong trường hợp thông báo về mẫu con dấu của chi nhánh/văn phòng đại diện*):

- Tên chi nhánh/văn phòng đại diện:

- Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện:

- Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện:

Thông báo về mẫu con dấu như sau:

1. Mẫu con dấu:

Mẫu con dấu	Ghi chú
<i>(Doanh nghiệp đóng dấu trực tiếp vào phần này)</i>	

2. Số lượng con dấu:

3. Thời điểm có hiệu lực của mẫu con dấu: từ ngày tháng ... năm ...

Đề nghị Quý Phòng công bố mẫu con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, hợp pháp, phù hợp thuần phong mỹ tục, văn hóa, khả năng gây nhầm lẫn của mẫu con dấu và tranh chấp phát sinh do việc quản lý và sử dụng con dấu.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(*Ký, ghi họ tên*)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục II-9
TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO
Về việc thay đổi mẫu con dấu/số lượng con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp:

Thông tin về chi nhánh/văn phòng đại diện (*chỉ kê khai trong trường hợp thông báo về mẫu con dấu của chi nhánh/văn phòng đại diện*):

- Tên chi nhánh/văn phòng đại diện:

- Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện:

- Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện:

Thông báo về việc thay đổi mẫu con dấu/số lượng con dấu như sau:

1. Mẫu con dấu:

Mẫu con dấu cũ ¹	Mẫu con dấu mới	Ghi chú
<i>(Doanh nghiệp đóng dấu trực tiếp vào phần này)</i>	<i>(Doanh nghiệp đóng dấu trực tiếp vào phần này)</i>	

2. Số lượng con dấu:

- Số lượng con dấu trước khi thay đổi (*chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thay đổi số lượng con dấu*):

- Số lượng con dấu sau khi thay đổi:

3. Thời điểm có hiệu lực của mẫu con dấu mới (*chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thay đổi mẫu con dấu*): từ ngày tháng ... năm ...

Đề nghị Quý Phòng công bố mẫu con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, hợp pháp, phù hợp tuân phong mỹ tục, văn hóa, khả năng gây nhầm lẫn của mẫu con dấu và tranh chấp phát sinh do việc quản lý và sử dụng con dấu.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi họ tên)²

¹ Trường hợp doanh nghiệp bị mất con dấu cũ hoặc đã nộp con dấu cũ cho cơ quan công an hoặc doanh nghiệp thay đổi số lượng con dấu nhưng không thay đổi mẫu con dấu thì doanh nghiệp không cần đóng dấu vào ô này.

² Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục II-10
TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc hủy mẫu con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Thông báo về việc hủy mẫu con dấu như sau:

1. Thông tin về chi nhánh/văn phòng đại diện (*chỉ kê khai trong trường hợp thông báo về mẫu con dấu của chi nhánh/văn phòng đại diện*):

- Tên chi nhánh/văn phòng đại diện:

- Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện:

2. Hình thức mẫu con dấu:

Mẫu con dấu	Ghi chú
<i>(Doanh nghiệp đóng dấu trực tiếp vào phần này)</i>	

3. Thời điểm hết hiệu lực của mẫu con dấu: từ ngày tháng ... năm ...

Đề nghị Quý Phòng công bố việc hủy mẫu con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT**

CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

28. Thủ tục: Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc
----------------------------	--

	<p>cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh (<i>theo mẫu</i>); - Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của chủ sở hữu công ty hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty đối với công ty trách nhiệm hữu

	<p>hạn một thành viên, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần, của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao hợp lệ quyết định bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện; - Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP của người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện (<i>cụ thể: Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>); - Trường hợp doanh nghiệp là tổ chức tín dụng thuộc loại hình công ty trách nhiệm hoặc công ty cổ phần, khi đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước thì hồ sơ phải có Bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo về việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh (<i>Phụ lục II-11, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	<ol style="list-style-type: none"> 1. Có hồ sơ hợp lệ (có đầy đủ giấy tờ như đã nêu tại Thành phần hồ sơ và nội dung giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật). 2. Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;

	<ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính
--	--

Phụ lục II-11
TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO
**Về việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/
lập địa điểm kinh doanh**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/

Thông báo lập địa điểm kinh doanh với các nội dung sau:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt(*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt (*nếu có*):

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (*nếu có*):Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*):Website (*nếu có*):

3. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (*đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh*):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (<i>đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai</i>)

b) Nội dung hoạt động (*đối với văn phòng đại diện*):

4. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ tên người đứng đầu (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....
 Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: .../.../...Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

5. Chi nhánh chủ quản (chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

6. Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp đánh dấu X vào một trong 2 ô sau):

Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh ghi nhận thông tin của tất cả địa điểm kinh doanh

Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh ghi nhận thông tin của từng địa điểm kinh doanh

7. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại:Fax (nếu có): Email (nếu có):

2	Ngày bắt đầu hoạt động ¹ (<i>trường hợp chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thì không cần kê khai nội dung này</i>):/...../.....						
3	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>						
4	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ² (<i>ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i>)						
5	Tổng số lao động (<i>dự kiến</i>):						
6	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>						
7	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>) ³ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>						
8	Thông tin về Tài khoản ngân hàng: <table border="1" style="width: 100%;"> <thead> <tr> <th>Tên ngân hàng</th> <th>Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </tbody> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng						
.....						
.....						

Doanh nghiệp cam kết:

- Trụ sở chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP/
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CHI NHÁNH⁴**
(*Ký, ghi họ tên*)

¹ Trường hợp chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận.

² Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

³ Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

⁴ Người ký Thông báo thực hiện theo quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 33 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT và ký trực tiếp vào phần này.

29. Thủ tục: Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc
-----------------------------------	--

	<p>cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (<i>theo mẫu</i>). - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc giấy tờ tương đương. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
<p>Thời gian giải</p>	<p>- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>

quyết:	
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	- Thông tin về về chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp được bổ sung trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo về việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (<i>Phụ lục II-12, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	- <i>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</i> - <i>Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</i> - <i>Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</i> - <i>Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</i> - <i>Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</i> - <i>Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính</i>

THÔNG BÁO
Về việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

**Thông báo về việc lập chi nhánh/
văn phòng đại diện ở nước ngoài như sau:**

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện viết tắt (*nếu có*):

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện:

Điện thoại(*nếu có*): Fax(*nếu có*):

Email(*nếu có*): Website(*nếu có*):

3. Số Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện hoặc giấy tờ tương đương khác:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

4. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (*đối với chi nhánh*):

b) Nội dung hoạt động (*đối với văn phòng đại diện*):

5. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện:

Họ tên người đứng đầu (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

<input type="checkbox"/> Chứng minh nhân dân	<input type="checkbox"/> Căn cước công dân
<input type="checkbox"/> Hộ chiếu	<input type="checkbox"/> Loại khác (<i>ghi rõ</i>):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*): ... / ... / ...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP

LUẬT

CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

30. Thủ tục: Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh
----------------------------	--

	<p>doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh (<i>theo mẫu</i>); - Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng

	<p>nhận đầu tư (<i>theo mẫu</i>)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của chủ sở hữu công ty hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần, của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện; - Bản sao hợp lệ quyết định bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh văn phòng đại diện; - Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP của người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>). <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh (<i>Phụ lục II-11, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (<i>Phụ lục II-19, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>)
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- | | |
|--|---|
| | <ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính |
|--|---|

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-11
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

**Về việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/
lập địa điểm kinh doanh**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/

Thông báo lập địa điểm kinh doanh với các nội dung sau:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt(*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt (*nếu có*):

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

3. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (*đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh*):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (<i>đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai</i>)

b) Nội dung hoạt động (*đối với văn phòng đại diện*):

4. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ tên người đứng đầu (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....
 Số giấy tờ chứng thực cá nhân:
 Ngày cấp: .../.../...Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Chỗ ở hiện tại:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):
 Email (nếu có):Website (nếu có):

5. Chi nhánh chủ quản (chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):

Tên chi nhánh:
 Địa chỉ chi nhánh:
 Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:
 Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh):
 Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

6. Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp đánh dấu X vào một trong 2 ô sau):

- Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh ghi nhận thông tin của tất cả địa điểm kinh doanh
 Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh ghi nhận thông tin của từng địa điểm kinh doanh

7. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (nếu có): Email (nếu có):

2	Ngày bắt đầu hoạt động ¹ (<i>trường hợp chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thì không cần kê khai nội dung này</i>):/...../.....						
3	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>						
4	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ² (<i>ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i>)						
5	Tổng số lao động (<i>dự kiến</i>):						
6	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>						
7	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>) ³ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>						
8	Thông tin về Tài khoản ngân hàng: <table border="1"> <thead> <tr> <th>Tên ngân hàng</th> <th>Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>... <input type="checkbox"/></td> <td>.....</td> </tr> </tbody> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng <input type="checkbox"/>
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng						
.....						
... <input type="checkbox"/>						

Doanh nghiệp cam kết:

- Trụ sở chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
 CỦA DOANH NGHIỆP/
 NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CHI NHÁNH⁴**
 (Ký, ghi họ tên)

¹ Trường hợp chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận.

² Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

³ Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

⁴ Người ký Thông báo thực hiện theo quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 33 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT và ký trực tiếp vào phần này.

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

PHỤ LỤC II-19
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... .., ngày... .. tháng... .. năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

.....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

.....

Đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh với các nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin về chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

.....

Tên chi nhánh viết tắt (nếu có):

.....

2. Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh/Mã số thuế:

3. Thông tin về Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác):

Số Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

.....

4. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

.....

Xã/Phường/Thị trấn:

.....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

.....

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

5. Ngành, nghề kinh doanh/nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

b) Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):

6. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ tên người đứng đầu (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại Giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):...../...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc

gia:

Điện thoại (nếu có):..... Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

7. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế								
1	Địa chỉ nhận thông báo thuế (<i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i>): Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (nếu có): Email (nếu có):								
2	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>								
3	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ¹ (<i>ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i>)								
4	Tổng số lao động (<i>dự kiến</i>):								
5	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không								
6	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>) ² : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>								
7	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (<i>nếu có tại thời điểm kê khai</i>):								
	<table border="1" style="width:100%"> <thead> <tr> <th style="width:50%">Tên ngân hàng</th> <th style="width:50%">Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>..... <input type="checkbox"/></td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </tbody> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng <input type="checkbox"/>
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng							
 <input type="checkbox"/>							
.....								
.....								
.....								
.....								

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận*).

II. Thông tin về chi nhánh chủ quản³ (*kê khai theo hướng dẫn tại mục I Phụ lục này*)

□ Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận*).

III. Thông tin về doanh nghiệp⁴ (*kê khai theo mẫu tại Phụ lục II-18*)

□ Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận*).

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**

(*Ký, ghi họ tên*)

¹ Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

² Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

³ Chỉ kê khai trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh.

⁴ Chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp chưa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác).

31. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp đề yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được
----------------------------	---

	<p>mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp; - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế;

	- Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (<i>theo mẫu</i>) b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện
Lệ phí:	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (<i>Phụ lục II-19, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>)
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

PHỤ LỤC II-19
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... .., ngày... .. tháng... .. năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

.....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

.....

Đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh với các nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin về chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

.....

Tên chi nhánh viết tắt (nếu có):

.....

2. Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh/Mã số thuế:

3. Thông tin về Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác):

Số Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

.....

4. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

.....

Xã/Phường/Thị trấn:

.....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

.....

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

5. Ngành, nghề kinh doanh/nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

b) Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):

6. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ tên người đứng đầu (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại Giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):...../...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc

gia:

Điện thoại (nếu có):..... Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

7. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế	
1	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (nếu có): Email (nếu có):	
2	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>	
3	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ¹ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)	
4	Tổng số lao động (dự kiến):	
5	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	
6	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ² : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>	
7	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai):	
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận).

II. Thông tin về chi nhánh chủ quản³ (kê khai theo hướng dẫn tại mục I Phụ lục này)

□ Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận*).

III. Thông tin về doanh nghiệp⁴ (*kê khai theo mẫu tại Phụ lục II-18*)

□ Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận*).

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP**

(*Ký, ghi họ tên*)

¹ Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

² Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

³ Chỉ kê khai trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh.

⁴ Chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp chưa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác).

32. Thủ tục: Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc
----------------------------	--

	<p>cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh (<i>theo mẫu</i>). - Trường hợp doanh nghiệp là tổ chức tín dụng thuộc loại hình công ty trách nhiệm hoặc công ty cổ phần, khi lập địa điểm kinh doanh thì hồ sơ phải có Bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt

	Nam. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh
Lệ phí:	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (Đăng ký địa điểm kinh doanh). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo về việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh (<i>Phụ lục II-11, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

TÊN DOANH NGHIỆP

Phụ lục II-11
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

**Về việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/
lập địa điểm kinh doanh**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/

Thông báo lập địa điểm kinh doanh với các nội dung sau:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt(ghi bằng chữ in hoa):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

3. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

b) Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):

4. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ tên người đứng đầu (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:
 Ngày cấp: / / Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có): / /
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Chỗ ở hiện tại:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
 Email (nếu có): Website (nếu có):

5. Chi nhánh chủ quản (chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):

Tên chi nhánh:
 Địa chỉ chi nhánh:
 Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:
 Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh):
 Ngày cấp: / / Nơi cấp:

6. Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp đánh dấu X vào một trong 2 ô sau):

- Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh ghi nhận thông tin của tất cả địa điểm kinh doanh
 Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh ghi nhận thông tin của từng địa điểm kinh doanh

7. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (nếu có): Email (nếu có):
2	Ngày bắt đầu hoạt động ¹ (trường hợp chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp

¹ Trường hợp chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận.

	<i>Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....</i>						
3	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán <input type="checkbox"/> độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>						
4	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ² (<i>ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i>)						
5	Tổng số lao động (<i>dự kiến</i>):						
6	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>						
7	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>) ³ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>						
8	Thông tin về Tài khoản ngân hàng: <table border="1" style="width: 100%;"> <thead> <tr> <th>Tên ngân hàng</th> <th>Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </tbody> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng						
.....						
.....						

Doanh nghiệp cam kết:

- Trụ sở chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP/
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CHI NHÁNH⁴**
(Ký, ghi họ tên)

²Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

³Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

⁴Người ký Thông báo thực hiện theo quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 33 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT và ký trực tiếp vào phần này.

33. Thủ tục: Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum<ul style="list-style-type: none">+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.<ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh:<ul style="list-style-type: none">+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.+ Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh
----------------------------	---

	<p>doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh (<i>theo mẫu</i>); * Trường hợp doanh nghiệp đề nghị được cấp Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy

	<p>chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, doanh nghiệp nộp hồ sơ đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi chi nhánh, văn phòng đại diện đặt trụ sở. Hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp; - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế; - Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (<i>theo mẫu</i>). <p>* Trường hợp doanh nghiệp là tổ chức tín dụng thuộc loại hình công ty trách nhiệm hoặc công ty cổ phần, khi lập địa điểm kinh doanh ở trong nước thì hồ sơ phải có Bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (Đăng ký địa điểm kinh doanh). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/lập địa điểm kinh doanh (<i>Phụ lục II-11, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (<i>Phụ lục II-19, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

- | | |
|--|---|
| | <ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính |
|--|---|

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-11
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

**Về việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/
lập địa điểm kinh doanh**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/

Thông báo lập địa điểm kinh doanh với các nội dung sau:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt(*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt (*nếu có*):

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

3. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (*đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh*):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (<i>đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai</i>)

b) Nội dung hoạt động (*đối với văn phòng đại diện*):

4. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ tên người đứng đầu (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....
 Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: .../.../... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

5. Chi nhánh chủ quản (chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh):

Ngày cấp:// Nơi cấp:

6. Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp đánh dấu X vào một trong 2 ô sau):

Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh ghi nhận thông tin của tất cả địa điểm kinh doanh

Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh ghi nhận thông tin của từng địa điểm kinh doanh

7. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (nếu có): Email (nếu có):

2	Ngày bắt đầu hoạt động ¹ (<i>trường hợp chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thì không cần kê khai nội dung này</i>):/...../.....						
3	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>						
4	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ² (<i>ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i>)						
5	Tổng số lao động (<i>dự kiến</i>):						
6	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>						
7	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>) ³ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>						
8	Thông tin về Tài khoản ngân hàng: <table border="1" style="width: 100%;"> <thead> <tr> <th>Tên ngân hàng</th> <th>Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </tbody> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng						
.....						
.....						

Doanh nghiệp cam kết:

- Trụ sở chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP/
NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CHI NHÁNH⁴**
(*Ký, ghi họ tên*)

¹ Trường hợp chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận.

² Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

³ Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

⁴ Người ký Thông báo thực hiện theo quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 33 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT và ký trực tiếp vào phần này.

TÊN DOANH NGHIỆP

Phụ lục II-19
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh với các nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin về chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên chi nhánh viết tắt (*nếu có*):

2. Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh/Mã số thuế:

.....

3. Thông tin về Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện (*hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác*):

Số Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

4. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại:Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*):Website (*nếu có*):

5. Ngành, nghề kinh doanh/nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (*đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh*):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (<i>đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai</i>)

--	--	--	--

b) Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):

6. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ tên người đứng đầu (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Loại Giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Số giấy tờ

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

7. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại:Fax (nếu có): Email (nếu có):
2	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
3	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ¹ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
4	Tổng số lao động (dự kiến):

¹ Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

5	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>								
6	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ² : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>								
7	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai): <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <th style="width: 50%;">Tên ngân hàng</th> <th style="width: 50%;">Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> <tr> <td>..... <input type="checkbox"/></td> <td>..... <input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>..... <input type="checkbox"/></td> <td>..... <input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>....</td> <td>...</td> </tr> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng								
..... <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>								
..... <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>								
....	...								

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận).

II. Thông tin về chi nhánh chủ quản³ (kê khai theo hướng dẫn tại mục I Phụ lục này)

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận).

III. Thông tin về doanh nghiệp⁴ (kê khai theo mẫu tại Phụ lục II-18)

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận).

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên)

² Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chi tiêu này.

³ Chỉ kê khai trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh.

⁴ Chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp chưa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác).

34. Thủ tục: Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
----------------------------	--

	<p>+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	a) Thành phần hồ sơ bao gồm: Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (<i>theo mẫu</i>); b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng

	đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi nội dung đăng ký hoạt động). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (<i>Phụ lục II-13, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	- Trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện phải thực hiện các thủ tục với cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm theo quy định của pháp luật về thuế.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-13
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

**Về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/
văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh/
văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:**

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Nội dung đăng ký thay đổi:

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP/
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CHI NHÁNH
(Ký, ghi họ tên)¹

¹

- Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

35. Thủ tục: Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum<ul style="list-style-type: none">+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.<ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh:<ul style="list-style-type: none">+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.+ Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
----------------------------	---

	<p>+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (<i>theo mẫu</i>); - Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế của chi nhánh (trường hợp chi nhánh hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư);

	b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện; Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện
Lệ phí:	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi nội dung đăng ký hoạt động). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (<i>Phụ lục II-13, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (<i>Phụ lục II-19, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

**Phụ lục II-13
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

**Về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/
văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp://Nơi cấp:

**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh/
văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:**

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*):

Ngày cấp://Nơi cấp:

Nội dung đăng ký thay đổi:

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP/
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CHI NHÁNH
(Ký, ghi họ tên)¹**

¹

- Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục II-19
TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh với các nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin về chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên chi nhánh viết tắt (*nếu có*):

2. Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh/Mã số thuế:

.....

3. Thông tin về Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện (*hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác*):

Số Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

4. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại:Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*):Website (*nếu có*):

5. Ngành, nghề kinh doanh/nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (*đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh*):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (<i>đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai</i>)

b) Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):

6. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ tên người đứng đầu (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Loại Giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....
Số giấy tờ chung thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

7. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại:Fax (nếu có): Email (nếu có):
2	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
3	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ¹ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
4	Tổng số lao động (dự kiến):
5	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, <input type="checkbox"/> TL, O&M:

¹ Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

	Có	<input type="checkbox"/>	Không								
6	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>) ² : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>										
7	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (<i>nếu có tại thời điểm kê khai</i>): <table border="1"> <thead> <tr> <th>Tên ngân hàn</th> <th>Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>..... <input type="checkbox"/></td> <td>..... <input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td></td> <td>...</td> </tr> <tr> <td>..... <input type="checkbox"/></td> <td>..... <input type="checkbox"/></td> </tr> </tbody> </table>			Tên ngân hàn	Số tài khoản ngân hàng <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
Tên ngân hàn	Số tài khoản ngân hàng										
..... <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>										
	...										
..... <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>										

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận*).

II. Thông tin về chi nhánh chủ quản³ (*kê khai theo hướng dẫn tại mục I Phụ lục này*)

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận*).

III. Thông tin về doanh nghiệp⁴ (*kê khai theo mẫu tại Phụ lục II-18*)

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận*).

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên)

² Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chi tiêu này.

³ Chỉ kê khai trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh.

⁴ Chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp chưa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác).

36. Thủ tục: Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum<ul style="list-style-type: none">+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.<ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh:<ul style="list-style-type: none">+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.+ Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
----------------------------	---

	<p>+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>* Trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (<i>theo mẫu</i>); - Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (<i>theo mẫu</i>) <p>+ Trường hợp địa điểm kinh doanh thuộc chi nhánh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi

	<p>nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (<i>theo mẫu</i>);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (<i>theo mẫu</i>) - Đối với trường hợp chi nhánh hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư, ngoài các giấy tờ nêu trên, kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế của chi nhánh. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi nội dung đăng ký hoạt động). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (<i>Phụ lục II-13, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (<i>Phụ lục II-19, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>)
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

**Phụ lục II-13
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

**Về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/
văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp://Nơi cấp:

**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh/
văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:**

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*):

Ngày cấp://Nơi cấp:

Nội dung đăng ký thay đổi:

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP/
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CHI NHÁNH
(Ký, ghi họ tên)¹**

¹

- Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục II-19
TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh với các nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin về chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên chi nhánh viết tắt (*nếu có*):

2. Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh/Mã số thuế:

.....

3. Thông tin về Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện (*hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác*):

Số Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

4. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại:Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*):Website (*nếu có*):

5. Ngành, nghề kinh doanh/nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (*đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh*):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (<i>đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai</i>)

b) Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):

6. Người đứng đầu chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ tên người đứng đầu (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Loại Giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Số giấy tờ

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

chứng thực cá nhân:

.....

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

7. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại:Fax (nếu có): Email (nếu có):
2	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
3	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ¹ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
4	Tổng số lao động (dự kiến):
5	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, <input type="checkbox"/> TL, O&M:

¹ Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

	Có	<input type="checkbox"/>	Không								
6	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>) ² : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>										
7	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (<i>nếu có tại thời điểm kê khai</i>): <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 50%;">Tên ngân hàng</th> <th style="width: 50%;">Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>..... <input type="checkbox"/></td> <td>..... <input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>..... <input type="checkbox"/></td> <td>..... <input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>..... <input type="checkbox"/></td> <td>..... <input type="checkbox"/></td> </tr> </tbody> </table>			Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng										
..... <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>										
..... <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>										
..... <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>										

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận*).

II. Thông tin về chi nhánh chủ quản³ (*kê khai theo hướng dẫn tại mục I Phụ lục này*)

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận*).

III. Thông tin về doanh nghiệp⁴ (*kê khai theo mẫu tại Phụ lục II-18*)

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (*Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận*).

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(*Ký, ghi họ tên*)

² Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chi tiêu này.

³ Chỉ kê khai trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh.

⁴ Chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp chưa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác).

37. Thủ tục: Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được uỷ quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum<ul style="list-style-type: none">+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được uỷ quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được uỷ quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.<ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh:<ul style="list-style-type: none">+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.+ Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
----------------------------	---

	<p>+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	a) Thành phần hồ sơ bao gồm: - Thông báo về việc bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Thông tin của doanh nghiệp được cập nhật bổ sung trong Cơ

	sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (cập nhật thông tin). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo về việc bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp (<i>Phụ lục II-5, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

Phụ lục II-5

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp://Nơi cấp:

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc như sau:

.....

.....

.....

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

38. Thủ tục: *Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp đề yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ
----------------------------	--

	<p>đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc cho thuê doanh nghiệp tư nhân (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao Hợp đồng cho thuê có công chứng <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Thông tin của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp được cập nhật

Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo về việc cho thuê doanh nghiệp tư nhân (<i>Phụ lục II-6, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	Thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hợp đồng cho thuê có hiệu lực thi hành
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-6
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

Về việc cho thuê doanh nghiệp tư nhân

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Thông báo về việc cho thuê doanh nghiệp tư nhân với các nội dung sau:

1. Chủ doanh nghiệp tư nhân

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/..../....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

2. Người thuê doanh nghiệp tư nhân

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/..../....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
Chỗ ở hiện tại:
Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
Xã/Phường/Thị trấn:
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
Tỉnh/Thành phố:
Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):
Email (nếu có): Website (nếu có):
Chúng tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp,
chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

NGƯỜI THUÊ
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN
(Ký, ghi họ tên)¹

CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN
(Ký, ghi họ tên)²

¹ Người thuê doanh nghiệp tư nhân ký trực tiếp vào phần này.

² Chủ doanh nghiệp tư nhân ký trực tiếp vào phần này.

39. Thủ tục: Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc
----------------------------	--

	<p>cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện (.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết chia công ty; - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của công ty bị chia; - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên của (các) công ty mới. Hồ sơ gồm: <p>+ Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>);</p>

	<p>+ Điều lệ công ty (phải có họ, tên và chữ ký của chủ sở hữu công ty là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu công ty là tổ chức);</p> <p>+ Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>) của người đại diện theo ủy quyền nếu công ty tổ chức quản lý theo mô hình Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên. Trường hợp công ty tổ chức quản lý theo mô hình Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên, hồ sơ gồm Danh sách người đại diện theo ủy quyền (<i>theo mẫu</i>) và Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>) của từng đại diện theo ủy quyền.</p> <p>+ Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> . Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>); . Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước); . Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành. <p>+ Văn bản ủy quyền của chủ sở hữu cho người được ủy quyền đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức.</p> <p>+ Bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong trường hợp thành lập tổ chức tín dụng.</p> <p>+ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế trong trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
<p>Thời gian giải quyết:</p>	<p>- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>

Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (<i>Phụ lục I-2, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (<i>Phụ lục I-10, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

Phụ lục I-2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tôi là người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh³ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong
-----	-----------	----------	--

3

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

			<i>các ngành, nghề đã kê khai)</i>

5. Chủ sở hữu:

a) Đối với chủ sở hữu là cá nhân:

Họ tên chủ sở hữu (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài*):

Mã số dự án:.....

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

Tên tổ chức (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

Danh sách người đại diện theo ủy quyền (*kê khai theo mẫu, nếu có*): Gửi kèm

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài*):

Mã số dự án:.....

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

6. Mô hình tổ chức công ty (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu, đánh dấu X vào một trong 2 ô):

Hội đồng thành viên

Chủ tịch công ty

7. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

8. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

9. Tài sản góp vốn:

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (bằng số, VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi (ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ)		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp)		
Tổng số			

10. Người đại diện theo pháp luật⁴:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

⁴ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....
 Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

11. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
11.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
11.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁵ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
11.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có): Email (nếu có):
11.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁶ (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
11.5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
11.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁵

⁵Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 11.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 11.2.

⁶Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

	<i>(ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)</i>							
11.7	Tổng số lao động <i>(dự kiến)</i> :							
11.8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>							
11.9	Phương pháp tính thuế GTGT <i>(chọn 1 trong 4 phương pháp)</i> ⁶ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>							
11.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng <i>(nếu có tại thời điểm kê khai)</i> : <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <th style="width: 50%;">Tên ngân hàng</th> <th style="width: 50%;">Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>...</td> <td></td> </tr> </table>		Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng	
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng							
.....							
...								

12. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi *(chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):*

a) Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa)*:
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế)*:
Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa)*:
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế)*:
Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

13. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi *(chỉ kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):*

Tên hộ kinh doanh *(ghi bằng chữ in hoa)*:
Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:
Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:
Mã số thuế của hộ kinh doanh *(chỉ kê khai MST 10 số)*:
Địa điểm kinh doanh:
Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân *(kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh)*:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.
- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.
⁶Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp: .../.../....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có): .../.../....

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-10
DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký của người đại diện theo ủy quyền	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

40. Thủ tục: Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc
----------------------------	--

	<p>cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết chia công ty; - Bản sao hợp lệ biên bản họp Hội đồng thành viên về việc chia công ty; - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của công ty bị chia; - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của công ty trách nhiệm hữu

	<p>hạn hai thành viên trở lên cho (các) công ty mới. Hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); + Điều lệ công ty (có đầy đủ chữ ký của người tham gia thành lập doanh nghiệp); + Danh sách thành viên (có đầy đủ chữ ký) (<i>theo mẫu</i>) + Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> . Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân: Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực; . Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>) và văn bản ủy quyền tương ứng đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là tổ chức; . Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành. + Bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong trường hợp thành lập tổ chức tín dụng. + Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế trong trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Giấy đề nghị đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (<i>Phụ lục I-3, Thông tư số 02/2019/TT-</i>

	<p><i>BKHĐT</i>);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (<i>Phụ lục I-6, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014</i>; - <i>Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ</i>; - <i>Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ</i>; - <i>Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư</i>; - <i>Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư</i>; - <i>Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính</i>

Phụ lục I-3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

**Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên do tôi
là người đại diện theo pháp luật với nội dung sau:**

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

h nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh⁷ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một)
-----	-----------	----------	--

7

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

			trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VND):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VND):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Danh sách thành viên công ty: (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

8. Người đại diện theo pháp luật⁸:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
-----	-------------------------------------

⁸ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

9.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:						
9.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁹ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:						
9.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại:Fax (nếu có): Email (nếu có):						
9.4	Ngày bắt đầu hoạt động ¹⁰ (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....						
9.5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>						
9.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁵ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)						
9.7	Tổng số lao động (dự kiến):						
9.8	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>						
9.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁶ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>						
9.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai): <table border="1" style="width: 100%;"> <thead> <tr> <th>Tên ngân hàng</th> <th>Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </tbody> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng						
.....						
.....						

⁹Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 9.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 9.2.

¹⁰Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁵
- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.
- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁶Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

11. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh (chỉ kê khai MST 10 số):

Địa điểm kinh doanh:

Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Trú sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-6
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng , năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Thời điểm góp vốn ³	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy CN đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ⁴	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng , giá trị tài sản góp vốn ²				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16

....., ngày.....tháng.....năm.....

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.

² Loại tài sản góp vốn bao gồm:

- Đồng Việt Nam

- Ngoại tệ tự do chuyển đổi (*ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ*)

- Vàng

- Giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật

- Tài sản khác (*ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp*)

³

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁵

⁵ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

41. Thủ tục: Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp đề yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
----------------------------	--

	<p>+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết chia công ty; - Bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông về việc chia công ty; - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của công ty bị chia; - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của công ty cổ phần đối với (các) công ty mới. Hồ sơ gồm:

	<p>+ Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>);</p> <p>+ Điều lệ công ty (có đầy đủ chữ ký của người tham gia thành lập doanh nghiệp);</p> <p>+ Danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (<i>theo mẫu</i>). Danh sách người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông nước ngoài là tổ chức (có đầy đủ chữ ký) (<i>theo mẫu</i>)</p> <p>+ Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây:</p> <p>. Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là cá nhân (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>);</p> <p>. Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>) và văn bản ủy quyền tương ứng đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là tổ chức;</p> <p>. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>+ Bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong trường hợp thành lập tổ chức tín dụng.</p> <p>+ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế trong trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<p>- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thành lập công ty cổ phần). Mức thu: 50.000 đồng/lần</p> <p>- Miễn lệ phí đối với: Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực</p>

	hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký công ty cổ phần (<i>Phụ lục I-4, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách cổ đông sáng lập (<i>Phụ lục I-7, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (<i>Phụ lục I-8, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (<i>Phụ lục I-10, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

Phụ lục I-4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CÔNG TY CỔ PHẦN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Đăng ký công ty cổ phần do tôi là người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong)

1

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

			<i>các ngành, nghề đã kê khai</i>

5. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Thông tin về cổ phần:

Mệnh giá cổ phần (VNĐ):

STT	Loại cổ phần	Số lượng	Giá trị (bằng số, VNĐ)	Tỉ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

Thông tin về cổ phần được quyền chào bán:

STT	Loại cổ phần được quyền chào bán	Số lượng
1	Cổ phần phổ thông	
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức	
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	
5	Cổ phần ưu đãi khác	
Tổng số		

8. Danh sách cổ đông sáng lập (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

9. Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (kê khai theo mẫu, nếu có): Gửi kèm

10. Danh sách người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (kê khai theo mẫu, nếu có): Gửi kèm

11. Người đại diện theo pháp luật²:

² Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

- Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:
 Chức danh:
 Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:
 Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (*ghi rõ*):.....
 Số giấy tờ chứng thực cá nhân:
 Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*):/...../.....
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Chỗ ở hiện tại:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):
 Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

12. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
12.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (<i>nếu có</i>): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
12.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (<i>nếu có</i>) ³ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
12.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (<i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i>): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax: Email:
12.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁴ (<i>trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này</i>):/...../.....
12.5	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>):

³Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 12.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 12.2.

⁴Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

	Hạch toán độc lập Hạch toán phụ thuộc		
12.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁵ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)		
12.7	Tổng số lao động (dự kiến):		
12.8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>		
12.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁶ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>		
12.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai):		
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng	
	
	

13. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):
Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):
Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

14. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):
Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:
Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh (chỉ kê khai MST 10 số):
Địa điểm kinh doanh:

⁵

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.
- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.
⁶Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (*kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh*):

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (*kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh*):

Ngày cấp: .../.../...Nơi cấp:Ngày hết hạn (*nếu có*): .../.../...

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Tru sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**

(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-7
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN

ST T	Tên cổ đôn g sán g lập	Ngày , thán g, năm sinh đôi với cổ đông sáng lập là cá nhân	Giớ i tính	Quố c tịch	Dâ n tộc	Chỗ ở hiện tại đôi với cổ đôn g sán g lập là cá nhâ n	Nơi đăng ký hộ khẩu thườn g trú đôi với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đôi với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Că n cước công dân hoặc Hộ chiếu đôi với cá nhân; Giấy chứng nhận ĐKDN (hoặc	Vốn góp ¹						Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chún g nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của cổ đôn g sáng lập ²	Gh i ch ú		
									Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần						Thời điểm góp vốn ³	
									Số lượn g	Gi á trị		Phổ thông						
Số lượn g	Gi á trị	Số lượn g	Gi á trị	Số lượn g	Gi á trị														

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có.

² Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông sáng lập là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

³ Khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông sáng lập dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

								các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp ; Quyết định thành lập đối với tổ chức											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

....., ngày.....tháng.....năm.....
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG
TY**
(Ký, ghi họ tên)

Phụ lục I-8
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

ST T	Tên cổ đồng là nhà đầu tư nước ngoài 1	Ngày, tháng, năm sinh của cổ đồng là cá nhân nước ngoài	Giờ i tính	Quốc c tịch	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đồng là cá nhân nước ngoài	Nơi đăng ký hộ khẩu thườn g trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ²								Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Chữ ký của cổ đồng là nhà đầu tư nước ngoài ⁴	Ghi chú
								Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn ³			
								Số lượng	Giá trị		Phổ thông						
											Số lượng	Gi á trị	Số lượng	Giá trị				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG

¹ Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài kê khai tại Danh sách người đại diện theo ủy quyền.

² Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có

³ - Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì chữ ký là của người đại diện theo ủy quyền của tổ chức.

TY
(Ký, ghi họ tên)

PHỤ LỤC I-10
DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký của người đại diện theo ủy quyền	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

42. Thủ tục: Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc
-----------------------------------	--

	<p>cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>- Nghị quyết tách công ty theo quy định tại Điều 193 Luật Doanh nghiệp (<i>Nghị quyết tách công ty phải có các nội dung chủ yếu về tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty bị tách; tên công ty được tách sẽ thành lập; phương án sử dụng lao động; cách thức tách công ty; giá trị tài sản, các quyền và nghĩa vụ được chuyển từ công ty bị tách sang công ty được</i></p>

tách; thời hạn thực hiện tách công ty. Nghị quyết tách công ty phải được gửi đến tất cả các chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thông qua nghị quyết);

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của công ty bị tách;

- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên của (các) công ty được tách. Hồ sơ gồm:

+ Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (theo mẫu);

+ Điều lệ công ty (phải có họ, tên và chữ ký của chủ sở hữu công ty là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu công ty là tổ chức);

+ Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực) của người đại diện theo ủy quyền nếu công ty tổ chức quản lý theo mô hình Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên. Trường hợp công ty tổ chức quản lý theo mô hình Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên, hồ sơ gồm Danh sách người đại diện theo ủy quyền (theo mẫu) và Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực) của từng đại diện theo ủy quyền.

+ Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây:

. Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân (Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực);

. Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước);

. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

+ Văn bản ủy quyền của chủ sở hữu cho người được ủy quyền đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức.

	+ Bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong trường hợp thành lập tổ chức tín dụng. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Giấy đề nghị đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (<i>Phụ lục I-2, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (<i>Phụ lục I-10, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

Phụ lục I-2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tôi là người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong
-----	-----------	----------	--

¹

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

			<i>các ngành, nghề đã kê khai)</i>

5. Chủ sở hữu:

a) Đối với chủ sở hữu là cá nhân:

Họ tên chủ sở hữu (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài*):

Mã số dự án:.....

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

Tên tổ chức (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

Danh sách người đại diện theo ủy quyền (*kê khai theo mẫu, nếu có*): Gửi kèm

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài*):

Mã số dự án:.....

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

6. Mô hình tổ chức công ty (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu, đánh dấu X vào một trong 2 ô):

Hội đồng thành viên

Chủ tịch công ty

7. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

8. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

9. Tài sản góp vốn:

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (bằng số, VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi (ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ)		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp)		
Tổng số			

10. Người đại diện theo pháp luật²:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

² Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....
 Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

11. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
11.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
11.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ³ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
11.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có): Email (nếu có):
11.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁴ (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
11.5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
11.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁵

³Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 11.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 11.2.

⁴Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

	<i>(ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)</i>							
11.7	Tổng số lao động <i>(dự kiến)</i> :							
11.8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>							
11.9	Phương pháp tính thuế GTGT <i>(chọn 1 trong 4 phương pháp)</i> ⁶ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>							
11.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng <i>(nếu có tại thời điểm kê khai)</i> : <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td>Tên ngân hàng</td> <td>Số tài khoản ngân hàng</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....<input type="checkbox"/>.....</td> </tr> <tr> <td>...</td> <td></td> </tr> </table>		Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng <input type="checkbox"/>	
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng							
..... <input type="checkbox"/>							
...								

12. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi *(chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp)*:

a) Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa)*:
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế)*:
Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa)*:
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế)*:
Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

13. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi *(chỉ kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh)*:

Tên hộ kinh doanh *(ghi bằng chữ in hoa)*:
Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:
Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:
Mã số thuế của hộ kinh doanh *(chỉ kê khai MST 10 số)*:
Địa điểm kinh doanh:
Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân *(kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh)*:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân

5

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.
- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.
⁶Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chi tiêu này.

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp: .../.../....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có): .../.../....

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-10
DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký của người đại diện theo ủy quyền	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

43. Thủ tục: Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc
----------------------------	--

	<p>cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết tách công ty; - Bản sao hợp lệ biên bản họp Hội đồng thành viên về việc tách công ty; - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của công ty bị tách; - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm

	<p>hữu hạn hai thành viên trở lên của công ty được tách. Hồ sơ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); + Điều lệ công ty (có đầy đủ chữ ký của người tham gia thành lập doanh nghiệp); + Danh sách thành viên (có đầy đủ chữ ký) (<i>theo mẫu</i>) + Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> . Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân: Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực; . Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>) và văn bản ủy quyền tương ứng đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là tổ chức; . Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành. + Bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong trường hợp thành lập tổ chức tín dụng. + Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế trong trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Giấy đề nghị đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (<i>Phụ lục I-3, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên

	<i>(Phụ lục I-6, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT).</i>
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

Phụ lục I-3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

**Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên do tôi
là người đại diện theo pháp luật với nội dung sau:**

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

h nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh⁵ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một)
-----	-----------	----------	--

5

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

			trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VND):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VND):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Danh sách thành viên công ty: (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

8. Người đại diện theo pháp luật⁶:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
-----	-------------------------------------

⁶ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

9.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:						
9.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁷ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:						
9.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại:Fax (nếu có): Email (nếu có):						
9.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁸ (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....						
9.5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>						
9.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁵ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)						
9.7	Tổng số lao động (dự kiến):						
9.8	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>						
9.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁶ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>						
9.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai): <table border="1" style="width: 100%;"> <thead> <tr> <th>Tên ngân hàng</th> <th>Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </tbody> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng						
.....						
.....						

⁷Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 9.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 9.2.

⁸Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁵
- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.
- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁶Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

11. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh (chỉ kê khai MST 10 số):

Địa điểm kinh doanh:

Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp:/..../....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có):/..../....

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Trữ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-6
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng , năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Thời điểm góp vốn ³	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy CN đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ⁴	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng , giá trị tài sản góp vốn ²				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.

² Loại tài sản góp vốn bao gồm:

- Đồng Việt Nam

- Ngoại tệ tự do chuyển đổi (*ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ*)

- Vàng

- Giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật

- Tài sản khác (*ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp*)

³

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁵

⁵ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

44. Thủ tục: Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp đề yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
----------------------------	--

	<p>+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết tách công ty; - Bản sao hợp lệ biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông về việc tách công ty; - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của công ty bị tách; - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với công ty cổ phần của công ty được tách, gồm:

	<p>+ Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>);</p> <p>+ Điều lệ công ty (có đầy đủ chữ ký của người tham gia thành lập doanh nghiệp);</p> <p>+ Danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (<i>theo mẫu</i>). Danh sách người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông nước ngoài là tổ chức (có đầy đủ chữ ký) (<i>theo mẫu</i>)</p> <p>+ Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây:</p> <p>. Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là cá nhân (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>);</p> <p>. Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền (<i>Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>) và văn bản ủy quyền tương ứng đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là tổ chức;</p> <p>. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>+ Bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong trường hợp thành lập tổ chức tín dụng.</p> <p>+ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế trong trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thành lập công ty cổ phần). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử
Tên mẫu đơn, tờ	- Giấy đề nghị đăng ký công ty cổ phần (<i>Phụ lục I-4, Thông</i>

khai:	<p><i>tư số 02/2019/TT-BKHĐT);</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Danh sách cổ đông sáng lập (<i>Phụ lục I-7, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT) (nếu có);</i> - Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (<i>Phụ lục I-8, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT);</i> - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (<i>Phụ lục I-10, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT).</i>
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</i> - <i>Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</i> - <i>Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</i> - <i>Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</i> - <i>Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</i> - <i>Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính</i>

Phụ lục I-4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CÔNG TY CỔ PHẦN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Đăng ký công ty cổ phần do tôi là người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong)

1

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

			<i>các ngành, nghề đã kê khai)</i>

5. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Thông tin về cổ phần:

Mệnh giá cổ phần (VNĐ):

STT	Loại cổ phần	Số lượng	Giá trị (bằng số, VNĐ)	Tỉ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

Thông tin về cổ phần được quyền chào bán:

STT	Loại cổ phần được quyền chào bán	Số lượng
1	Cổ phần phổ thông	
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức	
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	
5	Cổ phần ưu đãi khác	
Tổng số		

8. Danh sách cổ đông sáng lập (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

9. Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (kê khai theo mẫu, nếu có): Gửi kèm

10. Danh sách người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (kê khai theo mẫu, nếu có): Gửi kèm

11. Người đại diện theo pháp luật²:

² Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

- Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:
 Chức danh:
 Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:
 Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (*ghi rõ*):.....
 Số giấy tờ chứng thực cá nhân:
 Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*):/...../.....
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Chỗ ở hiện tại:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):
 Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

12. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
12.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (<i>nếu có</i>): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
12.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (<i>nếu có</i>) ³ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
12.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (<i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i>): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax: Email:
12.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁴ (<i>trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này</i>):/...../.....
12.5	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>):

³Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 12.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 12.2.

⁴Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

	Hạch toán độc lập Hạch toán phụ thuộc		
12.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁵ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)		
12.7	Tổng số lao động (dự kiến):		
12.8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>		
12.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁶ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>		
12.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai):		
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng	
	
	

13. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):
Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):
Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

14. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):
Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:
Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh (chỉ kê khai MST 10 số):
Địa điểm kinh doanh:

⁵

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
 - Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.
 - Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.
- ⁶Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (*kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh*):

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (*kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh*):

Ngày cấp: .../.../....Nơi cấp:Ngày hết hạn (*nếu có*): .../.../...

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Tru sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**

(*Ký và ghi họ tên*)⁷

⁷Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-7
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN

ST T	Tên cổ đôn g sán g lập	Ngày , thán g, năm sinh đôi với cổ đông sáng lập là cá nhân	Giớ i tính	Quố c tịch	Dâ n tộc	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đôn g sán g lập là cá nhâ n	Nơi đăng ký hộ khẩu thườn g trú đôi với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đôi với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Că n cước công dân hoặc Hộ chiếu đôi với cá nhân; Giấy chứng nhận ĐKDN (hoặc	Vốn góp ¹						Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chún g nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của cổ đôn g sáng lập ²	Gh i ch ú		
									Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần						Thời điểm góp vốn ³	
									Số lượn g	Gi á trị		Phổ thông						
Số lượn g	Gi á trị	Số lượn g	Gi á trị	Số lượn g	Gi á trị														

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có.

² Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông sáng lập là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

³ Khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông sáng lập dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

								các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp ; Quyết định thành lập đối với tổ chức											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

....., ngày.....tháng.....năm.....
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG
TY**
(Ký, ghi họ tên)

Phụ lục I-8
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

ST T	Tên cổ đồng là nhà đầu tư nước ngoài 1	Ngày, tháng, năm sinh của cổ đồng là cá nhân nước ngoài	Giờ i tính	Quốc c tịch	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đồng là cá nhân nước ngoài	Nơi đăng ký hộ khẩu thườn g trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ²								Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Chữ ký của cổ đồng là nhà đầu tư nước ngoài ⁴	Ghi chú
								Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn ³			
								Số lượng	Giá trị		Phổ thông						
											Số lượng	Gi á trị	Số lượng	Giá trị				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG

- ¹ Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài kê khai tại Danh sách người đại diện theo ủy quyền.
- ² Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có
- ³
- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài dự kiến hoàn thành việc góp vốn.
 - Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài hoàn thành việc góp vốn.
 - Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không cần kê khai thời điểm góp vốn.
- ⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì chữ ký là của người đại diện theo ủy quyền của tổ chức.

TY
(Ký, ghi họ tên)

PHỤ LỤC I-10
DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký của người đại diện theo ủy quyền	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

45. Thủ tục: Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc
----------------------------	--

	<p>cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng hợp nhất công ty; - Nghị quyết và biên bản họp thông qua hợp đồng hợp nhất của các công ty bị hợp nhất; - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của các công ty bị hợp nhất; - Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của công ty trách nhiệm hữu

hạn một thành viên đối với công ty hợp nhất trong trường hợp công ty hợp nhất được thành lập là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Hồ sơ gồm:

+ Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (*theo mẫu*);

+ Điều lệ công ty (phải có họ, tên và chữ ký của chủ sở hữu công ty là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu công ty là tổ chức);

+ Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (*Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực*) của người đại diện theo ủy quyền nếu công ty tổ chức quản lý theo mô hình Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên. Trường hợp công ty tổ chức quản lý theo mô hình Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên, hồ sơ gồm Danh sách người đại diện theo ủy quyền (*theo mẫu*) và Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (*Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực*) của từng đại diện theo ủy quyền.

+ Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây:

. Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân (*Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực*);

. Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước);

. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

+ Văn bản ủy quyền của chủ sở hữu cho người được ủy quyền đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức.

+ Bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong trường hợp thành lập tổ chức tín dụng.

+ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế trong trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ

kinh doanh

- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên đối với công ty hợp nhất trong trường hợp công ty hợp nhất được thành lập là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Hồ sơ gồm:

+ Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (*theo mẫu*);

+ Điều lệ công ty (có đầy đủ chữ ký của người tham gia thành lập doanh nghiệp);

+ Danh sách thành viên (có đầy đủ chữ ký) (*theo mẫu*)

+ Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây:

. Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân: Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực;

. Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (*Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực*) và văn bản ủy quyền tương ứng đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là tổ chức;

. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

+ Bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong trường hợp thành lập tổ chức tín dụng.

+ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế trong trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của công ty cổ phần cho đối với công ty hợp nhất trong trường hợp công ty hợp nhất được thành lập là công ty cổ phần. Hồ sơ gồm:

+ Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (*theo mẫu*);

+ Điều lệ công ty (có đầy đủ chữ ký của người tham gia thành lập doanh nghiệp);

+ Danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (*theo mẫu*). Danh sách người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông nước ngoài là tổ chức (có đầy đủ chữ ký) (*theo mẫu*)

+ Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây:

. Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là cá nhân (*Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực*);

. Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền (*Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực*) và văn bản ủy quyền tương ứng đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là tổ chức;

. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

+ Bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong trường hợp thành lập tổ chức tín dụng.

+ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế trong trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của công ty hợp danh đối với công ty hợp nhất trong trường hợp công ty hợp nhất được thành lập là công ty hợp danh. Hồ sơ gồm:

+ Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp (*theo mẫu*);

+ Điều lệ công ty (có đầy đủ chữ ký của các thành viên hợp danh);

+ Danh sách thành viên (có đầy đủ chữ ký) (*theo mẫu*)

+ Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau đây:

. Một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là cá nhân: *Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực*;

. Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác, một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo ủy quyền (*Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có*

	<p>giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực) và văn bản ủy quyền tương ứng đối với trường hợp người thành lập doanh nghiệp là tổ chức;</p> <p>. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp doanh nghiệp được thành lập hoặc tham gia thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>+ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế trong trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<p>Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên công ty cổ phần, công ty hợp danh). Mức thu: 50.000 đồng/lần</p> <p>- Miễn lệ phí đối với: Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<p>* Trường hợp công ty hợp nhất được thành lập là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (<i>Phụ lục I-2, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (<i>Phụ lục I-10, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>). <p>* Trường hợp công ty hợp nhất được thành lập là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH hai thành viên trở lên (<i>Phụ lục I-3, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (<i>Phụ lục I-6, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); <p>* Trường hợp công ty hợp nhất được thành lập là công ty cổ phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký công ty cổ phần (<i>Phụ lục I-4, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách cổ đông sáng lập (<i>Phụ lục I-7, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>) (nếu có); - Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (<i>Phụ lục I-8, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).

	<ul style="list-style-type: none"> - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (<i>Phụ lục I-10, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>). * Trường hợp công ty hợp nhất được thành lập là công ty hợp danh: <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký công ty hợp danh (<i>Phụ lục I-5, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách thành viên công ty hợp danh (<i>Phụ lục I-9, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

Phụ lục I-2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tôi là người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong)
-----	-----------	----------	--

1

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

			<i>các ngành, nghề đã kê khai)</i>

5. Chủ sở hữu:

a) Đối với chủ sở hữu là cá nhân:

Họ tên chủ sở hữu (*ghi bằng chữ in hoa*):Giới tính:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:Ngày hết hạn (*nếu có*):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*):Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*):Website (*nếu có*):

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài*):

Mã số dự án:.....

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

Tên tổ chức (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*):Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*):Website (*nếu có*):

Danh sách người đại diện theo ủy quyền (*kê khai theo mẫu, nếu có*): Gửi kèm

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài*):

Mã số dự án:.....

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

6. Mô hình tổ chức công ty (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu, đánh dấu X vào một trong 2 ô):

Hội đồng thành viên

Chủ tịch công ty

7. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

8. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

9. Tài sản góp vốn:

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (bằng số, VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi (ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ)		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp)		
Tổng số			

10. Người đại diện theo pháp luật²:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

² Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....
 Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

11. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
11.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
11.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ³ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
11.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có): Email (nếu có):
11.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁴ (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
11.5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
11.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁵

³Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 11.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 11.2.

⁴Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

	<i>(ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)</i>							
11.7	Tổng số lao động <i>(dự kiến)</i> :							
11.8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>							
11.9	Phương pháp tính thuế GTGT <i>(chọn 1 trong 4 phương pháp)</i> ⁶ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>							
11.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng <i>(nếu có tại thời điểm kê khai)</i> : <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <th style="width: 50%;">Tên ngân hàng</th> <th style="width: 50%;">Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>...</td> <td></td> </tr> </table>		Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng	
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng							
.....							
...								

12. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi *(chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):*

a) Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa)*:
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế)*:
Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa)*:
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế)*:
Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

13. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi *(chỉ kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):*

Tên hộ kinh doanh *(ghi bằng chữ in hoa)*:
Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:
Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:
Mã số thuế của hộ kinh doanh *(chỉ kê khai MST 10 số)*:
Địa điểm kinh doanh:
Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân *(kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh)*:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.
- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.
⁶Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chi tiêu này.

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp: .../.../....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có): .../.../....

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

**Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên do tôi
là người đại diện theo pháp luật với nội dung sau:**

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

h nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh⁵ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một)
-----	-----------	----------	--

5

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

			trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VND):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VND):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Danh sách thành viên công ty: (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

8. Người đại diện theo pháp luật⁶:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
-----	-------------------------------------

⁶ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

9.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:						
9.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁷ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:						
9.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại:Fax (nếu có): Email (nếu có):						
9.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁸ (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....						
9.5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>						
9.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁵ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)						
9.7	Tổng số lao động (dự kiến):						
9.8	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>						
9.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁶ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>						
9.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai): <table border="1" style="width: 100%;"> <thead> <tr> <th>Tên ngân hàng</th> <th>Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </tbody> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng						
.....						
.....						

⁷Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 9.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 9.2.

⁸Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁵
- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.
- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁶Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

11. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh (chỉ kê khai MST 10 số):

Địa điểm kinh doanh:

Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Trữ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-6
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng , năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giớ i tính	Quốc c tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Thời điể m góp vốn 3	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy CN đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ⁴	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng , giá trị tài sản góp vốn ²				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.

² Loại tài sản góp vốn bao gồm:

- Đồng Việt Nam

- Ngoại tệ tự do chuyển đổi (*ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ*)

- Vàng

- Giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật

- Tài sản khác (*ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp*)

³

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁵

⁵ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CÔNG TY CỔ PHẦN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Đăng ký công ty cổ phần do tôi là người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong)
-----	-----------	----------	--

1

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

			<i>các ngành, nghề đã kê khai</i>

5. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (*bằng số; VNĐ*):

Vốn điều lệ (*bằng chữ; VNĐ*):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (*nếu có*):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (<i>bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có</i>)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Thông tin về cổ phần:

Mệnh giá cổ phần (*VNĐ*):

STT	Loại cổ phần	Số lượng	Giá trị (<i>bằng số, VNĐ</i>)	Tỉ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

Thông tin về cổ phần được quyền chào bán:

STT	Loại cổ phần được quyền chào bán	Số lượng
1	Cổ phần phổ thông	
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức	
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	
5	Cổ phần ưu đãi khác	
Tổng số		

8. Danh sách cổ đông sáng lập (*kê khai theo mẫu*): Gửi kèm

9. Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (*kê khai theo mẫu, nếu có*): Gửi kèm

10. Danh sách người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (*kê khai theo mẫu, nếu có*): Gửi kèm

11. Người đại diện theo pháp luật²:

² Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

- Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:
 Chức danh:
 Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:
 Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (*ghi rõ*):.....
 Số giấy tờ chứng thực cá nhân:
 Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*):/...../.....
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Chỗ ở hiện tại:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):
 Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

12. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
12.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (<i>nếu có</i>): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
12.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (<i>nếu có</i>) ³ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
12.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (<i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i>): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax: Email:
12.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁴ (<i>trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này</i>):/...../.....
12.5	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>):

³Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 12.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 12.2.

⁴Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

	Hạch toán độc lập Hạch toán phụ thuộc		
12.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁵ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)		
12.7	Tổng số lao động (dự kiến):		
12.8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>		
12.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁶ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>		
12.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai):		
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng	
	
	

13. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):
Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):
Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

14. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):
Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:
Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh (chỉ kê khai MST 10 số):
Địa điểm kinh doanh:

⁵

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.
- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.
⁶Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (*kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh*):

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (*kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh*):

Ngày cấp: .../.../....Nơi cấp:Ngày hết hạn (*nếu có*): .../.../...

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Trữ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**

(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-7
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN

STT	Tên cổ đông sáng lập	Ngày, tháng, năm sinh đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận ĐKDN (hoặc các giấy	Vốn góp ¹						Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của cổ đông sáng lập ²	Ghi chú		
									Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần						Thời điểm góp vốn ³	
									Số lượng	Giá trị		Phổ thông						
												Số lượng	Giá trị	Số lượng					Giá trị

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có.

² Chi yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông sáng lập là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

³ Khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông sáng lập dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

								chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)

Phụ lục I-8
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

ST T	Tên cổ đồng là nhà đầu tư nước ngoài 1	Ngày, tháng, năm sinh của cổ đồng là cá nhân nước ngoài	Giờ i tính	Quốc c tịch	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đồng là cá nhân nước ngoài	Nơi đăng ký hộ khẩu thườn g trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ²								Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Chữ ký của cổ đồng là nhà đầu tư nước ngoài ⁴	Ghi chú
								Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn ³			
								Số lượn g	Giá trị		Phổ thông						
											Số lượn g	Gi á trị	Số lượn g	Giá trị				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG

¹ Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài kê khai tại Danh sách người đại diện theo ủy quyền.

² Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có

³ - Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì chữ ký là của người đại diện theo ủy quyền của tổ chức.

TY
(Ký, ghi họ tên)

PHỤ LỤC I-10
DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký của người đại diện theo ủy quyền	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY HỢP DANH

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):Giới tính:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

Là Chủ tịch Hội đồng thành viên công ty

Đăng ký công ty hợp danh với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Danh sách thành viên công ty (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

8. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
8.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
8.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ² : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
8.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính):

¹

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

²Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 8.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 8.2.

	Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/ tổ/ xóm/ ấp/ thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại:Fax: Email:						
8.4	Ngày bắt đầu hoạt động ³ (<i>trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này</i>):/...../.....						
8.5	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>						
8.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁴ (<i>ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i>)						
8.7	Tổng số lao động (<i>dự kiến</i>):						
8.8	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>						
8.9	Phương pháp tính thuế GTGT (<i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i>) ⁵ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>						
8.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (<i>nếu có tại thời điểm kê khai</i>): <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td>Tên ngân hàng</td> <td>Số tài khoản ngân hàng</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng						
.....						
.....						

9. Thông tin về các doanh nghiệp bị hợp nhất (*chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp*):

- a) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):
Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:
- b) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

³Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁴

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.
- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁵Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chi tiêu này.

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị hợp nhất.

10. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh (chỉ kê khai MST 10 số):

Địa điểm kinh doanh:

Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp:/..../....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có):/..../....

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi và các thành viên hợp danh cam kết:

- Bản thân không thuộc diện quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp; không là chủ doanh nghiệp tư nhân; không đồng thời là thành viên hợp danh của công ty hợp danh khác (trừ trường hợp được sự nhất trí của các thành viên hợp danh còn lại);

- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

CÁC THÀNH VIÊN HỢP DANH

(Ký và ghi họ tên từng thành viên)⁶

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH

VIÊN CỦA CÔNG TY

(Ký và ghi họ tên)⁷

⁶Các thành viên hợp danh của công ty ký trực tiếp vào phần này.

⁷Chủ tịch Hội đồng thành viên của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-9
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY HỢP DANH

ST T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới ítính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ³	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm m góp vốn 2			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	A. Thành viên hợp danh													
	B. Thành viên góp vốn (nếu có)													

....., ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG
TY**

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

²

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.
- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.
- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

³ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

(Ký, ghi họ tên)⁴

⁴ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

46. Thủ tục: Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh truyền dữ liệu doanh nghiệp sang cơ quan thuế để lấy mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc
----------------------------	--

	<p>cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin sang cơ quan thuế để được cấp mã số doanh nghiệp. Sau khi nhận được mã số doanh nghiệp từ cơ quan thuế, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng sáp nhập công ty - Điều lệ công ty - Nghị quyết và biên bản họp thông qua hợp đồng sáp nhập của các công ty nhận sáp nhập; - Nghị quyết và biên bản họp thông qua hợp đồng sáp nhập của các công ty bị sáp nhập, trừ trường hợp công ty nhận sáp

	<p>nhập là thành viên, cổ đông sở hữu trên 65% vốn điều lệ hoặc cổ phần có quyền biểu quyết của công ty bị sáp nhập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác của các công ty bị sáp nhập; - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>) - Danh sách thành viên (công ty TNHH hai thành viên, công ty hợp danh) (<i>theo mẫu</i>) <p>(Sau khi đăng ký doanh nghiệp, công ty bị sáp nhập chấm dứt tồn tại; công ty nhận sáp nhập được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ tài sản khác của công ty bị sáp nhập)</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên công ty cổ phần, công ty hợp danh). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (<i>Phụ lục I-6, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (<i>Phụ lục I-8, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>). - Danh sách thành viên công ty hợp danh (<i>Phụ lục I-9, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	- Hợp đồng sáp nhập phải có các nội dung chủ yếu về tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty nhận sáp nhập; tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty bị sáp nhập; thủ tục và điều kiện sáp nhập; phương án sử dụng lao động; cách thức, thủ tục, thời hạn và điều kiện chuyển đổi tài sản, chuyển đổi phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của công ty bị sáp nhập thành phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của công ty nhận sáp nhập; thời hạn thực hiện sáp nhập

	<ul style="list-style-type: none"> - Điều lệ công ty phải có họ, tên và chữ ký của chủ sở hữu công ty là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu công ty là tổ chức - Trường hợp sáp nhập mà theo đó công ty nhận sáp nhập có thị phần từ 30% đến 50% trên thị trường liên quan thì đại diện hợp pháp của công ty thông báo cho cơ quan quản lý cạnh tranh trước khi tiến hành sáp nhập, trừ trường hợp Luật cạnh tranh có quy định khác. <p>Cấm các trường hợp sáp nhập các công ty mà theo đó công ty nhận sáp nhập có thị phần trên 50% trên thị trường có liên quan, trừ trường hợp Luật cạnh tranh có quy định khác.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp công ty bị sáp nhập có địa chỉ trụ sở chính ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở chính công ty nhận sáp nhập thì Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi công ty nhận sáp nhập thông báo việc đăng ký doanh nghiệp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi đặt trụ sở chính công ty bị sáp nhập để cập nhật tình trạng pháp lý của công ty bị sáp nhập trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
<p>Căn cứ pháp lý:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</i> - <i>Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</i> - <i>Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</i> - <i>Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</i> - <i>Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</i> - <i>Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính</i>

Phụ lục II-1
TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO
Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở (*chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp hoặc sáp nhập doanh nghiệp, đánh dấu X vào ô thích hợp*):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách doanh nghiệp
- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp

Thông tin về doanh nghiệp bị sáp nhập(*chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập doanh nghiệp*):

a) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị sáp nhập.

Doanh nghiệp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp như sau:

(*Doanh nghiệp chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/thông báo thay đổi và gửi kèm*)

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt sau khi thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*): ..

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài sau khi thay đổi (*nếu có*):

.....

Tên doanh nghiệp viết tắt sau khi thay đổi (*nếu có*):

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại:Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở (h)).

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

Thông tin về người đại diện pháp luật của doanh nghiệp (chỉ kê khai trong trường hợp doanh nghiệp chuyển địa chỉ trụ sở chính sang tỉnh, thành phố khác):

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: .../.../...Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết trụ sở doanh nghiệp thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp/chủ doanh nghiệp tư nhân và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH/
THÀNH VIÊN HỢP DANH CÔNG TY HỢP DANH**

Trường hợp thay đổi thành viên công ty TNHH, thành viên hợp danh công ty hợp danh: kê khai theo mẫu Danh sách thành viên quy định tại Phụ lục I-6, I-9 (Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó).

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ, TỶ LỆ VỐN GÓP

1. Đăng ký thay đổi vốn điều lệ của công ty:

Vốn điều lệ đã đăng ký (bằng số, bằng chữ, VNĐ):

Vốn điều lệ sau khi thay đổi (bằng số, bằng chữ, VNĐ):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không Có Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

Thông tin về cổ phần (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần):

Mệnh giá cổ phần:

STT	Loại cổ phần	Số lượng	Giá trị (bằng số, VNĐ)	Tỉ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

2. Đăng ký thay đổi tỷ lệ vốn góp công ty TNHH, công ty hợp danh

Kê khai tỷ lệ vốn góp mới của thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên/thành viên hợp danh công ty hợp danh theo mẫu tương ứng quy định tại các Phụ lục I-6, Phụ lục I-9.

(Đối với thành viên có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách thành viên không bắt buộc phải có chữ ký của thành viên đó).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH¹

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (*kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh*):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ghi chú

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (*kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh*):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau (*kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh*):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú

Lưu ý:

- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, doanh nghiệp kê khai đồng thời tại mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại mục 2.

¹- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính từ ngành này sang ngành khác nhưng không thay đổi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký, doanh nghiệp thực hiện cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 15 Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT.

THÔNG BÁO THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

Vốn đầu tư đã đăng ký (*bằng số; bằng chữ; VNĐ*):

Vốn đầu tư sau khi thay đổi (*bằng số; bằng chữ; VNĐ*):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (*nếu có*):

Có hiện thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

Tài sản góp vốn:

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (<i>bằng số, VNĐ</i>)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi (<i>ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ</i>)		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (<i>ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp</i>)		
Tổng số			

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

Người đại diện theo ủy quyền sau khi thay đổi (*kê khai theo mẫu Phụ lục I-10*):

Gửi kèm

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÔNG TY CỔ PHẦN

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông sáng lập: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông sáng lập quy định tại Phụ lục I-7 (*Đối với cổ đông sáng lập có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông sáng lập không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông sáng lập đó*).

Trường hợp thay đổi thông tin về cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài: kê khai theo mẫu Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Phụ lục I-8 (*Đối với cổ đông có giá trị vốn góp không thay đổi, trong danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không bắt buộc phải có chữ ký của cổ đông đó*).

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Người quản lý doanh nghiệp sau khi thay đổi:Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

 Chứng minh nhân dân Căn cước công dân Hộ chiếu Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:Ngày hết hạn (*nếu có*):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*):Fax (*nếu có*):Email (*nếu có*):Website (*nếu có*):**THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ**

ST T	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (<i>chỉ kê khai trong trường hợp Giám đốc (Tổng giám đốc) không phải người đại diện theo pháp luật</i>): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc):Điện thoại:
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (<i>nếu có</i>) ² : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán:Điện thoại:
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố:Điện thoại:Fax (<i>nếu có</i>): Email (<i>nếu có</i>):
4	Ngày bắt đầu hoạt động ³ :/...../.....
5	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/>

²Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.³Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

	Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>							
6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ⁴ (Ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)							
7	Tổng số lao động:							
8	Có hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M không? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>							
9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁵ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>							
10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng: <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 50%;">Tên ngân hàng</td> <td style="width: 50%;">Số tài khoản ngân hàng</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>...</td> <td>...</td> </tr> </table>		Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng							
.....							
...	...							

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp đối với các thông tin thay đổi nêu trên. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp).

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên)⁶

⁴- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁵Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chi tiêu này.

⁶Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-6
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng , năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Thời điểm góp vốn ³	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy CN đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ⁴	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng , giá trị tài sản góp vốn ²				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.

² Loại tài sản góp vốn bao gồm:

- Đồng Việt Nam

- Ngoại tệ tự do chuyển đổi (*ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ*)

- Vàng

- Giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật

- Tài sản khác (*ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp*)

³

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁵

⁵ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-7
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN

STT	Tên cổ đông sáng lập	Ngày, tháng, năm sinh đối với cổ đông sáng lập cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông sáng lập cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận ĐKDN (hoặc các giấy	Vốn góp ¹						Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của cổ đông sáng lập ²	Ghi chú		
									Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần						Thời điểm góp vốn ³	
									Số lượng	Giá trị		Phổ thông						
												Số lượng	Giá trị	Số lượng					Giá trị

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có.

² Chi yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông sáng lập là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

³ Khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông sáng lập dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

								chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)

Phụ lục I-8
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

ST T	Tên cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài 1	Ngày, tháng, năm sinh của cổ đông là cá nhân nước ngoài	Giờ i tính	Quốc tịch	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông là cá nhân nước ngoài	Nơi đăng ký hộ khẩu thườn g trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ²								Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Chữ ký của cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ⁴	Ghi chú
								Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn ³			
								Số lượng	Giá trị		Phổ thông						
											Số lượng	Gi á trị	Số lượng	Giá trị				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG

¹ Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài kê khai tại Danh sách người đại diện theo ủy quyền.

² Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có

³ - Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì chữ ký là của người đại diện theo ủy quyền của tổ chức.

TY
(Ký, ghi họ tên)

Phụ lục I-9
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY HỢP DANH

ST T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ³	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm m góp vốn 2			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	A. Thành viên hợp danh													
	B. Thành viên góp vốn (nếu có)													

....., ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG
TY**

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

²

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.
- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.
- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

³ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

(Ký, ghi họ tên)⁴

⁴ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

47. Thủ tục: Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum<ul style="list-style-type: none">+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.<ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh:<ul style="list-style-type: none">+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.+ Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận
----------------------------	---

	<p>đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký công ty cổ phần (<i>theo mẫu</i>); - Điều lệ công ty chuyển đổi; - Quyết định của chủ sở hữu công ty hoặc Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên về việc chuyển đổi công ty; - Danh sách cổ đông sáng lập (<i>theo mẫu</i>), danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (<i>theo mẫu</i>); Danh sách người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông nước ngoài là tổ chức (<i>theo mẫu</i>) và bản sao hợp lệ các giấy tờ theo quy định tại Khoản 4 Điều 23 Luật Doanh nghiệp. Cụ thể:

	<p>+ Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của các cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân;</p> <p>+ Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức và văn bản ủy quyền; Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức.</p> <p>Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật đầu tư.</p> <p>- Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng hoặc thỏa thuận góp vốn đầu tư.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<p>- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thành lập công ty cổ phần). Mức thu: 50.000 đồng/lần</p> <p>- Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<p>- Giấy đề nghị đăng ký công ty cổ phần (<i>Phụ lục II-4, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);</p> <p>- Danh sách cổ đông sáng lập (nếu có) (<i>Phụ lục I-7, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);</p> <p>- Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (nếu có) (<i>Phụ lục I-8, Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT</i>);</p> <p>- Danh sách người đại diện theo ủy quyền (<i>Phụ lục I-10, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).</p>
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<p>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p> <p>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p>

	- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính
--	--

Phụ lục I-4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Đăng ký công ty cổ phần do tôi là người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong)
-----	-----------	----------	--

¹

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

			<i>các ngành, nghề đã kê khai)</i>

5. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Thông tin về cổ phần:

Mệnh giá cổ phần (VNĐ):

STT	Loại cổ phần	Số lượng	Giá trị (bằng số, VNĐ)	Tỉ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

Thông tin về cổ phần được quyền chào bán:

STT	Loại cổ phần được quyền chào bán	Số lượng
1	Cổ phần phổ thông	
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức	
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	
5	Cổ phần ưu đãi khác	
Tổng số		

8. Danh sách cổ đông sáng lập (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

9. Danh sách cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài (kê khai theo mẫu, nếu có): Gửi kèm

10. Danh sách người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (kê khai theo mẫu, nếu có): Gửi kèm

11. Người đại diện theo pháp luật²:

² Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

- Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:
 Chức danh:
 Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:
 Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (*ghi rõ*):.....
 Số giấy tờ chứng thực cá nhân:
 Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*):/...../.....
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Chỗ ở hiện tại:
 Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
 Xã/Phường/Thị trấn:
 Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
 Tỉnh/Thành phố:
 Quốc gia:
 Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):
 Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

12. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
12.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (<i>nếu có</i>): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
12.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (<i>nếu có</i>) ³ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
12.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (<i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i>): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax: Email:
12.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁴ (<i>trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này</i>):/...../.....
12.5	Hình thức hạch toán (<i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i>):

³Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 12.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 12.2.

⁴Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

	Hạch toán độc lập Hạch toán phụ thu c		
12.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁵ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)		
12.7	Tổng số lao động (dự kiến):		
12.8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>		
12.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁶ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>		
12.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai):		
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng	
	
	

13. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):
Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):
Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

14. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):
Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:
Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh (chỉ kê khai MST 10 số):
Địa điểm kinh doanh:

⁵

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
 - Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.
 - Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.
- ⁶Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (*kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh*):

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (*kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh*):

Ngày cấp: .../.../...Nơi cấp:Ngày hết hạn (*nếu có*): .../.../...

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Tru sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**

(*Ký và ghi họ tên*)⁷

⁷Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-7
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN

STT	Tên cổ đông sáng lập	Ngày, tháng, năm sinh đối với cổ đông sáng lập cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông sáng lập cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận ĐKDN (hoặc các giấy	Vốn góp ¹						Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của cổ đông sáng lập ²	Ghi chú		
									Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần						Thời điểm góp vốn ³	
									Số lượng	Giá trị		Phổ thông						
												Số lượng	Giá trị	Số lượng					Giá trị

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có.

² Chi yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông sáng lập là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

³ Khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông sáng lập dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

								chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)

Phụ lục I-8
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

ST T	Tên cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài 1	Ngày, tháng, năm sinh của cổ đông là cá nhân nước ngoài	Giờ i tính	Quốc tịch	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông là cá nhân nước ngoài	Nơi đăng ký hộ khẩu thườn g trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ²								Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Chữ ký của cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài ⁴	Ghi chú
								Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn ³			
								Số lượng	Giá trị		Phổ thông						
											Số lượng	Gi á trị	Số lượng	Giá trị				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG

¹ Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài kê khai tại Danh sách người đại diện theo ủy quyền.

² Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có

³ - Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì chữ ký là của người đại diện theo ủy quyền của tổ chức.

TY
(Ký, ghi họ tên)

PHỤ LỤC I-10
DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký của người đại diện theo ủy quyền	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

48. Thủ tục: Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận
----------------------------	--

	<p>đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH một thành viên (<i>theo mẫu</i>); - Điều lệ công ty chuyển đổi; - Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc chuyển đổi công ty; - Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP (<i>cụ thể: Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc</i>

	<p>giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực) của người đại diện theo ủy quyền đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức quản lý theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 78 Luật Doanh nghiệp (<i>Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên</i>);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (<i>theo mẫu</i>) và bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP (<i>cụ thể: Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>) của từng đại diện theo ủy quyền đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức quản lý theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 78 Luật Doanh nghiệp (<i>Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên</i>); - Văn bản ủy quyền của chủ sở hữu cho người được ủy quyền đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức; - Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng hoặc thỏa thuận góp vốn đầu tư. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thành lập công ty TNHH một thành viên). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH một thành viên (<i>Phụ lục I-2, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách người đại diện theo ủy quyền (<i>Phụ lục I-10, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>)
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

	- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính
--	--

Phụ lục I-2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tôi là người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong)

¹

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

			<i>các ngành, nghề đã kê khai)</i>

5. Chủ sở hữu:

a) Đối với chủ sở hữu là cá nhân:

Họ tên chủ sở hữu (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài*):

Mã số dự án:.....

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

Tên tổ chức (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

Danh sách người đại diện theo ủy quyền (*kê khai theo mẫu, nếu có*): Gửi kèm

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài*):

Mã số dự án:.....

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

6. Mô hình tổ chức công ty (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu, đánh dấu X vào một trong 2 ô):

Hội đồng thành viên

Chủ tịch công ty

7. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

8. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

9. Tài sản góp vốn:

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (bằng số, VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi (ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ)		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp)		
Tổng số			

10. Người đại diện theo pháp luật²:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

² Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....
 Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

11. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
11.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
11.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ³ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
11.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có): Email (nếu có):
11.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁴ (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
11.5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thu c <input type="checkbox"/>
11.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁵

³Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 11.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 11.2.

⁴Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

	<i>(ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)</i>							
11.7	Tổng số lao động <i>(dự kiến)</i> :							
11.8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>							
11.9	Phương pháp tính thuế GTGT <i>(chọn 1 trong 4 phương pháp)⁶</i> : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>							
11.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng <i>(nếu có tại thời điểm kê khai)</i> : <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td>Tên ngân hàng</td> <td>Số tài khoản ngân hàng</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>...</td> <td></td> </tr> </table>		Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng	
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng							
.....							
...								

12. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi *(chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp)*:

a) Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa)*:
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế)*:
Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa)*:
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế)*:
Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

13. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi *(chỉ kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh)*:

Tên hộ kinh doanh *(ghi bằng chữ in hoa)*:
Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:
Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:
Mã số thuế của hộ kinh doanh *(chỉ kê khai MST 10 số)*:
Địa điểm kinh doanh:
Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân *(kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh)*:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.
- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.
⁶Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chi tiêu này.

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp: .../.../....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có): .../.../....

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC I-10
DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký của người đại diện theo ủy quyền	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

49. Thủ tục: Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận
-----------------------------------	--

	<p>đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH hai thành viên trở lên (<i>theo mẫu</i>); - Điều lệ công ty chuyển đổi; - Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc chuyển đổi công ty; - Danh sách thành viên (<i>theo mẫu</i>) và bản sao hợp lệ các giấy tờ theo quy định tại Khoản 4 Điều 22 Luật Doanh nghiệp, cụ thể: <p>+ Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của các thành</p>

	<p>viên là cá nhân;</p> <p>+ Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức và văn bản ủy quyền; Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức. Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương phải được hợp pháp hóa lãnh sự;</p> <p>+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư.</p> <p>- Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc chuyển nhượng hoặc thỏa thuận góp vốn đầu tư.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<p>- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thành lập công ty TNHH hai thành viên). Mức thu: 50.000 đồng/lần</p> <p>- Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<p>- Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH hai thành viên trở lên (<i>Phụ lục I-3, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);</p> <p>- Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên (<i>Phụ lục I-6, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).</p>
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<p>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p> <p>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p> <p>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính</p>

Phụ lục I-3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên do tôi là người đại diện theo pháp luật với nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

- Thành lập mới
- Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp
- Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

h nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh⁵ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một)
-----	-----------	----------	--

5

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

			trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VND):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VND):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Danh sách thành viên công ty: (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

8. Người đại diện theo pháp luật⁶:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
-----	-------------------------------------

⁶ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

9.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:						
9.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁷ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:						
9.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại:Fax (nếu có): Email (nếu có):						
9.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁸ (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....						
9.5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>						
9.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁵ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)						
9.7	Tổng số lao động (dự kiến):						
9.8	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>						
9.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁶ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>						
9.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai): <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td>Tên ngân hàng</td> <td>Số tài khoản ngân hàng</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>..... <input type="checkbox"/></td> </tr> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng <input type="checkbox"/>
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng						
.....						
..... <input type="checkbox"/>						

⁷Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 9.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 9.2.

⁸Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁵
- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.
- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁶Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

11. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh (chỉ kê khai MST 10 số):

Địa điểm kinh doanh:

Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp:/..../....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có):/..../....

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Trữ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-6
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng , năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giớ i tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Thời điểm góp vốn ³	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy CN đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ⁴	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng , giá trị tài sản góp vốn ²				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.

² Loại tài sản góp vốn bao gồm:

- Đồng Việt Nam

- Ngoại tệ tự do chuyển đổi (*ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ*)

- Vàng

- Giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật

- Tài sản khác (*ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp*)

³

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁵

⁵ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

50. Thủ tục: Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận
----------------------------	--

	<p>đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc Giấy đề nghị đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (<i>theo mẫu</i>); - Điều lệ công ty chuyển đổi; - Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế, thời hạn thanh toán; danh sách người lao động hiện có; danh sách các hợp đồng chưa thanh lý; - Danh sách thành viên công ty (<i>theo mẫu</i>) đối với trường hợp chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực

	<p> cá nhân quy định tại Điều 10 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP của các thành viên công ty đối với trường hợp thành viên là cá nhân (<i>cụ thể: Đối với công dân Việt Nam: Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực; Đối với người nước ngoài: Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực</i>); bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ tương đương khác đối với trường hợp thành viên công ty là tổ chức;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản cam kết của chủ doanh nghiệp tư nhân về việc chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với tất cả các khoản nợ chưa thanh toán của doanh nghiệp tư nhân và cam kết thanh toán đủ số nợ khi đến hạn; - Văn bản thỏa thuận với các bên của hợp đồng chưa thanh lý về việc công ty trách nhiệm hữu hạn được chuyển đổi tiếp nhận và thực hiện các hợp đồng đó; - Văn bản cam kết của chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc thỏa thuận giữa chủ doanh nghiệp tư nhân và các thành viên góp vốn khác về việc tiếp nhận và sử dụng lao động hiện có của doanh nghiệp tư nhân. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thành lập công ty TNHH). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH một thành viên (<i>Phụ lục I-2, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>) hoặc Giấy đề nghị đăng ký công ty TNHH hai thành viên trở lên (<i>Phụ lục I-3, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (<i>Phụ lục I-6, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	- Chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết bằng văn bản chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với tất cả

	<p>các khoản nợ chưa thanh toán của doanh nghiệp tư nhân và cam kết thanh toán đủ số nợ khi đến hạn;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ doanh nghiệp tư nhân có thỏa thuận bằng văn bản với các bên của hợp đồng chưa thanh lý về việc công ty trách nhiệm hữu hạn được chuyển đổi tiếp nhận và thực hiện các hợp đồng đó; - Chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết bằng văn bản hoặc có thỏa thuận bằng văn bản với các thành viên góp vốn khác về việc tiếp nhận và sử dụng lao động hiện có của doanh nghiệp tư nhân.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</i> - <i>Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</i> - <i>Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</i> - <i>Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</i> - <i>Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</i> - <i>Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính</i>

Phụ lục I-2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tôi là người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

Doanh nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong
-----	-----------	----------	--

¹

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

			<i>các ngành, nghề đã kê khai)</i>

5. Chủ sở hữu:

a) Đối với chủ sở hữu là cá nhân:

Họ tên chủ sở hữu (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (*nếu có*):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài*):

Mã số dự án:.....

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

Tên tổ chức (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

Danh sách người đại diện theo ủy quyền (*kê khai theo mẫu, nếu có*): Gửi kèm

- Thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*chỉ kê khai nếu chủ sở hữu là nhà đầu tư nước ngoài*):

Mã số dự án:.....

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

6. Mô hình tổ chức công ty (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu, đánh dấu X vào một trong 2 ô):

Hội đồng thành viên

Chủ tịch công ty

7. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

8. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

9. Tài sản góp vốn:

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (bằng số, VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyển đổi (ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ)		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp)		
Tổng số			

10. Người đại diện theo pháp luật²:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

² Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....
 Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

11. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
11.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
11.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ³ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
11.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có): Email (nếu có):
11.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁴ (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
11.5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
11.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁵

³Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 11.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 11.2.

⁴Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

	<i>(ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)</i>							
11.7	Tổng số lao động <i>(dự kiến)</i> :							
11.8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>							
11.9	Phương pháp tính thuế GTGT <i>(chọn 1 trong 4 phương pháp)⁶</i> : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>							
11.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng <i>(nếu có tại thời điểm kê khai)</i> : <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td>Tên ngân hàng</td> <td>Số tài khoản ngân hàng</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>...</td> <td></td> </tr> </table>		Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng	
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng							
.....							
...								

12. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi *(chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):*

a) Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa)*:
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế)*:
Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

b) Tên doanh nghiệp *(ghi bằng chữ in hoa)*:
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh *(chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế)*:
Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

13. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi *(chỉ kê khai trong trường hợp thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):*

Tên hộ kinh doanh *(ghi bằng chữ in hoa)*:
Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:
Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:
Mã số thuế của hộ kinh doanh *(chỉ kê khai MST 10 số)*:
Địa điểm kinh doanh:
Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân *(kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh)*:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.
- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.
⁶Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chi tiêu này.

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp: .../.../....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có): .../.../....

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

**Đăng ký công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên do tôi
là người đại diện theo pháp luật với nội dung sau:**

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở tách doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chia doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở hợp nhất doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp

Thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh

<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>

2. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên công ty viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

h nghiệp nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao. (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở chính nằm trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao).

4. Ngành, nghề kinh doanh⁵ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một)
-----	-----------	----------	--

5

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

			trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VND):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VND):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Danh sách thành viên công ty: (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

8. Người đại diện theo pháp luật⁶:

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
-----	-------------------------------------

⁶ Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

9.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:						
9.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁷ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:						
9.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại:Fax (nếu có): Email (nếu có):						
9.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁸ (trường hợp doanh nghiệp dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....						
9.5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>						
9.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁵ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)						
9.7	Tổng số lao động (dự kiến):						
9.8	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>						
9.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁶ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>						
9.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai): <table border="1" style="width: 100%;"> <thead> <tr> <th>Tên ngân hàng</th> <th>Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </tbody> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng						
.....						
.....						

⁷Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 9.5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 9.2.

⁸Trường hợp doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

⁵
- Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.
- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁶Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

10. Thông tin về các doanh nghiệp bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp):

a) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

b) Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt tồn tại đối với doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp bị chia, bị hợp nhất.

11. Thông tin về hộ kinh doanh được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập công ty trên cơ sở chuyển đổi hộ kinh doanh):

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Mã số thuế của hộ kinh doanh (chỉ kê khai MST 10 số):

Địa điểm kinh doanh:

Tên người đại diện hộ kinh doanh:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Chứng minh nhân dân
Hộ chiếu

Căn cước công dân
Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh (kê khai theo giấy tờ chứng thực cá nhân được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế của hộ kinh doanh):

Ngày cấp:/..../....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có):/..../....

Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ, đề nghị Quý Phòng đăng công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tôi cam kết:

- Trú sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của công ty và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký doanh nghiệp trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA CÔNG TY**
(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-6
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng , năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Thời điểm góp vốn ³	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy CN đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ⁴	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng , giá trị tài sản góp vốn ²				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.

² Loại tài sản góp vốn bao gồm:

- Đồng Việt Nam

- Ngoại tệ tự do chuyển đổi (*ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ*)

- Vàng

- Giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật

- Tài sản khác (*ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp*)

³

- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁵

⁵ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

51. Thủ tục: *Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ
----------------------------	--

	<p>đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (<i>theo mẫu</i>) <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (<i>Phụ lục II-20, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</i> - <i>Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</i> - <i>Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</i> - <i>Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</i> - <i>Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</i> - <i>Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính</i>

Phụ lục II-20
TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

**Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/
Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.

Thông tin về chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*chỉ kê khai trong trường hợp đề nghị Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh*):

- Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/ địa điểm kinh doanh:

- Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/ địa điểm kinh doanh:

Lý do đề nghị cấp lại:

.....

.....

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP/
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CHI NHÁNH**
(Ký, ghi họ tên)¹

¹

Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

52. Thủ tục: Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum<ul style="list-style-type: none">+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.<ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh:<ul style="list-style-type: none">+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.+ Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
----------------------------	---

	<p>+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế (<i>theo mẫu</i>) - Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

quyết:	
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Giấy đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế (<i>Phụ lục II-17, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế nay có nhu cầu cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

Phụ lục II-17

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp://Nơi cấp:

Đề nghị được cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Điều 81 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp và cập nhật, bổ sung mã ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam đối với những ngành, nghề mà doanh nghiệp đã đăng ký kinh doanh như sau¹:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (<i>đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai</i>)

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(*Ký, ghi họ tên*)²

1

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.
- Doanh nghiệp chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh làm ngành, nghề kinh doanh chính. Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Điều 7 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP.

² Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

53. Thủ tục: *Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp đề yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ
----------------------------	--

	<p>đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>- Thông báo về việc bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>).</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi nội dung). Mức thu: 50.000 đồng/lần

	- Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo về việc bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp (<i>Phụ lục II-5 Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

Phụ lục II-5

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp://Nơi cấp:

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc như sau:

.....

.....

.....

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

54. Thủ tục: Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận
----------------------------	--

	<p>đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc chào bán cổ phần riêng lẻ (<i>theo mẫu</i>); - Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về chào bán cổ phần riêng lẻ; - Phương án chào bán cổ phần riêng lẻ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua (nếu có). <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Công ty có quyền bán cổ phần sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày gửi Thông báo mà không nhận được ý kiến phản đối của cơ quan đăng ký kinh doanh.
Đối tượng thực	Cá nhân, Tổ chức

hiện:	
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản phản đối của Phòng Đăng ký kinh doanh (nếu có) - Nếu không nhận được ý kiến phản đối của cơ quan đăng ký kinh doanh, công ty có quyền bán cổ phần theo quy định về chào bán cổ phần riêng lẻ.
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay đổi nội dung). Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Thông báo về việc chào bán cổ phần riêng lẻ (<i>Phụ lục II-7, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

Phụ lục II-7

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO **Về việc chào bán cổ phần riêng lẻ**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:// Nơi cấp:

Thông báo về việc chào bán cổ phần riêng lẻ như sau:

1. Tổng số cổ phần dự định chào bán: cổ phần

2. Các loại cổ phần chào bán và số lượng cổ phần chào bán mỗi loại:

- Cổ phần: Số lượng: ...

- Cổ phần: Số lượng: ...

3. Thời điểm, hình thức chào bán cổ phần:

- Thời điểm chào bán cổ phần: từ ngày tháng ... năm ...

- Hình thức chào bán cổ phần:

Doanh nghiệp cam kết thực hiện đúng theo quy định tại Điều 26 Luật Đầu tư năm 2014 trước khi đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp có nhà đầu tư nước ngoài tham gia mua cổ phần.

Doanh nghiệp, cổ đông cam kết thực hiện đúng quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp có cổ đông góp vốn thuộc vốn nhà nước.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

55. Thủ tục: *Thông báo tạm ngừng kinh doanh*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp đề yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ
----------------------------	--

	<p>đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (theo mẫu) - Quyết định và bản sao hợp lệ Biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần, của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh; - Đối với doanh nghiệp được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương

	đương thì ngoài các giấy tờ nêu trên, doanh nghiệp nộp kèm theo: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư; Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế; Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>). b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời gian giải quyết:	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy xác nhận
Lệ phí:	Miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (<i>Phụ lục II-21, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>). - Giấy đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp (<i>Phụ lục II-18 Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>)
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

Phụ lục II-21

**TÊN DOANH
NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp://Nơi cấp:

1. Trường hợp tạm ngừng kinh doanh:

a) Đối với doanh nghiệp:

Đăng ký tạm ngừng kinh doanh từ ngày....tháng....năm..... cho đến ngày....tháng....năm.....

Lý do tạm ngừng:

Sau khi doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh chuyển tình trạng hoạt động của tất cả các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng tạm ngừng kinh doanh.

b) Đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Đăng ký tạm ngừng hoạt động từ ngày ... tháng ... năm ... cho đến ngày ... tháng ... năm ... đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*)

.....

Mã số/Mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế*):

Ngày cấp://Nơi cấp:

Lý do tạm ngừng:

Chi nhánh chủ quản (*chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký tạm ngừng hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*):

Tên chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*):

Ngày cấp://Nơi cấp:

2. Trường hợp tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo¹:

a) Đối với doanh nghiệp:

Đăng ký tiếp tục kinh doanh từ ngày....tháng....năm.....

Lý do:

Sau khi doanh nghiệp tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh chuyển tình trạng hoạt động của tất cả các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng đang hoạt động (đánh dấu vào ô này trong trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu đăng ký hoạt động trở lại trước thời hạn đối với doanh nghiệp và tất cả các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp).

b) Đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Đăng ký tiếp tục hoạt động từ ngày....tháng....năm..... đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa)

.....
Mã số/Mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:
Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế):

Ngày cấp://Nơi cấp:

Chi nhánh chủ quản (chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):

Tên chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh):

Ngày cấp://Nơi cấp:

Lý do:

Doanh nghiệp cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP/
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CHI NHÁNH**
(Ký, ghi họ tên)²

¹ Doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, doanh nghiệp gửi thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đã đăng ký chậm nhất 15 ngày trước khi tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo.

² Trường hợp tạm ngừng kinh doanh/đăng ký hoạt động trở lại trước thời hạn đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

Trường hợp tạm ngừng kinh doanh/đăng ký hoạt động trở lại trước thời hạn đối với địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

PHỤ LỤC II-18

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

... .., ngày... .. tháng... .. năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

.....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

.....

Số Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương khác):.....

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

.....

Đề nghị bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cụ thể như sau (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Loại hình doanh nghiệp

- Công ty TNHH một thành viên
- Công ty TNHH hai thành viên trở lên
- Công ty cổ phần
- Công ty hợp danh

1. Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):.....

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

.....

Tên công ty viết tắt (nếu có):

.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường
phố/tổ/xóm/ấp/thôn:.....

Xã/Phường/Thị trấn:

.....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

.....

Tỉnh/Thành phố:

.....

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

3. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

4. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hay không? Có Không

5. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

Tài sản góp vốn (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên)

STT	Tài sản góp vốn	Giá trị vốn của từng tài sản trong vốn điều lệ (bằng số, VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Đồng Việt Nam		
2	Ngoại tệ tự do chuyên đổi		
3	Vàng		
4	Giá trị quyền sử dụng đất		
5	Giá trị quyền sở hữu trí tuệ		
6	Các tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp)		
Tổng số			

Thông tin về cổ phần (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần):

Mệnh giá cổ phần (VNĐ):

STT	Loại cổ phần	Số lượng	Giá trị (bằng số, VNĐ)	Tỷ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Cổ phần phổ thông			
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết			
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức			
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại			
5	Các cổ phần ưu đãi khác			
Tổng số				

Thông tin về cổ phần được quyền chào bán (nếu có):

STT	Loại cổ phần được quyền chào bán	Số lượng
1	Cổ phần phổ thông	
2	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	
3	Cổ phần ưu đãi cổ tức	
4	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	
5	Cổ phần ưu đãi khác	
Tổng số:		

6. Chủ sở hữu (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên):

a) Đối với chủ sở hữu là cá nhân (chỉ kê khai nếu chủ sở hữu không phải là người đại diện theo pháp luật):

Họ tên chủ sở hữu (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

.....

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

.....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi

rõ):.....

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu

có):...../...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

.....

Xã/Phường/Thị trấn:

.....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

.....

Tỉnh/Thành phố:

.....

Quốc gia:

.....

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
.....
Xã/Phường/Thị trấn:
.....
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
.....
Tỉnh/Thành phố:
.....
Quốc gia:
.....
Điện thoại (nếu có):..... Fax (nếu có):
.....
Email (nếu có): Website (nếu có):
.....

b) Đối với chủ sở hữu là tổ chức:

Tên tổ chức (ghi bằng chữ in hoa):
.....
Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập:
.....
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
.....
Địa chỉ trụ sở chính:
Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:
.....
Xã/Phường/Thị trấn:
.....
Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:
.....
Tỉnh/Thành phố:
.....
Quốc gia:
.....
Điện thoại (nếu có):..... Fax (nếu có):
.....
Email (nếu có): Website (nếu có):
.....

7. Mô hình tổ chức công ty trách nhiệm hữu hạn (đánh dấu X vào ô thích hợp, chỉ kê khai đối với công ty TNHH một thành viên có chủ sở hữu là tổ chức):

- Hội đồng thành viên
Chủ tịch công ty

8. Người đại diện theo pháp luật² (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)/Chủ tịch công ty (đối với công ty hợp danh):

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:
.....
Chức danh:
.....

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi

rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):...../...../.....

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị

trần:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .

Tỉnh/Thành

phố:

Quốc

gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị

trần:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành

phố:

Quốc

gia:

Điện thoại (nếu có):..... Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

9. Danh sách thành viên công ty³ (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên/công ty hợp danh, kê khai theo mẫu): Gửi kèm

10. Danh sách người đại diện theo ủy quyền⁴ (chỉ kê khai đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có chủ sở hữu là tổ chức/ cổ đông là tổ chức nước ngoài của công ty cổ phần): Gửi kèm.

11. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài⁵ (chỉ kê khai đối với công ty cổ phần chưa niêm yết, kê khai theo mẫu): Gửi kèm

12. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
12.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:

12.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁶ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:	
12.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại (nếu có)..... Fax (nếu có): Email (nếu có):	
12.4	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch <input type="checkbox"/> oán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>	
12.5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁷ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)	
12.6	Tổng số lao động:	
12.7	Hoạt động theo dự án BOT/BTO/BT/BOO, BLT, BTL, O&M: <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không	
12.8	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁸ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>	
12.9	Thông tin về Tài khoản ngân hàng	
	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp (Đánh dấu X vào ô vuông nếu doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp).

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**
(Ký, ghi họ tên)⁹

- Doanh nghiệp có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

² Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

^{3,4,5} Thành viên, cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, người đại diện theo ủy quyền không bắt buộc phải ký vào danh sách thành viên, danh sách cổ đông, danh sách người đại diện theo ủy quyền.

⁶ Trường hợp doanh nghiệp kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 12.4 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 12.2

⁷ Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁸ Doanh nghiệp căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

⁹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

56. Thủ tục: Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum<ul style="list-style-type: none">+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.<ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh:<ul style="list-style-type: none">+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.+ Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận
-----------------------------------	---

	<p>đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>- Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (<i>theo mẫu</i>)</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy xác nhận

Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (<i>Phụ lục II-21, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

Phụ lục II-21

TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

1. Trường hợp tạm ngừng kinh doanh:

a) Đối với doanh nghiệp:

Đăng ký tạm ngừng kinh doanh từ ngày....tháng....năm..... cho đến ngày....tháng....năm.....

Lý do tạm ngừng:

Sau khi doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh chuyển tình trạng hoạt động của tất cả các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng tạm ngừng kinh doanh.

b) Đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Đăng ký tạm ngừng hoạt động từ ngày ... tháng ... năm ... cho đến ngày ... tháng ... năm ... đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*)

.....

Mã số/Mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Lý do tạm ngừng:

Chi nhánh chủ quản (*chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký tạm ngừng hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*):

Tên chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

2. Trường hợp tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo¹:

a) Đối với doanh nghiệp:

Đăng ký tiếp tục kinh doanh từ ngày....tháng....năm.....

Lý do:

Sau khi doanh nghiệp tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh chuyển tình trạng hoạt động của tất cả các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng đang hoạt động (đánh dấu vào ô này trong trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu đăng ký hoạt động trở lại trước thời hạn đối với doanh nghiệp và tất cả các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp).

b) Đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Đăng ký tiếp tục hoạt động từ ngày....tháng....năm..... đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa)

.....
Mã số/Mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế):

Ngày cấp://Nơi cấp:

Chi nhánh chủ quản (chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):

Tên chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh):

Ngày cấp://Nơi cấp:

Lý do:

Doanh nghiệp cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA DOANH NGHIỆP/

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CHI NHÁNH

(Ký, ghi họ tên)³

¹ Doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, doanh nghiệp gửi thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đã đăng ký chậm nhất 15 ngày trước khi tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo.

³ Trường hợp tạm ngừng kinh doanh/đăng ký hoạt động trở lại trước thời hạn đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

Trường hợp tạm ngừng kinh doanh/đăng ký hoạt động trở lại trước thời hạn đối với địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

57. Thủ tục: Giải thể doanh nghiệp

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ
----------------------------	--

	<p>đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>); - Báo cáo thanh lý tài sản doanh nghiệp; danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán hết các khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, người lao động sau khi quyết định giải thể doanh nghiệp (nếu có); - Quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần, của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh về việc giải thể doanh nghiệp;

	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đã thu hồi con dấu; - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Đối với doanh nghiệp được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương thì ngoài các giấy tờ nêu trên, doanh nghiệp nộp kèm theo: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đầu tư; Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký thuế <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy xác nhận
Lệ phí:	Miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp (<i>Phụ lục II-24, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>)
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

Phụ lục II-24

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO
Về việc giải thể doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp://Nơi cấp:

Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp như sau:

Trường hợp doanh nghiệp gửi Quyết định giải thể đến Phòng Đăng ký kinh doanh theo quy định tại Khoản 3 Điều 202 Luật Doanh nghiệp thì ghi:

Quyết định giải thể số: ngày//.....

Lý do giải thể:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể, đăng tải quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ của doanh nghiệp (*nếu có*) trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

Trường hợp doanh nghiệp nộp hồ sơ giải thể đến Phòng Đăng ký kinh doanh theo quy định tại Khoản 1 Điều 204 Luật Doanh nghiệp thì ghi:

Doanh nghiệp đã thanh toán hết các khoản nợ theo quy định tại Khoản 2 Điều 201 Luật Doanh nghiệp. Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng giải thể.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi họ tên)⁴

⁴ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

58. Thủ tục: Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận
----------------------------	--

	<p>đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>) - Quyết định giải thể - Bản sao quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực; - Báo cáo thanh lý tài sản doanh nghiệp; danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán hết các khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, người lao động sau khi quyết định giải thể doanh nghiệp (nếu có) - Phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan;

	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đã thu hồi con dấu (nếu có); - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời gian giải quyết:	Tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy xác nhận
Lệ phí:	Miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp (<i>Phụ lục II-24, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>)
Yêu cầu, điều kiện:	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định của Tòa án có hiệu lực, doanh nghiệp phải triệu tập họp để quyết định giải thể.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

Phụ lục II-24

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO
Về việc giải thể doanh nghiệp

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp://Nơi cấp:

Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp như sau:

Trường hợp doanh nghiệp gửi Quyết định giải thể đến Phòng Đăng ký kinh doanh theo quy định tại Khoản 3 Điều 202 Luật Doanh nghiệp thì ghi:

Quyết định giải thể số: ngày//.....

Lý do giải thể:

Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể, đăng tải quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ của doanh nghiệp (*nếu có*) trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

Trường hợp doanh nghiệp nộp hồ sơ giải thể đến Phòng Đăng ký kinh doanh theo quy định tại Khoản 1 Điều 204 Luật Doanh nghiệp thì ghi:

Doanh nghiệp đã thanh toán hết các khoản nợ theo quy định tại Khoản 2 Điều 201 Luật Doanh nghiệp. Đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng giải thể.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

59. Thủ tục: Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận
----------------------------	--

	<p>đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh đối với trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh ở trong nước (<i>theo mẫu</i>); - Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài đối với trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp ở nước ngoài (<i>theo mẫu</i>); - Quyết định của doanh nghiệp về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện bao gồm quyết định của chủ

	doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân, của chủ sở hữu hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần, của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời gian giải quyết:	Tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy xác nhận
Lệ phí:	Miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (<i>Phụ lục II-22, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (<i>Phụ lục II-23, Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>);
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Phụ lục II-22
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*chỉ kê khai nếu không có mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh và mã số thuế chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Lý do chấm dứt hoạt động:

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (*nếu có*):Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*):Website (*nếu có*):

3. Chi nhánh chủ quản (*chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký chấm dứt hoạt động của địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*):

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Doanh nghiệp cam kết sẽ chịu trách nhiệm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP/NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CHI
NHÁNH**

(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.
Trường hợp chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

60. Thủ tục: *Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. + Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: + Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử. + Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp đề yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. + Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ
----------------------------	--

	<p>đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>- Giấy đề nghị hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>) hoặc Giấy đề nghị hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp do chuyển đổi trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (<i>theo mẫu</i>).</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư

Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (<i>Phụ lục II-14 Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>); - Giấy đề nghị hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp do chuyên đổi trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (<i>Phụ lục II-16 Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

Phụ lục II-14

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

**Hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp,
Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp,
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện,
Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số
doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp://Nơi cấp:

Đề nghị hiệu đính nội dung thông tin như sau:

- Thông tin đã đăng ký trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hiện nay là:

.....
- Thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy xác nhận về việc
thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi
nhánh, văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh hiện nay
là:

.....
Do vậy, đề nghị Quý Phòng hiệu đính thông tin trong Giấy chứng nhận đăng
ký doanh nghiệp theo đúng thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp mà doanh
nghiệp đã đăng ký.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp
pháp, chính xác và trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP/
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CHI NHÁNH**
(Ký, ghi họ tên)¹

¹

- Trường hợp hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh
doanh trực thuộc doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp hiệu đính thông tin của địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của
doanh nghiệp hoặc người đứng đầu chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục II-16

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

**Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp do chuyển đổi
trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*chỉ kê khai nếu không có mã số
doanh nghiệp/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Đề nghị bổ sung, hiệu đính nội dung thông tin như sau:

- Thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hiện nay là:

.....
.....
.....

- Thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận
đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế/Giấy
chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư (Giấy chứng nhận) hiện nay là:

.....
.....

Do vậy, đề nghị Quý Phòng bổ sung, hiệu đính thông tin trong Cơ sở dữ liệu
quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo đúng thông tin trên Giấy chứng nhận mà
doanh nghiệp đã đăng ký.

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp
pháp, chính xác và trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-6

DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

STT	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu	Vốn góp			Thời điểm góp vốn ³	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy CN đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ⁴	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn ²				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16

....., ngày.....tháng.....năm.....

¹Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.

²Loại tài sản góp vốn bao gồm:

- Đồng Việt Nam
- Ngoại tệ tự do chuyển đổi (ghi rõ loại ngoại tệ, số tiền được góp bằng mỗi loại ngoại tệ)
- Vàng
- Giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật
- Tài sản khác (ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản, có thể lập thành danh mục riêng kèm theo Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp)

³ Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

⁴ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁵

⁵ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-7
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN

STT	Tên cổ đông sáng lập	Ngày, tháng, năm sinh đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đông sáng lập là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận ĐKDN (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ¹								Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của cổ đông sáng lập ³	Ghi chú
									Tổng số cổ phần		Tỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn ²			
									Số lượng	Giá trị		Phổ thông						
												Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

¹Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông sáng lập cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có.

²Khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông sáng lập dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

³Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông sáng lập là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)¹

¹Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-8
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

ST T	Tên cổ đơn g là nhà đầu tư nướ c ngo ài ¹	Ngày, tháng, năm sinh của cổ đồng là cá nhân nước ngoài	G i ớ i tí n h	Quốc tịch	Chỗ ở hiện tại đối với cổ đồng là cá nhân nước ngoài	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp ²								Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Chữ ký của cổ đồng là nhà đầu tư nước ngoài ⁴	Gh i ch ú
								Tổng số cổ phần		T ỷ lệ (%)	Loại cổ phần				Thời điểm góp vốn ³			
								Số lượ ng	Giá trị		Phổ thông						
											Số lượ ng	Gi á trị	Số lượ ng	Giá trị				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁵

¹Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài kê khai tại Danh sách người đại diện theo ủy quyền.
²Ghi tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp cổ phần của từng cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn cổ phần; số lượng từng loại tài sản góp vốn cổ phần; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn cổ phần; thời điểm góp vốn cổ phần của từng loại tài sản. Giá trị phần vốn góp cổ phần ghi bằng số theo đơn vị VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có
³- Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài dự kiến hoàn thành việc góp vốn.
- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài hoàn thành việc góp vốn.
- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài không cần kê khai thời điểm góp vốn.
⁴Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông là tổ chức nước ngoài thì chữ ký là của người đại diện theo ủy quyền của tổ chức.
⁵Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-9
DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÔNG TY HỢP DANH

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp CMND, Hchiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ³	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm góp vốn ²			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	A. Thành viên hợp danh													
	B. Thành viên góp vốn													

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)⁴

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên. Tài sản hình thành tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên cần được liệt kê cụ thể: tên loại tài sản góp vốn; số lượng từng loại tài sản góp vốn; giá trị còn lại của từng loại tài sản góp vốn; thời điểm góp vốn của từng loại tài sản.

² Trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên dự kiến hoàn thành việc góp vốn.

- Trường hợp đăng ký tăng vốn điều lệ, thời điểm góp vốn là thời điểm thành viên hoàn thành việc góp vốn.

- Các trường hợp khác ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên không cần kê khai thời điểm góp vốn.

³ Chỉ yêu cầu đối với trường hợp đăng ký thành lập doanh nghiệp. Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

⁴ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-10
DANH SÁCH NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

ST T	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp CMND, Hchiếu đối với cá nhân; hoặc chứng thực cá nhân khác	Vốn được ủy quyền			Chữ ký của người đại diện theo ủy quyền	Ghi chú
										Tổng giá trị vốn được đại diện (<i>bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có</i>)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

....., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
(Ký, ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào phần này.

II. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ: 15 TTHC

1. Thủ tục: *Đăng ký thành lập Liên hiệp hợp tác xã*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. <p>+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:</p> <ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã/ Liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện.- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi
----------------------------	---

	<p>thông báo qua mạng điện tử để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã nếu hồ sơ hợp lệ.</p> <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký thành lập Liên hiệp hợp tác xã (<i>theo mẫu</i>); - Điều lệ Liên hiệp hợp tác xã; - Phương án sản xuất kinh doanh (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách thành viên Liên hiệp hợp tác xã (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1)

	<p>bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Hội nghị thành lập; - Trường hợp đăng ký Liên hiệp hợp tác xã là tổ chức tín dụng kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Liên hiệp hợp tác xã
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký kinh doanh (đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã). Mức thu: 300.000 đồng/lần cấp. - Miễn nộp lệ phí: Đăng ký bổ sung, thay đổi thông tin trên giấy chứng nhận hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận Liên hiệp hợp tác xã do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ... trong hồ sơ đăng ký kinh doanh, hồ sơ thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký thành lập HTX, Liên hiệp hợp tác xã (<i>Phụ lục I-1 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Phương án sản xuất kinh doanh (<i>Phụ lục I-2 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách thành viên hợp tác xã (<i>Phụ lục I-3 Thông tư số</i>

	<p>07/2019/TT-BKHĐT);</p> <p>- Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên (<i>Phụ lục I-4 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).</p>
<p>Yêu cầu, điều kiện:</p>	<p>Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã được cấp giấy chứng nhận đăng ký khi có đủ các điều kiện sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm; 2. Hồ sơ đăng ký theo quy định; 3. Tên của hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã được đặt theo quy định tại Điều 22 của Luật này (<i>Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã quyết định tên, biểu tượng của mình nhưng không trái với quy định của pháp luật. Tên hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phải được viết bằng tiếng Việt, có thể kèm theo chữ số, ký hiệu và được bắt đầu bằng cụm từ “Hợp tác xã” hoặc “Liên hiệp hợp tác xã”; Tên, biểu tượng của hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phải được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được bảo hộ theo quy định của pháp luật</i>) và Tên hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã được viết bằng tiếng Việt hoặc ký tự La - tinh trừ ký tự đặc biệt, có thể kèm theo chữ số, ký hiệu và được bắt đầu bằng cụm từ “hợp tác xã” hoặc “liên hiệp hợp tác xã” sau đó là tên riêng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã có thể sử dụng ngành, nghề kinh doanh hay ký hiệu phụ trợ khác để cấu thành tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Tên hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phải được viết hoặc gắn tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Tên hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phải được in hoặc viết trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phát hành; Cơ quan đăng ký hợp tác xã có quyền từ chối chấp thuận tên dự kiến đăng ký của hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã nếu tên đó không phù hợp với quy định tại Điều 8 Nghị

định này (Đặt tên đầy đủ, tên viết tắt, tên bằng tiếng nước ngoài của hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên đầy đủ hoặc tên viết tắt hoặc tên bằng tiếng nước ngoài của hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã khác đã đăng ký trong phạm vi cả nước; Đặt tên đầy đủ, tên viết tắt, tên bằng tiếng nước ngoài xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với tên thương mại, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý của tổ chức, cá nhân khác theo pháp luật về sở hữu trí tuệ; Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Sử dụng tên danh nhân, từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc); Cơ quan đăng ký hợp tác xã có trách nhiệm công khai tên hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã đã đăng ký; các hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã đăng ký trước khi Nghị định này có hiệu lực có tên gây nhầm lẫn thì cơ quan đăng ký hợp tác xã khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã có tên trùng và tên gây nhầm lẫn tương tự thương lượng với nhau để đăng ký đổi tên hoặc bổ sung tên địa danh để làm yếu tố phân biệt tên).

4. Có trụ sở chính theo quy định tại Điều 26 của Luật này (*Trụ sở chính của hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã là địa điểm giao dịch của hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã trên lãnh thổ Việt Nam, có địa chỉ được xác định gồm số nhà, tên đường, phố, xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có).*)

Hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau:

	<p>1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy.</p> <p>2. Các thông tin đăng ký hợp tác xã được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử.</p> <p>3. Hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng của một trong các chủ thể sau đây:</p> <p>a) Cá nhân có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hợp tác xã theo quy định;</p> <p>b) Người được cá nhân quy định tại điểm a Khoản 3 nêu trên ủy quyền thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã. Trong trường hợp này, kèm theo hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử phải có các giấy tờ, tài liệu quy định tại Khoản 3 Điều 1 Thông tư 07/2019/TT-BKHĐT (<i>Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực</i>).</p> <p>4. Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p>
<p>Căn cứ pháp lý:</p>	<p>- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính</p>

phủ;

- Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ;

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

Phụ lục I-1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Đăng ký thành lập hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):.....là người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã

Đăng ký thành lập hợp tác xã với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở tách hợp tác xã

Thành lập trên cơ sở chia hợp tác xã

Thành lập trên cơ sở hợp nhất hợp tác xã

2. Tên hợp tác xã:

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên hợp tác xã viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

4. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã ngành, nghề kinh doanh theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):

¹ Hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (<i>đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai</i>)

5. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (*bằng số; VNĐ*):

Vốn điều lệ (*bằng chữ; VNĐ*):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (*nếu có*):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hay không? Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (<i>bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có</i>)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Số lượng thành viên:

Danh sách thành viên hợp tác xã: (*kê khai theo mẫu*): *Gửi kèm*

8. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:// Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Hợp tác xã chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh làm ngành, nghề kinh doanh chính. Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

Hộ chiếu Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: .../.../....Nơi cấp:Ngày hết hạn (*nếu có*): .../.../....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*):Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*):

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
9.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (<i>nếu có</i>): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
9.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (<i>nếu có tại thời điểm kê khai</i>): Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
9.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (<i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i>): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

	Tỉnh/Thành phố: Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có): Email (nếu có):				
9.4	Ngày bắt đầu hoạt động ² (trường hợp hợp tác xã dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....				
9.5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>				
9.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ³ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)				
9.7	Tổng số lao động (dự kiến):				
9.8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>				
9.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁴ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>				
9.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai): <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 50%;">Tên ngân hàng</td> <td style="width: 50%;">Số tài khoản ngân hàng</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng				
.....				

² Trường hợp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

³ - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁴ Hợp tác xã căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

10. Thông tin về các hợp tác xã bị chia, bị tách, bị hợp nhất (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập hợp tác xã trên cơ sở chia, tách, hợp nhất):

a) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hợp tác xã/mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã⁵ (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế):..... Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: ...

b) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hợp tác xã/mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã⁶ (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế):..... ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: ...

Đề nghị(tên cơ quan đăng ký hợp tác xã) thực hiện chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất.

Tôi cam kết:

- Tru sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký hợp tác xã trên.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA HỢP

TÁC XÃ

(Ký và ghi họ tên)⁷

^{5,6} Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

⁷ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-2
PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ

PHẦN I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHẢ NĂNG THAM GIA CỦA HỢP TÁC XÃ

- I. Tổng quan về tình hình thị trường
- II. Đánh giá khả năng tham gia thị trường của hợp tác xã
- III. Căn cứ pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của hợp tác xã

PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ HỢP TÁC XÃ

- I. Giới thiệu tổng thể
 - 1. Tên hợp tác xã
 - 2. Địa chỉ trụ sở chính
 - 3. Vốn điều lệ
 - 4. Số lượng thành viên
 - 5. Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh
- II. Tổ chức bộ máy và giới thiệu chức năng nhiệm vụ tổ chức bộ máy của hợp tác xã

PHẦN III. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

- I. Phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội phát triển và thách thức của hợp tác xã
- II. Phân tích cạnh tranh
- III. Mục tiêu và chiến lược phát triển của hợp tác xã
- IV. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã
 - 1. Nhu cầu về sản phẩm, dịch vụ hoặc việc làm của thành viên
 - 2. Dự kiến các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã căn cứ vào hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)
 - 3. Xác định các hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)

V. Kế hoạch Marketing

VI. Phương án đầu tư cơ sở vật chất, bố trí nhân lực và các điều kiện khác phục vụ sản xuất, kinh doanh

PHẦN IV. PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

- I. Phương án huy động và sử dụng vốn
- II. Phương án về doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong 03 năm đầu
- III. Phương án tài chính khác

PHẦN V. KẾT LUẬN

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA HỢP TÁC XÃ

(Ký và ghi họ tên)⁶

Phụ lục I-3

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỢP TÁC XÃ

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp của hộ gia đình	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp của hộ gia đình	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp		Thời điểm hoàn thành góp vốn	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ⁷	Gh i ch ú
									Giá trị phần vốn góp (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

⁶ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

⁷ Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

....., ngày.....tháng.....năm.....
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)⁸

⁸ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không cần đóng dấu.

Phụ lục I-4
DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC),
BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN HỢP TÁC XÃ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu	Chức danh	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Danh sách Hội đồng quản trị										
1										
2										
Giám đốc (Tổng Giám đốc)										
Danh sách Ban kiểm soát (kiểm soát viên)										
1										
2										

....., ngày.... tháng.... năm...
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

2. Thủ tục: Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Liên hiệp hợp tác xã

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã/ Liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện.- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p>
----------------------------	---

	- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	a) Thành phần hồ sơ bao gồm: - Thông báo về việc đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký Liên hiệp hợp tác xã; - Nghị quyết của đại hội thành viên về việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; - Quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc cử người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; - Bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; - Trường hợp thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX, Liên hiệp hợp tác xã là tổ chức tín dụng, kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời gian giải quyết:	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Liên hiệp hợp tác xã
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (<i>Phụ lục I-7 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).

Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

Phụ lục I-7

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

**Về việc đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện,
địa điểm kinh doanh của hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã¹
(*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):..... Ngày
cấp: .../.../.... Nơi cấp:

**Đăng ký thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh với
các nội dung sau:**

**1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng
Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):**

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước
ngoài (*nếu có*):.....

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt (*nếu có*): ..

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (*nếu có*):Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*):Website (*nếu có*):

3. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (*đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh; ghi tên và
mã ngành, nghề kinh doanh theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt
Nam*):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (<i>đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai</i>)

b) Nội dung hoạt động (*đối với văn phòng đại diện*):

4. Người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ tên người đại diện (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

¹ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Hộ chiếu

Căn cước công dân

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tô/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tô/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):

5. Chi nhánh chủ quản (chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký thành lập địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh hợp tác xã (trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh):..... Ngày cấp:

...../...../..... Nơi cấp:

6. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
6.1	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tô/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại:Fax (nếu có): Email (nếu có):
6.2	Ngày bắt đầu hoạt động ² (trường hợp chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
6.3	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp):

² Trường hợp chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận.

	Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>						
6.4	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ³ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)						
6.5	Tổng số lao động (dự kiến):						
6.6	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>						
6.7	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁴ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>						
6.8	Thông tin về Tài khoản ngân hàng: <table border="1" style="width: 100%;"> <thead> <tr> <th>Tên ngân hàng</th> <th>Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </tbody> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng						
.....						
.....						

Hợp tác xã cam kết:

- Trụ sở chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ/
NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)⁵

³ Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁴ Hợp tác xã căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

⁵ - Trường hợp lập địa điểm kinh doanh trực thuộc hợp tác xã thì người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp lập địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh thì người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

3. Thủ tục: Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký Liên hiệp hợp tác xã

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <p>+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. <p>+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:</p> <ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã/ Liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện.- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none">- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30
----------------------------	---

	các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	a) Thành phần hồ sơ bao gồm: - Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của HTX, Liên hiệp hợp tác xã (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo pháp luật của liên hiệp hợp tác xã. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký Liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời gian giải quyết:	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh HTX, Liên hiệp HTX
Lệ phí:	- Lệ phí đăng ký kinh doanh (thay đổi nội dung). Mức thu: 300.000 đồng/lần cấp. - Miễn nộp lệ phí: Đăng ký bổ sung, thay đổi thông tin trên giấy chứng nhận hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận Liên hiệp hợp tác xã do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ... trong hồ sơ đăng ký kinh doanh, hồ sơ thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký Liên hiệp hợp tác xã (<i>Phụ lục I-5 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ;

- | |
|--|
| <ul style="list-style-type: none">- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư- Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.- Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum |
|--|

Phụ lục I-5

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã¹
(*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):..... Ngày
cấp:...../...../..... Nơi cấp:

Hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở (*chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã hoặc sáp nhập hợp tác xã, đánh dấu X vào ô thích hợp*):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã

Thông tin về hợp tác xã được tách (*chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã*)

a) Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã:

b) Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã:

Thông tin về hợp tác xã bị sáp nhập (*chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã*):

a) Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã²
(*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):..... Ngày
cấp:...../...../..... Nơi cấp:

b) Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã³
(*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):..... Ngày
cấp:...../...../..... Nơi cấp:

Đề nghị (*tên cơ quan đăng ký hợp tác xã*) thực hiện chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã bị sáp nhập.

Hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã/

¹ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

^{2,3} Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã như sau:
(Hợp tác xã chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/
thông báo thay đổi và gửi kèm)

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN HỢP TÁC XÃ

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt dự kiến thay đổi (ghi bằng chữ in hoa):

.....

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài dự kiến thay đổi (nếu có):

.....

Tên hợp tác xã viết tắt dự kiến thay đổi (nếu có):

.....

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu hợp tác xã thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở chính).

Hợp tác xã cam kết trụ sở hợp tác xã dự định chuyển đến thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH⁴

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Chi chú

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Chi chú

⁴ Hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú

4. Thay đổi ngành nghề kinh doanh chính (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh chính	Mã ngành	Ghi chú

Lưu ý:

Trường hợp hợp tác xã thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại Mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại Mục 2.

Trường hợp ngành, nghề kinh doanh được bổ sung hoặc ngành, nghề kinh doanh được bỏ ra khỏi danh sách đã đăng ký là ngành, nghề kinh doanh chính của hợp tác xã thì hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1 (hoặc Mục 2) và Mục 4 nêu trên.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ

Vốn điều lệ đã đăng ký (bằng số, bằng chữ, VNĐ):
 Vốn điều lệ sau khi thay đổi (bằng số, bằng chữ, VNĐ):
 Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):
 Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hay không? ng
 Thời điểm thay đổi vốn:
 Hình thức tăng, giảm vốn:

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ/SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN/
 THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT
 VIÊN**

1. Trường hợp thay đổi điều lệ thì hợp tác xã gửi kèm theo bản điều lệ của hợp tác xã sau khi thay đổi.
2. Trường hợp thay đổi số lượng thành viên thì hợp tác xã gửi kèm theo bản Danh sách thành viên sau khi thay đổi.
 (Lưu ý: Hợp tác xã chỉ kê khai các thành viên mới được bổ sung hoặc các thành viên ra khỏi hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-3 ban hành kèm theo Thông tư này).
3. Trường hợp thay đổi thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên của hợp tác xã thì hợp tác xã gửi kèm theo bản Danh sách thành viên hội đồng

quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên sau khi thay đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục I-4 ban hành kèm theo Thông tư này.

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế		
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:		
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁵ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:		
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (nếu có): Email (nếu có):		
4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁶ :...../...../.....		
5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>		
6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁷ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)		
7	Tổng số lao động:		
8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>		
9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁸ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>		
10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng: <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; margin-top: 5px;"> <tr> <td style="width: 50%; text-align: center;">Tên ngân hàng</td> <td style="width: 50%; text-align: center;">Số tài khoản ngân hàng</td> </tr> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng		

⁵ Trường hợp hợp tác xã kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

⁶ Trường hợp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

⁷ - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁸ Hợp tác xã căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

.....

.....

**ĐĂNG KÝ
THAY ĐỔI ĐỐI NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

Người đại diện theo pháp luật sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:Ngày hết hạn (*nếu có*):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*):Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*):

Đề nghị (*tên cơ quan đăng ký hợp*

tác xã) cập nhật thông tin về Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Danh sách Hội đồng quản trị trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

**THÔNG BÁO BỔ SUNG, CẬP NHẬT THÔNG TIN
ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ**

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hợp tác xã như sau:

.....
.....
.....

Hợp tác xã xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này và các tài liệu được gửi kèm theo.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA HỢP TÁC XÃ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)⁹

⁹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Trường hợp hợp tác xã thay đổi người đại diện theo pháp luật hoặc thay đổi nhiều nội dung đăng ký hợp tác xã, trong đó có thay đổi người đại diện theo pháp luật thì người ký thông báo là Chủ tịch hội đồng quản trị mới được bầu.

4. Thủ tục: Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Liên hiệp hợp tác xã

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã/ Liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện.- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục</p>
----------------------------	--

	<p>vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX, Liên hiệp hợp tác xã (<i>theo mẫu</i>); - Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của Hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã; - Bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đối với trường hợp thay đổi người đại diện. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã.
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo về việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (<i>Phụ lục I-9 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ;

- | |
|--|
| <ul style="list-style-type: none">- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư- Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.- Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum |
|--|

Phụ lục I-9

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

**Về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh,
văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã⁶
(*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*): Ngày
cấp:/...../..... Nơi cấp:

**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng
đại diện/địa điểm kinh doanh sau:**

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

.....
Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của
chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh
doanh của hợp tác xã (*trường hợp không có mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa
điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh
doanh*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Chi nhánh chủ quản (*chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký thay đổi nội dung
đăng ký hoạt động của địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*):

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh (*trường hợp không có mã số chi
nhánh/mã số thuế của chi nhánh*): Ngày cấp:
...../...../..... Nơi cấp:

Nội dung đăng ký thay đổi:

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp
pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA HỢP TÁC XÃ/

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH

(*Ký, ghi họ tên, đóng dấu*)⁷

⁶ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

5. Thủ tục: Đăng ký khi Liên hiệp hợp tác xã chia

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã/ Liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện.- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn</p>
----------------------------	---

- Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc hợp tác xã, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã hoặc người đại diện chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

	<p>bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký thành lập HTX, Liên hiệp hợp tác xã (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Điều lệ; - Phương án sản xuất kinh doanh (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách thành viên, hợp tác xã thành viên (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên (<i>theo mẫu</i>); - Nghị quyết của Đại hội thành viên về việc chia HTX, Liên hiệp hợp tác xã. - Trường hợp đăng ký HTX, Liên hiệp hợp tác xã là tổ chức tín dụng kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh HTX, Liên hiệp hợp tác xã.
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký kinh doanh (đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã). Mức thu: 300.000 đồng/lần cấp. - Miễn nộp lệ phí: Đăng ký bổ sung, thay đổi thông tin trên giấy chứng nhận hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký

	<p>hợp tác xã, giấy chứng nhận Liên hiệp hợp tác xã do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ... trong hồ sơ đăng ký kinh doanh, hồ sơ thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký thành lập Liên hiệp hợp tác xã (<i>Phụ lục I-1 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Phương án sản xuất kinh doanh (<i>Phụ lục I-2 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách hợp tác xã thành viên (<i>Phụ lục I-3 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên (<i>Phụ lục I-4 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	<p>Sau khi đại hội thành viên quyết định chia, Hội đồng quản trị thông báo bằng văn bản cho các chủ nợ, các tổ chức và cá nhân có quan hệ kinh tế với HTX, Liên hiệp hợp tác xã về quyết định chia và giải quyết các vấn đề liên quan trước khi tiến hành thủ tục thành lập HTX, Liên hiệp hợp tác xã mới.</p>
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Luật Hợp tác xã</i> ngày 20/11/2012; - <i>Nghị định số 193/2013/NĐ-CP</i> ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 107/2017/NĐ-CP</i> ngày 15/9/2017 của Chính phủ; - <i>Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT</i> ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <i>Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i> ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - <i>Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND</i> ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - <i>Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND</i> ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

Phụ lục I-1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Đăng ký thành lập hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tôi là (*ghi họ tên bằng chữ in hoa*):.....là người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã

Đăng ký thành lập hợp tác xã với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (*đánh dấu X vào ô thích hợp*)

- Thành lập mới
- Thành lập trên cơ sở tách hợp tác xã
- Thành lập trên cơ sở chia hợp tác xã
- Thành lập trên cơ sở hợp nhất hợp tác xã

2. Tên hợp tác xã:

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên hợp tác xã viết tắt (*nếu có*):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (*nếu có*):Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*):Website (*nếu có*):

4. Ngành, nghề kinh doanh⁸ (*ghi tên và mã ngành, nghề kinh doanh theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam*):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (<i>đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai</i>)

5. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (*bằng số; VNĐ*):

Vốn điều lệ (*bằng chữ; VNĐ*):

⁸ Hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Hợp tác xã chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh làm ngành, nghề kinh doanh chính. Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hay không? Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Số lượng thành viên:

Danh sách thành viên hợp tác xã: (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

8. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có):

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
9.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
9.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có tại thời điểm kê khai): Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
9.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế)

	<i>khác địa chỉ trụ sở chính):</i> Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có): Email (nếu có):				
9.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁹ (trường hợp hợp tác xã dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....				
9.5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>				
9.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ¹⁰ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)				
9.7	Tổng số lao động (dự kiến):				
9.8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>				
9.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ¹¹ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>				
9.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai): <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 50%;">Tên ngân hàng</td> <td style="width: 50%;">Số tài khoản ngân hàng</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng				
.....				

10. Thông tin về các hợp tác xã bị chia, bị tách, bị hợp nhất (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập hợp tác xã trên cơ sở chia, tách, hợp nhất):

- a) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số hợp tác xã/mã số thuế:.....
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã¹²
(chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế):..... Ngày
cấp:...../...../..... Nơi cấp:
- b) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số hợp tác xã/mã số thuế:.....

⁹ Trường hợp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

¹⁰ - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

¹¹ Hợp tác xã căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

^{12.6} Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã⁶
(*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):..... Ngày
cấp:...../...../..... Nơi cấp:

Đề nghị(*tên cơ quan đăng ký hợp tác xã*) thực hiện
chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng
đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất.

Tôi cam kết:

- Tru sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và
được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của
nội dung đăng ký hợp tác xã trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(*Ký và ghi họ tên*)⁷

⁷ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-2
PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ

PHẦN I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHẢ NĂNG THAM GIA CỦA HỢP TÁC XÃ

- I. Tổng quan về tình hình thị trường
- II. Đánh giá khả năng tham gia thị trường của hợp tác xã
- III. Căn cứ pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của hợp tác xã

PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ HỢP TÁC XÃ

I. Giới thiệu tổng thể

1. Tên hợp tác xã
2. Địa chỉ trụ sở chính
3. Vốn điều lệ
4. Số lượng thành viên
5. Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh

II. Tổ chức bộ máy và giới thiệu chức năng nhiệm vụ tổ chức bộ máy của hợp tác xã

PHẦN III. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

I. Phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội phát triển và thách thức của hợp tác xã

II. Phân tích cạnh tranh

III. Mục tiêu và chiến lược phát triển của hợp tác xã

IV. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã

1. Nhu cầu về sản phẩm, dịch vụ hoặc việc làm của thành viên
2. Dự kiến các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã căn cứ vào hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)

3. Xác định các hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)

V. Kế hoạch Marketing

VI. Phương án đầu tư cơ sở vật chất, bố trí nhân lực và các điều kiện khác phục vụ sản xuất, kinh doanh

PHẦN IV. PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

I. Phương án huy động và sử dụng vốn

II. Phương án về doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong 03 năm đầu

III. Phương án tài chính khác

PHẦN V. KẾT LUẬN

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký và ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-3
DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỢP TÁC XÃ

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp của hộ gia đình	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp của hộ gia đình	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp		Thời điểm hoàn thành góp vốn	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ¹	Gh i ch ú
									Giá trị phần vốn góp (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

....., ngày.....tháng.....năm.....
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)²

¹ Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

² Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không cần đóng dấu.

Phụ lục I-4
DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC),
BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN HỢP TÁC XÃ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu	Chức danh	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
A. Danh sách Hội đồng quản trị										
B. Giám đốc (Tổng Giám đốc)										
C. Danh sách Ban kiểm soát (kiểm soát viên)										

....., ngày.... tháng.... năm...
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

6. Thủ tục: Đăng ký khi Liên hiệp hợp tác xã tách

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <p>+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. <p>+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:</p> <ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã/ Liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện.- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p>
----------------------------	---

	- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký thành lập HTX, Liên hiệp hợp tác xã (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Điều lệ; - Phương án sản xuất kinh doanh (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách thành viên, hợp tác xã thành viên (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên (<i>theo mẫu</i>); - Nghị quyết của Đại hội thành viên về việc chia HTX, Liên hiệp hợp tác xã. - Trường hợp đăng ký HTX, Liên hiệp hợp tác xã là tổ chức tín dụng kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh HTX, Liên hiệp hợp tác xã.
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký kinh doanh (đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã). Mức thu: 300.000 đồng/lần cấp. - Miễn nộp lệ phí: Đăng ký bổ sung, thay đổi thông tin trên giấy chứng nhận hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận Liên hiệp hợp tác xã do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ... trong hồ sơ đăng ký kinh doanh, hồ sơ thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký thành lập Liên hiệp hợp tác xã (<i>Phụ lục I-1 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Phương án sản xuất kinh doanh (<i>Phụ lục I-2 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách hợp tác xã thành viên (<i>Phụ lục I-3 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên (<i>Phụ lục I-4 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	<p>Hội đồng quản trị thông báo bằng văn bản cho các chủ nợ, các tổ chức và cá nhân có quan hệ kinh tế với HTX, Liên hiệp hợp tác xã về quyết định tách và giải quyết các vấn đề liên quan trước khi tiến hành thủ tục thành lập HTX, Liên hiệp hợp tác xã mới</p>
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Luật Hợp tác xã</i> ngày 20/11/2012; - <i>Nghị định số 193/2013/NĐ-CP</i> ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 107/2017/NĐ-CP</i> ngày 15/9/2017 của Chính phủ; - <i>Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT</i> ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <i>Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i> ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - <i>Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND</i> ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - <i>Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND</i> ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

Phụ lục I-1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Đăng ký thành lập hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tôi là (*ghi họ tên bằng chữ in hoa*):.....là người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã

Đăng ký thành lập hợp tác xã với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (*đánh dấu X vào ô thích hợp*)

- Thành lập mới
- Thành lập trên cơ sở tách hợp tác xã
- Thành lập trên cơ sở chia hợp tác xã
- Thành lập trên cơ sở hợp nhất hợp tác xã

2. Tên hợp tác xã:

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên hợp tác xã viết tắt (*nếu có*):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (*nếu có*):Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*):Website (*nếu có*):

4. Ngành, nghề kinh doanh¹ (*ghi tên và mã ngành, nghề kinh doanh theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam*):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (<i>đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai</i>)

5. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (*bằng số; VNĐ*):

Vốn điều lệ (*bằng chữ; VNĐ*):

¹ Hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Hợp tác xã chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh làm ngành, nghề kinh doanh chính. Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hay không? Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Số lượng thành viên:

Danh sách thành viên hợp tác xã: (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

8. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có):

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
9.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
9.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có tại thời điểm kê khai): Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
9.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế)

	<i>khác địa chỉ trụ sở chính):</i> Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có): Email (nếu có):				
9.4	Ngày bắt đầu hoạt động ² (trường hợp hợp tác xã dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....				
9.5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>				
9.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ³ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)				
9.7	Tổng số lao động (dự kiến):				
9.8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>				
9.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁴ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>				
9.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai): <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 50%;">Tên ngân hàng</td> <td style="width: 50%;">Số tài khoản ngân hàng</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng				
.....				

10. Thông tin về các hợp tác xã bị chia, bị tách, bị hợp nhất (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập hợp tác xã trên cơ sở chia, tách, hợp nhất):

- a) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số hợp tác xã/mã số thuế:.....
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã⁵
(chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế):..... Ngày
cấp:...../...../..... Nơi cấp:
- b) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số hợp tác xã/mã số thuế:.....

² Trường hợp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

³ - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁴ Hợp tác xã căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chi tiêu này.

^{5,6} Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã⁶
(*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):..... Ngày
cấp:...../...../..... Nơi cấp:

Đề nghị(*tên cơ quan đăng ký hợp tác xã*) thực hiện
chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng
đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất.

Tôi cam kết:

- Tru sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và
được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của
nội dung đăng ký hợp tác xã trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(*Ký và ghi họ tên*)⁷

⁷ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-2
PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ

PHẦN I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHẢ NĂNG THAM GIA CỦA HỢP TÁC XÃ

- I. Tổng quan về tình hình thị trường
- II. Đánh giá khả năng tham gia thị trường của hợp tác xã
- III. Căn cứ pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của hợp tác xã

PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ HỢP TÁC XÃ

- I. Giới thiệu tổng thể
 - 1. Tên hợp tác xã
 - 2. Địa chỉ trụ sở chính
 - 3. Vốn điều lệ
 - 4. Số lượng thành viên
 - 5. Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh
- II. Tổ chức bộ máy và giới thiệu chức năng nhiệm vụ tổ chức bộ máy của hợp tác xã

PHẦN III. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

- I. Phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội phát triển và thách thức của hợp tác xã
- II. Phân tích cạnh tranh
- III. Mục tiêu và chiến lược phát triển của hợp tác xã
- IV. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã
 - 1. Nhu cầu về sản phẩm, dịch vụ hoặc việc làm của thành viên
 - 2. Dự kiến các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã căn cứ vào hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)
 - 3. Xác định các hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)
- V. Kế hoạch Marketing
- VI. Phương án đầu tư cơ sở vật chất, bố trí nhân lực và các điều kiện khác phục vụ sản xuất, kinh doanh

PHẦN IV. PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

- I. Phương án huy động và sử dụng vốn
- II. Phương án về doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong 03 năm đầu
- III. Phương án tài chính khác

PHẦN V. KẾT LUẬN

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký và ghi họ tên)¹

Phụ lục I-3
DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỢP TÁC XÃ

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp của hộ	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp của hộ gia đình	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh	Vốn góp		Thời điểm hoàn thành góp vốn	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ²	Gh i ch ú
									Giá trị phần vốn góp (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài,	Tỷ lệ (%)				

¹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

² Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

		gia đình						ngành; Quyết định thành lập đối với tổ chức	<i>nếu có</i>					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

....., ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)³

³ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không cần đóng dấu.

Phụ lục I-4
DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC),
BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN HỢP TÁC XÃ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu	Chức danh	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
A. Danh sách Hội đồng quản trị										
B. Giám đốc (Tổng Giám đốc)										
C. Danh sách Ban kiểm soát (kiểm soát viên)										

....., ngày.... tháng.... năm...
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

7. Thủ tục: Đăng ký khi Liên hiệp hợp tác xã hợp nhất

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <p>+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. <p>+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:</p> <ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã/ Liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện.- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p>
----------------------------	---

	- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký thành lập HTX, Liên hiệp hợp tác xã (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Điều lệ; - Phương án sản xuất kinh doanh (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách thành viên, hợp tác xã thành viên (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên (<i>theo mẫu</i>); - Nghị quyết của Đại hội thành viên về việc hợp nhất HTX, Liên hiệp hợp tác xã. - Trường hợp đăng ký HTX, Liên hiệp hợp tác xã là tổ chức tín dụng kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh HTX, Liên hiệp hợp tác xã.
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký kinh doanh (đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã). Mức thu: 300.000 đồng/lần cấp. - Miễn nộp lệ phí: Đăng ký bổ sung, thay đổi thông tin trên giấy chứng nhận hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận Liên hiệp hợp tác xã do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ... trong hồ sơ đăng ký kinh doanh, hồ sơ thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký thành lập Liên hiệp hợp tác xã (<i>Phụ lục I-1 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Phương án sản xuất kinh doanh (<i>Phụ lục I-2 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách hợp tác xã thành viên (<i>Phụ lục I-3 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên (<i>Phụ lục I-4 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị của các Liên hiệp hợp tác xã dự kiến hợp nhất xây dựng phương án hợp nhất trình đại hội thành viên của mình quyết định và có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho các chủ nợ, các tổ chức và cá nhân có quan hệ kinh tế với Liên hiệp hợp tác xã về quyết định hợp nhất. - Hội đồng quản trị của các Liên hiệp hợp tác xã dự định hợp nhất hiệp thương thành hội đồng hợp nhất. Hội đồng có nhiệm vụ xây dựng phương án hợp nhất trình đại hội thành viên quyết định.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Luật Hợp tác xã</i> ngày 20/11/2012; - <i>Nghị định số 193/2013/NĐ-CP</i> ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 107/2017/NĐ-CP</i> ngày 15/9/2017 của Chính phủ; - <i>Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT</i> ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <i>Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i> ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - <i>Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND</i> ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - <i>Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND</i> ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

Phụ lục I-1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Đăng ký thành lập hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):.....là người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã

Đăng ký thành lập hợp tác xã với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

- Thành lập mới
- Thành lập trên cơ sở tách hợp tác xã
- Thành lập trên cơ sở chia hợp tác xã
- Thành lập trên cơ sở hợp nhất hợp tác xã

2. Tên hợp tác xã:

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....

Tên hợp tác xã viết tắt (nếu có):.....

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

4. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã ngành, nghề kinh doanh theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):.....

¹ Hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Hợp tác xã chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh làm ngành, nghề kinh doanh chính. Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hay không? Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Số lượng thành viên:

Danh sách thành viên hợp tác xã: (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

8. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có):

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
9.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
9.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có tại thời điểm kê khai): Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
9.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế)

	<i>khác địa chỉ trụ sở chính):</i> Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có): Email (nếu có):				
9.4	Ngày bắt đầu hoạt động ² (trường hợp hợp tác xã dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....				
9.5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>				
9.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ³ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)				
9.7	Tổng số lao động (dự kiến):				
9.8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>				
9.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁴ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>				
9.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai): <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 50%;">Tên ngân hàng</td> <td style="width: 50%;">Số tài khoản ngân hàng</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng				
.....				

10. Thông tin về các hợp tác xã bị chia, bị tách, bị hợp nhất (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập hợp tác xã trên cơ sở chia, tách, hợp nhất):

- a) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số hợp tác xã/mã số thuế:.....
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã⁵
(chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế):..... Ngày
cấp:...../...../..... Nơi cấp:
- b) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số hợp tác xã/mã số thuế:.....

² Trường hợp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

³ - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁴ Hợp tác xã căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

^{5,6} Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã⁶
(*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):..... Ngày
cấp:...../...../..... Nơi cấp:

Đề nghị(*tên cơ quan đăng ký hợp tác xã*) thực hiện
chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng
đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất.

Tôi cam kết:

- Tru sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký hợp tác xã trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(*Ký và ghi họ tên*)⁷

⁷ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-2
PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ

PHẦN I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHẢ NĂNG THAM GIA CỦA HỢP TÁC XÃ

- I. Tổng quan về tình hình thị trường
- II. Đánh giá khả năng tham gia thị trường của hợp tác xã
- III. Căn cứ pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của hợp tác xã

PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ HỢP TÁC XÃ

- I. Giới thiệu tổng thể
 - 1. Tên hợp tác xã
 - 2. Địa chỉ trụ sở chính
 - 3. Vốn điều lệ
 - 4. Số lượng thành viên
 - 5. Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh
- II. Tổ chức bộ máy và giới thiệu chức năng nhiệm vụ tổ chức bộ máy của hợp tác xã

PHẦN III. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

- I. Phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội phát triển và thách thức của hợp tác xã
- II. Phân tích cạnh tranh
- III. Mục tiêu và chiến lược phát triển của hợp tác xã
- IV. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã
 - 1. Nhu cầu về sản phẩm, dịch vụ hoặc việc làm của thành viên
 - 2. Dự kiến các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã căn cứ vào hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)
 - 3. Xác định các hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)
- V. Kế hoạch Marketing
- VI. Phương án đầu tư cơ sở vật chất, bố trí nhân lực và các điều kiện khác phục vụ sản xuất, kinh doanh

PHẦN IV. PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

I. Phương án huy động và sử dụng vốn

II. Phương án về doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong 03 năm đầu

III. Phương án tài chính khác

PHẦN V. KẾT LUẬN

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA HỢP TÁC XÃ (Ký và ghi họ tên)¹

Phụ lục I-3

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỢP TÁC XÃ

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân, người đại diện	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các	Vốn góp		Thời điểm hoàn thành góp vốn	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký	Chữ ký của thành viên ²	Gh i ch ú
									Giá trị phần vốn góp (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn	Tỷ lệ (%)				

¹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

² Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

		hợp pháp của hộ gia đình				của hộ gia đình	chức	giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	<i>vị tiên nước ngoài, nếu có)</i>			đầu tư (nếu có)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

....., ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)³

Phụ lục I-4

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC), BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN HỢP TÁC XÃ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu	Chức danh	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

³ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không cần đóng dấu.

A. Danh sách Hội đồng quản trị										
B. Giám đốc (Tổng Giám đốc)										
C. Danh sách Ban kiểm soát (kiểm soát viên)										

....., ngày.... tháng.... năm...
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)⁴

⁴ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

8. Thủ tục: Đăng ký khi Liên hiệp hợp tác xã sáp nhập

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã/ Liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện.- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p>
----------------------------	---

	- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	a) Thành phần hồ sơ bao gồm: - Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của HTX, Liên hiệp hợp tác xã (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Điều lệ; - Phương án sản xuất kinh doanh (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách thành viên, hợp tác xã thành viên (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên (<i>theo mẫu</i>); - Nghị quyết của đại hội thành viên về việc sáp nhập HT, liên hiệp hợp tác xã. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời gian giải quyết:	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh HTX, Liên hiệp hợp tác xã.
Lệ phí:	- Lệ phí đăng ký kinh doanh (đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã). Mức thu: 300.000 đồng/lần cấp. - Miễn nộp lệ phí: Đăng ký bổ sung, thay đổi thông tin trên giấy chứng nhận hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận Liên hiệp hợp tác xã do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ... trong hồ sơ đăng ký kinh doanh, hồ sơ thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký Liên hiệp hợp tác xã (<i>Phụ lục I-5 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Phương án sản xuất kinh doanh (<i>Phụ lục I-2 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>);

	<ul style="list-style-type: none"> - Danh sách hợp tác xã thành viên (<i>Phụ lục I-3 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên (<i>Phụ lục I-4 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị của các HTX, Liên hiệp hợp tác xã bị sáp nhập xây dựng phương án sáp nhập trình đại hội thành viên của mình quyết định và có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho các chủ nợ, các tổ chức và cá nhân có quan hệ kinh tế với Liên hiệp hợp tác xã về quyết định sáp nhập. - Hội đồng quản trị của các HTX, Liên hiệp hợp tác xã bị sáp nhập hiệp thương về phương án sáp nhập, gồm các nội dung chủ yếu sau: phương án xử lý tài sản, vốn, các khoản nợ; phương án xử lý lao động và những vấn đề tồn đọng của các Liên hiệp hợp tác xã bị sáp nhập.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Luật Hợp tác xã</i> ngày 20/11/2012; - <i>Nghị định số 193/2013/NĐ-CP</i> ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 107/2017/NĐ-CP</i> ngày 15/9/2017 của Chính phủ; - <i>Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT</i> ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <i>Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i> ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - <i>Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND</i> ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - <i>Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND</i> ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

Phụ lục I-5

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):.....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã¹
(chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế):..... Ngày
cấp:...../...../..... Nơi cấp:

Hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở (chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã hoặc sáp nhập hợp tác xã, đánh dấu X vào ô thích hợp):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã

Thông tin về hợp tác xã được tách (chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã)

a) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hợp tác xã:

b) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hợp tác xã:

Thông tin về hợp tác xã bị sáp nhập (chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã):

a) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã²
(chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế):..... Ngày
cấp:...../...../..... Nơi cấp:

b) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã³
(chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế):..... Ngày
cấp:...../...../..... Nơi cấp:

Đề nghị (tên cơ quan đăng ký hợp tác xã) thực hiện chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã bị sáp nhập.

Hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã/

¹ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

^{2,3} Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã như sau:
(Hợp tác xã chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/
thông báo thay đổi và gửi kèm)

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN HỢP TÁC XÃ

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt dự kiến thay đổi (ghi bằng chữ in hoa):

.....

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài dự kiến thay đổi (nếu có):

.....

Tên hợp tác xã viết tắt dự kiến thay đổi (nếu có):

.....

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu hợp tác xã thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở chính).

Hợp tác xã cam kết trụ sở hợp tác xã dự định chuyển đến thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH⁴

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Chi chú

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Chi chú

⁴ Hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú

4. Thay đổi ngành nghề kinh doanh chính (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh chính	Mã ngành	Ghi chú

Lưu ý:

Trường hợp hợp tác xã thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại Mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại Mục 2.

Trường hợp ngành, nghề kinh doanh được bổ sung hoặc ngành, nghề kinh doanh được bỏ ra khỏi danh sách đã đăng ký là ngành, nghề kinh doanh chính của hợp tác xã thì hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1 (hoặc Mục 2) và Mục 4 nêu trên.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ

Vốn điều lệ đã đăng ký (bằng số, bằng chữ, VNĐ):
 Vốn điều lệ sau khi thay đổi (bằng số, bằng chữ, VNĐ):
 Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):
 Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hay không? ng
 Thời điểm thay đổi vốn:
 Hình thức tăng, giảm vốn:

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ/SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN/
 THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT
 VIÊN**

1. Trường hợp thay đổi điều lệ thì hợp tác xã gửi kèm theo bản điều lệ của hợp tác xã sau khi thay đổi.
2. Trường hợp thay đổi số lượng thành viên thì hợp tác xã gửi kèm theo bản Danh sách thành viên sau khi thay đổi.
 (Lưu ý: Hợp tác xã chỉ kê khai các thành viên mới được bổ sung hoặc các thành viên ra khỏi hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-3 ban hành kèm theo Thông tư này).
3. Trường hợp thay đổi thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên của hợp tác xã thì hợp tác xã gửi kèm theo bản Danh sách thành viên hội đồng

quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên sau khi thay đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục I-4 ban hành kèm theo Thông tư này.

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế		
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:		
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁵ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:		
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại:Fax (nếu có): Email (nếu có):		
4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁶ :...../...../.....		
5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>		
6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁷ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)		
7	Tổng số lao động:		
8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>		
9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁸ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>		
10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng: <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; margin-top: 5px;"> <tr> <td style="width: 50%; text-align: center;">Tên ngân hàng</td> <td style="width: 50%; text-align: center;">Số tài khoản ngân hàng</td> </tr> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng		

⁵ Trường hợp hợp tác xã kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

⁶ Trường hợp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

⁷ - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁸ Hợp tác xã căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

.....

.....

**ĐĂNG KÝ
THAY ĐỔI ĐỐI NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

Người đại diện theo pháp luật sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:Ngày hết hạn (*nếu có*):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*):Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*):

Đề nghị (*tên cơ quan đăng ký hợp*

tác xã) cập nhật thông tin về Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Danh sách Hội đồng quản trị trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

**THÔNG BÁO BỔ SUNG, CẬP NHẬT THÔNG TIN
ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ**

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hợp tác xã như sau:

.....
.....
.....

Hợp tác xã xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này và các tài liệu được gửi kèm theo.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA HỢP TÁC XÃ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)⁹

⁹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Trường hợp hợp tác xã thay đổi người đại diện theo pháp luật hoặc thay đổi nhiều nội dung đăng ký hợp tác xã, trong đó có thay đổi người đại diện theo pháp luật thì người ký thông báo là Chủ tịch hội đồng quản trị mới được bầu.

Phụ lục I-2
PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ

PHẦN I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHẢ NĂNG THAM GIA CỦA HỢP TÁC XÃ

- I. Tổng quan về tình hình thị trường
- II. Đánh giá khả năng tham gia thị trường của hợp tác xã
- III. Căn cứ pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của hợp tác xã

PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ HỢP TÁC XÃ

- I. Giới thiệu tổng thể
 - 1. Tên hợp tác xã
 - 2. Địa chỉ trụ sở chính
 - 3. Vốn điều lệ
 - 4. Số lượng thành viên
 - 5. Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh
- II. Tổ chức bộ máy và giới thiệu chức năng nhiệm vụ tổ chức bộ máy của hợp tác xã

PHẦN III. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

- I. Phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội phát triển và thách thức của hợp tác xã
- II. Phân tích cạnh tranh
- III. Mục tiêu và chiến lược phát triển của hợp tác xã
- IV. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã
 - 1. Nhu cầu về sản phẩm, dịch vụ hoặc việc làm của thành viên
 - 2. Dự kiến các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã căn cứ vào hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)
 - 3. Xác định các hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)
- V. Kế hoạch Marketing
- VI. Phương án đầu tư cơ sở vật chất, bố trí nhân lực và các điều kiện khác phục vụ sản xuất, kinh doanh

PHẦN IV. PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

- I. Phương án huy động và sử dụng vốn
- II. Phương án về doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong 03 năm đầu
- III. Phương án tài chính khác

PHẦN V. KẾT LUẬN

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký và ghi họ tên)¹

Phụ lục I-3
DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỢP TÁC XÃ

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp của hộ	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp của hộ gia đình	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh	Vốn góp		Thời điểm hoàn thành góp vốn	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ²	Gh i ch ú
									Giá trị phần vốn góp (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài,	Tỷ lệ (%)				

¹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

² Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

		gia đình						ngành; Quyết định thành lập đối với tổ chức	<i>nếu có</i>					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

....., ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)³

³ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không cần đóng dấu.

Phụ lục I-4
DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC),
BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN HỢP TÁC XÃ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu	Chức danh	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
A. Danh sách Hội đồng quản trị										
B. Giám đốc (Tổng Giám đốc)										
C. Danh sách Ban kiểm soát (kiểm soát viên)										

....., ngày.... tháng.... năm...
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

9. Thủ tục: Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký Liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <p>+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. <p>+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:</p> <ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã/ Liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện.- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p>
----------------------------	---

	<p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (<i>theo mẫu</i>) - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (<i>Phụ lục I-18 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

	<ul style="list-style-type: none">- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư- Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.- Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum
--	--

Phụ lục I-18

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

**Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã,
Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại
diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số hợp tác xã/mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã¹
(*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):Ngày cấp:
...../...../..... Nơi cấp:

Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận
đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận
đăng ký địa điểm kinh doanh.

Thông tin về chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*chỉ kê khai
trong trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại
diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh*):

- Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/ địa điểm kinh doanh:

- Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/ địa điểm kinh doanh:

Chi nhánh chủ quản (*chỉ kê khai đối với trường hợp đề nghị cấp lại Giấy
chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*):

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh hợp tác xã (*trường hợp không có mã số
chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*):Ngày cấp:
...../...../..... Nơi cấp:

Lý do đề nghị cấp lại:

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp
pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ/**

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH

(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)²

¹ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

²

10. Thủ tục: *Giải thể tự nguyện Liên hiệp hợp tác xã*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <p>+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. <p>+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:</p> <ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã/ Liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện.- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p>
----------------------------	---

- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trực thuộc hợp tác xã, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã hoặc người đại diện chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

	<p>Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc giải thể HTX là tổ chức tín dụng, liên hiệp hợp tác xã (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền tiến hành thủ tục giải thể. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Nghị quyết của đại hội thành viên về việc giải thể HTX, Liên hiệp hợp tác xã; - Biên bản hoàn thành việc giải thể HTX, liên hiệp hợp tác xã; - Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu của hợp tác xã, liên hiệp HTX; - Giấy biên nhận của cơ quan thông tin đại chúng về việc nhận đăng thông báo về việc giải thể HTX, Liên hiệp hợp tác xã hoặc bản in 03 số báo liên tiếp đã đăng thông báo về việc giải thể HTX, Liên hiệp hợp tác xã. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy xác nhận giải thể
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo về việc giải thể Liên hiệp hợp tác xã (<i>Phụ lục số I-13 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>)
Yêu cầu, điều kiện:	- Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày đại hội thành viên ra

	<p>quyết định thành lập hội đồng giải thể phải thực hiện các công việc sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thông báo về việc giải thể tới cơ quan nhà nước đã cấp giấy chứng nhận đăng ký HTX, Liên hiệp hợp tác xã; đăng báo địa phương nơi HTX, Liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong 03 số liên tiếp về việc giải thể; + Thông báo tới tổ chức, cá nhân có quan hệ kinh tế với HTX, Liên hiệp hợp tác xã về thời hạn thanh toán nợ, thanh lý các hợp đồng; thực hiện việc xử lý tài sản, vốn của HTX, Liên hiệp hợp tác xã;
<p>Căn cứ pháp lý:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

Phụ lục I-13

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc giải thể hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã³
(*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):Ngày cấp:
...../...../..... Nơi cấp:

Thông báo về việc giải thể hợp tác xã như sau:

Trường hợp hợp tác xã gửi Quyết định giải thể đến cơ quan đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Khoản 1 Điều 54 Luật Hợp tác xã thì ghi:

Quyết định giải thể số:..... ngày.../...../.....

Lý do giải thể:

.....

.....

Kính đề nghị(*tên cơ quan đăng ký hợp tác xã*) thông báo tình trạng hợp tác xã đang làm thủ tục giải thể, đăng tải quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ của hợp tác xã (*nếu có*) trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

Trường hợp hợp tác xã nộp hồ sơ giải thể đến cơ quan đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Khoản 4 Điều 54 Luật Hợp tác xã thì ghi:

Hợp tác xã cam kết đã hoàn thành các khoản nợ, nghĩa vụ thuế, tài sản. Kính đề nghị(*tên cơ quan đăng ký hợp tác xã*) cập nhật tình trạng pháp lý của hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng đã giải thể. Hợp tác xã hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**

(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)⁴

³ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

⁴ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

11. Thủ tục: *Thông báo thay đổi nội dung đăng ký Liên hiệp hợp tác xã*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã/ Liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện.- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p>
----------------------------	---

	- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy thông báo thay đổi nội dung đăng ký HTX, Liên hiệp hợp tác xã (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký HTX, Liên hiệp hợp tác xã. - Trường hợp thay đổi điều lệ thì HTX, Liên hiệp hợp tác xã gửi kèm theo bản điều lệ sau khi thay đổi; - Trường hợp thay đổi số lượng thành viên thì hợp tác xã, liên hiệp HTX gửi kèm theo bản danh sách thành viên (<i>theo mẫu</i>) sau khi thay đổi; - Trường hợp thay đổi thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên thì HTX, Liên hiệp hợp tác xã gửi kèm theo bản danh sách thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên (<i>theo mẫu</i>) sau khi thay đổi <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Bổ sung hồ sơ đăng ký liên hiệp hợp tác xã
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký kinh doanh (thay đổi thông tin). Mức thu: 300.000 đồng/lần cấp. - Miễn nộp lệ phí: Đăng ký bổ sung, thay đổi thông tin trên giấy chứng nhận hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận Liên hiệp hợp tác xã do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ... trong hồ sơ đăng ký kinh doanh, hồ sơ thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký nội dung đăng ký Liên hiệp hợp tác xã (<i>Phụ lục I-5 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>). - Danh sách thành viên hợp tác xã - trong trường hợp thay đổi số lượng hợp tác xã thành viên (<i>Phụ lục I-3 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên - trong trường hợp thay đổi thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên (<i>Phụ lục I-4 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

Phụ lục I-5

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã¹
(*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):..... Ngày
cấp:...../...../..... Nơi cấp:

Hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở (*chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã hoặc sáp nhập hợp tác xã, đánh dấu X vào ô thích hợp*):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã

Thông tin về hợp tác xã được tách (*chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã*)

a) Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã:

b) Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã:

Thông tin về hợp tác xã bị sáp nhập (*chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã*):

a) Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã²
(*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):..... Ngày
cấp:...../...../..... Nơi cấp:

b) Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã³
(*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):..... Ngày
cấp:...../...../..... Nơi cấp:

Đề nghị (*tên cơ quan đăng ký hợp tác xã*) thực hiện chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã bị sáp nhập.

Hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã/

¹ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

^{2,3} Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã như sau:
(Hợp tác xã chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/
thông báo thay đổi và gửi kèm)

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN HỢP TÁC XÃ

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt dự kiến thay đổi (ghi bằng chữ in hoa):

.....

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài dự kiến thay đổi (nếu có):

.....

Tên hợp tác xã viết tắt dự kiến thay đổi (nếu có):

.....

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu hợp tác xã thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở chính).

Hợp tác xã cam kết trụ sở hợp tác xã dự định chuyển đến thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH⁴

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Chi chú

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Chi chú

⁴ Hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú

4. Thay đổi ngành nghề kinh doanh chính (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh chính	Mã ngành	Ghi chú

Lưu ý:

Trường hợp hợp tác xã thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại Mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại Mục 2.

Trường hợp ngành, nghề kinh doanh được bổ sung hoặc ngành, nghề kinh doanh được bỏ ra khỏi danh sách đã đăng ký là ngành, nghề kinh doanh chính của hợp tác xã thì hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1 (hoặc Mục 2) và Mục 4 nêu trên.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ

Vốn điều lệ đã đăng ký (bằng số, bằng chữ, VNĐ):
 Vốn điều lệ sau khi thay đổi (bằng số, bằng chữ, VNĐ):
 Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):
 Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hay không? ng
 Thời điểm thay đổi vốn:
 Hình thức tăng, giảm vốn:

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ/SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN/
 THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT
 VIÊN**

1. Trường hợp thay đổi điều lệ thì hợp tác xã gửi kèm theo bản điều lệ của hợp tác xã sau khi thay đổi.
2. Trường hợp thay đổi số lượng thành viên thì hợp tác xã gửi kèm theo bản Danh sách thành viên sau khi thay đổi.
 (Lưu ý: Hợp tác xã chỉ kê khai các thành viên mới được bổ sung hoặc các thành viên ra khỏi hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-3 ban hành kèm theo Thông tư này).
3. Trường hợp thay đổi thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên của hợp tác xã thì hợp tác xã gửi kèm theo bản Danh sách thành viên hội đồng

quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên sau khi thay đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục I-4 ban hành kèm theo Thông tư này.

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế		
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:		
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁵ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:		
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại: Fax (nếu có): Email (nếu có):		
4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁶ :...../...../.....		
5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>		
6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁷ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)		
7	Tổng số lao động:		
8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>		
9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁸ : Khấu trừ Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>		
10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng: <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; margin-top: 5px;"> <tr> <td style="width: 50%; text-align: center;">Tên ngân hàng</td> <td style="width: 50%; text-align: center;">Số tài khoản ngân hàng</td> </tr> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng		

⁵ Trường hợp hợp tác xã kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

⁶ Trường hợp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

⁷ - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁸ Hợp tác xã căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

.....

.....

**ĐĂNG KÝ
THAY ĐỔI ĐỐI NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

Người đại diện theo pháp luật sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:Ngày hết hạn (*nếu có*):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*):Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*):

Đề nghị (*tên cơ quan đăng ký hợp*

tác xã) cập nhật thông tin về Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Danh sách Hội đồng quản trị trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

**THÔNG BÁO BỔ SUNG, CẬP NHẬT THÔNG TIN
ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ**

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hợp tác xã như sau:

.....
.....
.....

Hợp tác xã xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này và các tài liệu được gửi kèm theo.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA HỢP TÁC XÃ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)⁹

⁹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Trường hợp hợp tác xã thay đổi người đại diện theo pháp luật hoặc thay đổi nhiều nội dung đăng ký hợp tác xã, trong đó có thay đổi người đại diện theo pháp luật thì người ký thông báo là Chủ tịch hội đồng quản trị mới được bầu.

Phụ lục I-3
DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỢP TÁC XÃ

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp của hộ gia đình	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp của hộ gia đình	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp		Thời điểm hoàn thành góp vốn	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ¹	Gh i ch ú
									Giá trị phần vốn góp (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

....., ngày.....tháng.....năm.....
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)²

¹ Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

² Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không cần đóng dấu.

Phụ lục I-4
DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC),
BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN HỢP TÁC XÃ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu	Chức danh	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
A. Danh sách Hội đồng quản trị										
B. Giám đốc (Tổng Giám đốc)										
C. Danh sách Ban kiểm soát (kiểm soát viên)										

....., ngày.... tháng.... năm...
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)³

³ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

12. Thủ tục: Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của Liên hiệp hợp tác xã

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã/ Liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện.- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục</p>
-----------------------------------	--

	vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	a) Thành phần hồ sơ bao gồm: - Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của HTX, Liên hiệp hợp tác xã (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực; - Nghị quyết của đại hội thành viên về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của HTX, Liên hiệp hợp tác xã. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời gian giải quyết:	03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Bổ sung hồ sơ đăng ký liên hiệp hợp tác xã
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của Liên hiệp hợp tác xã (<i>Phụ lục I-6 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	- <i>Luật Hợp tác xã</i> ngày 20/11/2012; - <i>Nghị định số 193/2013/NĐ-CP</i> ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 107/2017/NĐ-CP</i> ngày 15/9/2017 của Chính phủ; - <i>Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT</i> ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <i>Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i> ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - <i>Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND</i> ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum
--

TÊN HỢP TÁC XÃ

Phụ lục I-6
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã¹ (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế):.....

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Hợp tác xã thông báo về việc góp vốn/mua cổ phần/thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã như sau: (Hợp tác xã chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung thông báo và gửi kèm)

THÔNG BÁO VỀ VIỆC GÓP VỐN

1. Doanh nghiệp hợp tác xã góp vốn

Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: ...

2. Số vốn góp:

THÔNG BÁO VỀ VIỆC MUA CỔ PHẦN

1. Doanh nghiệp hợp tác xã mua cổ phần

Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: ..

2. Số cổ phần:.....

3. Mệnh giá cổ phần:.....

4. Giá trị số cổ phần đã mua:.....

THÔNG BÁO VỀ VIỆC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP

1. Doanh nghiệp hợp tác xã thành lập

Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:.....

¹ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

2. Vốn điều lệ:

Hợp tác xã cam kết:

- Việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật.
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)²

² Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

13. Thủ tục: *Tạm ngừng hoạt động của Liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Liên hiệp hợp tác xã*

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã/ Liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện.- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục</p>
-----------------------------------	--

	vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	a) Thành phần hồ sơ bao gồm: - Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của HTX, Liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX, Liên hiệp hợp tác xã (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực; - Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của Hội đồng quản trị về việc tạm ngừng hoạt động của HTX, Liên hiệp hợp tác xã, tạm ngừng hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX, Liên hiệp hợp tác xã. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời gian giải quyết:	03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy xác nhận tạm ngừng
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Liên hiệp hợp tác xã (<i>Phụ lục I-10 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- | | |
|--|--|
| | <ul style="list-style-type: none">- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư- Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.- Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum |
|--|--|

Phụ lục I-10

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

**Về việc tạm ngừng kinh doanh của hợp tác xã, chi nhánh,
văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã³
(*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*): Ngày
cấp:/...../..... Nơi cấp:

1. Đối với hợp tác xã:

Thông báo tạm ngừng kinh doanh từ ngày.... tháng.... năm.... cho đến ngày....
tháng.... năm....

Lý do tạm ngừng:

Sau khi hợp tác xã tạm ngừng kinh doanh, đề nghị (*tên
cơ quan đăng ký hợp tác xã*) chuyển tình trạng hoạt động của tất cả các chi nhánh,
văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu quốc gia
về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng tạm ngừng hoạt động.

2. Đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh tạm ngừng hoạt
động:

Thông báo tạm ngừng hoạt động từ ngày.... tháng.... năm.... cho đến ngày....
tháng.... năm.... đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*)

.....

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của
chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh
doanh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh
doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh
doanh*):..... Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Chi nhánh chủ quản (*chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký tạm ngừng hoạt
động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*):

Tên chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

³ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*):..... Ngày cấp:/...../.....
Nơi cấp:
Lý do tạm ngừng:

.....
Hợp tác xã cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ/
NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH**
(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)⁴

4

- Trường hợp tạm ngừng kinh doanh đối với hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc hợp tác xã, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.
- Trường hợp tạm ngừng kinh doanh đối với địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã hoặc người đại diện chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

14. Thủ tục: Chăm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Liên hiệp hợp tác xã

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã/ Liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện.- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục</p>
-----------------------------------	--

	vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	a) Thành phần hồ sơ bao gồm: - Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX, Liên hiệp hợp tác xã (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực; - Nghị quyết của đại hội thành viên về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX, Liên hiệp hợp tác xã; - Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời gian giải quyết:	03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy xác nhận chấm dứt hoạt động
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Liên hiệp hợp tác xã (<i>Phụ lục I-11 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Liên hiệp hợp tác xã ở nước ngoài (<i>Phụ lục I-12 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ

	<p><i>phủ;</i></p> <ul style="list-style-type: none">- <i>Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</i>- <i>Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư</i>- <i>Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.</i>- <i>Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum</i>
--	---

Phụ lục I-11

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã⁵
(*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*): Ngày cấp:
...../...../..... Nơi cấp:

Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã sau:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh*):

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (*nếu có*):..... Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*):Website (*nếu có*):

3. Chi nhánh chủ quản (*chỉ kê khai đối với trường hợp chấm dứt hoạt động của địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*):

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

⁵ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

4. Lý do chấm dứt hoạt động:

.....
Hợp tác xã cam kết sẽ chịu trách nhiệm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ/
NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)⁶

6

- Trường hợp chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc hợp tác xã, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.
- Trường hợp chấm dứt hoạt động đối với địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã hoặc người đại diện chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-12

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện,
địa điểm kinh doanh của hợp tác xã ở nước ngoài

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác
xã²⁴⁰ (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

**Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa
điểm kinh doanh sau:**

**1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng
chữ in hoa*):**

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng
nước ngoài (*nếu có*):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt (*nếu có*): .
.....

.....

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:
.....

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

**3. Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa
điểm kinh doanh hoặc giấy tờ tương đương khác:**

Do (*tên cơ quan nước ngoài cấp*): cấp ngày:...../...../.....

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp
pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**

(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)²⁴¹

²⁴⁰ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

15. Thủ tục: *Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký Liên hiệp hợp tác xã*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã/ Liên hiệp hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện.- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan</p>
----------------------------	---

²⁴¹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

	<p>đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực; - Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký Liên hiệp hợp tác xã hoặc bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được cấp trước đây và bản chính Giấy chứng nhận đăng ký thuế <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời gian giải quyết:	03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký HTX, Liên hiệp hợp tác xã.
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Giấy đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký Liên hiệp hợp tác xã (<i>Phụ lục I-17 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không

Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum
------------------------	--

Phụ lục I-17

TÊN HỢP TÁC XÃ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số hợp tác xã/mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã¹ (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị được cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.

Trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã mới, đề nghị cập nhật, bổ sung mã ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam đối với những ngành, nghề kinh doanh mà hợp tác xã đã đăng ký kinh doanh như sau²:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (<i>đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai</i>)

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**

Ký, ghi họ tên và đóng dấu)²⁴²

¹ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

² Hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Hợp tác xã chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh làm ngành, nghề kinh doanh chính. Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

- Hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT không cần ghi lại ngành, nghề kinh doanh tại mục này.

III. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM: 28 TTTC

1. Thủ tục: Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none">- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.- Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có liên quan đến những nội dung quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định 118/2015/NĐ-CP.</p> <p>Bước 4: Cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình và gửi cơ quan đăng ký đầu tư.</p> <p>Cơ quan quản lý về đất đai chịu trách nhiệm cung cấp trích lục bản đồ; cơ quan quản lý về quy hoạch cung cấp thông tin quy hoạch để làm cơ sở thẩm định.</p> <p>Bước 5: Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Nội dung báo cáo thẩm định gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Thông tin về dự án: thông tin về nhà đầu tư, mục tiêu, quy mô, địa điểm, tiến độ thực hiện dự án;- Đánh giá việc đáp ứng điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (đối với dự án có mục tiêu thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài);- Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch
---------------------------	--

²⁴² Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch sử dụng đất; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

- Đánh giá về ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư (đối với dự án đầu tư thuộc đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư);

- Đối với dự án đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Đối với dự án không đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: đánh giá căn cứ pháp lý về quyền sử dụng địa điểm đầu tư của nhà đầu tư (đánh giá nhà đầu tư có được sử dụng địa điểm đầu tư theo quy định của pháp luật dân sự và pháp luật đất đai hay không).

- Đánh giá về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật đầu tư.

Bước 6: Khi nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Quyết định chủ trương đầu tư gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư và nhà đầu tư.

*Đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật Đầu tư phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT thì khi lấy ý kiến thẩm định theo Bước 3, ngoài việc lấy ý kiến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều 30 Nghị định 118/2015/NĐ-CP, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tại Bước 6, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư khi nhận được báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Các bước và nội dung khác thực hiện theo thủ tục chung.

Bước 8: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.

- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ

	nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư; - Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức; - Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; - Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; - Đề xuất nhu cầu sử dụng đất đối với dự án đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; Trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nhà đầu tư nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư; - Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính; - Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC. <p>b) Số lượng hồ sơ: 04 bộ chính.</p>
Thời hạn giải quyết	<p>Trong 35 ngày làm việc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước.

	<p>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định. Cơ quan quản lý về đất đai chịu trách nhiệm cung cấp trích lục bản đồ; cơ quan quản lý về quy hoạch cung cấp thông tin quy hoạch để làm cơ sở thẩm định trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Cơ quan đăng ký đầu tư.</p> <p>- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.</p> <p>* Đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật Đầu tư phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>
<p>Đối tượng thực hiện</p>	<p>- Nhà đầu tư trong nước (cá nhân và tổ chức);</p> <p>- Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không thuộc trường hợp sau:</p> <p>+ Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh;</p> <p>+ Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên;</p> <p>+ Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51 % vốn điều lệ trở lên.</p>
<p>Cơ quan thực hiện</p>	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh</p> <p>- Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Sở, ban ngành và các đơn vị, địa phương có liên quan</p>
<p>Kết quả</p>	<p>Văn bản quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh theo mẫu II.1 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT hoặc Văn bản thông báo từ chối</p>

	quyết định chủ trương đầu tư (nêu rõ lý do).
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (<i>Mẫu I.1, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>). - Đề xuất dự án đầu tư (<i>Mẫu I.2, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>)
Yêu cầu, điều kiện	<p>Dự án đầu tư của nhà đầu tư trong nước và của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc trường hợp thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư trong nước khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án được nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua một trong các cách thức sau: (i) đấu giá quyền sử dụng đất, (ii) đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất hoặc (iii) nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (Không bao gồm các dự án thực hiện trong KCN, KCX, KCNC, KKT phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt). - Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất (Không bao gồm các dự án thực hiện trong KCN, KCX, KCNC, KKT phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt). - Dự án sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ. - Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật đầu tư phù hợp với quy hoạch và thực hiện ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Mẫu I.1

Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
(Điều 33, 34, 35, 37 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên:Giới tính:

Sinh ngày://Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:Fax:Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương:

Ngày cấp:Cơ quan cấp:.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:Fax: Email: Website:

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức(chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam):

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Quốc tịch	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
			VNĐ	Tương đương USD	

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp

danh (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam):.....

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên:Giới tính:

Chức danh:.....Sinh ngày:/...../.....Quốc tịch: .

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

.....
Chỗ ở hiện tại:

.....
Điện thoại:Fax:Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (đối với nhà ĐTNN đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế)

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Loại hình tổ chức kinh tế:.....

3. Vốn điều lệ:.....(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ

4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VND	Tương đương USD	

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án đầu tư:

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 hoặc Khoản 1 Điều 34 hoặc Khoản 1 Điều 35 hoặc Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư (tùy theo từng loại dự án, liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

- Các hồ sơ liên quan khác (nếu có):

Làm tại, ngày tháng

.....năm.....

Nhà đầu tư

Tùng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức
danh và đóng dấu (*nếu có*)

Mẫu I.2

Đề xuất dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư – Điều 33, 34, 35 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư

Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (* (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2			

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.
- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế:
- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:
- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):

.....

- Quy mô kiến trúc xây dựng (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình,...):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất (áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước

giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý);
- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (nếu có);

4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)

4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình).

4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):

5. Vốn đầu tư:

5.1. Tổng vốn đầu tư:(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định:...(bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ.

Trong đó;

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (nếu có):
- Chi phí thuê đất, mặt nước,....:
- Chi phí xây dựng công trình:
- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;
- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.
- Chi phí dự phòng;

Cộng:

b) Vốn lưu động:(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiền độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,.....

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ,...) và tiến độ dự kiến.

c) Vốn khác:

6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:

7. Tiến độ thực hiện dự án(ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm.
Ví dụ: tháng 01(hoặc quý I)/2018): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

8. Nhu cầu về lao động(nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể):.....

9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ,).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Giải trình về sử dụng công nghệ:(áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

- Tên công nghệ;
- Xuất xứ công nghệ;
- Sơ đồ quy trình công nghệ;
- Thông số kỹ thuật chính;
- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;
- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;
- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài(nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

.....

Làm tại, ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức
danh và đóng dấu (*nếu có*)

2. Thủ tục: Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none">- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.- Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi 02 bộ hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư đồng thời gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến dự án đầu tư để lấy ý kiến về các nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 30 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP.</p> <p>Bước 4: Các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.</p> <p>Bước 5: Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về các nội dung: (i) Nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (đối với dự án được giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất); (ii) Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có) đối với dự án đầu tư đề nghị giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; (iii) Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có).</p> <p>Bước 6: Khi nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định gồm:</p>
---------------------------	---

	<p>+ Thông tin về dự án: thông tin về nhà đầu tư, mục tiêu, quy mô, địa điểm, tiến độ thực hiện dự án;</p> <p>+ Đánh giá việc đáp ứng điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (đối với dự án có mục tiêu thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài);</p> <p>+ Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch sử dụng đất; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;</p> <p>+ Đánh giá về ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư (đối với dự án đầu tư thuộc đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư);</p> <p>+ Đối với dự án đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> <p>+ Đối với dự án không đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: đánh giá căn cứ pháp lý về quyền sử dụng địa điểm đầu tư của nhà đầu tư (đánh giá nhà đầu tư có được sử dụng địa điểm đầu tư theo quy định của pháp luật dân sự và pháp luật đất đai hay không).</p> <p>+ Đánh giá về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật đầu tư.</p> <p>Bước 7. Khi nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư (gồm các nội dung quy định tại Khoản 8 Điều 33 Luật Đầu tư). Văn bản quyết định chủ trương đầu tư được gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư và nhà đầu tư.</p> <p>Bước 8: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.

<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư; - Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức; - Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án (theo mẫu); - Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; - Đề xuất nhu cầu sử dụng đất đối với dự án đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; Trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nhà đầu tư nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư; - Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính; - Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC; - Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có); - Đánh giá sơ bộ tác động môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường; - Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư. <p>b) Số lượng hồ sơ: 08 bộ chính.</p>
--	---

<p>Thời hạn giải quyết</p>	<p>Dự kiến 47 ngày làm việc (phụ thuộc thời gian giải quyết của Trung ương)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Sở kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến thẩm định về hồ sơ dự án đầu tư và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định hồ sơ dự án đầu tư và lập báo cáo thẩm định. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.
<p>Đối tượng thực hiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà đầu tư trong nước (cá nhân và tổ chức); - Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 23 của Luật Đầu tư: <ul style="list-style-type: none"> + Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh; + Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên; + Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51 % vốn điều lệ trở lên.
<p>Cơ quan thực hiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan phối hợp (nếu có): Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Sở, ban ngành và các đơn vị, địa phương có liên quan.

Kết quả	Văn bản quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ hoặc Văn bản thông báo từ chối quyết định chủ trương đầu tư (nêu rõ lý do).
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (<i>Mẫu I.1, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>). - Đề xuất dự án đầu tư (<i>Mẫu I.2, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>)
Yêu cầu, điều kiện	<p>Dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại Điều 31 Luật đầu tư, trừ dự án quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật đầu tư phù hợp với quy hoạch, cụ thể:</p> <p>“Trừ những dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo pháp luật về đầu tư công và các dự án quy định tại Điều 30 của Luật này, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Dự án không phân biệt nguồn vốn thuộc một trong các trường hợp sau: <ol style="list-style-type: none"> a) Di dân tái định cư từ 10.000 người trở lên ở miền núi, từ 20.000 người trở lên ở vùng khác; b) Xây dựng và kinh doanh cảng hàng không; vận tải hàng không; c) Xây dựng và kinh doanh cảng biển quốc gia; d) Thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí; đ) Hoạt động kinh doanh cá cược, đặt cược, casino; e) Sản xuất thuốc lá điếu; g) Phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu chức năng trong khu kinh tế; h) Xây dựng và kinh doanh sân gôn; 2. Dự án của nhà đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, trồng rừng, xuất bản, báo chí, thành lập tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ 100% vốn nước ngoài; 3. Dự án khác thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật.”
Căn cứ pháp lý	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

	<ul style="list-style-type: none">- Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016;- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ;- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
--	--

Mẫu I.1

Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
(Điều 33, 34, 35, 37 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên:Giới tính:

Sinh ngày://Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:Fax:Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương:

Ngày cấp:Cơ quan cấp:.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:Fax: Email: Website:

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức(chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam):

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Quốc tịch	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
			VNĐ	Tương đương USD	

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp

danh (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam):.....

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên:Giới tính:

Chức danh:.....Sinh ngày:/...../.....Quốc tịch: .

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

.....
Chỗ ở hiện tại:

.....
Điện thoại:Fax:Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (đối với nhà ĐTNN đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế)

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Loại hình tổ chức kinh tế:.....

3. Vốn điều lệ:.....(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ

4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VND	Tương đương USD	

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án đầu tư:

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 hoặc Khoản 1 Điều 34 hoặc Khoản 1 Điều 35 hoặc Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư (tùy theo từng loại dự án, liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

- Các hồ sơ liên quan khác (nếu có):

Làm tại, ngày tháng

.....năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức
danh và đóng dấu (*nếu có*)

Mẫu I.2

Đề xuất dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư – Điều 33, 34, 35 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư

Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2			

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế:

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):

.....

- Quy mô kiến trúc xây dựng (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình,...):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất(*áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư*)

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (*địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý*);
- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (*nếu có*);

4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (*lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo*)

4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (*nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình*).

4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (*nếu có*):

5. Vốn đầu tư:

5.1. Tổng vốn đầu tư:(*bằng chữ*)đồng và tương đương (*bằng chữ*) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định:...(bằng chữ)đồng và tương đương ... (*bằng chữ*) đô la Mỹ.

Trong đó;

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (*nếu có*);
- Chi phí thuê đất, mặt nước,....;
- Chi phí xây dựng công trình;
- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;
- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.
- Chi phí dự phòng;

Cộng:

b) Vốn lưu động:(*bằng chữ*)đồng và tương đương (*bằng chữ*) đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư(*ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư*):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): *Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,.....*

b) *Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ, ...) và tiến độ dự kiến.*

c) *Vốn khác:*

6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:

7. Tiến độ thực hiện dự án(ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm.
Ví dụ: tháng 01(hoặc quý I)/2018): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

8. Nhu cầu về lao động(nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể):.....

9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ,).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Giải trình về sử dụng công nghệ:(áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

- Tên công nghệ;

- Xuất xứ công nghệ;

- Sơ đồ quy trình công nghệ;

- Thông số kỹ thuật chính;

- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;

- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;

- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài(nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

.....

Làm tại, ngày tháng

.....năm.....

Nhà đầu tư

Tùng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức
danh và đóng dấu (*nếu có*)

3. Thủ tục: Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none">- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.- Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ dự án đầu tư cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước.</p> <p>Bước 4: Hội đồng thẩm định nhà nước tổ chức thẩm định hồ sơ dự án đầu tư và lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung quy định tại khoản 6 Điều 33 của Luật Đầu tư và lập báo cáo thẩm định trình Chính phủ.</p> <p>Bước 5: Chính phủ gửi Hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư đến cơ quan chủ trì thẩm tra của Quốc hội. Hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư gồm: Tờ trình của Chính phủ; Hồ sơ dự án đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật đầu tư; Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định nhà nước; Tài liệu khác có liên quan.</p> <p>Bước 6: Cơ quan được Quốc hội giao chủ trì thẩm tra thực hiện thẩm tra các nội dung: Việc đáp ứng tiêu chí xác định dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội; Sự cần thiết thực hiện dự án; Sự phù hợp của dự án với chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, quy hoạch sử dụng đất, tài nguyên khác; Mục tiêu, quy mô, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện dự án, nhu cầu sử dụng đất, phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư, phương án lựa</p>
---------------------------	--

	<p>chọn công nghệ chính, giải pháp bảo vệ môi trường; Vốn đầu tư, phương án huy động vốn; Tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội; Cơ chế, chính sách đặc thù; ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có).</p> <p>Bước 7. Quốc hội xem xét, thông qua Nghị quyết về chủ trương đầu tư gồm các nội dung: Nhà đầu tư thực hiện dự án; Tên, mục tiêu, quy mô, vốn đầu tư của dự án, tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn, thời hạn thực hiện dự án; Địa điểm thực hiện dự án đầu tư; Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động (nếu có); tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động, hạng mục chủ yếu của dự án; trường hợp dự án thực hiện theo từng giai đoạn, phải quy định mục tiêu, thời hạn, nội dung hoạt động của từng giai đoạn; Công nghệ áp dụng; Cơ chế, chính sách đặc thù; ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có) và thời hạn hiệu lực của Nghị quyết về chủ trương đầu tư.</p> <p>Bước 8: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (theo mẫu); - Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức; - Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án (theo mẫu); - Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà

	<p>đầu tư;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất nhu cầu sử dụng đất đối với dự án đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; Trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nhà đầu tư nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư; - Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính; - Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC; - Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có); - Đánh giá sơ bộ tác động môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường; - Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; - Đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù (nếu có). <p>b) Số lượng hồ sơ: 21 bộ chính.</p>
Thời hạn giải quyết	Theo Chương trình và kỳ họp của Quốc hội
Đối tượng thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà đầu tư trong nước (cá nhân và tổ chức); - Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 23 của Luật Đầu tư: <ul style="list-style-type: none"> + Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh; + Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên; + Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51 % vốn điều lệ trở lên.
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Quốc hội - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chính phủ; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Sở Kế hoạch và Đầu tư.

	- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các Bộ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Sở, ban ngành và các đơn vị, địa phương có liên quan.
Kết quả	Nghị quyết của Quốc hội về chủ trương đầu tư.
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (<i>Mẫu I.1, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>). - Đề xuất dự án đầu tư (<i>Mẫu I.2, Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015</i>)
Yêu cầu, điều kiện	Dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội quy định tại Điều 30 Luật Đầu tư, cụ thể: “Trừ những dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội theo pháp luật về đầu tư công, Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư sau đây: 1. Dự án ảnh hưởng lớn đến môi trường hoặc tiềm ẩn khả năng ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường, bao gồm: a) Nhà máy điện hạt nhân; b) Chuyển mục đích sử dụng đất vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo vệ cảnh quan, khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học từ 50 héc ta trở lên; rừng phòng hộ đầu nguồn từ 50 héc ta trở lên; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay, chắn sóng, lấn biển, bảo vệ môi trường từ 500 héc ta trở lên; rừng sản xuất từ 1.000 héc ta trở lên; 2. Sử dụng đất có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên với quy mô từ 500 héc ta trở lên; 3. Di dân tái định cư từ 20.000 người trở lên ở miền núi, từ 50.000 người trở lên ở các vùng khác; 4. Dự án có yêu cầu phải áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt cần được Quốc hội quyết định.”
Căn cứ pháp lý	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015

	<i>của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</i>
--	-----------------------------------

Mẫu I.1

Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
(Điều 33, 34, 35, 37 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên:Giới tính:

Sinh ngày://Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:Fax:Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương:

Ngày cấp:Cơ quan cấp:.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:Fax: Email: Website:

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức(chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam):

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Quốc tịch	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
			VNĐ	Tương đương USD	

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp

danh (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam):.....

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên:Giới tính:

Chức danh:.....Sinh ngày:/...../.....Quốc tịch: .

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

.....
Chỗ ở hiện tại:

.....
Điện thoại:Fax:Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (đối với nhà ĐTNN đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế)

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Loại hình tổ chức kinh tế:.....

3. Vốn điều lệ:.....(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ

4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VND	Tương đương USD	

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án đầu tư:

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 hoặc Khoản 1 Điều 34 hoặc Khoản 1 Điều 35 hoặc Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư (tùy theo từng loại dự án, liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

- Các hồ sơ liên quan khác (nếu có):

Làm tại, ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức
danh và đóng dấu (*nếu có*)

Mẫu I.2

Đề xuất dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư – Điều 33, 34, 35 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư

Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2			

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế:

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):

.....

- Quy mô kiến trúc xây dựng (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình,...):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất(áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý);
- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (nếu có);

4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)

4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình).

4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):

5. Vốn đầu tư:

5.1. Tổng vốn đầu tư:(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định:...(bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ.

Trong đó;

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (nếu có);
- Chi phí thuê đất, mặt nước,....;
- Chi phí xây dựng công trình;
- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;
- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.
- Chi phí dự phòng;

Cộng:

b) Vốn lưu động:(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,.....

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ,...) và tiến độ dự kiến.

c) Vốn khác:

6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:

7. Tiến độ thực hiện dự án(ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm.
Ví dụ: tháng 01(hoặc quý I)/2018): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

8. Nhu cầu về lao động(nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể):.....

9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ,).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Giải trình về sử dụng công nghệ:(áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

- Tên công nghệ;

- Xuất xứ công nghệ;

- Sơ đồ quy trình công nghệ;

- Thông số kỹ thuật chính;

- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;

- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;

- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

.....

Làm tại, ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức
danh và đóng dấu (*nếu có*)

4. Thủ tục: Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)

Trình tự thực hiện	<p>* Điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh:</p> <p><u>Bước 1:</u> Nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <p>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p> <p><u>Bước 2.</u> Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.</p> <p>- Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung.</p> <p><u>Bước 3:</u> Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh.</p> <p><u>Bước 4:</u> Các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh thuộc phạm vi quản lý của mình.</p> <p><u>Bước 5:</u> Khi nhận được ý kiến của cơ quan nêu tại Bước 4, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định về các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;</p> <p><u>Bước 6:</u> Khi nhận được báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>* Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ:</p> <p><u>Bước 1:</u> Nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p>
---------------------------	---

	<p>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p> <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.</p> <p>- Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung.</p> <p>Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi 02 bộ hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh.</p> <p>Bước 4: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh thuộc phạm vi quản lý của mình.</p> <p>Bước 5: Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về những nội dung quy định tại Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP liên quan đến nội dung điều chỉnh.</p> <p>Bước 6: Khi nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>Bước 7: Khi nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. Văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư và nhà đầu tư.</p> <p>Bước 8: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh

	hoặc qua đường bưu điện.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh; - Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư (đối với các trường hợp điều chỉnh nội dung quy định tại các Khoản 4, 5, 6, 7, 8 và 10 Điều 39 Luật Đầu tư), cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Địa điểm thực hiện dự án đầu tư; diện tích đất sử dụng. + Mục tiêu, quy mô dự án đầu tư. + Vốn đầu tư của dự án (gồm vốn góp của nhà đầu tư và vốn huy động), tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn. + Thời hạn hoạt động của dự án. + Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động (nếu có); tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động, hạng mục chủ yếu của dự án, trường hợp dự án thực hiện theo từng giai đoạn, phải quy định mục tiêu, thời hạn, nội dung hoạt động của từng giai đoạn. + Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án (nếu có); - Giải trình hoặc cung cấp giấy tờ liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các Điểm b, c, d, đ, e, g Khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư (nếu có), cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức; + Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; + Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ

	<p>chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;</p> <p>+ Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;</p> <p>+ Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật này gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính;</p> <p>+ Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 04 bộ hồ sơ chính đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh. - 08 bộ hồ sơ chính đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.
<p>Thời hạn giải quyết</p>	<p>* 23 ngày làm việc đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh; - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh thuộc phạm vi quản lý của mình; - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của cơ quan liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh chủ

	<p>trương đầu tư và gửi cho Sở Kế hoạch và Đầu tư.</p> <p>* Dự kiến 42 ngày làm việc đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (phụ thuộc thời gian giải quyết của Trung ương).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời gửi hồ sơ cho cơ quan quản lý nhà nước có liên quan để lấy ý kiến về các nội dung điều chỉnh; - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình; - Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về những nội dung điều chỉnh; - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại Điểm d Khoản này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư; - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. Văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư.
<p>Đối tượng thực hiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà đầu tư trong nước (cá nhân và tổ chức); - Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 23 của Luật Đầu tư: <ul style="list-style-type: none"> + Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh; + Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên; + Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51 % vốn điều lệ trở lên.

Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ; UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan phối hợp (nếu có): Các Bộ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Sở, ban ngành và các đơn vị, địa phương có liên quan.
Kết quả	Văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư (của UBND cấp tỉnh hoặc Thủ tướng Chính phủ).
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (áp dụng đối với trường hợp có điều chỉnh chủ trương đầu tư) theo Mẫu I.6 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT. - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh theo Mẫu I.8 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.
Yêu cầu, điều kiện	<p>Dự án đầu tư được UBND cấp tỉnh hoặc Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư được nhà đầu tư thực hiện điều chỉnh thuộc một trong các trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh mục tiêu, địa điểm đầu tư, công nghệ chính; - Điều chỉnh tăng hoặc giảm trên 10% tổng vốn đầu tư làm thay đổi mục tiêu, quy mô và công suất của dự án đầu tư; - Điều chỉnh thời hạn thực hiện của dự án đầu tư hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có). <p>Thủ tục này cũng áp dụng đối với dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật trước thời điểm Luật đầu tư có hiệu lực thi hành (trước 01/7/2015) và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư trước thời điểm Luật đầu tư có hiệu lực thi hành. Nay, nhà đầu tư điều chỉnh dự án đầu tư làm thay đổi nội dung văn bản quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 5 Điều 63 Nghị định 118/2016/NĐ-CP).</p>
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016;

	<p>- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p>
--	--

Mẫu I.6

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án có điều chỉnh chủ trương đầu tư Theo Điều 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư(số, ngày cấp, cơ quan cấp) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án (nếu có) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

.....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / ... / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác ((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

.....

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

.....

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: /..... /..... Quốc tịch:

.....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / .../ Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

.....

Chỗ ở hiện tại:

.....

Điện thoại: Fax: Email:

.....

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:.....

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/Số quyết định thành lập:

..... do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

.....

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư

.....

- Nay đề nghị sửa thành:

.....

- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

.....

2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo:

IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ (nếu có):

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

.....

- Nay đăng ký sửa thành:

.....

- Lý do điều chỉnh:

.....

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(*liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo.*

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư: (*Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.*)

2. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đã cấp (*nếu có.*)

Làm tại, ngày tháng năm

...

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức
danh và đóng dấu (*nếu có*)

Mẫu I.8

Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh

(Điều 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):

- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):

- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:

- Giá trị xuất, nhập khẩu:

- Lợi nhuận:

- Ưu đãi đầu tư được hưởng:

- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

Làm tại, ngày tháng năm

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

5. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <p>Đối với dự án đầu tư đã triển khai hoạt động, nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định trên đây, trong đó đề xuất dự án đầu tư được thay bằng báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư từ thời điểm triển khai đến thời điểm đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>Hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư; - Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác

	<p>xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; <p>Đối với dự án đầu tư đã triển khai hoạt động, nhà đầu tư nộp báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư từ thời điểm triển khai đến thời điểm đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay cho đề xuất dự án đầu tư.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; - Đề xuất nhu cầu sử dụng đất đối với dự án đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; <p>Trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nhà đầu tư nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính; - Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ chính.</p>
Thời hạn giải quyết	Trong 15 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà đầu tư nước ngoài (cá nhân và tổ chức); - Nhà đầu tư trong nước (cá nhân và tổ chức) và Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (thuộc trường hợp thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư trong nước) có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh - Cơ quan phối hợp (nếu có): Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Sở, ban ngành và các đơn vị, địa phương có liên quan
Kết quả	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (theo mẫu số II.2 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT).
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư theo Mẫu I.1 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT; - Đề xuất dự án đầu tư (đối với dự án không thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư) theo Mẫu I.3 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.
Yêu cầu, điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư. - Mục tiêu của dự án đầu tư không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh. - Đáp ứng điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài trong trường hợp mục tiêu dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Mẫu I.1

Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư (Điều 33, 34, 35, 37 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên:Giới tính:

Sinh ngày://Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:Fax:Email:

.....

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

.....

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương:

Ngày cấp:Cơ quan cấp:.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:Fax: Email: Website:

.....

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức(chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam):

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Quốc tịch	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
			VNĐ	Tương đương USD	

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp

danh (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam):.....

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên:Giới tính:

Chức danh:.....Sinh ngày:/...../.....Quốc tịch: .

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

.....
Chỗ ở hiện tại:

.....
Điện thoại:Fax:Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (đối với nhà ĐTNN đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế)

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Loại hình tổ chức kinh tế:.....

3. Vốn điều lệ:.....(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ

4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VND	Tương đương USD	

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án đầu tư:

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 hoặc Khoản 1 Điều 34 hoặc Khoản 1 Điều 35 hoặc Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư (tùy theo từng loại dự án, liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

- Các hồ sơ liên quan khác (nếu có):

Làm tại, ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức
danh và đóng dấu (*nếu có*)

Mẫu I.3

Đề xuất dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án không thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư –
Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư Ngày tháng ...
năm...)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2			

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.
- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):
- Công suất thiết kế:
- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:
- Quy mô kiến trúc xây dựng (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình, ...):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Vốn đầu tư:

4.1. Tổng vốn đầu tư:(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ)đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định:...(bằng chữ)đồng và tương đương ... (bằng chữ)đô la Mỹ.

b) Vốn lưu động: ...(bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ)đô la Mỹ.

4.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án(ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiền độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,.....

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ, ...)và tiền độ dự kiến.

c) Vốn khác:

5. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:.....

6. Tiến độ thực hiện dự án(ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm.

Ví dụ: tháng 01(hoặc quý I)/2018): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

7. Nhu cầu về lao động: (nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể)

8. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án:

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ,).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

9. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):..

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):..

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(*ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng*):.

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

.....

Làm tại, ngày tháng

.....năm.....

Nhà đầu tư

Tùng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (*nếu có*)

6. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư

Trình tự thực hiện	<p>1. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thực hiện theo trình tự sau:</p> <p><u>Bước 1:</u> Nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none">- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p><u>Bước 2.</u> Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.- Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p><u>Bước 3.</u> Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có liên quan đến những nội dung quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định 118/2015/NĐ-CP.</p> <p><u>Bước 4:</u> Cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình và gửi cơ quan đăng ký đầu tư.</p> <p>Cơ quan quản lý về đất đai chịu trách nhiệm cung cấp trích lục bản đồ; cơ quan quản lý về quy hoạch cung cấp thông tin quy hoạch để làm cơ sở thẩm định trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Cơ quan đăng ký đầu tư.</p> <p><u>Bước 5:</u> Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Nội dung báo cáo thẩm định gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Thông tin về dự án: thông tin về nhà đầu tư, mục tiêu, quy mô, địa điểm, tiến độ thực hiện dự án;- Đánh giá việc đáp ứng điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (đối với dự án có mục tiêu thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện đối với nhà đầu tư
---------------------------	---

nước ngoài);

- Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch sử dụng đất; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

- Đánh giá về ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư (đối với dự án đầu tư thuộc đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư);

- Đối với dự án đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Đối với dự án không đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: đánh giá căn cứ pháp lý về quyền sử dụng địa điểm đầu tư của nhà đầu tư (đánh giá nhà đầu tư có được sử dụng địa điểm đầu tư theo quy định của pháp luật dân sự và pháp luật đất đai hay không).

- Đánh giá về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật đầu tư.

Bước 6: Khi nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Quyết định chủ trương đầu tư gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư và nhà đầu tư.

* Đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật Đầu tư phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT thì khi lấy ý kiến thẩm định theo Bước 3, ngoài việc lấy ý kiến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều 30 Nghị định 118/2015/NĐ-CP, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tại Bước 6, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư khi nhận được báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Các bước và nội dung khác thực hiện theo thủ tục chung.

Bước 7: Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư khi nhận được văn bản

quyết định chủ trương đầu tư.

2. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, thực hiện theo trình tự sau:

Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum

- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).

Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.

- Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung.

Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi 02 bộ hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư đồng thời gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến dự án đầu tư để lấy ý kiến về các nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 30 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP.

Bước 4: Các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Bước 5: Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về các nội dung: (i) Nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (đối với dự án được giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất); (ii) Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có) đối với dự án đầu tư đề nghị giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; (iii) Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nếu có).

Bước 6: Khi nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định

gồm:

+ Thông tin về dự án: thông tin về nhà đầu tư, mục tiêu, quy mô, địa điểm, tiến độ thực hiện dự án;

+ Đánh giá việc đáp ứng điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (đối với dự án có mục tiêu thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài);

+ Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch sử dụng đất; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

+ Đánh giá về ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư (đối với dự án đầu tư thuộc đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư);

+ Đối với dự án đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

+ Đối với dự án không đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: đánh giá căn cứ pháp lý về quyền sử dụng địa điểm đầu tư của nhà đầu tư (đánh giá nhà đầu tư có được sử dụng địa điểm đầu tư theo quy định của pháp luật dân sự và pháp luật đất đai hay không).

+ Đánh giá về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật đầu tư.

Bước 7: Khi nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư (gồm các nội dung quy định tại Khoản 8 Điều 33 Luật Đầu tư). Văn bản quyết định chủ trương đầu tư được gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư và nhà đầu tư.

Bước 8: Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư khi nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư.

3. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, thực hiện theo trình tự sau:

Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum

- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).

Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.

- Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung.

Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ dự án đầu tư cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước.

Bước 4: Hội đồng thẩm định nhà nước tổ chức thẩm định hồ sơ dự án đầu tư và lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung quy định tại khoản 6 Điều 33 của Luật Đầu tư và lập báo cáo thẩm định trình Chính phủ.

Bước 5: Chính phủ gửi Hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư đến cơ quan chủ trì thẩm tra của Quốc hội. Hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư gồm: Tờ trình của Chính phủ; Hồ sơ dự án đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật đầu tư; Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định nhà nước; Tài liệu khác có liên quan.

Bước 6: Cơ quan được Quốc hội giao chủ trì thẩm tra thực hiện thẩm tra các nội dung: Việc đáp ứng tiêu chí xác định dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội; Sự cần thiết thực hiện dự án; Sự phù hợp của dự án với chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, quy hoạch sử dụng đất, tài nguyên khác; Mục tiêu, quy mô, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện dự án, nhu cầu sử dụng đất, phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư, phương án lựa chọn công nghệ chính, giải pháp bảo vệ môi trường; Vốn đầu tư, phương án huy động vốn; Tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội; Cơ chế, chính sách đặc thù; ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có).

Bước 7: Quốc hội xem xét, thông qua Nghị quyết về chủ trương đầu tư gồm các nội dung: Nhà đầu tư thực hiện dự án; Tên, mục tiêu, quy mô, vốn đầu tư của dự

	<p>án, tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn, thời hạn thực hiện dự án; Địa điểm thực hiện dự án đầu tư; Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động (nếu có); tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động, hạng mục chủ yếu của dự án; trường hợp dự án thực hiện theo từng giai đoạn, phải quy định mục tiêu, thời hạn, nội dung hoạt động của từng giai đoạn; Công nghệ áp dụng; Cơ chế, chính sách đặc thù; ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có) và thời hạn hiệu lực của Nghị quyết về chủ trương đầu tư.</p> <p>Bước 8: Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư khi nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư.</p> <p>Bước 9: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>1. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư; - Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức; - Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; - Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà

đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;

- Đề xuất nhu cầu sử dụng đất đối với dự án đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;

Trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nhà đầu tư nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;

- Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính;

- Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.

2. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ

- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư;

- Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức;

- Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

- Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;

- Đề xuất nhu cầu sử dụng đất đối với dự án đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;

Trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nhà đầu tư nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;

- Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính;

- Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC;

- Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có);

- Đánh giá sơ bộ tác động môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường.

3. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội

- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư;

- Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức;

- Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

- Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;

- Đề xuất nhu cầu sử dụng đất đối với dự án đề nghị nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;

Trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất,

	<p>cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nhà đầu tư nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật Đầu tư gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính; - Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC; - Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có); - Đánh giá sơ bộ tác động môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường; - Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; - Đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù (nếu có). <p>b) Số lượng hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 04 bộ chính đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh. - 08 bộ chính đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ. - 21 bộ chính đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội.
<p>Thời hạn giải quyết</p>	<p>1. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</p> <p>Trong 40 ngày làm việc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định. - Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận

được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

Đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật Đầu tư phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư.

2. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ

Dự kiến 52 ngày làm việc (phụ thuộc thời gian giải quyết của Trung ương)

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư và gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, Sở kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến thẩm định về hồ sơ dự án đầu tư và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định hồ sơ dự án đầu tư và lập báo cáo thẩm định.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư.

	<p>3. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội</p> <p>Theo Chương trình và kỳ họp của Quốc hội</p>
Đối tượng thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà đầu tư nước ngoài (cá nhân và tổ chức); - Nhà đầu tư trong nước (cá nhân và tổ chức).
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Quốc Hội, Thủ tướng Chính phủ; UBND tỉnh; - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan phối hợp (nếu có): Các Bộ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Sở, ban ngành và các đơn vị, địa phương có liên quan.
Kết quả	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (theo mẫu số II.2 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT).
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư theo Mẫu I.1 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT; - Đề xuất dự án đầu tư (đối với dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư) theo Mẫu I.2 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT;
Yêu cầu, điều kiện	<p>* Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</p> <p>Dự án đầu tư thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án được nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua một trong các cách thức sau: (i) đấu giá quyền sử dụng đất, (ii) đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất hoặc (iii) nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (Không bao gồm các dự án thực hiện trong KCN, KCX, KCNC, KKT phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt). - Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất (Không bao gồm các dự án thực hiện trong KCN, KCX, KCNC, KKT phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt). - Dự án sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ. - Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật đầu tư phù hợp với quy hoạch và thực hiện

ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT.

*** Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ**

Dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại Điều 31 Luật đầu tư, trừ dự án quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật đầu tư phù hợp với quy hoạch, cụ thể:

“Trừ những dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo pháp luật về đầu tư công và các dự án quy định tại Điều 30 của Luật này, Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án sau đây:

1. Dự án không phân biệt nguồn vốn thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Di dân tái định cư từ 10.000 người trở lên ở miền núi, từ 20.000 người trở lên ở vùng khác;

b) Xây dựng và kinh doanh cảng hàng không; vận tải hàng không;

c) Xây dựng và kinh doanh cảng biển quốc gia;

d) Thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí;

đ) Hoạt động kinh doanh cá cược, đặt cược, casino;

e) Sản xuất thuốc lá điếu;

g) Phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu chức năng trong khu kinh tế;

h) Xây dựng và kinh doanh sân gôn;

2. Dự án của nhà đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, trồng rừng, xuất bản, báo chí, thành lập tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ 100% vốn nước ngoài;

3. Dự án khác thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật.”

*** Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội**

Các dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội quy định tại Điều 30 Luật Đầu tư, cụ thể:

“Trừ những dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội theo pháp luật về đầu tư công, Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư sau đây:

1. Dự án ảnh hưởng lớn đến môi trường hoặc tiềm ẩn khả năng ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường, bao

	<p>gồm:</p> <p>a) Nhà máy điện hạt nhân;</p> <p>b) Chuyển mục đích sử dụng đất vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo vệ cảnh quan, khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học từ 50 héc ta trở lên; rừng phòng hộ đầu nguồn từ 50 héc ta trở lên; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay, chắn sóng, lấn biển, bảo vệ môi trường từ 500 héc ta trở lên; rừng sản xuất từ 1.000 héc ta trở lên;</p> <p>2. Sử dụng đất có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên với quy mô từ 500 héc ta trở lên;</p> <p>3. Di dân tái định cư từ 20.000 người trở lên ở miền núi, từ 50.000 người trở lên ở các vùng khác;</p> <p>4. Dự án có yêu cầu phải áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt cần được Quốc hội quyết định.”</p>
Căn cứ pháp lý	<p>- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</p> <p>- Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016;</p> <p>- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p>

Mẫu I.1

Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
(Điều 33, 34, 35, 37 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên:Giới tính:

Sinh ngày://Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:Fax:Email:

.....

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

.....

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương:

Ngày cấp:Cơ quan cấp:.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:Fax: Email: Website:

.....

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức(chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam):

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Quốc tịch	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
			VNĐ	Tương đương USD	

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh (*chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam*):.....

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên:Giới tính:
 Chức danh:.....Sinh ngày:/...../.....Quốc tịch:
 Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
 Ngày cấp: / / Nơi cấp:
 Địa chỉ thường trú:

 Chỗ ở hiện tại:

 Điện thoại:Fax:Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (*đối với nhà ĐTNN đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế*)

1. Tên tổ chức kinh tế:
2. Loại hình tổ chức kinh tế:.....
3. Vốn điều lệ:.....(*bằng chữ*) đồng và tương đương (*bằng chữ*) đô la Mỹ

4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD	

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án đầu tư:

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 hoặc Khoản 1 Điều 34 hoặc Khoản 1 Điều 35 hoặc Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư (*tùy theo từng loại dự án, liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo*).
- Các hồ sơ liên quan khác (*nếu có*):

Làm tại, ngày tháng

.....năm.....

Nhà đầu tư

Tùng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức
danh và đóng dấu (*nếu có*)

Mẫu I.2

Đề xuất dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư – Điều 33, 34, 35 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư

Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2			

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế:

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):

.....

- Quy mô kiến trúc xây dựng (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình,...):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất(*áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư*)

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (*địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý*);
- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (*nếu có*);

4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (*lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo*)

4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (*nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình*).

4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (*nếu có*):

5. Vốn đầu tư:

5.1. Tổng vốn đầu tư:(*bằng chữ*)đồng và tương đương (*bằng chữ*) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định:...(bằng chữ)đồng và tương đương ... (*bằng chữ*) đô la Mỹ. Trong đó;

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (*nếu có*):
- Chi phí thuê đất, mặt nước,....:
- Chi phí xây dựng công trình:
- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;
- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.
- Chi phí dự phòng;

Cộng:

b) Vốn lưu động:(*bằng chữ*)đồng và tương đương (*bằng chữ*) đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư(*ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư*):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): *Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,.....*

b) *Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ, ...) và tiến độ dự kiến.*

c) *Vốn khác:*

6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:

7. Tiến độ thực hiện dự án(ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm.
Ví dụ: tháng 01(hoặc quý I)/2018): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

8. Nhu cầu về lao động(nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể):.....

9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ,).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Giải trình về sử dụng công nghệ:(áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

- Tên công nghệ;

- Xuất xứ công nghệ;

- Sơ đồ quy trình công nghệ;

- Thông số kỹ thuật chính;

- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;

- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;

- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài(nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

.....

Làm tại, ngày tháng

.....năm.....

Nhà đầu tư

Tùng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức
danh và đóng dấu (*nếu có*)

7. Thủ tục: Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <p>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p> <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.</p> <p>- Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung.</p> <p>Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư;</p> <p>- Tài liệu liên quan đến việc thay đổi tên, địa chỉ của nhà đầu tư hoặc tên dự án đầu tư.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ chính.</p>
<p>Thời hạn giải quyết</p>	<p>Trong 03 ngày làm việc</p>
<p>Đối tượng thực hiện</p>	<p>Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức)</p>
<p>Cơ quan thực hiện</p>	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>

	- Cơ quan phối hợp (nếu có): Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Sở, ban ngành và các đơn vị, địa phương có liên quan.
Kết quả	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (theo Mẫu II.3 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT). Trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương thì Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay thế nội dung dự án đầu tư tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương. Trường hợp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương quy định nội dung đăng ký kinh doanh thì nội dung đăng ký kinh doanh tại các Giấy này tiếp tục có hiệu lực.
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (áp dụng cho điều chỉnh dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư) theo Mẫu I.7 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.
Yêu cầu, điều kiện	Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức) có dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương điều chỉnh các nội dung: - Tên dự án đầu tư; - Tên nhà đầu tư (không bao gồm việc thay đổi từ nhà đầu tư này sang nhà đầu tư khác); - Địa chỉ của nhà đầu tư.
Căn cứ pháp lý	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Mẫu I.7

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư - Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Áp dụng cho các dự án điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh – không thuộc diện điều chỉnh chủ trương đầu tư)

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

.....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / ... / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / ... / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

.....

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

.....

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

 Địa chỉ trụ sở:
 Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:
 Chức danh: Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:
 Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
 Ngày cấp: / .. / Nơi cấp:
 Địa chỉ thường trú:
 Chỗ ở hiện tại:

 Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:
2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập:
do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư ... (tên dự án) với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

TT	Số T ên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:
.....

- Nay đăng ký sửa thành:
.....

- Lý do điều chỉnh:
.....

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

V. HỒ SƠ KÈM THEO:

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(*liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo*).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư(*Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật*).

2. Bản sao các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp.

Làm tại, ngày tháng năm
.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (*nếu có*)

8. Thủ tục: Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Quyết định về việc điều chỉnh dự án đầu tư của nhà đầu tư; - Tài liệu quy định tại các điểm b, c, d, đ và e Khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư liên quan đến các nội dung điều chỉnh, cụ thể: <p>+ Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy</p>

	<p>chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức;</p> <p>+ Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;</p> <p>+ Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;</p> <p>+ Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;</p> <p>+ Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật này gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ chính.</p>
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức)
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư - Cơ quan phối hợp (nếu có): Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Sở, ban ngành và các đơn vị, địa phương có liên quan.
Kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (theo Mẫu II.3 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT). - Trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời

	là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương thì Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay thế nội dung dự án đầu tư tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương. Trường hợp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương quy định nội dung đăng ký kinh doanh thì nội dung đăng ký kinh doanh tại các Giấy này tiếp tục có hiệu lực.
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	<p>- Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (áp dụng cho điều chỉnh dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư) theo Mẫu I.7 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.</p> <p>- Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh (Điều 33, 34, 35, 36 Nghị định 118/2015/NĐ-CP) theo Mẫu I.8 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.</p>
Yêu cầu, điều kiện	<p>- Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức) có dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương điều chỉnh một hoặc một số nội dung trong các nội dung sau và không thuộc diện điều chỉnh chủ trương đầu tư:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Địa điểm thực hiện dự án đầu tư, diện tích đất sử dụng; + Mục tiêu, quy mô dự án đầu tư; + Vốn đầu tư của dự án, tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn; + Thời hạn hoạt động của dự án; + Tiến độ thực hiện dự án đầu tư; + Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư (nếu có); + Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư (nếu có). <p>- Nội dung điều chỉnh không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh;</p> <p>- Đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài trong trường hợp dự án có mục tiêu hoạt</p>

	động thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Mẫu I.7

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư - Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Áp dụng cho các dự án điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh – không thuộc diện điều chỉnh chủ trương đầu tư)

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

.....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / ... / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / ... / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

.....

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

.....

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

 Địa chỉ trụ sở:
 Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:
 Chức danh: Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:
 Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
 Ngày cấp: / .. / Nơi cấp:
 Địa chỉ thường trú:
 Ở hiện tại:

 Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:
2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập:
do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư ... (tên dự án) với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

TT	Số T ên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:
.....

- Nay đăng ký sửa thành:
.....

- Lý do điều chỉnh:
.....

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

V. HỒ SƠ KÈM THEO:

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(*liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo*).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư(*Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật*).

2. Bản sao các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp.

Làm tại, ngày tháng năm
.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (*nếu có*)

Mẫu I.8

Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh
(Điều 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):
- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):
- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:
- Giá trị xuất, nhập khẩu:
- Lợi nhuận:
- Ưu đãi đầu tư được hưởng:
- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

Làm tại, ngày tháng năm

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

9. Thủ tục: Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <p>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p> <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.</p> <p>- Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung.</p> <p>Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh.</p> <p>Bước 4: Các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh thuộc phạm vi quản lý của mình.</p> <p>Bước 5: Khi nhận được ý kiến của cơ quan nêu tại Bước 4, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định về các nội dung điều chỉnh.</p> <p>Bước 6: Khi nhận được báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>Bước 7: Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư khi nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>Bước 8: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
---------------------------	---

Cách thức thực hiện	Trực tiếp Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh; - Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư; - Giải trình hoặc cung cấp giấy tờ liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các Điểm b, c, d, đ, e, g Khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư (nếu có), cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức; - Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; - Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; - Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư; - Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật này gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính; - Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.

	b) Số lượng hồ sơ: 04 bộ chính.
Thời hạn giải quyết	<p>Trong thời hạn 26 ngày làm việc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh thuộc phạm vi quản lý của mình. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của cơ quan nêu trên, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định về các nội dung điều chỉnh. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
Đối tượng thực hiện	Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức)
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư - Cơ quan phối hợp (nếu có): Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Sở, ban ngành và các đơn vị, địa phương có liên quan.
Kết quả	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (theo Mẫu II.3 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT).
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (áp dụng đối với trường hợp có điều chỉnh chủ trương đầu tư) theo Mẫu I.6 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT. - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh theo Mẫu I.8 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.
Yêu cầu, điều kiện	Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức) có dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc diện UBND

	<p>cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư và nhà đầu tư điều chỉnh một hoặc một số nội dung trong các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh mục tiêu, địa điểm đầu tư, công nghệ chính; - Điều chỉnh tăng hoặc giảm trên 10% tổng vốn đầu tư làm thay đổi mục tiêu, quy mô và công suất của dự án đầu tư; - Điều chỉnh thời hạn thực hiện của dự án đầu tư hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có). <p>Thủ tục này cũng áp dụng đối với dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật trước thời điểm Luật đầu tư có hiệu lực thi hành (trước 01/7/2015) và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư trước thời điểm Luật đầu tư có hiệu lực thi hành. Nay, nhà đầu tư điều chỉnh dự án đầu tư làm thay đổi nội dung văn bản quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 5 Điều 63 Nghị định 118/2016/NĐ-CP).</p> <p>Được UBND tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p>
<p>Căn cứ pháp lý</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Mẫu I.6

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án có điều chỉnh chủ trương đầu tư Theo Điều 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư(số, ngày cấp, cơ quan cấp) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án (nếu có) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

.....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / ... / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác ((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

.....

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

.....

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

.....
Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: /..... /..... Quốc tịch:

.....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / .../ Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

.....

Chỗ ở hiện tại:

.....

Điện thoại: Fax: Email:

.....

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:.....

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/Số quyết định thành lập:

..... do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

.....

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư

.....

- Nay đề nghị sửa thành:

.....

- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

.....

2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo:

IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ (nếu có):

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

.....

- Nay đăng ký sửa thành:

.....

- Lý do điều chỉnh:

.....

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(*liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo.*

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư: (*Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.*)

2. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đã cấp (*nếu có.*)

Làm tại, ngày tháng năm ...

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức
danh và đóng dấu (*nếu có*)

Mẫu I.8

Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh
(Điều 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):
- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):
- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:
- Giá trị xuất, nhập khẩu:
- Lợi nhuận:
- Ưu đãi đầu tư được hưởng:
- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

Làm tại, ngày tháng năm

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

10. Thủ tục: Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <p>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p> <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.</p> <p>- Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung.</p> <p>Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi 02 bộ hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh (trong phạm vi các nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 30 Nghị định 118/2015/NĐ-CP).</p> <p>Bước 4: Các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh thuộc phạm vi quản lý của mình.</p> <p>Bước 5: Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về những nội dung quy định tại Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP liên quan đến nội dung điều chỉnh.</p> <p>Bước 6: Khi nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>Bước 7: Khi nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. Văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư.</p>
----------------------------------	---

	<p>Bước 8: Khi nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.</p> <p>Bước 9: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Quyết định về việc điều chỉnh dự án đầu tư của nhà đầu tư (đối với các trường hợp điều chỉnh nội dung quy định tại các Khoản 4, 5, 6, 7, 8 và 10 Điều 39 Luật Đầu tư), cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Địa điểm thực hiện dự án đầu tư; diện tích đất sử dụng. + Mục tiêu, quy mô dự án đầu tư. + Vốn đầu tư của dự án (gồm vốn góp của nhà đầu tư và vốn huy động), tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn. + Thời hạn hoạt động của dự án. + Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động (nếu có); tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động, hạng mục chủ yếu của dự án, trường hợp dự án thực hiện theo từng giai đoạn, phải quy định mục tiêu, thời hạn, nội dung hoạt động của từng giai đoạn. + Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án (nếu có). - Tài liệu quy định tại các điểm b, c, d, đ và e Khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư liên quan đến các nội dung điều chỉnh, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác

	<p>xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức;</p> <p>+ Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;</p> <p>+ Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;</p> <p>+ Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;</p> <p>+ Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật này gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính;</p> <p>+ Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 08 bộ chính.</p>
<p>Thời hạn giải quyết</p>	<p>Dự kiến 47 ngày làm việc (phụ thuộc thời gian giải quyết của Trung ương)</p> <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đồng thời gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh thuộc phạm vi quản lý của mình.</p> <p>- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư</p>

	<p>về những nội dung điều chỉnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.
Đối tượng thực hiện	Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức)
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư - Cơ quan phối hợp (nếu có): Các bộ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Sở, ban ngành và các đơn vị, địa phương có liên quan.
Kết quả	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (theo Mẫu II.3 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT).
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (áp dụng đối với trường hợp có điều chỉnh chủ trương đầu tư) theo Mẫu I.6 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT. - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh theo Mẫu I.8 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.
Yêu cầu, điều kiện	<p>Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức) có dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc diện Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư và nhà đầu tư điều chỉnh một hoặc một số nội dung trong các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh mục tiêu, địa điểm đầu tư, công nghệ chính; - Điều chỉnh tăng hoặc giảm trên 10% tổng vốn đầu tư

	<p>làm thay đổi mục tiêu, quy mô và công suất của dự án đầu tư;</p> <p>- Điều chỉnh thời hạn thực hiện của dự án đầu tư hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có).</p> <p>Thủ tục này cũng áp dụng đối với dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật trước thời điểm Luật đầu tư có hiệu lực thi hành (trước 01/7/2015) và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư trước thời điểm Luật đầu tư có hiệu lực thi hành. Nay, nhà đầu tư điều chỉnh dự án đầu tư làm thay đổi nội dung văn bản quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư (Khoản 5 Điều 63 Nghị định 118/2016/NĐ-CP).</p> <p>Được Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p>
<p>Căn cứ pháp lý</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Mẫu I.6

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án có điều chỉnh chủ trương đầu tư Theo Điều 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư(số, ngày cấp, cơ quan cấp) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án (nếu có) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

.....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / ... / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác ((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

.....

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

.....

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: /..... /..... Quốc tịch:

.....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / .../ Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

.....

Chỗ ở hiện tại:

.....

Điện thoại: Fax: Email:

.....

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:.....

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/Số quyết định thành lập:

..... do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

.....

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư

.....

- Nay đề nghị sửa thành:

.....

- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

.....

2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo:

IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ (nếu có):

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

.....

- Nay đăng ký sửa thành:

.....

- Lý do điều chỉnh:

.....

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(*liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo.*

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư: (*Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.*)

2. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đã cấp (*nếu có.*)

Làm tại, ngày tháng năm

...

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức
danh và đóng dấu (*nếu có*)

Mẫu I.8

Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh
(Điều 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):
- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):
- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:
- Giá trị xuất, nhập khẩu:
- Lợi nhuận:
- Ưu đãi đầu tư được hưởng:
- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

Làm tại, ngày tháng năm

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu
(nếu có)

11. Thủ tục: Chuyển nhượng dự án đầu tư

Trình tự thực hiện	<p>1. Đối với dự án thuộc một trong các trường hợp: (i) dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư, (ii) dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư mà nhà đầu tư đã hoàn thành việc góp vốn, huy động vốn và đưa dự án vào khai thác, vận hành:</p> <p><u>Bước 1:</u> Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none">- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p><u>Bước 2.</u> Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.- Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p><u>Bước 3:</u> Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều 45 Luật Đầu tư để điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư khi nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>2. Đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ:</p> <p><u>Bước 1:</u> Nhà đầu tư chuyển nhượng dự án đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 37 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none">- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
---------------------------	---

Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.

- Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung.

Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lấy ý kiến thẩm định về điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư quy định tại Khoản 1 Điều 45 Luật Đầu tư.

Bước 4: Các cơ quan được gửi hồ sơ có ý kiến về điều kiện chuyển nhượng thuộc phạm vi quản lý của mình.

Bước 5: Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư về nội dung quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 1 Điều 45 Luật Đầu tư (nếu có).

Bước 6: Khi nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định về điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều 45 Luật Đầu tư.

Bước 7: Khi nhận được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.

Bước 8:

- Đối với dự án không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho nhà đầu tư.

- Đối với dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Khi nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư.

3. Đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh:

Bước 1: Nhà đầu tư chuyển nhượng dự án đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 37 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum

- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).

Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.

- Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung.

Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lấy ý kiến thẩm định về điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư quy định tại Khoản 1 Điều 45 Luật Đầu tư;

Bước 4: Các cơ quan nhà nước được gửi hồ sơ có ý kiến về điều kiện chuyển nhượng thuộc phạm vi quản lý của mình;

Bước 5: Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo về việc đáp ứng điều kiện chuyển nhượng dự án theo quy định tại Khoản 1 Điều 45 Luật Đầu tư trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

Bước 6: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư;

Bước 7:

- Đối với dự án không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho nhà đầu tư.

- Đối với dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Khi nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư.

4. Đối với dự án đầu tư đã được quyết định chủ trương đầu tư mà nhà đầu tư đã hoàn thành việc góp vốn, huy động vốn và đưa dự án vào khai thác, vận hành thì không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư khi chuyển nhượng dự án đầu tư.

5. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài nhận chuyển

	<p>nhượng dự án đầu tư và thành lập tổ chức kinh tế để thực hiện dự án đầu tư đó thì nhà đầu tư thực hiện thủ tục cấp hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, sau đó thực hiện thủ tục thành lập tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế.</p> <p>* Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư. - Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chuyển nhượng dự án đầu tư. - Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương. - Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương đối với nhà đầu tư là tổ chức của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng. - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư (nếu có). - Bản sao Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC. - Bản sao một trong các tài liệu sau của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư. <p>b) Số lượng hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 bộ hồ sơ chính đối với: (i) dự án đầu tư hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư; (ii) dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư mà nhà đầu tư đã hoàn

	<p>thành việc góp vốn, huy động vốn và đưa dự án vào khai thác, vận hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 04 bộ hồ sơ chính đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - 08 bộ hồ sơ chính đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.
<p>Thời hạn giải quyết</p>	<p>1. Đối với dự án thuộc một trong các trường hợp: (i) dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư, (ii) dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư mà nhà đầu tư đã hoàn thành việc góp vốn, huy động vốn và đưa dự án vào khai thác, vận hành:</p> <p>Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét điều kiện chuyên nhượng dự án đầu tư để điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.</p> <p>2. Đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ:</p> <p>Dự kiến 47 ngày làm việc (phụ thuộc vào thời gian giải quyết của Trung ương)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lấy ý kiến thẩm định về điều kiện chuyên nhượng dự án đầu tư. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan được gửi hồ sơ có ý kiến về điều kiện chuyên nhượng thuộc phạm vi quản lý của mình. - Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, có ý kiến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nếu có). - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định về điều kiện chuyên nhượng dự án đầu tư. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận

	<p>được báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.</p> <p>- Đối với dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư.</p> <p>3. Đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh:</p> <p>Trong thời gian 25 ngày làm việc.</p> <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lấy ý kiến thẩm định về điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư.</p> <p>- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan được gửi hồ sơ xin ý kiến có ý kiến về điều kiện chuyển nhượng thuộc phạm vi quản lý của mình;</p> <p>- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo về việc đáp ứng điều kiện chuyển nhượng dự án trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư;</p> <p>- Đối với dự án không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư được gửi cho nhà đầu tư.</p> <p>4. Đối với dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư.</p>
Đối tượng thực hiện	Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức)
Cơ quan thực hiện	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh.

	<p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư.</p> <p>- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các bộ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Sở, ban ngành và các đơn vị, địa phương có liên quan.</p>
Kết quả	<p>- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (thay đổi nhà đầu tư) theo Mẫu II.2 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.</p> <p>- Văn bản điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh đối với dự án không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.</p>
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	<p>- Trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư: Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư theo Mẫu I.6 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.</p> <p>- Trường hợp không thuộc diện điều chỉnh chủ trương đầu tư: Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư theo Mẫu I.7 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.</p> <p>- Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh theo Mẫu I.8 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.</p>
Yêu cầu, điều kiện	<p>- Đáp ứng điều kiện chuyển nhượng dự án đầu tư theo quy định tại Điều 45 Luật đầu tư, cụ thể:</p> <p>1. Nhà đầu tư có quyền chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án đầu tư cho nhà đầu tư khác khi đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc một trong các trường hợp bị chấm dứt hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Luật này;</p> <p>b) Đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài nhận chuyển nhượng dự án thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài;</p> <p>c) Tuân thủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về kinh doanh bất động sản trong trường hợp chuyển nhượng dự án gắn với chuyển nhượng quyền sử dụng đất;</p> <p>d) Điều kiện quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký</p>

	<p>đầu tư hoặc theo quy định khác của pháp luật có liên quan (nếu có).</p> <p>2. Trường hợp chuyển nhượng dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật này kèm theo hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư để điều chỉnh nhà đầu tư thực hiện dự án.</p> <p>- Thủ tục này cũng áp dụng đối với dự án đầu tư hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương. Trong trường hợp này, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay cho nội dung dự án đầu tư quy định tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.</p>
<p>Căn cứ pháp lý</p>	<p>- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</p> <p>- Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016;</p> <p>- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p>

Mẫu I.6

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án có điều chỉnh chủ trương đầu tư Theo Điều 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư(số, ngày cấp, cơ quan cấp) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án (nếu có) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

.....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác ((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

.....

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

.....

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

.....

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: /..... /..... Quốc tịch:

.

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

.....
Chỗ ở hiện tại:

.....
Điện thoại: Fax: Email:

.....
2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:.....

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/Số quyết định thành lập:
..... do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

.....
III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư

.....
- Nay đề nghị sửa thành:

.....
- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

.....
2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo:

IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ (nếu có):

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

.....
- Nay đăng ký sửa thành:

.....
- Lý do điều chỉnh:

.....
2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh

1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP (*liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo.*

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư: (*Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.*)

2. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đã cấp (*nếu có.*)

Làm tại, ngày tháng năm

...

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (*nếu có*)

Mẫu I.7

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư - Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Áp dụng cho các dự án điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh – không thuộc diện điều chỉnh chủ trương đầu tư)

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

.....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / ... / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / ... / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

.....

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

.....

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

.....

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp: / .. / Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập:
.....do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

.....
- Nay đăng ký sửa thành:

.....
- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

V. HỒ SƠ KÈM THEO:

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư(Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội

đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp.

Làm tại, ngày tháng năm

.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.8

Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh
(Điều 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):

- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):

- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:

- Giá trị xuất, nhập khẩu:

- Lợi nhuận:

- Ưu đãi đầu tư được hưởng:

- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

Làm tại, ngày tháng năm

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

12. Thủ tục: Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu có giá trị pháp lý tương đương của nhà đầu tư tiếp nhận dự án đầu tư; - Bản sao nghị quyết hoặc quyết định của nhà đầu tư về việc tổ chức lại, trong đó có nội dung về việc xử lý tài sản, quyền và nghĩa vụ liên quan đến dự án đầu tư. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ chính</p>
<p>Thời hạn giải quyết</p>	<p>Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p>
<p>Đối tượng thực hiện</p>	<p>Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức)</p>

Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan phối hợp (nếu có): Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Sở, ban ngành và các đơn vị, địa phương có liên quan.
Kết quả	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (điều chỉnh) theo Mẫu II.2 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư theo Mẫu I.7 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.
Yêu cầu, điều kiện	Trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Mẫu I.7

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư -
Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Áp dụng cho các dự án điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy
chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh – không thuộc diện
điều chỉnh chủ trương đầu tư)

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

.....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / ... / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công
dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / ... / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

.....

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

.....

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh
nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu
tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

 Địa chỉ trụ sở:
 Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:
 Chức danh: Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:
 Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
 Ngày cấp: / .. / Nơi cấp:
 Địa chỉ thường trú:
 Ở hiện tại:

 Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:
2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập:
do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư ... (tên dự án) với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

TT	Số T ên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:
.....

- Nay đăng ký sửa thành:
.....

- Lý do điều chỉnh:
.....

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

V. HỒ SƠ KÈM THEO:

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(*liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo*).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư(*Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật*).

2. Bản sao các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp.

Làm tại, ngày tháng năm

.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (*nếu có*)

13. Thủ tục: Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư khi nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư. - Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức. - Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án, trọng tài. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ chính</p>
<p>Thời hạn giải quyết</p>	<p>Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p>
<p>Đối tượng thực hiện</p>	<p>Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức)</p>

Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan phối hợp (nếu có): Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Sở, ban ngành và các đơn vị, địa phương có liên quan.
Kết quả	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (điều chỉnh) theo Mẫu II.2 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư theo Mẫu I.7 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.
Yêu cầu, điều kiện	Có bản án, quyết định có hiệu lực của tòa án, trọng tài.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Mẫu I.7

Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư

(Áp dụng đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư - Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Áp dụng cho các dự án điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh – không thuộc diện điều chỉnh chủ trương đầu tư)

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

.....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / ... / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / ... / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

.....

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

.....

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

 Địa chỉ trụ sở:
 Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:
 Chức danh: Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:
 Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
 Ngày cấp: / .. / Nơi cấp:
 Địa chỉ thường trú:
 Ở hiện tại:

 Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:
2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập:
do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư ... (tên dự án) với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

TT	Số T ên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:
.....

- Nay đăng ký sửa thành:
.....

- Lý do điều chỉnh:
.....

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

V. HỒ SƠ KÈM THEO:

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(*liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo*).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư(*Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật*).

2. Bản sao các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp.

Làm tại, ngày tháng năm
.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (*nếu có*)

13. Thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong khi nhận được văn bản đề nghị của nhà đầu tư.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm: Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ chính</p>
<p>Thời hạn giải quyết</p>	<p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc.</p>
<p>Đối tượng thực hiện</p>	<p>Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức)</p>
<p>Cơ quan thực hiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan phối hợp (nếu có): Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Sở, ban ngành và các đơn vị, địa phương có liên quan.

Kết quả	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (cấp lại) theo Mẫu II.2 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Không
Yêu cầu, điều kiện	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư bị mất hoặc hỏng.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

15. Thủ tục: Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư khi nhận được đề nghị của nhà đầu tư.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>Văn bản đề nghị hiệu đính thông tin Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ chính</p>
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 03 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện	Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức)
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan phối hợp (nếu có): Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Sở, ban ngành và các đơn vị, địa phương

	có liên quan.
Kết quả	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (hiệu đính thông tin) theo Mẫu II.2 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Không
Yêu cầu, điều kiện	Đối với dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không đúng với thông tin tại hồ sơ đăng ký đầu tư.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

16. Thủ tục: Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1: Nhà đầu tư nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <p>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p> <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.</p> <p>- Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ chính</p>
<p>Thời hạn giải quyết</p>	<p>Ngay khi nhà đầu tư nộp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư</p>
<p>Đối tượng thực hiện</p>	<p>Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức)</p>
<p>Cơ quan thực hiện</p>	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.</p> <p>- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không</p>
<p>Kết quả</p>	<p>Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư từ nhà đầu tư.</p>
<p>Lệ phí</p>	<p>Không</p>

Tên mẫu đơn, tờ khai	Không
Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

17. Thủ tục: Giãn tiến độ đầu tư

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến bằng văn bản về việc giãn tiến độ đầu tư.</p> <p>Bước 4: Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản quyết định chủ trương đầu tư thì thực hiện theo thủ tục tương ứng về điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư mà không thực hiện theo thủ tục này.</p> <p>Bước 5: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>Văn bản đề xuất giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo Mẫu I.9 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ chính</p>
<p>Thời hạn giải quyết</p>	<p>Trong thời hạn 15 ngày làm việc</p>
<p>Đối tượng thực hiện</p>	<p>Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức)</p>
<p>Cơ quan thực hiện</p>	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Kế hoạch và</p>

	<p>Đầu tư</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.</p> <p>- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không</p>
Kết quả	Văn bản về việc giãn tiến độ đầu tư (Khoản 4 Điều 46 Luật đầu tư) theo Mẫu II.7 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Văn bản đề xuất giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư (Khoản 1 Điều 46 Luật đầu tư) theo Mẫu I.9 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.
Yêu cầu, điều kiện	Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức) có dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư, đề nghị giãn tiến độ đầu tư (tiến độ thực hiện vốn đầu tư, tiến độ xây dựng và đưa công trình chính vào hoạt động (nếu có); tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động của dự án đầu tư) so với tiến độ quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản quyết định chủ trương đầu tư.
Căn cứ pháp lý	<p>- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</p> <p>- Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016;</p> <p>- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p>

Mẫu I.9

Văn bản đề xuất giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư

(Khoản 1 Điều 46 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ XUẤT GIÃN TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

.....

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

.....

Mã số/số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

.....

2. Nhà đầu tư tiếp theo (thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất):

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập:
do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN VÀ THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỚI NHÀ NƯỚC

1. Tình hình hoạt động của dự án

1.1. Thực hiện các thủ tục hành chính (nêu thủ tục đã thực hiện, chưa thực hiện):

1.2. Tiến độ triển khai dự án (nêu theo từng giai đoạn đối với dự án đầu tư có nhiều giai đoạn):

- Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động (*nếu có*):
- Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động:

2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất đã nộp:.....
- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất còn nợ (*nếu có*):.....
- Các nghĩa vụ tài chính với các bên liên quan khác (*nếu có*): lương đối với người lao động, các khoản phải trả cho bên thứ ba,.....

IV. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT GIÃN TIẾN ĐỘ

Đề xuất giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư (*tên dự án*)....., đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh mã số/số, do (*tên cơ quan cấp*) cấp ngày..... với nội dung như sau:

1. Nội dung cụ thể giãn tiến độ (*ghi cụ thể nội dung đề xuất giãn tiến độ như tiến độ thực hiện vốn đầu tư, tiến độ xây dựng và đưa công trình chính vào hoạt động; tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động của dự án đầu tư...*)

2. Thời gian giãn tiến độ:
3. Giải trình lý do giãn tiến độ:
4. Kế hoạch tiếp tục thực hiện dự án:
 - Kế hoạch góp vốn:
 - Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa dự án vào hoạt động:

V. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Về việc tiếp tục thực hiện dự án
3. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh hoặc Quyết định chủ trương đầu tư.
2. Quyết định của nhà đầu tư về việc giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư (*Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc giãn tiến độ thực hiện dự án hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật*).

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (*nếu có*)

18. Thủ tục: Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư.

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư ghi nhận tình trạng hoạt động của dự án.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm: Thông báo tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ chính</p>
<p>Thời hạn giải quyết</p>	<p>Ngay khi tiếp nhận thông báo.</p>
<p>Đối tượng thực hiện</p>	<p>Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức) ngừng hoạt động đối với dự án đầu tư đang hoạt động.</p>
<p>Cơ quan thực hiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan phối hợp (nếu có): Không
<p>Kết quả</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận Thông báo tạm ngừng hoạt động dự án đầu tư và ghi nhận tình trạng

	<p>hoạt động của dự án.</p> <p>- Trường hợp tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư do bất khả kháng thì nhà đầu tư được miễn tiền thuê đất trong thời gian tạm ngừng hoạt động để khắc phục hậu quả do bất khả kháng gây ra.</p>
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Văn bản thông báo tạm ngừng hoạt động dự án đầu tư (Khoản 1 Điều 47 Luật đầu tư) theo Mẫu I.10 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/BKHĐT.
Yêu cầu, điều kiện	Áp dụng đối với dự án đang hoạt động và nhà đầu tư quyết định ngừng hoạt động của dự án.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Mẫu I.10

Văn bản thông báo tạm ngừng hoạt động dự án đầu tư

(Khoản 1 Điều 47 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO TẠM NGỪNG HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:
.....

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:
.....

Mã số/số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:
.....

2. Nhà đầu tư tiếp theo (thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất):

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập:do
..... (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN VÀ THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỚI NHÀ NƯỚC

1. Tình hình hoạt động của dự án

1.1. Thực hiện các thủ tục hành chính (nêu các thủ tục đã thực hiện, chưa thực hiện):

1.2. Tiến độ triển khai dự án (nêu theo từng giai đoạn đối với dự án đầu tư có nhiều giai đoạn):

- Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động (*nếu có*):
.....
- Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động:

2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất đã nộp:
- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất còn nợ (*nếu có*):.....
- Các nghĩa vụ tài chính với các bên liên quan khác (*nếu có*): lương đối với người lao động, các khoản phải trả cho bên thứ ba,

IV. NỘI DUNG TẠM NGỪNG HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Thông báo tạm ngừng hoạt động dự án đầu tư (*tên dự án*)....., đã được cấp Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh mã số/số, do (*tên cơ quan cấp*) cấp ngày..... với nội dung như sau:

1. Nội dung tạm ngừng hoạt động (*ghi cụ thể việc ngừng từng phần hay toàn bộ hoạt động của dự án đầu tư*):
2. Thời gian tạm ngừng hoạt động (*từ ngày... tháng... năm đến ngày ... tháng năm*):
3. Giải trình lý do tạm ngừng hoạt động:
4. Kế hoạch tiếp tục thực hiện dự án:
 - Kế hoạch góp vốn:
 - Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa dự án vào hoạt động:

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh hoặc Quyết định chủ trương đầu tư;
2. Quyết định của nhà đầu tư về việc tạm ngừng hoạt động dự án đầu tư (*Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật*).

Làm tại....., ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (*nếu có*)

19. Thủ tục: Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư ghi nhận tình trạng chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp tự quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 48 Luật Đầu tư: + Quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư; + Kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có); - Trường hợp chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo các điều kiện quy định trong hợp đồng, điều lệ doanh nghiệp hoặc hết thời hạn hoạt động của dự án đầu tư (theo quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản 1 Điều 48 Luật Đầu tư): + Thông báo của nhà đầu tư; + Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)

	<p>+ Điều lệ hoặc hợp đồng trong trường hợp điều lệ hoặc hợp đồng ghi nhận việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ chính</p>
Thời hạn giải quyết	Ngay khi tiếp nhận hồ sơ
Đối tượng thực hiện	Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức)
Cơ quan thực hiện	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.</p> <p>- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không</p>
Kết quả	Tiếp nhận hồ sơ chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư.
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Văn bản thông báo chấm dứt hoạt động dự án đầu tư theo Mẫu I.11 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.
Yêu cầu, điều kiện	<p>Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức) có dự án đầu tư chấm dứt hoạt động thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>+ Nhà đầu tư quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư;</p> <p>+ Dự án đầu tư chấm dứt hoạt động theo điều lệ doanh nghiệp, hợp đồng;</p> <p>+ Dự án hết thời hạn hoạt động.</p>
Căn cứ pháp lý	<p>- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</p> <p>- Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016;</p> <p>- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p>

Mẫu I.11

Văn bản thông báo chấm dứt hoạt động dự án đầu tư

(Điểm a, b và c, khoản 1 Điều 48 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

.....

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

.....

Mã số/số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

.....

2. Nhà đầu tư tiếp theo (thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất):

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập:
do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN VÀ THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỚI NHÀ NƯỚC ĐẾN THỜI ĐIỂM CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN

1. Tình hình hoạt động của dự án

- Tình hình góp vốn và huy động các nguồn vốn:
- Tình hình xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động (nếu có):
- Tình hình thực hiện các mục tiêu hoạt động:

2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất đã nộp:
- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất còn nợ (nếu có):.....
- Các nghĩa vụ tài chính với các bên liên quan khác (nếu có): *lương đối với người lao động, các khoản phải trả cho bên thứ ba,*

IV. NỘI DUNG CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Thông báo chấm dứt hoạt động dự án đầu tư (*tên dự án*)....., đã được cấp Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh mã số/số do (*tên cơ quan cấp*) cấp ngày..... với nội dung như sau:

1. Thời điểm chấm dứt hoạt động của dự án: từ ngày... tháng... năm.....
2. Giải trình lý do chấm dứt hoạt động:

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh hoặc Quyết định chủ trương đầu tư.
2. Quyết định của nhà đầu tư về việc chấm dứt hoạt động của dự án (*Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật*).

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (*nếu có*)

20. Thủ tục: Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1: Nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC nộp hồ sơ đăng ký thành lập văn phòng điều hành tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành cho nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đăng ký thành lập văn phòng điều hành gồm tên và địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có) của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC; tên, địa chỉ văn phòng điều hành; nội dung, thời hạn, phạm vi hoạt động của văn phòng điều hành; họ, tên, nơi cư trú, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu của người đứng đầu văn phòng điều hành; - Quyết định của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC về việc thành lập văn phòng điều hành; - Bản sao quyết định bổ nhiệm người đứng đầu văn phòng điều hành;

	- Bản sao hợp đồng BCC. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ chính
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 15 ngày làm việc
Đối tượng thực hiện	- Nhà đầu tư nước ngoài (cá nhân và tổ chức); - Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.
Cơ quan thực hiện	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan phối hợp (nếu có): Không
Kết quả	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành theo Mẫu II.6 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Văn bản đăng ký thành lập văn phòng điều hành theo Mẫu I.5 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.
Yêu cầu, điều kiện	- Nhà đầu tư nước ngoài; - Tổ chức kinh tế quy định tại điểm a, b và c Khoản 1 Điều 23 Luật đầu tư, thuộc trường hợp sau: + Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh; + Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên; + Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51 % vốn điều lệ trở lên.
Căn cứ pháp lý	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Mẫu I.5

Văn bản đăng ký thành lập văn phòng điều hành

(Điểm a Khoản 4 Điều 49 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐĂNG KÝ

THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đăng ký thành lập Văn phòng điều hành dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / / Quốc tịch:

.....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / ... / Nơi cấp:

2. Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

.....

Mã số/số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

.....

Tên văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có):

.....

Địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có):

.....

II. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên dự án:

2. Mã số dự án/số Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh:

3. Ngày cấp (lần đầu):

4. Cơ quan cấp:

5. Địa điểm thực hiện dự án:

6. Mục tiêu dự án:

III. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên văn phòng điều hành:

Tên bằng tiếng Việt:

Tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ văn phòng (ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố):

3. Nội dung, phạm vi hoạt động của văn phòng điều hành (ghi cụ thể theo từng nội dung và phạm vi hoạt động của Văn phòng điều hành):

4. Thời hạn hoạt động (ghi số năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành):

5. Thông tin người đứng đầu văn phòng điều hành:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày:/...../.....Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

.....

Điện thoại:Fax:Email:

.....

IV. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng điều hành.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điểm b, c, d Khoản 4 Điều 49 Luật đầu tư (liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo):

2. Văn bản chứng minh quyền sử dụng địa điểm của nhà đầu tư (hợp đồng hoặc thỏa thuận thuê địa điểm,.....).

Làm tại, ngày tháng năm

...

Nhà đầu tư

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh
và đóng dấu (*nếu có*)

21. Thủ tục: Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1: Khi có quyết định chấm dứt hoạt động của văn phòng điều hành, nhà đầu tư nước ngoài gửi hồ sơ thông báo tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định chấm dứt hoạt động của văn phòng điều hành trong trường hợp văn phòng điều hành chấm dứt hoạt động trước thời hạn; - Danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán; - Danh sách người lao động và quyền lợi người lao động đã được giải quyết; - Xác nhận của cơ quan thuế về việc đã hoàn thành các nghĩa vụ về thuế; - Xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội về việc đã hoàn thành nghĩa vụ về bảo hiểm xã hội;

	<ul style="list-style-type: none"> - Xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu; - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; - Bản sao hợp đồng BCC. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ chính</p>
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 15 ngày làm việc
Đối tượng thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà đầu tư nước ngoài (cá nhân và tổ chức); - Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan phối hợp (nếu có): Không
Kết quả	Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành.
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Không
Yêu cầu, điều kiện	Trường hợp văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC chấm dứt hoạt động trước thời hạn.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

22. Tên thủ tục: Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương.

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư khi nhận được hồ sơ theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 61 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP.</p> <p>Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư quy định lại nội dung dự án đầu tư tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương. Trường hợp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì nội dung đăng ký kinh doanh tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương tiếp tục có hiệu lực.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p>
<p>Thành phần, số</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p>

lượng hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; - Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ chính</p>
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.
Đối tượng thực hiện	Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức);
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan phối hợp (nếu có): Không
Kết quả	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo Mẫu II.4 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Văn bản đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo Mẫu I.12 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.
Yêu cầu, điều kiện	Nhà đầu tư có dự án đầu tư được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương được cấp trước ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Mẫu I.12

Văn bản đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

(Điều 61 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**

Kính gửi: *(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)*

Nhà đầu tư đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh/... sang Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

.....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu))*:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

.....

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

.....

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo (thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất):

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập:do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ ĐỔI SANG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

1. Các Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh và các giấy điều chỉnh đã được cấp:

TT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Các thông tin đề nghị ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (ghi đầy đủ các thông tin theo mẫu Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư quy định tại Thông tư này trên cơ sở các Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh/... đã cấp):

IV. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

Bản sao các Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép đầu tư, Giấy phép kinh doanh đã cấp.

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (*nếu có*)

23. Thủ tục: Cung cấp thông tin về dự án đầu tư

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1: Nhà đầu tư gửi yêu cầu cung cấp thông tin về quy hoạch, danh mục dự án đầu tư và các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <p>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p> <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.</p> <p>- Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung.</p> <p>Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp thông tin theo thẩm quyền cho nhà đầu tư khi nhận được văn bản đề nghị của nhà đầu tư</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm: Văn bản đề nghị cung cấp thông tin của nhà đầu tư</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ chính</p>
<p>Thời hạn giải quyết</p>	<p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc.</p>
<p>Đối tượng thực hiện</p>	<p>Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức);</p>
<p>Cơ quan thực hiện</p>	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.</p> <p>- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không</p>

Kết quả	Văn bản cung cấp thông tin của Sở Kế hoạch và Đầu tư
Lệ phí	Theo từng nội dung thông tin được cung cấp.
Tên mẫu đơn, tờ khai	Không
Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

24. Thủ tục: Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1: Nhà đầu tư gửi yêu cầu bằng văn bản đề nghị áp dụng biện pháp bảo đảm ưu đãi đầu tư quy định tại Khoản 4 Điều 13 Luật đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <p>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p> <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.</p> <p>- Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung.</p> <p>Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm ưu đãi đầu tư theo đề xuất của nhà đầu tư khi nhận được đề nghị của nhà đầu tư. Trường hợp vượt thẩm quyền thì trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>Văn bản đề nghị áp dụng các biện pháp bảo đảm đầu tư gồm các nội dung sau:</p> <p>+ Tên và địa chỉ của nhà đầu tư;</p> <p>+ Ưu đãi đầu tư theo quy định tại văn bản pháp luật trước thời điểm văn bản pháp luật mới có hiệu lực gồm: Loại ưu đãi, điều kiện hưởng ưu đãi, mức ưu đãi (nếu có);</p> <p>+ Nội dung văn bản pháp luật mới có quy định làm</p>

	<p>thay đổi ưu đãi đầu tư;</p> <p>+ Đề xuất của nhà đầu tư về áp dụng biện pháp bảo đảm ưu đãi đầu tư quy định tại Khoản 4 Điều 13 Luật Đầu tư.</p> <p>- Giấy phép đầu tư, Giấy phép kinh doanh, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản quyết định chủ trương đầu tư hoặc văn bản khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quy định về ưu đãi đầu tư (nếu có một trong các loại giấy tờ đó).</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ chính</p>
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức);
Cơ quan thực hiện	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.</p> <p>- Cơ quan phối hợp (nếu có): Các sở, ban ngành, đơn vị liên quan.</p>
Kết quả	Văn bản quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm ưu đãi đầu tư theo đề xuất của nhà đầu tư
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Không
Yêu cầu, điều kiện	<p>Đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:</p> <p>- Trường hợp nhà đầu tư không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Luật Đầu tư.</p> <p>- Văn bản đề nghị gửi Cơ quan đăng ký đầu tư trong thời hạn 3 năm kể từ ngày văn bản mới có hiệu lực thi hành bãi bỏ ưu đãi của nhà đầu tư.</p>
Căn cứ pháp lý	<p>- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;</p> <p>- Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016;</p> <p>- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</p>

25. Thủ tục: Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Nhà đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp nộp hồ sơ đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Luật Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none">- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.- Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét việc đáp ứng điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài và thông báo cho nhà đầu tư để nhà đầu tư thực hiện thủ tục thay đổi cổ đông, thành viên theo quy định của pháp luật. Trường hợp không đáp ứng điều kiện, Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư và nêu rõ lý do.</p> <p>Bước 4: Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp thực hiện thủ tục thay đổi thành viên, cổ đông tại cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp) và pháp luật khác (đối với tổ chức kinh tế không phải doanh nghiệp).</p> <p>Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp không phải thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư đã thực hiện trước thời điểm nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp.</p> <p>Bước 5: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p>
---------------------------	---

	- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm: Hồ sơ đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp gồm: - Văn bản đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp gồm những nội dung: thông tin về tổ chức kinh tế mà nhà đầu tư nước ngoài dự kiến góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp; tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài sau khi góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế; - Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ chính</p>
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 15 ngày làm việc
Đối tượng thực hiện	<p>- Nhà đầu tư nước ngoài (cá nhân và tổ chức); - Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc trường hợp sau: + Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh; + Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên; + Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51 % vốn điều lệ trở lên.</p>
Cơ quan thực hiện	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Kế hoạch và Đầu tư - Cơ quan phối hợp (nếu có): Các sở, ban ngành, đơn vị liên quan.</p>
Kết quả	Thông báo việc đáp ứng điều kiện đầu tư đối với trường hợp góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài theo Mẫu II.9 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT.

Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Văn bản đăng ký góp vốn/mua cổ phần/phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài theo Mẫu I.4 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015
Yêu cầu, điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế kinh doanh ngành, nghề đầu tư có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài; - Việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp dẫn đến tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế quy định tại các Điểm a, b và c Khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư tăng từ dưới 51% lên 51% trở lên; - Việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp dẫn đến tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế quy định tại các Điểm a, b và c Khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư đang từ 51% trở lên tăng lên mức cao hơn.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Mẫu I.4

Văn bản đăng ký góp vốn/mua cổ phần/phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài

(Điểm a Khoản 2 Điều 26 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐĂNG KÝ GÓP VỐN/MUA CỔ PHẦN/PHẦN VỐN GÓP

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh/thành phố.....

Nhà đầu tư đăng ký góp vốn/mua cổ phần/mua lại phần vốn góp vào(tên tổ chức kinh tế)....với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên:Giới tính:

Sinh ngày:/...../.....Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../.....Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:Fax:Email:

.....

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

.....

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương:

Ngày cấp:.....Cơ quan cấp:.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:Fax: Email: Website:
.....

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh:.....Sinh ngày:/...../.....Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

.....

Điện thoại:Fax:Email:

.....

2. Nhà đầu tư tiếp theo(thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất):

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ NHẬN GÓP VỐN/CỔ PHẦN/PHẦN VỐN GÓP:

1. Tên tổ chức kinh tế:

- Tên bằng tiếng Việt:.....

- Tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....

- Tên viết tắt (nếu có):.....

.....

2. Mã số doanh nghiệp: Ngày cấp lần đầu:

3. Loại hình doanh nghiệp:

4. Địa chỉ trụ sở chính:(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành theo VSIC (Lấy mã ngành cấp 4)

6. Vốn điều lệ:.....(bằng chữ)đồng và tương đương ... (bằng chữ)đô la Mỹ.

7. Tỷ lệ hiện hữu về sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế:

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD (nếu có)	

III. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ SAU KHI NHẬN VỐN GÓP/CỔ PHẦN/PHẦN VỐN GÓP:

1. Vốn điều lệ:.....(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ.

2. Tỷ lệ sở hữu:

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD (nếu có)	

3. Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành theo VSIC (Lấy mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với ngành nghề có mã CPC)

(*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

IV. GIẢI TRÌNH VIỆC ĐÁP ỨNG ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI (nếu có).

(Giải trình về đáp ứng điều kiện về tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ; Hình thức đầu tư, phạm vi hoạt động, đối tác Việt Nam tham gia thực hiện hoạt động đầu tư và điều kiện khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế)

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

Hồ sơ quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 26 Luật đầu tư (*liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo*).

Làm tại, ngày tháng năm.....

Tổ chức kinh tế nhận góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp

Người đại diện theo pháp luật
của Tổ chức kinh tế ký, ghi rõ họ tên,
chức danh và đóng dấu (*nếu có*).

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ
tên, chức danh và đóng dấu (*nếu có*)

26. Thủ tục: Cung cấp thông tin về dự án đầu tư (cơ quan khác)

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Nhà đầu tư gửi yêu cầu cung cấp thông tin về quy hoạch, danh mục dự án đầu tư và các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư cho Cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch, tài nguyên và môi trường và các cơ quan quản lý nhà nước khác.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sở Kế hoạch và Đầu tư: Số 12 Nguyễn Viết Xuân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Sở Tài chính: Số 92 Phan Chu Trinh, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Sở Tài nguyên và Môi trường: Số 06 Ngô Thì Nhậm, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3: Cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch, tài nguyên và môi trường và các cơ quan quản lý nhà nước khác cung cấp thông tin theo thẩm quyền cho nhà đầu tư khi nhận được văn bản đề nghị của nhà đầu tư.</p>
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>Văn bản đề nghị cung cấp thông tin của nhà đầu tư</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ chính</p>
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 05 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện	Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức)
Cơ quan thực hiện	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường
Kết quả	Văn bản cung cấp thông tin của Cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch, tài nguyên và môi trường và các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến dự án đầu tư.
Lệ phí	Theo từng nội dung thông tin được cung cấp.
Tên mẫu đơn, tờ khai	Không
Yêu cầu, điều kiện	Không

Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none">- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;- Luật số 03/2016/QH14 ngày 22/11/2016;- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ;- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
-----------------------	---

27. Thủ tục: Thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài

Trình tự thực hiện	<p>Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư thực hiện thủ tục thành lập tổ chức kinh tế để triển khai dự án đầu tư và các hoạt động kinh doanh tại Cơ quan đăng ký kinh doanh tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế</p> <p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền nộp hồ sơ và thanh toán lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum<ul style="list-style-type: none">+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và xác thực hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng: Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn). <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp đăng ký trực tiếp: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.<ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.- Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh:<ul style="list-style-type: none">+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người thành lập doanh nghiệp sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ
---------------------------	--

	<p>sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét, gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ. Khi hồ sơ đã đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>+ Sau khi nhận được thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người nộp hồ sơ nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy kèm theo Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.</p> <p>+ Sau khi nhận được hồ sơ bằng bản giấy, Phòng Đăng ký kinh doanh đối chiếu đầu mục hồ sơ với đầu mục hồ sơ doanh nghiệp đã gửi qua mạng điện tử và trao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp nếu nội dung đối chiếu thống nhất.</p> <p>+ Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực.</p> <p>- Trường hợp đăng ký qua mạng sử dụng chữ ký số công cộng:</p> <p>+ Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo qua mạng điện tử cho doanh nghiệp để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc từ chối hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo cho doanh nghiệp về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện (Trường hợp nộp trực tiếp); hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh đối với hồ sơ nộp qua mạng điện tử.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.</p>

Thành phần, số lượng hồ sơ	- Hồ sơ thành lập tổ chức kinh tế tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế. - Giấy chứng nhận đầu tư - Số lượng: 01 hồ sơ
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 03 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện	Nhà đầu tư (cá nhân và tổ chức)
Cơ quan thực hiện	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Lệ phí	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp. Mức thu: 50.000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.
Tên mẫu đơn, tờ khai	Hồ sơ thành lập tổ chức kinh tế tương ứng với từng loại hình tổ chức kinh tế, quy định tại <i>Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i>
Yêu cầu, điều kiện	Không quy định
Căn cứ pháp lý	- <i>Luật đầu tư 67/2014/QH13</i> - <i>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13</i> ngày 26 tháng 11 năm 2014; - <i>Nghị định số 78/2015/NĐ-CP</i> ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 108/2018/NĐ-CP</i> ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - <i>Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT</i> ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <i>Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT</i> ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <i>Thông tư số 47/2019/TT-BTC</i> ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

28. Thủ tục: Thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>- Bước 1: Doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương nộp hồ sơ đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh cho Cơ quan đăng ký kinh doanh tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <p>+ Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p> <p>- Bước 2: Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương;</p> <p>+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ghi nhận nội dung điều chỉnh và ghi lại các nội dung đăng ký doanh nghiệp khác không điều chỉnh, đang có hiệu lực theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương</p> <p>+ Nội dung đăng ký kinh doanh quy định tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương hết hiệu lực kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; nội dung dự án đầu tư tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) tiếp tục có hiệu lực;</p> <p>* Trường hợp điều chỉnh đồng thời nội dung đăng ký kinh doanh và nội dung dự án đầu tư, doanh nghiệp thực hiện thủ tục điều chỉnh nội dung đăng ký kinh doanh tại Cơ quan đăng ký kinh doanh để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều 63 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp điều chỉnh nội dung dự án đầu tư tại Cơ quan đăng ký đầu tư để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tương ứng tại Điều</p>
-----------------------------------	---

	<p>62 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP. * Trường hợp điều chỉnh nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương cấp trước ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành, doanh nghiệp thực hiện thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định tương ứng tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 63 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện; hoặc nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	Thành phần hồ sơ tương ứng đối với từng loại nội dung đăng ký kinh doanh thay đổi. Theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp
Thời gian giải quyết:	- Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.
Lệ phí:	<p>- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp (thay thế nội dung đăng ký kinh doanh). Mức thu: 50.000 đồng/lần</p> <p>- Miễn lệ phí đối với: Doanh nghiệp bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính và phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp; Đăng ký giải thể doanh nghiệp, tạm ngừng kinh doanh; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử; Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.</p>
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thành phần hồ sơ tương ứng đối với từng loại nội dung đăng ký kinh doanh thay đổi. Theo quy định của pháp

	luật tại <i>Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT.</i>
Yêu cầu, điều kiện:	
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đầu tư; - Nghị định 118/2015/NĐ-CP; - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính

IV. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN: 01 TTHC

1. Thủ tục: Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1: Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 12 Nguyễn Viết Xuân, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3: Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản thẩm tra và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mẫu số 03 tại Phụ lục II kèm theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP), trong vòng 05 ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp (Mẫu số 04 tại Phụ lục II kèm theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp từ chối cam kết hỗ trợ cho doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản gửi doanh nghiệp nêu rõ lý do. - Trường hợp sử dụng ngân sách trung ương thì thực hiện quy định của pháp luật về đầu tư công.
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>Dự án đầu tư; Văn bản đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp theo mẫu số 02 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 03 bộ hồ sơ (trong đó có 01 bộ gốc, hồ sơ còn lại được đóng dấu giáp lai của doanh nghiệp thực hiện).</p>

Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp sử dụng ngân sách địa phương: 15 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp nộp hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Trường hợp sử dụng ngân sách trung ương thì thực hiện quy định của pháp luật về đầu tư công.
Đối tượng thực hiện	Là tổ chức (Doanh nghiệp có dự án đầu tư thuộc đối tượng được hưởng hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP).
Cơ quan thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh - Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Sở, ban ngành và các đơn vị, địa phương có liên quan
Kết quả	Văn bản cam kết hỗ trợ vốn theo mẫu số 04 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu đề nghị ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo mẫu số 02 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 57/2013/NĐ-CP; - Mẫu văn bản thẩm tra và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II kèm theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP; - Mẫu văn bản cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II kèm theo Nghị định 57/2018/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện	<p>(1) Các dự án được hỗ trợ là Dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, Dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư hoặc Dự án ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 3, Nghị định 57/2018/NĐ-CP.</p> <p>(2) Các nội dung hỗ trợ có yêu cầu điều kiện hỗ trợ quy định tại Nghị định 57/2018/NĐ-CP, như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, mua bản quyền công nghệ, mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công nghệ, công nghệ giảm thiểu ô nhiễm môi trường, công nghệ tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng:

	<p>+ Doanh nghiệp có doanh thu năm trước tối thiểu bằng 10 lần mức hỗ trợ.</p> <p>+ Các bản quyền, công nghệ doanh nghiệp đề xuất mua phải phù hợp với định hướng phát triển sản xuất của doanh nghiệp đã đăng ký.</p> <p>+ Trường hợp đề tài nghiên cứu khoa học được ứng dụng trong thực tế thì được thanh toán bằng mức hỗ trợ; trường hợp không được áp dụng trong thực tế thì được thanh toán bằng 50% mức hỗ trợ.</p> <p>- Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm phục vụ áp dụng công nghệ mới, công nghệ cao, sản xuất sản phẩm mới:</p> <p>+ Dự án sản xuất sản phẩm thử nghiệm, sản phẩm công nghệ cao, sản phẩm mới có văn bản thống nhất của cơ quan quản lý khoa học thuộc cấp bộ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>+ Nhiệm vụ đề xuất hỗ trợ có nội dung phù hợp với định hướng phát triển sản xuất, kinh doanh.</p> <p>- Hỗ trợ Doanh nghiệp có dự án nhân giống cây trồng bằng công nghệ nuôi cấy mô của doanh nghiệp: Quy mô từ 01 triệu cây/năm trở lên. Trường hợp quy mô dự án tăng thì mức hỗ trợ tăng tương ứng nhưng không quá 10 tỷ đồng/dự án.</p> <p>- Hỗ trợ Doanh nghiệp có dự án sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản, trồng thử nghiệm cây trồng mới có giá trị kinh tế cao: Dự án được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.</p> <p>- Hỗ trợ 50% chi phí quảng cáo, xây dựng thương hiệu sản phẩm chủ lực quốc gia và cấp tỉnh; 50% kinh phí tham gia triển lãm hội chợ trong nước, ngoài nước: Nội dung hỗ trợ được cấp thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>- Hỗ trợ một doanh nghiệp xây dựng và quản lý một trang thông tin điện tử “Chợ nông sản quốc gia”: + Doanh nghiệp có ít nhất 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thương mại điện tử và có tài sản đảm bảo tối thiểu 10 tỷ đồng. Trang thông tin điện tử “Chợ nông sản quốc gia” được xây dựng ít nhất bằng 03 ngôn ngữ (tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Trung) và cam kết duy trì hoạt động tối thiểu 10 năm. Thông tin sản phẩm của các doanh nghiệp được</p>
--	---

	<p>duy trì ít nhất 03 năm.</p> <p>+ Nhà nước bắt đầu hỗ trợ khi có tối thiểu 500 doanh nghiệp đã đăng sản phẩm lên trang thông tin điện tử.</p> <p>- Hỗ trợ Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở chế biến nông sản; cơ sở giết mổ; cơ sở chế tạo thiết bị, linh kiện, máy nông nghiệp; cơ sở sản xuất sản phẩm phụ trợ:</p> <p>+ Các dự án đầu tư chế biến nông sản phải bảo đảm các điều kiện giá trị sản phẩm sau chế biến tăng ít nhất 1,5 lần so với giá trị nguyên liệu thô ban đầu.</p> <p>- Hỗ trợ Doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở bảo quản nông sản (gồm sấy, chiếu xạ, khử trùng, đông lạnh, bảo quản sinh học):</p> <p>+ Công suất cơ sở sấy lúa, ngô, khoai, sắn, lâm sản phải đạt tối thiểu 100 tấn sản phẩm/ngày; sấy phụ phẩm thủy sản đạt tối thiểu 50 tấn sản phẩm/ngày.</p> <p>+ Bảo quản rau, hoa quả tươi, chè, hạt tiêu, hạt điều đạt 1.000 tấn kho; bảo quản lưu trữ giống cây trồng đạt công suất 100 tấn kho.</p>
Căn cứ pháp lý	<p><i>Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn</i></p>

**TÊN DOANH
NGHIỆP...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CHO DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO
NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN**

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Doanh nghiệp: (Tên doanh
nghiệp)..... ;

Loại hình doanh nghiệp: (theo
Luật doanh nghiệp)

Ngành nghề kinh
doanh:..... ;

Trụ sở
chính:..... ;

Điện thoại:Fax..... ;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt
động/Giấy phép kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư sốdo
cấp ngàythángnăm

I. ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN VỚI NỘI DUNG SAU:

1. Tên Dự án:

2. Lĩnh vực đầu tư:
.....

3. Địa điểm thực hiện Dự án:
.....

4. Mục tiêu và quy mô của dự án:
.....

5. Tổng vốn đầu tư của Dự án:
.....

6. Diện tích đất dự kiến sử dụng:
.....

7. Số lao động Dự án sử dụng bình quân trong năm:
.....

8. Tiến độ thực hiện Dự án dự kiến:

.....

II. KIẾN NGHỊ HƯỞNG HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (theo Nghị định số/2018/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2018 của Chính phủ):

1. Căn cứ hỗ trợ
2. Sự phù hợp với các điều kiện hỗ trợ
3. Các khoản kiến nghị hưởng hỗ trợ đầu tư:

T	Nội dung	Số tiền	Thời gian hỗ trợ (năm)	Ghi chú

III. CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN KIẾN NGHỊ HƯỞNG HỖ TRỢ ĐẦU TƯ:

.....
.....

IV. DOANH NGHIỆP CAM KẾT: Nội dung hồ sơ đầu tư

1. Về tính chính xác của những thông tin trên đây.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

....., ngày ... tháng ... năm

Nơi nhận:

Chức danh người đại diện doanh nghiệp
(Ký tên, đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo:....

Ghi chú: Đối với dự án đã triển khai thực hiện trước thời điểm Nghị định/2018/NĐ-CP ngày... tháng... năm... của Chính phủ có hiệu lực, phần kiến nghị hỗ trợ đầu tư nêu tại Mục II cho thời hạn hoạt động còn lại của Dự án (nếu có).

ỦY BAN NHÂN DÂN...
**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU
TƯ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng ... năm

Kính gửi: Ủy ban nhân dân.....

Căn cứ bản đề nghị hỗ trợ số... ngày... tháng... năm..... của doanh nghiệp ...đề nghị hỗ trợ đầu tư dự án (Tên dự án) và hồ sơ dự án kèm theo; Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo kết quả thẩm tra ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với doanh nghiệp... đầu tư vào Dự án...(Tên dự án) theo quy định tại Nghị định .../2018/NĐ-CP như sau:

I. HỒ SƠ TÀI LIỆU THẨM TRA

1. Bản đề nghị số

.....

2. Báo cáo dự án đầu tư

.....

3. Biên bản kiểm tra thực tế (Đối với dự án thực hiện trước thời điểm đề nghị ưu đãi, hỗ trợ):

4. Ý kiến của các cơ quan liên quan:

.....

5. Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

II. THÔNG TIN DỰ ÁN

1. Tên dự án:

.....

2. Lĩnh vực đầu tư:

.....

3. Mục tiêu và quy mô dự án: (Mục tiêu sản phẩm đầu ra của dự án, số lượng lao động dự kiến, các hạng mục đầu tư và diện tích đất sử dụng)

4. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: (nếu có theo quy định của Luật đầu tư)

5. Cấp quyết định đầu tư dự án: (Tên doanh nghiệp)

6. Địa điểm thực hiện dự án:

.....

7. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án:(Trong đó làm rõ nguồn vốn đầu tư và mức vốn cụ thể theo từng nguồn vốn doanh nghiệp huy động)

8. Dự kiến mức vốn đề nghị Nhà nước hỗ trợ:

.....

9. Thời gian thực hiện:

.....

10. Các thông tin khác (nếu có):

.....

III. TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA CÁC ĐƠN VỊ PHỐI HỢP

Tổng hợp ý kiến của các cơ quan phối hợp

IV. Ý KIẾN THẨM TRA CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ

1. Hỗ trợ đầu tư:

- Điều kiện đáp ứng:

.....

- Mức hỗ trợ:

.....

- Thời gian hỗ trợ:

.....

2. Ý kiến khác:

.....

V. KẾT LUẬN

Trên đây là ý kiến thẩm tra ưu đãi, hỗ trợ đối với doanh nghiệp.....
thực hiện Dự án....., kính trình Ủy ban nhân dân.... xem xét,
quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan tham gia thẩm tra;
- Các cơ quan liên quan khác;
- Lưu:

**GIÁM ĐỐC SỞ KẾ
HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**ỦY BAN NHÂN
DÂN....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

V/v cam kết hỗ trợ thực
hiện Nghị định..

Kính gửi:(Doanh nghiệp)

Căn cứ Nghị định số .../2018/NĐ-CP về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ đề nghị hỗ trợ tại văn bản số... ngày... tháng... năm... của doanh nghiệp đề nghị ưu đãi, hỗ trợ đầu tư dự án.....;

Căn cứ báo cáo thẩm tra số .../BCTT-SKHĐT ngày.... tháng... năm của Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo kết quả thẩm tra ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với doanh nghiệp.... đầu tư vào Dự án.....,

Ủy ban nhân dân cam kết hỗ trợ doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (và tương đương) cấp ngày... tháng... năm... thực hiện Dự án.....:

1. Mức hỗ trợ:
2. Thời gian hỗ trợ:
3. Yêu cầu doanh nghiệp thực hiện đúng các nội dung dự án đã đăng ký./.

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Sở ngành để thực hiện hỗ trợ cho doanh nghiệp: Sở KH&ĐT, Sở TC, Sở TN&MT, Sở NN&PTNT, Sở KH&CN, Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh, UBND cấp huyện;
- Lưu:

V. LĨNH VỰC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA: 07 TTHC

1. Thủ tục: Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo được thành lập, công ty thực hiện quản lý quỹ phải gửi thông báo về việc thành lập quỹ tới cơ quan đăng ký kinh doanh nơi công ty đặt trụ sở chính trước khi quỹ hoạt động.</p> <ul style="list-style-type: none">- Địa chỉ: 12 Nguyễn Viết Xuân, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2: Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của thông báo và các tài liệu kèm theo trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.</p> <p>Trường hợp thông báo và các tài liệu kèm theo là hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh có văn bản gửi công ty thực hiện quản lý quỹ về việc thành lập quỹ hợp lệ. Trường hợp thông báo và tài liệu kèm theo không hợp lệ theo quy định tại Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ thì cơ quan đăng ký kinh doanh gửi văn bản cho công ty thực hiện quản lý quỹ biết và phải nêu rõ lý do, các yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có).</p>
Cách thức thực hiện	Gửi thông báo trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư
Thành phần, số lượng hồ sơ	<ul style="list-style-type: none">- Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo Mẫu 01a và 01b tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định các mẫu văn bản sử dụng trong thông báo thành lập và hoạt động của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.- Điều lệ quỹ- Hợp đồng thuê công ty thực hiện quản lý quỹ (nếu có);- Giấy xác nhận của ngân hàng về quy mô vốn đã góp;- Bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân, hộ chiếu, thẻ căn cước đối với nhà đầu tư là cá nhân; quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác đối với nhà đầu tư là tổ chức;- Biên bản họp, quyết định của Đại hội đồng cổ đông

	hoặc Hội đồng quản trị, quyết định của Hội đồng thành viên hoặc của chủ sở hữu phù hợp với quy định tại Điều lệ công ty của nhà đầu tư là tổ chức góp vốn về việc tham gia góp vốn vào quỹ, về việc cử người đại diện Phần vốn góp theo ủy quyền kèm theo hồ sơ cá nhân của người này.
Thời hạn giải quyết	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.
Đối tượng thực hiện	Cá nhân, tổ chức
Cơ quan thực hiện	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả	Thông báo
Lệ phí	Không quy định
Tên mẫu đơn, tờ khai	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo Mẫu 01a và 01b tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định các mẫu văn bản sử dụng trong thông báo thành lập và hoạt động của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.
Yêu cầu, điều kiện	Không quy định
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12 tháng 06 năm 2017. - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 03 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo

**TÊN CÔNG TY THỰC
HIỆN QUẢN LÝ QUỸ
ĐẦU TƯ KHỞI
NGHIỆP SÁNG TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO

Về việc thành lập Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

Thông báo về việc thành lập Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo do công ty thực hiện quản lý với nội dung như sau:

1. Tên Quỹ:

Tên quỹ viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên quỹ viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên quỹ viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Lĩnh vực đầu tư¹ (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

ST T	Tên ngành	Mã ngành

4. Vốn góp của quỹ (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có):

5. Nguồn vốn góp của quỹ:

Loại nguồn vốn	Tỷ lệ (%)	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)
Vốn trong nước		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

6. Danh sách nhà đầu tư của quỹ: (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

7. Ban đại diện quỹ (kê khai nếu có):

- Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:..

Sinh ngày:/..... / Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:

Ngày cấp:/..... / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/CCCD):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/..... / Ngày hết hạn:/..... / Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại:..... Fax:

Email: Website: ...

(Kê khai tương tự với Thành viên ban đại diện quỹ tiếp theo)

8. Giám đốc quỹ (kê khai nếu có)²:

(Kê khai tương tự thông tin như Thành viên ban đại diện quỹ)

9. Thông tin chi tiết:

Thời điểm bắt đầu hoạt động:

Thời hạn hoạt động của quỹ:..... đến//

Tổng số nhà đầu tư:

Tài Khoản ngân hàng:

Công ty(tên công ty thực hiện quản lý quỹ) cam kết:

- Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo(ghi tên Quỹ) thuộc quản lý, Điều hành hợp pháp của Công ty(tên công ty thực hiện quản lý quỹ) và được hoạt động đúng Mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này và các tài liệu kèm theo.

Các giấy tờ gửi kèm:

- Danh sách nhà đầu tư của quỹ;
- Điều lệ quỹ;
-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký và ghi họ tên)³

¹ - Quỹ có quyền tự do đầu tư trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật đầu tư.

² Ghi thông tin của tất cả người đại diện theo pháp luật trong trường hợp công ty có nhiều hơn 01 người đại diện theo pháp luật.

³ Người đại diện theo pháp luật của công ty ký trực tiếp vào Phần này.

DANH SÁCH NHÀ ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO QUỸ ĐẦU TƯ KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

TT	Tên nhà đầu tư	Ngày, tháng, năm sinh đối với nhà đầu tư là cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với nhà đầu tư là cá nhân	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp			Thời điểm góp vốn	Chữ ký của nhà đầu tư	Ghi chú ³	
								Giá trị Phần vốn, góp ¹ (bằng số; VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn ²				
							8	9	0	1	2	3	4	5

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký và ghi họ tên)

-
- 1 Ghi tổng giá trị Phần vốn góp của từng nhà đầu tư.
 - 2 Loại tài sản góp vốn bao gồm:
 - Tiền Việt Nam
 - Ngoại tệ tự do chuyển đổi
 - Vàng
 - Giá trị quyền sử dụng đất
 - Tài sản khác
 - 3 Phòng Đăng ký kinh doanh xem xét ghi các nội dung Ghi chú theo đề nghị của doanh nghiệp.

PHỤ LỤC

TỜ KHAI XÁC ĐỊNH DOANH NGHIỆP SIÊU NHỎ, DOANH NGHIỆP NHỎ, DOANH NGHIỆP VỪA
(Kèm theo Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ)

1. Thông tin chung về doanh nghiệp:

Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Loại hình doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Quận/huyện:tỉnh/thành phố:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:

2. Thông tin về tiêu chí xác định quy mô doanh nghiệp:

Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:

Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm:.....

Tổng nguồn vốn:

Tổng doanh thu năm trước liền kề:.....

3. Doanh nghiệp tự xác định thuộc quy mô (tích X vào ô tương ứng):

- Doanh nghiệp siêu nhỏ
- Doanh nghiệp nhỏ
- Doanh nghiệp vừa

Tôi cam đoan thông tin kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về việc kê khai trên./.

....., ngàytháng....năm....

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)

2. Thủ tục: Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1: Trong thời hạn 07 ngày sau khi hoàn tất việc tăng, giảm vốn góp của quỹ, công ty thực hiện quản lý quỹ phải thông báo cho Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc tăng, giảm vốn góp của quỹ.</p> <p>- Địa chỉ: 12 Nguyễn Viết Xuân, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p> <p>Bước 2: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của thông báo và các tài liệu kèm theo trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.</p> <p>Bước 3: Trường hợp thông báo và các tài liệu kèm theo là hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản gửi công ty thực hiện quản lý quỹ về việc tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo hợp lệ. Trường hợp thông báo và tài liệu kèm theo không hợp lệ theo quy định tại Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ thì Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi văn bản cho công ty thực hiện quản lý quỹ biết và phải nêu rõ lý do, các yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có).</p>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Gửi thông báo trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo việc tăng, giảm vốn quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định các mẫu văn bản sử dụng trong thông báo thành lập và hoạt động của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo. - Biên bản họp và nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư về việc tăng, giảm vốn và các tài liệu liên quan; - Điều lệ quỹ sửa đổi; - Biên bản thỏa thuận góp vốn và danh sách các nhà đầu tư góp vốn, số vốn góp, tỷ lệ sở hữu vốn góp trước và sau khi tăng, giảm vốn góp của quỹ; - Giấy chứng nhận của công ty thực hiện quản lý quỹ về Phần vốn đã góp thêm, danh Mục tài sản góp vào

	quỹ. Trường hợp giảm vốn: Giấy xác nhận của công ty thực hiện quản lý quỹ về việc phân bổ tài sản b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ chính.
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.
Đối tượng thực hiện	Cá nhân, tổ chức
Cơ quan thực hiện	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả	Văn bản gửi công ty thực hiện quản lý quỹ về việc tăng, giảm vốn góp của quỹ hợp lệ và hồ sơ doanh nghiệp được cập nhật thông tin trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;
Lệ phí	Không quy định
Tên mẫu đơn, tờ khai	Thông báo việc tăng, giảm vốn quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định các mẫu văn bản sử dụng trong thông báo thành lập và hoạt động của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.
Yêu cầu, điều kiện	Không quy định
Căn cứ pháp lý	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12 tháng 06 năm 2017. - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 03 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo

Mẫu số 02

**TÊN CÔNG TY THỰC
HIỆN QUẢN LÝ QUỸ
ĐẦU TƯ KHỞI NGHIỆP
SÁNG TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO

Về việc tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp (ghi tên bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):

là công ty thực hiện quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (ghi tên bằng chữ in hoa):

..... thành lập theo Thông báo sốngày .

Thông báo về việc tăng, giảm vốn góp của quỹ như sau:

1. Vốn góp của quỹ trước khi tăng, giảm:

2. Vốn góp mới của quỹ:

3. Thời điểm thay đổi vốn:

4. Danh sách các nhà đầu tư của quỹ sau khi chuyển nhượng: kèm theo (kê khai theo mẫu tương ứng quy định tại Mẫu số 01b).

Công ty(tên công ty thực hiện quản lý quỹ) cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này và các tài liệu kèm theo./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

3. Thủ tục: Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1: Trong thời hạn ít nhất 15 ngày, trước khi quỹ kết thúc thời hạn hoạt động, công ty thực hiện quản lý quỹ thông báo cho Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc gia hạn thời gian hoạt động của quỹ.</p> <p>- Địa chỉ: 12 Nguyễn Viết Xuân, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p> <p>Bước 2: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của thông báo và các tài liệu kèm theo trong thời hạn 15 ngày làm việc từ ngày nhận được thông báo.</p> <p>Bước 3: Trường hợp thông báo và các tài liệu kèm theo là hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản gửi công ty thực hiện quản lý quỹ về việc thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp đầu tư sáng tạo hợp lệ. Trường hợp thông báo và tài liệu kèm theo không hợp lệ theo quy định tại Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ thì Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi văn bản cho công ty thực hiện quản lý quỹ biết và phải nêu rõ lý do, các yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có).</p>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Gửi thông báo trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <p>Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo Biểu mẫu 03 của Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định các mẫu văn bản sử dụng trong thông báo thành lập và hoạt động của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.</p> <p>Biên bản họp và nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư của quỹ về việc gia hạn thời gian hoạt động của quỹ, trong đó nêu rõ thời gian gia hạn hoạt động của quỹ;</p> <p>Chi tiết danh Mục đầu tư và báo cáo giá trị tài sản ròng của quỹ tại ngày định giá gần nhất tính tới ngày nộp hồ sơ gia hạn;</p> <p>Các thay đổi về nhà đầu tư, Điều lệ quỹ (nếu có).</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ chính.</p>

Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.
Đối tượng thực hiện	Cá nhân, tổ chức
Cơ quan thực hiện	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả	Văn bản gửi công ty thực hiện quản lý quỹ về việc thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo hợp lệ và Hồ sơ doanh nghiệp được cập nhật thông tin trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
Lệ phí	Không quy định
Tên mẫu đơn, tờ khai	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo Biểu mẫu 03 của Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định các mẫu văn bản sử dụng trong thông báo thành lập và hoạt động của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.
Yêu cầu, điều kiện	Không quy định
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12 tháng 06 năm 2017. - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 03 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo

**TÊN CÔNG TY THỰC
HIỆN QUẢN LÝ QUỸ
ĐẦU TƯ KHỞI NGHIỆP
SÁNG TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày tháng năm

THÔNG BÁO

Về việc gia hạn thời gian hoạt động của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố.....

Tên doanh nghiệp (ghi tên bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế):
là công ty thực hiện quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (ghi tên bằng chữ in hoa):

.....thành lập theo Thông báo sốngày

Thông báo về việc gia hạn thời gian hoạt động của quỹ như sau:

- Thời điểm bắt đầu hoạt động:
- Thời hạn hoạt động trước khi gia hạn:
- Gia hạn thời gian hoạt động đến://
- Lý do gia hạn:

Công ty (tên công ty thực hiện quản lý quỹ) cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này và các tài liệu kèm theo.

Các giấy tờ gửi kèm:

-.....
-.....
-.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, và ghi họ tên)

4. Thủ tục: Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Đại hội nhà đầu tư quyết định giải thể quỹ trước khi kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ quỹ; Công ty thực hiện quản lý quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi Giấy đăng ký doanh nghiệp mà ban đại diện quỹ không xác lập được công ty thực hiện quản lý quỹ thay thế trong thời hạn 02 tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện; Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ quỹ. Hoặc 03 tháng trước ngày kết thúc thời hạn hoạt động ghi trong Điều lệ quỹ, công ty thực hiện quản lý quỹ triệu tập Đại hội nhà đầu tư để thông qua phương án giải thể quỹ.</p> <p>Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Đại hội nhà đầu tư thông qua việc giải thể quỹ, công ty thực hiện quản lý quỹ phải thông báo việc giải thể quỹ cho Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư nơi công ty đặt trụ sở.</p> <ul style="list-style-type: none">- Địa chỉ: 12 Nguyễn Viết Xuân, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của thông báo và các tài liệu kèm theo trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.</p> <p>Hoạt động thanh lý tài sản, thời hạn thanh lý tài sản của quỹ thực hiện theo phương án giải thể đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua, nhưng không quá 01 năm, kể từ ngày công bố bản thông báo về việc giải thể quỹ. Trong thời gian quỹ đang thanh lý tài sản để giải thể, phí quản lý, phí giám sát và các chi phí khác được thu theo biểu phí đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua. Sau ngày giải thể quỹ, định kỳ hàng tháng, công ty thực hiện quản lý quỹ cung cấp cho nhà đầu tư thông tin về mức thanh toán trên một phần vốn góp, chi phí phát sinh trong kỳ, giá trị tài sản ròng còn lại của quỹ và giá trị tài sản phân phối cho nhà đầu tư. Thông báo gửi cho nhà đầu tư phải được cung cấp cho Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi, giám sát.</p> <p>Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc giải thể quỹ, công ty thực hiện quản lý quỹ</p>
---------------------------	--

	<p>có trách nhiệm công bố thông tin về việc hoàn tất thanh lý, phân phối và giải thể quỹ trên cổng thông tin điện tử của công ty thực hiện quản lý quỹ, đồng thời thông báo kết quả giải thể quỹ cho Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Trường hợp thông báo kết quả giải thể không chính xác, có tài liệu giả mạo, công ty thực hiện quản lý quỹ, những tổ chức, cá nhân có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày báo cáo kết quả giải thể đến Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư.</p>
Cách thức thực hiện	Gửi thông báo trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo việc giải thể quỹ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định các mẫu văn bản sử dụng trong thông báo thành lập và hoạt động của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo - Biên bản họp và nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư về việc giải thể quỹ, kèm theo phương án, lộ trình thanh lý và phân phối tài sản đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua, trong đó nêu rõ nguyên tắc xác định giá trị tài sản tại ngày giải thể và thời gian quỹ thanh lý tài sản phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ và sổ tay định giá; phương thức phân phối tài sản cho nhà đầu tư và cung cấp thông tin cho nhà đầu tư về hoạt động thanh lý và phân phối tài sản - Cam kết bằng văn bản được ký bởi đại diện theo pháp luật của công ty thực hiện quản lý quỹ về việc chịu trách nhiệm hoàn tất các thủ tục thanh lý tài sản để giải thể quỹ. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ chính.</p>
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.
Đối tượng thực hiện	Cá nhân, tổ chức
Cơ quan thực hiện	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả	Văn bản gửi công ty thực hiện quản lý quỹ về việc thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo hợp lệ và Hồ sơ doanh nghiệp được cập nhật thông tin trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
Lệ phí	Không quy định

Tên mẫu đơn, tờ khai	Thông báo việc giải thể quỹ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định các mẫu văn bản sử dụng trong thông báo thành lập và hoạt động của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo
Yêu cầu, điều kiện	Không quy định
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12 tháng 06 năm 2017. - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 03 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo

**TÊN CÔNG TY THỰC
HIỆN
QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ
KHỞI NGHIỆP SÁNG
TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày tháng năm

THÔNG BÁO

Về việc giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố

Tên doanh nghiệp (ghi tên bằng chữ in hoa):.....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số
doanh nghiệp/mã số thuế):
là công ty thực hiện quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (ghi tên bằng chữ in
hoa):

..... thành lập theo số Thông báo ngày

Thông báo về việc giải thể quỹ như sau:

Trường hợp thông báo sau khi Đại hội nhà đầu tư thông qua việc giải thể
quỹ, công ty thực hiện quản lý quỹ thông báo như sau:

Kính đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo tình trạng quỹ đang
làm thủ tục thanh lý, giải thể, đăng tải quyết định giải thể và phương án giải thể
của quỹ (nếu có) trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Công ty (tên công ty thực hiện quản lý quỹ) cam kết hoàn toàn chịu
trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung
Thông báo này và các tài liệu kèm theo.

Trường hợp việc giải thể quỹ được hoàn tất, công ty thực hiện quản lý quỹ
thông báo như sau:

Quỹ đã hoàn tất việc thanh lý, phân phối và giải thể quỹ theo quy định tại
Điều 14 và 15 Nghị định quy định chi tiết về đầu tư cho khởi nghiệp sáng tạo.
Kính đề nghị Phòng Đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của quỹ
trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng giải thể.

Công ty (tên công ty thực hiện quản lý quỹ)..... cam kết hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội
dung Thông báo này./.

5. Thủ tục: thông báo về việc chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất giao dịch, công ty thực hiện quản lý quỹ thông báo cho Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư nơi công ty đặt trụ sở chính về việc chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư.</p> <p>- Địa chỉ: 12 Nguyễn Viết Xuân, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p> <p>Bước 2: Trường hợp thông báo và các tài liệu kèm theo là hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư cập nhật và công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</p>
Cách thức thực hiện	Gửi thông báo trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư.
Thành phần, số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo việc chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư theo Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định các mẫu văn bản sử dụng trong thông báo thành lập và hoạt động của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo. - Bản sao hợp đồng chuyển nhượng của các nhà đầu tư có xác nhận của công ty thực hiện quản lý quỹ. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ chính.</p>
Thời hạn giải quyết	Chưa quy định
Đối tượng thực hiện	Cá nhân, tổ chức
Cơ quan thực hiện	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả	Hồ sơ thông tin về việc chuyển nhượng Phần vốn góp của nhà đầu tư quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo được cập nhật và công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
Lệ phí	Không quy định
Tên mẫu đơn, tờ khai	Thông báo việc chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư theo Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định các mẫu văn bản sử dụng trong thông báo thành lập và hoạt động của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.
Yêu cầu, điều kiện	Số lượng nhà đầu tư của quỹ sau khi chuyển nhượng không quá 30 người

Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none">- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12 tháng 06 năm 2017.- Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 03 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo
-----------------------	--

6. Thủ tục: đề nghị hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1: Doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận mạng lưới tư vấn viên trên Cổng thông tin quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, trang thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ để lựa chọn tư vấn viên hoặc tổ chức tư vấn và dịch vụ tư vấn phù hợp nhu cầu của doanh nghiệp.</p> <p>Bước 2: Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 12 Nguyễn Viết Xuân, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lý và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp còn thiếu hoặc chưa đầy đủ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3: Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, giải quyết nội dung đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp nhỏ và vừa</p>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Gửi thông báo trực tiếp hoặc qua đường bưu điện gửi đến Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai xác định doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 39/2018/NĐ-CP; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Biên bản thỏa thuận dịch vụ tư vấn giữa doanh nghiệp và tư vấn viên hoặc tổ chức tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ chính.</p>
<p>Thời hạn giải quyết</p>	<p>Không quy định.</p>
<p>Đối tượng thực hiện</p>	<p>Cá nhân, tổ chức</p>
<p>Cơ quan thực hiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

	<p>Đầu tư tỉnh</p> <p>- Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Sở, ban ngành và các đơn vị, địa phương có liên quan</p>
Kết quả	<p>- Doanh nghiệp siêu nhỏ được hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn, nhưng không quá 03 triệu đồng một năm;</p> <p>- Doanh nghiệp nhỏ được giảm tối đa 30% giá trị hợp đồng tư vấn, nhưng không quá 05 triệu đồng một năm;</p> <p>- Doanh nghiệp vừa được giảm tối đa 10% giá trị hợp đồng tư vấn, nhưng không quá 10 triệu đồng một năm;</p>
Lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai	Tờ khai xác định doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 39/2018/NĐ-CP.
Yêu cầu, điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý	<p>- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12 tháng 06 năm 2017.</p> <p>- Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 03 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.</p> <p>- Thông tư 06/2019/TT-BKHĐT ngày 29 tháng 3 năm 2019 hướng dẫn quy chế tổ chức và hoạt động của mạng lưới tư vấn viên, hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua mạng lưới tư vấn viên.</p>

PHỤ LỤC

TỜ KHAI XÁC ĐỊNH DOANH NGHIỆP SIÊU NHỎ, DOANH NGHIỆP NHỎ, DOANH NGHIỆP VỪA
(Kèm theo Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ)

1. Thông tin chung về doanh nghiệp:

Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

Loại hình doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

.....

Quận/huyện:tỉnh/thành phố:

.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:

.....

2. Thông tin về tiêu chí xác định quy mô doanh nghiệp:

Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chính:

.....

Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm:.....

Tổng nguồn vốn:

.....

Tổng doanh thu năm trước liền kề:.....

3. Doanh nghiệp tự xác định thuộc quy mô (tích X vào ô tương ứng):

Doanh nghiệp siêu nhỏ

Doanh nghiệp nhỏ

Doanh nghiệp vừa

Tôi cam đoan thông tin kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về việc kê khai trên./.

....., ngàytháng....năm....

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)

7. Thủ tục: hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Chủ hộ kinh doanh gửi 01 bộ hồ sơ tại Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum;</p> <p>- Địa chỉ: 12 Nguyễn Viết Xuân, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p> <p>Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Phòng Đăng ký kinh doanh có trách nhiệm tư vấn, hướng dẫn miễn phí các nội dung: Trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp</p>
Cách thức thực hiện	Gửi thông báo trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư
Thành phần, số lượng hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh của hộ kinh doanh; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế; - Bản sao chứng từ nộp lệ phí môn bài, các loại thuế và khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có), tờ khai thuế trong thời hạn 01 năm trước khi chuyển đổi.
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.
Đối tượng thực hiện	Cá nhân, tổ chức
Cơ quan thực hiện	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả	Hộ kinh doanh hoặc doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ Hộ kinh doanh được nhận những hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn
Lệ phí	Không quy định
Tên mẫu đơn, tờ khai	Không
Yêu cầu, điều kiện	Không quy định
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12 tháng 06 năm 2017. - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 03 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo

VI. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP XÃ HỘI : 08 TTHC

1. Thủ tục: Thông báo Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường

Trình tự thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp lập bản Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường theo biểu mẫu có sẵn gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh. - Địa chỉ: 12 Nguyễn Viết Xuân, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). - Cơ quan đăng ký kinh doanh thực hiện cập nhật thông tin vào hồ sơ doanh nghiệp và công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
Cách thức thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với doanh nghiệp đang hoạt động: Gửi thông báo trực tiếp/qua đường bưu điện/qua mạng đến Cơ quan đăng ký kinh doanh. - Đối với thành lập mới doanh nghiệp xã hội: Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường gửi đồng thời với hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<ul style="list-style-type: none"> - Bản cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường theo biểu mẫu 01 của Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội; - Số lượng hồ sơ: 01 bộ
Thời gian giải quyết:	Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Hồ sơ doanh nghiệp được cập nhật thông tin và công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
Lệ phí:	Không quy định
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Biểu mẫu 01: Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội.
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014

	<ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Doanh nghiệp.- Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội theo Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Doanh nghiệp.
--	--

Biểu mẫu 1**TÊN
NGHIỆP****DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

CAM KẾT THỰC HIỆN MỤC TIÊU XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNGKính gửi: [*Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố*]

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

.....

Mã số doanh nghiệp: □□□□□□□□□□□□

[Chú thích: Bỏ trống trong trường hợp nộp cùng hồ sơ đăng ký doanh nghiệp mới]

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây đã đọc và nhận thức được các quyền và nghĩa vụ đối với chủ doanh nghiệp, chủ sở hữu, thành viên, cổ đông và doanh nghiệp xã hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các nghị định hướng dẫn thi hành; và thực hiện đúng và đầy đủ các hoạt động vì mục tiêu xã hội, môi trường như cam kết sau đây:

1. Mục tiêu xã hội, môi trường và phương thức giải quyết*[Chú thích: doanh nghiệp có thể điền nội dung trong Bản cam kết này hoặc viết thành văn bản riêng rồi đính kèm Bản cam kết này]*

Các vấn đề xã hội, môi trường mà doanh nghiệp nhằm giải quyết	Phương thức, cách thức kinh doanh của doanh nghiệp
..... <i>[Chú thích: miêu tả các vấn đề bắt cập về xã hội, môi trường mà doanh nghiệp mong muốn giải quyết thông qua các hoạt động kinh doanh]</i> <i>[Chú thích: miêu tả cách thức, phương thức kinh doanh mà doanh nghiệp dự kiến tiến hành, như: sản phẩm, dịch vụ là gì, doanh thu đến từ đâu? Có thể nêu các chỉ số kinh tế, xã hội, môi trường (định tính/định lượng) dự kiến đạt được? Nêu nhóm đối tượng hưởng lợi. Lý giải tại sao hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lại góp phần giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường như miêu tả tại cột bên.]</i>

2. Thời hạn thực hiện các hoạt động nhằm mục tiêu giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường.*[Chú thích: doanh nghiệp đánh dấu vào 1 trong 2 lựa chọn dưới đây]* Không thời hạn. năm kể từ [ngày/tháng/năm]: / /**3. Mức lợi nhuận hằng năm doanh nghiệp giữ lại để tái đầu tư cho các mục tiêu xã hội, môi trường đã đăng ký.**

[Chú thích: Theo Khoản 1 Điều 10 Luật Doanh nghiệp thì mức lợi nhuận tối thiểu hằng năm mà doanh nghiệp phải giữ lại là 51% tổng lợi nhuận hằng năm của doanh nghiệp. Doanh nghiệp phải xác định mức lợi nhuận giữ lại hằng năm từ 51% đến 100% tổng lợi nhuận hằng năm của doanh nghiệp].

Doanh nghiệp giữ lại: % tổng lợi nhuận (trong trường hợp doanh nghiệp có lợi nhuận).

4. Nguyên tắc và phương thức xử lý số dư tài trợ, viện trợ khi doanh nghiệp giải thể hoặc hết hạn cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường trong trường hợp doanh nghiệp có nhận viện trợ, tài trợ.

[Chú thích: Doanh nghiệp có thể điền hoặc bỏ trống nội dung này. Tuy nhiên, doanh nghiệp cần lưu ý.

Theo Khoản 2 Điều 6 Nghị định 96/2015/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Doanh nghiệp: trường hợp chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội, toàn bộ số dư tài sản hoặc tài chính còn lại của các khoản viện trợ, tài trợ đã được nhận phải chuyển lại cho cá nhân, cơ quan, tổ chức đã viện trợ, tài trợ hoặc chuyển cho doanh nghiệp xã hội khác, tổ chức khác có mục tiêu xã hội tương tự.

Theo và Khoản 3 Điều 8 Nghị định 96/2015/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Doanh nghiệp: trường hợp giải thể doanh nghiệp xã hội, số dư tài sản hoặc tài chính còn lại đối với nguồn tài sản, tài chính mà doanh nghiệp xã hội đã được nhận phải được trả lại cho cá nhân, cơ quan, tổ chức đã viện trợ, tài trợ hoặc chuyển cho doanh nghiệp xã hội khác, tổ chức khác có mục tiêu xã hội tương tự.]

5. Chữ ký

[Chú thích: trường hợp bản Cam kết này nộp cùng hồ sơ đăng ký doanh nghiệp mới thì người sau đây ký và ghi rõ họ tên]

a. Đối với doanh nghiệp tư nhân: chủ doanh nghiệp tư nhân.

b. Đối với công ty hợp danh: các thành viên hợp danh.

c. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn:

- Các thành viên là cá nhân.

- Người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với thành viên là tổ chức.

d. Đối với công ty cổ phần.

- Cổ đông sáng lập là cá nhân. Cổ đông khác là cá nhân, nếu cổ đông này đồng ý với nội dung cam kết trên và mong muốn ký vào bản cam kết này cùng với cổ đông sáng lập;

- Người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông sáng lập là tổ chức. Người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông khác là tổ chức, nếu cổ đông này đồng ý với nội dung cam kết trên và mong muốn ký vào bản cam kết này cùng với cổ đông sáng lập.

[Chú thích: trường hợp bản Cam kết này nộp sau khi doanh nghiệp đã được đăng ký và thành lập, thì người sau đây ký và ghi rõ họ tên]

a. Đối với doanh nghiệp tư nhân: chủ doanh nghiệp tư nhân.

b. Đối với công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần: người đại diện theo pháp luật.

6. Tài liệu kèm theo

[Chú thích: trường hợp bản Cam kết này nộp sau khi doanh nghiệp đã được đăng ký và thành lập thì nộp kèm theo các giấy tờ sau đây]

- Quyết định của doanh nghiệp thông qua các nội dung trên.
- Bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên, của Chủ sở hữu công ty hoặc HĐTV hoặc Chủ tịch công ty đối với công ty TNHH một thành viên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần, của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh khi thông qua nội dung trên.

2. Thủ tục: Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường

Trình tự thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Khi có quyết định thay đổi, Doanh nghiệp lập bản thông báo thay đổi nội dung cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường gửi cho phòng đăng ký kinh doanh. - Địa chỉ: 12 Nguyễn Viết Xuân, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). - Cơ quan đăng ký kinh doanh thực hiện cập nhật thông tin vào hồ sơ doanh nghiệp và công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
Cách thức thực hiện:	Doanh nghiệp nộp hồ sơ thông báo thay đổi nội dung cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường trực tiếp/qua đường bưu điện/qua mạng đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<ul style="list-style-type: none"> - Bản Thông báo thay đổi nội dung cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường theo biểu mẫu 02 của Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội. - Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường đã được sửa đổi, bổ sung.
Thời gian giải quyết:	Không quy định
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Nội dung cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường mới được công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
Lệ phí:	Không quy định
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Biểu mẫu 02: Thông báo thay đổi nội dung cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội.
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 - Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật

	<p>Doanh nghiệp.</p> <p>- Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội theo Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Doanh nghiệp.</p>
--	--

Biểu mẫu 2
TÊN DOANH NGHIỆP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NỘI DUNG
CAM KẾT THỰC HIỆN MỤC TIÊU XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG

Kính gửi: *[Chú thích: ghi rõ tên phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố]*

Tên doanh nghiệp *[Chú thích: ghi bằng chữ in hoa]:*

.....

Mã số doanh nghiệp: □□□□□□□□□□□□

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây đã đọc và nhận thức được các quyền và nghĩa vụ đối với chủ doanh nghiệp, chủ sở hữu, thành viên, cổ đông và doanh nghiệp xã hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các nghị định hướng dẫn thi hành; và đăng ký thay đổi nội dung cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường như sau đây:

[Chú thích: doanh nghiệp chỉ điền vào mục có nội dung thay đổi; các mục khác sẽ bỏ trống hoặc ghi “không” nếu không có thay đổi gì]

1. Mục tiêu xã hội, môi trường và phương thức giải quyết

a. Nội dung các vấn đề xã hội, môi trường mà doanh nghiệp cam kết giải quyết	
..... <i>[Chú thích: ghi đúng nội dung đã cam kết lần gần nhất]</i> <i>[Chú thích: ghi rõ nội dung thay đổi và nêu rõ lý do thay đổi]</i>
b. Phương thức, cách thức kinh doanh của doanh nghiệp	
..... <i>[Chú thích: ghi đúng nội dung đã cam kết lần gần nhất]</i> <i>[Chú thích: ghi rõ nội dung thay đổi và nêu rõ lý do thay đổi]</i>

2. Thời hạn thực hiện các hoạt động nhằm mục tiêu giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường.

..... <i>[Chú thích: ghi đúng thời hạn đã cam kết lần gần nhất]</i> <i>[Chú thích: ghi rõ thời thay đổi và nêu rõ lý do thay đổi]</i>
---	---

3. Mức lợi nhuận hằng năm doanh nghiệp giữ lại để tái đầu tư cho các mục tiêu xã hội, môi trường đã đăng ký.

[Chú thích: Theo khoản 1 Điều 10 Luật Doanh nghiệp thì mức lợi nhuận tối thiểu hằng năm mà doanh nghiệp phải giữ lại là 51% tổng lợi nhuận hằng năm của

doanh nghiệp. Doanh nghiệp phải xác định mức lợi nhuận giữ lại hằng năm từ 51% đến 100% tổng lợi nhuận hằng năm của doanh nghiệp].

.....
[Chú thích: ghi đúng mức lợi nhuận giữ lại đã cam kết lần gần nhất]	[Chú thích: ghi rõ thay đổi về mức lợi nhuận giữ lại và nêu rõ lý do thay đổi]

4. Nguyên tắc và phương thức xử lý số dư tài trợ, viện trợ khi doanh nghiệp giải thể hoặc hết hạn cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường trong trường hợp doanh nghiệp có nhận viện trợ, tài trợ.

[Theo Khoản 2 Điều 6 Nghị định 96/2015/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Doanh nghiệp: trường hợp chấm dứt cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội, toàn bộ số dư tài sản hoặc tài chính còn lại của các khoản viện trợ, tài trợ đã được nhận phải chuyển lại cho cá nhân, cơ quan, tổ chức đã viện trợ, tài trợ hoặc chuyển cho doanh nghiệp xã hội khác, tổ chức khác có mục tiêu xã hội tương tự.

Theo và Khoản 3 Điều 8 Nghị định 96/2015/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Doanh nghiệp: trường hợp giải thể doanh nghiệp xã hội, số dư tài sản hoặc tài chính còn lại đối với nguồn tài sản, tài chính mà doanh nghiệp xã hội đã được nhận phải được trả lại cho cá nhân, cơ quan, tổ chức đã viện trợ, tài trợ hoặc chuyển cho doanh nghiệp xã hội khác, tổ chức khác có mục tiêu xã hội tương tự.]

.....
[Chú thích: ghi đúng nội dung đã cam kết lần gần nhất]	[Chú thích: ghi rõ nội dung thay đổi và nêu rõ lý do thay đổi]

5. Chữ ký [Chú thích: người sau đây ký và ghi rõ họ tên]

- a) Đối với doanh nghiệp tư nhân: chủ doanh nghiệp tư nhân.
- b) Đối với công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần: người đại diện theo pháp luật.

6. Tài liệu kèm theo

[Chú thích: doanh nghiệp nộp kèm theo các giấy tờ sau đây]

- Quyết định của doanh nghiệp thông qua các nội dung trên.
- Bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên, của Chủ sở hữu công ty hoặc HĐTV hoặc Chủ tịch công ty đối với công ty TNHH một thành viên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần, của thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh khi thông qua nội dung trên.

3. Thủ tục: Thông báo chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường

Trình tự thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định chấm dứt, Doanh nghiệp lập bản thông báo chấm dứt cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường gửi cho phòng đăng ký kinh doanh. - Địa chỉ: 12 Nguyễn Viết Xuân, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). - Cơ quan đăng ký kinh doanh thực hiện cập nhật thông tin vào hồ sơ doanh nghiệp và công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
Cách thức thực hiện:	Doanh nghiệp nộp hồ sơ thông báo chấm dứt cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường trực tiếp/qua đường bưu điện/qua mạng đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<ul style="list-style-type: none"> - Bản Thông báo chấm dứt cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường theo biểu mẫu 03 của Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội. - Quyết định của doanh nghiệp thông qua các nội dung trên hoặc Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (nếu có), trong đó nêu rõ lý do chấm dứt. - Bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên, của Chủ sở hữu công ty hoặc HĐTV hoặc Chủ tịch công ty đối với công ty TNHH một thành viên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần, của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh khi thông qua nội dung trên. - Bản sao Thỏa thuận với cá nhân, tổ chức liên quan về xử lý số dư tài sản hoặc tài chính đối với nguồn viện trợ, tài trợ mà doanh nghiệp xã hội đã nhận (nếu còn).
Thời gian giải quyết:	Không quy định
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Việc chấm dứt thực hiện cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường được công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
Lệ phí:	Không quy định
Tên mẫu đơn, tờ	Biểu mẫu 03: Thông báo chấm dứt cam kết thực hiện

khai:	mục tiêu xã hội, môi trường ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội.
Yêu cầu, điều kiện:	<p>Được quy định tại Điều 6 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Doanh nghiệp. Doanh nghiệp xã hội chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hết thời hạn Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường. 2. Vấn đề xã hội, môi trường trong Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường đã thay đổi hoặc không còn nữa. 3. Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường và mức lợi nhuận giữ lại tái đầu tư. 4. Trường hợp khác theo quyết định của doanh nghiệp hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền. <p>Trong trường hợp chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội, toàn bộ số dư tài sản hoặc tài chính còn lại của các khoản viện trợ, tài trợ đã được nhận phải chuyển lại cho cá nhân, cơ quan, tổ chức đã viện trợ, tài trợ hoặc chuyển cho các doanh nghiệp xã hội khác, tổ chức khác có mục tiêu xã hội tương tự. Doanh nghiệp xã hội chỉ được chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường nếu vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã xử lý số dư của khoản viện trợ, tài trợ mà doanh nghiệp đã nhận.</p>
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 - Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Doanh nghiệp. - Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội theo Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Doanh nghiệp.

Biểu mẫu 3

TÊN DOANH NGHIỆP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Số:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO CHẤM DỨT

CAM KẾT THỰC HIỆN MỤC TIÊU XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG

Kính gửi: [*Chú thích: ghi rõ tên phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố*]

1. Tên doanh nghiệp [*Chú thích: ghi bằng chữ in hoa*]:

2. Mã số doanh nghiệp: □□□□□□□□□□□□

3. Sau khi đã đọc và nhận thức được các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với chủ doanh nghiệp, chủ sở hữu, thành viên, cổ đông và doanh nghiệp xã hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các nghị định hướng dẫn thi hành, doanh nghiệp thông báo chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường với lý do như sau đây:

.....
.....
.....
.....

4. Chữ ký [*Chú thích: người sau đây ký và ghi rõ họ tên*]

a) Đối với doanh nghiệp tư nhân: chủ doanh nghiệp tư nhân.

b) Đối với công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần: người đại diện theo pháp luật.

5. Tài liệu kèm theo

[*Chú thích: doanh nghiệp nộp kèm theo các giấy tờ sau đây*]

Quyết định của doanh nghiệp.

Bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên, của Chủ sở hữu công ty hoặc HĐTV hoặc Chủ tịch công ty đối với công ty TNHH một thành viên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần, của thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh khi thông qua nội dung trên.

Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (*nếu có*).

Bản sao Tài liệu thỏa thuận về xử lý số dư tài sản, tài chính đối với nguồn viện trợ, tài trợ trong trường hợp doanh nghiệp có nhận tài trợ, viện trợ và còn dư.

4. Thủ tục: Thông báo tiếp nhận viện trợ, tài trợ

Trình tự thực hiện:	Việc tiếp nhận tài trợ phải lập thành văn bản. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản tiếp nhận tài trợ được ký kết, doanh nghiệp phải thông báo cho Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum về việc tiếp nhận tài trợ - Địa chỉ: 12 Nguyễn Viết Xuân, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện:	Doanh nghiệp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện thông báo tiếp nhận viện trợ, tài trợ cho Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum
Thành phần, số lượng hồ sơ:	- Bản Thông báo tiếp nhận viện trợ, tài trợ theo Biểu mẫu 04 của Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội. - Bản sao Văn bản tiếp nhận tài trợ
Thời gian giải quyết:	Không quy định
Đối tượng thực hiện:	Doanh nghiệp xã hội tại tỉnh Kon Tum
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Hồ sơ doanh nghiệp được cập nhật
Lệ phí:	Không quy định
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Biểu mẫu 04: Thông báo tiếp nhận viện trợ, tài trợ ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội.
Yêu cầu, điều kiện:	Doanh nghiệp xã hội được tiếp nhận tài trợ bằng tài sản, tài chính hoặc hỗ trợ kỹ thuật từ các cá nhân, cơ quan, tổ chức trong nước và tổ chức nước ngoài đã đăng ký hoạt động tại Việt Nam để thực hiện mục tiêu giải quyết vấn đề xã hội, môi trường.
Căn cứ pháp lý:	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 - Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Doanh nghiệp. - Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp

	xã hội theo Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Doanh nghiệp.
--	---

Biểu mẫu 4

TÊN DOANH NGHIỆP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Số:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO TIẾP NHẬN VIỆN TRỢ, TÀI TRỢ

Kính gửi: [Chú thích: ghi rõ tên phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố]

Tên doanh nghiệp [Chú thích: ghi bằng chữ in hoa]:

Mã số doanh nghiệp: □□□□□□□□□□□□

Thông báo việc tiếp nhận viện trợ, tài trợ như sau:

1. Thông tin về cá nhân viện trợ, tài trợ:

Họ và tên:

.....
Quốc tịch:

.....
Số CMND/Hộ chiếu:

.....
Địa chỉ thường trú:

2. Thông tin về tổ chức viện trợ, tài trợ:

Tên tổ chức:

.....
Mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập:

.....
Địa chỉ trụ sở chính:

.....
Thông tin người đại diện của tổ chức:

Họ và tên:

.....
Quốc tịch:

.....
Số CMND/Hộ chiếu:

.....
Địa chỉ thường trú:

3. Thông tin về loại tài sản, giá trị và hình thức viện trợ, tài trợ:

.....
4. Tóm lược về mục đích và nguyên tắc sử dụng viện trợ, tài trợ (nếu có):

.....
.....

5. Thời điểm sử dụng viện trợ, tài trợ [*yêu cầu đối với doanh nghiệp tiếp nhận viện trợ, tài trợ*]:

.....
.....

6. Chữ ký [*Chú thích: người sau đây ký và ghi rõ họ tên*]

- a) Đối với doanh nghiệp tư nhân: chủ doanh nghiệp tư nhân.
- b) Đối với công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần: người đại diện theo pháp luật.

7. Tài liệu kèm theo

[*Chú thích: doanh nghiệp nộp kèm theo các giấy tờ sau đây*]

- Bản sao Văn bản thỏa thuận viện trợ, tài trợ.
- Quyết định phê duyệt tiếp nhận viện trợ (*nếu có*).
- Tài liệu khác [*nếu có; ghi rõ tên tài liệu*]:

5. Thủ tục: Thông báo thay đổi nội dung tiếp nhận viện trợ, tài trợ

Trình tự thực hiện:	<p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có thay đổi nội dung tiếp nhận các khoản viện trợ, tài trợ ban đầu thì doanh nghiệp phải gửi thông báo thay đổi nội dung tiếp nhận viện trợ, tài trợ cho Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Địa chỉ: 12 Nguyễn Viết Xuân, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Doanh nghiệp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện thông báo thay đổi nội dung tiếp nhận viện trợ, tài trợ cho Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>- Bản Thông báo thay đổi nội dung tiếp nhận viện trợ, tài trợ theo biểu mẫu 05 của Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội.</p> <p>- Bản sao Văn bản tiếp nhận tài trợ</p>
Thời gian giải quyết:	Không quy định
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Hồ sơ doanh nghiệp được cập nhật thông tin và công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
Lệ phí:	Không quy định
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Biểu mẫu 05 của Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội.
Yêu cầu, điều kiện:	Doanh nghiệp xã hội được tiếp nhận tài trợ bằng tài sản, tài chính hoặc hỗ trợ kỹ thuật từ các cá nhân, cơ quan, tổ chức trong nước và tổ chức nước ngoài đã đăng ký hoạt động tại Việt Nam để thực hiện mục tiêu giải quyết vấn đề xã hội, môi trường
Căn cứ pháp lý:	<p>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014</p> <p>- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Doanh nghiệp.</p> <p>- Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các</p>

	biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội theo Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Doanh nghiệp.
--	---

TÊN DOANH NGHIỆP

Số:

Biểu mẫu 5
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NỘI DUNG TIẾP NHẬN VIỆN TRỢ, TÀI TRỢ

Kính gửi: [Chú thích: ghi rõ tên phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố]

Tên doanh nghiệp [Chú thích: ghi bằng chữ in hoa]:

Mã số doanh nghiệp: □□□□□□□□□□□□

Thông báo thay đổi nội dung tiếp nhận viện trợ, tài trợ như sau:

1. Thông tin về cá nhân viện trợ:

Họ và tên:

Quốc tịch:

Số CMND/Hộ chiếu:

Địa chỉ thường trú:

2. Thông tin về tổ chức viện trợ:

Tên tổ chức:

Mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập:

Địa chỉ trụ sở chính:

Thông tin người đại diện của tổ chức:

Họ và tên:

Quốc tịch:

Số CMND/Hộ chiếu:

Địa chỉ thường trú:

3. Thông tin thay đổi về loại tài sản, giá trị và hình thức viện trợ:

4. Tóm lược nội dung thay đổi về mục đích và nguyên tắc sử dụng viện trợ, tài trợ (nếu có):

.....
.....
5. Thay đổi thời điểm sử dụng viện trợ, tài trợ (nếu có):
.....
.....

6. Chữ ký [*Chú thích: người sau đây ký và ghi rõ họ tên*]

a) Đối với doanh nghiệp tư nhân: chủ doanh nghiệp tư nhân.

b) Đối với công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần: người đại diện theo pháp luật.

7. Tài liệu kèm theo

[*Chú thích: doanh nghiệp nộp kèm theo các giấy tờ sau đây*]

Bản sao Văn bản thỏa thuận viện trợ, tài trợ (*đối với những thay đổi ở nội dung 3, 4 và 5 của Biểu mẫu này*).

Quyết định phê duyệt tiếp nhận viện trợ (*nếu có*).

Tài liệu khác [*nếu có; ghi rõ tên tài liệu*]:

6. Thủ tục: Công khai hoạt động của doanh nghiệp xã hội

Trình tự thực hiện:	<p>Trường hợp nhận ưu đãi, viện trợ, tài trợ, định kỳ hằng năm doanh nghiệp xã hội phải gửi Báo cáo đánh giá tác động xã hội cho Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum chậm nhất 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>- Địa chỉ: 12 Nguyễn Viết Xuân, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Doanh nghiệp gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện Báo cáo đánh giá tác động xã hội cho Sở Kế hoạch và Đầu tư
Thành phần, số lượng hồ sơ:	Bản Báo cáo đánh giá tác động xã hội, môi trường theo biểu mẫu 06 của Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội.
Thời gian giải quyết:	Không quy định
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Hồ sơ doanh nghiệp được cập nhật thông tin và công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
Lệ phí:	Không quy định
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Biểu mẫu 06: Báo cáo đánh giá tác động xã hội, môi trường ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội.
Yêu cầu, điều kiện:	Doanh nghiệp xã hội được tiếp nhận tài trợ bằng tài sản, tài chính hoặc hỗ trợ kỹ thuật từ các cá nhân, cơ quan, tổ chức trong nước và tổ chức nước ngoài đã đăng ký hoạt động tại Việt Nam để thực hiện mục tiêu giải quyết vấn đề xã hội, môi trường
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 - Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Doanh nghiệp. - Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp

	xã hội theo Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Doanh nghiệp.
--	---

**TÊN DOANH
NGHIỆP**

**Biểu mẫu 6
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

Số:

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG
(Áp dụng đối với doanh nghiệp xã hội)**

Kính gửi: *[Chú thích: ghi rõ tên phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố]*

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp: □□□□□□□□

Doanh nghiệp báo cáo kết quả thực hiện mục tiêu, xã hội môi trường mà doanh nghiệp đã cam kết trong năm như sau:

1. Kết quả và mức độ thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường mà doanh nghiệp đã cam kết.

Miêu tả các hoạt động mà doanh nghiệp đã triển khai thực hiện nhằm giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường đã cam kết	Các kết quả/chỉ số đã đạt được từ các hoạt động mà doanh nghiệp đã nêu ở cột bên	Đánh giá chung mức độ đạt được trong việc giải quyết vấn đề xã hội, môi trường so với mục tiêu đã cam kết
..... <i>[Chú thích: miêu tả những hoạt động quan trọng mà doanh nghiệp đã tiến hành trong năm]</i> <i>[Chú thích: nêu rõ kết quả đạt được, bao gồm: đối tượng hưởng lợi, mức độ hưởng lợi? So sánh các chỉ số đạt được so với chỉ số đăng ký ban đầu được nêu tại Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường (nếu có)]</i> <i>[Chú thích: từ những kết quả đã đạt được, ước tính mức độ các vấn đề xã hội, môi trường đã thực sự được giải quyết so với mục tiêu đã cam kết]</i>

2. Tình hình tiếp nhận và sử dụng viện trợ, tài trợ:

- a) Tổng giá trị viện trợ, tài trợ đã tiếp nhận (đến thời điểm 31/12/....., lũy kế qua các năm): đồng.
b) Tổng giá trị viện trợ, tài trợ đã chi tiêu (đến thời điểm 31/12/....., lũy kế qua các năm): đồng.
c) Tổng giá trị viện trợ, tài trợ đã tiếp nhận (trong năm.....): đồng.
d) Tổng giá trị viện trợ, tài trợ đã chi tiêu (trong năm.....): đồng.

3. Mức lợi nhuận doanh nghiệp giữ lại để tái đầu tư cho các mục tiêu xã hội, môi trường mà doanh nghiệp đã cam kết:

Tổng giá trị:..... đồng; chiếm% tổng lợi nhuận.

4. Chữ ký [*Chú thích: người sau đây ký và ghi rõ họ tên*]

a) Đối với doanh nghiệp tư nhân: chủ doanh nghiệp tư nhân; b) Đối với công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần: người đại diện theo pháp luật.

7. Thủ tục: Cung cấp thông tin, bản sao Báo cáo đánh giá tác động xã hội và Văn bản tiếp nhận viện trợ, tài trợ

Trình tự thực hiện:	<p>- Khi có nhu cầu, Tổ chức, cá nhân lập công văn/giấy đề nghị gửi Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị cung cấp các thông tin, bản sao Báo cáo đánh giá tác động xã hội và Văn bản tiếp nhận viện trợ, tài trợ của doanh nghiệp xã hội.</p> <p>- Địa chỉ: 12 Nguyễn Viết Xuân, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p> <p>- Sau khi nhận được công văn/giấy đề nghị, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</p>
Cách thức thực hiện:	Tổ chức, cá nhân gửi công văn/giấy đề nghị trực tiếp hay qua đường bưu điện đến Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	Chưa quy định
Thời gian giải quyết:	Chưa quy định
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Chưa quy định
Lệ phí:	Chưa quy định
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Chưa quy định
Yêu cầu, điều kiện:	Chưa quy định
Căn cứ pháp lý:	<p>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014</p> <p>- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Doanh nghiệp.</p>

8. Thủ tục: Chuyển cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành Doanh nghiệp xã hội

Trình tự thực hiện:	<p>Người đứng đầu cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện lập hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp và bản Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường theo biểu mẫu có sẵn gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh sau khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành Doanh nghiệp xã hội.</p> <p>- Địa chỉ: 12 Nguyễn Viết Xuân, tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua mạng đến Cơ quan đăng ký kinh doanh.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>- Các giấy tờ tương ứng đối với từng loại hình doanh nghiệp được thành lập mới theo quy định của Luật Doanh nghiệp; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp và Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành Doanh nghiệp xã hội.</p> <p>- Bản cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường theo biểu mẫu 01 của Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội.</p> <p>* Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ</p>
Thời gian giải quyết:	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư
Kết quả:	Doanh nghiệp xã hội được thành lập mới/Hồ sơ doanh nghiệp được cập nhật thông tin và công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
Lệ phí:	Lệ phí đăng ký doanh nghiệp 50.000 đồng. Phí công bố: 100.000 đồng
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Biểu mẫu 01: Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 5 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng

	<p>trong đăng ký doanh nghiệp xã hội. Các giấy tờ tương ứng đối với từng loại hình doanh nghiệp được thành lập mới theo quy định của Luật Doanh nghiệp; Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp và Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.</p>
Yêu cầu, điều kiện:	Chưa quy định
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 - Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Doanh nghiệp.

Biểu mẫu 1

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

CAM KẾT THỰC HIỆN MỤC TIÊU XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG

Kính gửi: *[Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh, thành phố*]

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

.....

Mã số doanh nghiệp: □□□□□□□□□□

[Chú thích: Bỏ trống trong trường hợp nộp cùng hồ sơ đăng ký doanh nghiệp mới]

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây đã đọc và nhận thức được các quyền và nghĩa vụ đối với chủ doanh nghiệp, chủ sở hữu, thành viên, cổ đông và doanh nghiệp xã hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các nghị định hướng dẫn thi hành; và thực hiện đúng và đầy đủ các hoạt động vì mục tiêu xã hội, môi trường như cam kết sau đây:

1. Mục tiêu xã hội, môi trường và phương thức giải quyết

[Chú thích: doanh nghiệp có thể điền nội dung trong Bản cam kết này hoặc viết thành văn bản riêng rồi đính kèm Bản cam kết này]

Các vấn đề xã hội, môi trường mà doanh nghiệp nhằm giải quyết	Phương thức, cách thức kinh doanh của doanh nghiệp
.....
.....
.....
.....
<i>[Chú thích: miêu tả các vấn đề bất cập về xã hội, môi trường mà doanh nghiệp mong muốn giải quyết thông qua các hoạt động kinh doanh]</i>	<i>[Chú thích: miêu tả cách thức, phương thức kinh doanh mà doanh nghiệp dự kiến tiến hành, như: sản phẩm, dịch vụ là gì, doanh thu đến từ đâu? Có thể nêu các chỉ số kinh tế, xã hội, môi trường (định tính/định lượng) dự kiến đạt được? Nêu nhóm đối tượng hưởng lợi. Lý giải tại sao hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lại góp phần giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường như miêu tả tại cột bên.]</i>

2. Thời hạn thực hiện các hoạt động nhằm mục tiêu giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường.

[Chú thích: doanh nghiệp đánh dấu vào 1 trong 2 lựa chọn dưới đây]

Không thời hạn.

..... năm kể từ [ngày/tháng/năm]: /.... /.....

3. Mức lợi nhuận hằng năm doanh nghiệp giữ lại để tái đầu tư cho các mục tiêu xã hội, môi trường đã đăng ký.

[Chú thích: Theo Khoản 1 Điều 10 Luật Doanh nghiệp thì mức lợi nhuận tối thiểu hằng năm mà doanh nghiệp phải giữ lại là 51% tổng lợi nhuận hằng năm của doanh nghiệp. Doanh nghiệp phải xác định mức lợi nhuận giữ lại hằng năm từ 51% đến 100% tổng lợi nhuận hằng năm của doanh nghiệp].

Doanh nghiệp giữ lại: % tổng lợi nhuận (trong trường hợp doanh nghiệp có lợi nhuận).

4. Nguyên tắc và phương thức xử lý số dư tài trợ, viện trợ khi doanh nghiệp giải thể hoặc hết hạn cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường trong trường hợp doanh nghiệp có nhận viện trợ, tài trợ.

[Chú thích: Doanh nghiệp có thể điền hoặc bỏ trống nội dung này. Tuy nhiên, doanh nghiệp cần lưu ý.

Theo Khoản 2 Điều 6 Nghị định 96/2015/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Doanh nghiệp: trường hợp chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội, toàn bộ số dư tài sản hoặc tài chính còn lại của các khoản viện trợ, tài trợ đã được nhận phải chuyển lại cho cá nhân, cơ quan, tổ chức đã viện trợ, tài trợ hoặc chuyển cho doanh nghiệp xã hội khác, tổ chức khác có mục tiêu xã hội tương tự.

Theo và Khoản 3 Điều 8 Nghị định 96/2015/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Doanh nghiệp: trường hợp giải thể doanh nghiệp xã hội, số dư tài sản hoặc tài chính còn lại đối với nguồn tài sản, tài chính mà doanh nghiệp xã hội đã được nhận phải được trả lại cho cá nhân, cơ quan, tổ chức đã viện trợ, tài trợ hoặc chuyển cho doanh nghiệp xã hội khác, tổ chức khác có mục tiêu xã hội tương tự.]

5. Chữ ký

[Chú thích: trường hợp bản Cam kết này nộp cùng hồ sơ đăng ký doanh nghiệp mới thì người sau đây ký và ghi rõ họ tên]

a. Đối với doanh nghiệp tư nhân: chủ doanh nghiệp tư nhân.

b. Đối với công ty hợp danh: các thành viên hợp danh.

c. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn:

- Các thành viên là cá nhân.

- Người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với thành viên là tổ chức.

d. Đối với công ty cổ phần.

- Cổ đông sáng lập là cá nhân. Cổ đông khác là cá nhân, nếu cổ đông này đồng ý với nội dung cam kết trên và mong muốn ký vào bản cam kết này cùng với cổ đông sáng lập;

- Người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông sáng lập là tổ chức. Người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền đối với cổ đông khác là tổ chức, nếu cổ đông này đồng ý với nội dung cam kết trên và mong muốn ký vào bản cam kết này cùng với cổ đông sáng lập.

[Chú thích: trường hợp bản Cam kết này nộp sau khi doanh nghiệp đã được đăng ký và thành lập, thì người sau đây ký và ghi rõ họ tên]

- a. Đối với doanh nghiệp tư nhân: chủ doanh nghiệp tư nhân.
- b. Đối với công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần: người đại diện theo pháp luật.

6. Tài liệu kèm theo

[Chú thích: trường hợp bản Cam kết này nộp sau khi doanh nghiệp đã được đăng ký và thành lập thì nộp kèm theo các giấy tờ sau đây]

- Quyết định của doanh nghiệp thông qua các nội dung trên.
- Bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên, của Chủ sở hữu công ty hoặc HĐQT hoặc Chủ tịch công ty đối với công ty TNHH một thành viên, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần, của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh khi thông qua nội dung trên.

VII. LĨNH VỰC ĐẦU THẦU: 03 TTHC

1. Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án do nhà đầu tư đề xuất.

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1. Nhà đầu tư lập hồ sơ đề xuất dự án gửi UBND cấp tỉnh tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none">- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - P Quyết Thắng - Tp. Kon Tum.- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3: Cơ quan, tổ chức thẩm định tiếp nhận và kiểm tra sơ bộ về tính hợp lệ của hồ sơ, phát hành văn bản lấy ý kiến (nếu có) các ngành liên quan (<i>nếu hồ sơ hợp lệ</i>).</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ còn thiếu hoặc chưa hợp lệ thì có văn bản phúc đáp sau 03 ngày tiếp nhận hồ sơ. <p>Bước 4: hồ sơ Dự án đảm bảo theo quy định. Sở Kế hoạch và Đầu tư bố trí thời gian tổ chức thẩm định theo quy định và trình cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt.</p> <p>Bước 5. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none">- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ bao gồm: Hồ sơ đề xuất dự án do nhà đầu tư chuẩn bị gồm các thành phần hồ sơ tại mục (1); hồ sơ trình quyết định chủ trương đầu tư do tổ chức, đơn vị được giao thẩm định trình gồm các

	<p>thành phần hồ sơ tại mục (2). Cụ thể:</p> <p>(1) Hồ sơ đề xuất dự án nhà đầu tư:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề xuất thực hiện dự án, bao gồm cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu hồ sơ đề xuất dự án không được chấp thuận; - Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; - Hồ sơ về tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư; - Các tài liệu cần thiết khác để giải trình hồ sơ đề xuất dự án (nếu có). <p>(2) Quyết định chủ trương đầu tư:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư; - Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; - Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; - Báo cáo thẩm định về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn theo pháp luật về đầu tư công đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công làm phần phần Nhà nước tham gia trong dự án PPP; - Văn bản có ý kiến của cơ quan tài chính theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước đối với dự án sử dụng nguồn chi thường xuyên hoặc nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ công làm vốn thanh toán cho nhà đầu tư. <p>b) Số lượng hồ sơ: 05 (bộ)</p>
Thời gian giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với dự án nhóm A: Tối đa 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với dự án nhóm B: Tối đa 30 ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	Cá nhân, tổ chức
Cơ quan thực hiện	<p>(1) Đơn vị thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum. Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành chức năng có liên quan.</p> <p>(2) Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư các dự án sau đây: <p>+ Dự án nhóm A không thuộc trường hợp Quốc hội,</p>

	<p>Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư của địa phương mình;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công; + Dự án nhóm B áp dụng loại hợp đồng BT. <p>- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án không thuộc Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân quyết định chủ trương đầu tư của địa phương mình.</p>
Kết quả	Quyết định chủ trương đầu tư
Phí, Lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai	Phụ lục II (<i>Hướng dẫn thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP</i>) ban hành kèm theo Thông tư số 09/2018/TT-BKHĐT ngày 28/12/2018 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.
Yêu cầu, điều kiện	<ul style="list-style-type: none"> - Dự án do nhà đầu tư đề xuất phải đáp ứng các điều kiện sau: <ul style="list-style-type: none"> + Phù hợp với quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; + Phù hợp với lĩnh vực được khuyến khích đầu tư theo hình thức PPP; + Không trùng lặp với các dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư; + Có khả năng thu hồi vốn cho nhà đầu tư; + Phù hợp với khả năng cân đối phần Nhà nước tham gia trong dự án PPP; + Có báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. - Nhà đầu tư là doanh nghiệp nhà nước phải liên danh với doanh nghiệp khác để đề xuất dự án nhưng phải bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư công; - Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức PPP; - Thông tư số 09/2018/TT-BKHĐT ngày 28/12/2018 hướng dẫn thực hiện một số điều của

	Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.
--	---

Mẫu: Phụ lục II

HƯỚNG DẪN THẨM ĐỊNH BÁO CÁO NGHIÊN CỨU TIỀN KHẢ THI DỰ ÁN PPP

Căn cứ tính chất, quy mô, lĩnh vực và nội dung của báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (BCNCTKT), báo cáo thẩm định BCNCTKT được thực hiện theo các nội dung hướng dẫn dưới đây. Đối với BCNCTKT do nhà đầu tư lập, cần xem xét các yếu tố mà nhà đầu tư thuyết minh. Đơn vị thẩm định cần đưa ra ý kiến nhận xét cụ thể đối với từng nội dung và đề xuất phương án giải quyết trong trường hợp có nội dung chưa đồng thuận hoặc cần bổ sung, hoàn thiện với đơn vị chuẩn bị dự án hoặc nhà đầu tư đề xuất dự án.

A. KHÁI QUÁT VỀ DỰ ÁN

Trình bày thông tin khái quát về dự án, bao gồm: Tên dự án; tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng với nhà đầu tư; tên đơn vị chuẩn bị dự án hoặc nhà đầu tư đề xuất dự án; địa điểm, quy mô, công suất dự án, diện tích sử dụng đất; yêu cầu về kỹ thuật; tổng vốn đầu tư; phần Nhà nước tham gia trong dự án (nếu có); loại hợp đồng dự án; các chỉ tiêu chính trong phương án tài chính; thời gian hợp đồng dự án; ưu đãi và bảo đảm đầu tư; các nội dung liên quan khác.

B. TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

Đơn vị thẩm định tổng hợp ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan đối với hồ sơ BCNCTKT của dự án.

C. TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

I. Kiểm tra sơ bộ hồ sơ

Đơn vị thẩm định đưa ra đánh giá về:

- Tính đầy đủ về thành phần, nội dung hồ sơ.
- Sự phù hợp của căn cứ pháp lý được áp dụng để lập BCNCTKT.
- Sự tuân thủ quy định của pháp luật trong quá trình tổ chức lập BCNCTKT.

II. Thẩm định về nội dung của hồ sơ

1. Sự cần thiết đầu tư dự án

Đơn vị thẩm định xem xét sự phù hợp của BCNCTKT đối với một số nội dung sau:

- Sự phù hợp của dự án đối với quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, vùng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tính cấp bách, cần thiết phải đầu tư dự án.
- Tác động của việc thực hiện dự án đối với cộng đồng, dân cư trong phạm vi dự án.
- Sự phù hợp của các mục tiêu tổng thể và mục tiêu cụ thể đối với hiện trạng của ngành, lĩnh vực hoặc địa phương, khả năng giải quyết các vấn đề mà cộng đồng dân cư yêu cầu.
- Lợi thế của việc đầu tư dự án theo hình thức PPP so với các phương thức đầu tư khác.

2. Tính khả thi của dự án

a) Tính khả thi về mặt kỹ thuật

- Quy mô, công suất: Xem xét tính hợp lý của các căn cứ lựa chọn quy mô, công suất; sự phù hợp của quy mô, công suất với khả năng cung ứng đầu vào và các yếu tố đầu ra của dự án; tính ổn định của dịch vụ mà dự án cung cấp.

- Phương án kỹ thuật, công nghệ: Xem xét sự phù hợp của phương án kỹ thuật, công nghệ với quy mô, công suất của dự án, các tiêu chuẩn, định mức và yêu cầu kỹ thuật đầu vào; tính sẵn có và khả năng ứng dụng thực tiễn của công nghệ được lựa chọn; tính rõ ràng, đầy đủ của việc xác định các rủi ro kỹ thuật chính, tính hợp lý của phương án giảm thiểu các rủi ro đó.

- Tính phù hợp của địa điểm sẽ triển khai thực hiện dự án căn cứ đặc điểm về điều kiện tự nhiên, hành chính, xã hội, kinh tế, kỹ thuật, kết cấu hạ tầng, kết quả khảo sát (nếu đã thực hiện).

- Phương án thiết kế sơ bộ: Tổng hợp ý kiến thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo pháp luật xây dựng đối với dự án có cấu phần xây dựng hoặc cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật chuyên ngành đối với dự án không có cấu phần xây dựng.

- Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Đánh giá tính phù hợp và khả thi theo quy định của pháp luật về đất đai.

b) Hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Đóng góp của dự án cho các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội: Việc phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội nhằm so sánh lợi ích giữa phương án thực hiện đầu tư dự án với phương án giữ nguyên hiện trạng, không thực hiện đầu tư. Bên cạnh đó, trường hợp lựa chọn giữa nhiều dự án, những dự án có hiệu quả kinh tế - xã hội cao hơn sẽ được ưu tiên lựa chọn trên cơ sở kết hợp khả năng cân đối nguồn lực đầu tư của Nhà nước. Do vậy, đơn vị thẩm định cần xem xét sự phù hợp và tính chính xác của các yếu tố chi phí, lợi ích về mặt kinh tế - xã hội, tỷ số lợi ích trên chi phí về kinh tế của dự án (BCR). Dự án được đánh giá là đạt hiệu quả kinh tế - xã hội khi BCR phải lớn hơn 1 (>1). Trường hợp

BCNCTKT không xác định BCR, đơn vị thẩm định xem xét tính hợp lý của các nhóm yếu tố còn lại.

- Tác động của dự án đối với môi trường, xã hội, quốc phòng, an ninh (nếu có): Xem xét sự phù hợp của phần thuyết minh về tác động của dự án đối với các vấn đề môi trường, xã hội, quốc phòng, an ninh và các tác động khác.

c) Tính khả thi về mặt tài chính

- Trừ dự án BT, đơn vị thẩm định xem xét sự phù hợp và tính chính xác của các yếu tố tài chính đầu vào, các chỉ tiêu tài chính và sơ bộ phương án tài chính của dự án. Dự án đạt hiệu quả tài chính khi NPV dương (>0). Bên cạnh đó, đối với BCNCTKT bổ sung các chỉ tiêu khác để đánh giá tính khả thi của phương án tài chính theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, đơn vị thẩm định xem xét thêm các chỉ tiêu này để đánh giá tính khả thi của dự án.

- Đối với dự án có sử dụng phần Nhà nước tham gia trong dự án hoặc vốn thanh toán cho nhà đầu tư: Xem xét sự phù hợp của giá trị phần vốn, khả năng cân đối và bố trí vốn, phương thức, kế hoạch và tiến độ giải ngân cho nhà đầu tư.

- Đối với dự án sử dụng giá trị tài sản công làm phần Nhà nước tham gia: Tổng hợp giá trị tài sản công được xác định trong quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án PPP.

- Đối với dự án BT sử dụng quỹ đất, trụ sở làm việc, tài sản kết cấu hạ tầng hoặc quyền kinh doanh, khai thác công trình, dịch vụ thanh toán cho nhà đầu tư: Dự án có tính khả thi về tài chính khi quỹ đất, trụ sở làm việc, tài sản kết cấu hạ tầng được xác định cụ thể, phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo nguyên tắc thanh toán theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài sản công và pháp luật chuyên ngành.

- Sự phù hợp của các hình thức ưu đãi, bảo đảm đầu tư.

3. Sự phù hợp của loại hợp đồng dự án

Đơn vị thẩm định xem xét BCNCTKT theo một số nội dung sau:

- Sự phù hợp của loại hợp đồng dự án và thời gian hợp đồng.

- Tính hợp lý trong việc phân chia trách nhiệm của các bên trong quá trình triển khai dự án và các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro.

4. Sự phù hợp của kế hoạch triển khai dự án, cơ chế giám sát và quản lý dự án

Đơn vị thẩm định cần xem xét và có ý kiến cụ thể về sự phù hợp của kế hoạch triển khai dự án, cơ chế giám sát và quản lý dự án được trình bày trong BCNCTKT.

D. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

I. Nhận xét

Trên cơ sở các phân tích nêu trên, đơn vị thẩm định tổng hợp nhận xét về BCNCTKT, đánh giá sự phù hợp của BCNCTKT với các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 63/2018/NĐ-CP.

II. Kiến nghị

- Trường hợp BCNCTKT phù hợp với quy định của pháp luật và được đánh giá là khả thi để triển khai đầu tư theo hình thức PPP, đơn vị thẩm định kiến nghị cấp có thẩm quyền thực hiện trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư và kiến nghị nội dung cần được nghiên cứu chi tiết tại báo cáo nghiên cứu khả thi. Trường hợp dự án có từ hai nhà đầu tư trở lên cùng nộp hồ sơ đề xuất dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 63/2018/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư này, đơn vị thẩm định kiến nghị hồ sơ đề xuất dự án được lựa chọn để cấp có thẩm quyền thực hiện trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư.

- Trường hợp không thống nhất với nội dung của BCNCTKT, đơn vị thẩm định báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo một trong hai phương án sau:

+ Phương án 1: Yêu cầu đơn vị chuẩn bị dự án, nhà đầu tư điều chỉnh BCNCTKT.

+ Phương án 2: Không xem xét việc tiếp tục nghiên cứu dự án.

- Trường hợp dự án do nhà đầu tư đề xuất phải thực hiện thi tuyển, tuyển chọn phương án kiến trúc theo quy định của pháp luật về xây dựng, đơn vị thẩm định kiến nghị cấp có thẩm quyền việc giao lập báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế và dự toán (đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BT) theo một trong hai phương án sau:

+ Giao nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 28 và điểm b khoản 2 Điều 33 Nghị định số 63/2018/NĐ-CP.

+ Chỉ định tác giả của thiết kế kiến trúc công trình trúng tuyển thực hiện theo pháp luật về đấu thầu.

2. Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do nhà đầu tư đề xuất

a) Trình tự thực hiện

- Nhà đầu tư được giao lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, gửi UBND cấp tỉnh;

- Đơn vị được UBND cấp tỉnh giao nhiệm vụ tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi;

- UBND cấp tỉnh phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp tại cơ quan của đơn vị thẩm định, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; bằng văn bản.

c) Thành phần hồ sơ:

Hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi do nhà đầu tư chuẩn bị gồm các thành phần hồ sơ tại mục (1); hồ sơ trình phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi do tổ chức, đơn vị được giao thẩm định trình gồm các thành phần hồ sơ tại mục (2).
Cụ thể:

(1) Hồ sơ nhà đầu tư gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền

+ Tờ trình phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi;

+ Báo cáo nghiên cứu khả thi;

(2) Hồ sơ trình phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi của cơ quan, tổ chức thẩm định gồm:

+ Tờ trình phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi;

+ Báo cáo nghiên cứu khả thi;

+ Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi;

+ Quyết định chủ trương đầu tư dự án (trừ dự án nhóm C); báo cáo thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với dự án nhóm C sử dụng vốn đầu tư công;

+ Các tài liệu, văn bản pháp lý có liên quan.

d) Số bộ hồ sơ: 01

đ) Thời hạn giải quyết:

Thời hạn thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi gồm:

- Đối với dự án quan trọng quốc gia: Không quá 90 ngày;

- Đối với dự án nhóm A: Không quá 40 ngày;

- Đối với dự án nhóm B, nhóm C: Không quá 30 ngày.

e) Cơ quan thực hiện:

Thẩm quyền phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án không thuộc trường hợp Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, Cá nhân.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo nghiên cứu khả thi được phê duyệt.

i) Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí): không có.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm): Phụ lục IV (Hướng dẫn thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP) ban hành kèm theo Thông tư số 09/2018/TT-BKHĐT ngày 28/12/2018 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có): Đối với dự án BT, quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/500 (nếu có) của quỹ đất dự kiến thanh

toán cho nhà đầu tư phải được lập và phê duyệt theo quy định của pháp luật trước khi báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đầu tư công;
- Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức PPP;
- Thông tư số 09/2018/TT-BKHĐT ngày 28/12/2018 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

2. Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do nhà đầu tư đề xuất

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Nhà đầu tư lập hồ sơ đề xuất dự án gửi UBND cấp tỉnh tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <p>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - P Quyết Thắng -Tp. Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p> <p>Bước 2. Cán bộ kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung.</p> <p>Bước 3: Cơ quan, tổ chức thẩm định tiếp nhận và kiểm tra sơ bộ về tính hợp lệ của hồ sơ, phát hành văn bản lấy ý kiến (nếu có) các ngành liên quan (<i>nếu hồ sơ hợp lệ</i>).</p> <p>- Trường hợp hồ sơ còn thiếu hoặc chưa hợp lệ thì có văn bản phúc đáp sau 03 ngày tiếp nhận hồ sơ.</p> <p>Bước 4: Hồ sơ Dự án đảm bảo theo quy định. Sở Kế hoạch và Đầu tư bố trí thời gian tổ chức thẩm định theo quy định và trình cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt.</p> <p>Bước 5. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm: Hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi do nhà đầu tư chuẩn bị gồm các thành phần hồ sơ tại mục (1); hồ sơ trình phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi do tổ chức, đơn vị được giao thẩm định trình gồm các thành phần hồ sơ tại mục (2). Cụ thể:</p>

	<p>(1) Hồ sơ nhà đầu tư gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tờ trình phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi; + Báo cáo nghiên cứu khả thi; <p>(2) Hồ sơ trình phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi của cơ quan, tổ chức thẩm định gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tờ trình phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi; + Báo cáo nghiên cứu khả thi; + Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi; + Quyết định chủ trương đầu tư dự án (trừ dự án nhóm C); báo cáo thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với dự án nhóm C sử dụng vốn đầu tư công; + Các tài liệu, văn bản pháp lý có liên quan. <p>b) Số lượng hồ sơ: 05 (bộ)</p>
Thời gian giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với dự án quan trọng quốc gia: Không quá 90 ngày; - Đối với dự án nhóm A: Không quá 40 ngày; - Đối với dự án nhóm B, nhóm C: Không quá 30 ngày.
Đối tượng thực hiện	Cá nhân, tổ chức
Cơ quan thực hiện	<p>(1) Đơn vị thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum. Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành chức năng có liên quan.</p> <p>(2) Cơ quan phê duyệt: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án không thuộc trường hợp Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.</p>
Kết quả	Báo nghiên cứu khả thi được phê duyệt.
Phí, Lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai	Phụ lục IV (<i>Hướng dẫn thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP</i>) ban hành kèm theo Thông tư số 09/2018/TT-BKHĐT ngày 28/12/2018 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.
Yêu cầu, điều kiện	Đối với dự án BT, quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/500 (nếu có) của quỹ đất dự kiến thanh toán

	cho nhà đầu tư phải được lập và phê duyệt theo quy định của pháp luật trước khi báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư công; - Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức PPP; - Thông tư số 09/2018/TT-BKHĐT ngày 28/12/2018 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

Mẫu: Phụ lục IV
HƯỚNG DẪN THẨM ĐỊNH
BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI DỰ ÁN PPP

Căn cứ tính chất, quy mô, lĩnh vực và nội dung của báo cáo nghiên cứu khả thi (BCNCKT), báo cáo thẩm định BCNCKT được thực hiện theo các nội dung hướng dẫn dưới đây. Đối với BCNCKT do nhà đầu tư lập, cần xem xét các yếu tố khác mà nhà đầu tư thuyết minh. Đơn vị thẩm định cần đưa ra ý kiến nhận xét cụ thể đối với từng nội dung và đề xuất phương án giải quyết trường hợp có nội dung chưa đồng thuận hoặc cần bổ sung, hoàn thiện với đơn vị chuẩn bị dự án hoặc nhà đầu tư lập BCNCKT.

A. KHÁI QUÁT VỀ DỰ ÁN

Trình bày thông tin khái quát về dự án, bao gồm: Tên dự án; tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tên đơn vị chuẩn bị dự án hoặc nhà đầu tư được giao lập BCNCKT; địa điểm, quy mô, công suất dự án, diện tích sử dụng đất; yêu cầu về kỹ thuật; tổng vốn đầu tư; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia trong dự án (nếu có); loại hợp đồng dự án; phương án tài chính; thời gian hợp đồng dự án; ưu đãi và bảo đảm đầu tư; các nội dung liên quan khác.

B. TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

1. Tổng hợp ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan.
2. Tổng hợp ý kiến đánh giá tác động của dự án theo nội dung quy định tại Mục I.6 Phần D Phụ lục III Thông tư này.

C. TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

I. Kiểm tra hồ sơ

Đơn vị thẩm định đưa ra đánh giá về:

- Tính đầy đủ về thành phần, nội dung hồ sơ.
- Sự phù hợp của căn cứ pháp lý được áp dụng để lập BCNCKT.
- Sự tuân thủ quy định của pháp luật trong quá trình tổ chức lập BCNCKT.

II. Thẩm định về nội dung của hồ sơ

1. Sự cần thiết đầu tư dự án

Đơn vị thẩm định xem xét sự phù hợp của BCNCKT đối với một số nội dung sau:

- Sự phù hợp của dự án đối với quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, vùng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.
- Tính cấp bách, cần thiết phải đầu tư dự án.

- Tác động của việc thực hiện dự án đối với cộng đồng, dân cư trong phạm vi dự án.

- Sự phù hợp của các mục tiêu tổng thể và mục tiêu cụ thể đối với hiện trạng của ngành, lĩnh vực hoặc địa phương, khả năng giải quyết các vấn đề mà cộng đồng dân cư yêu cầu.

- Lợi thế của việc đầu tư dự án theo hình thức PPP so với các phương thức đầu tư khác.

- Mức độ ảnh hưởng của các dự án có liên quan.

2. Tính khả thi của dự án

a) Thẩm định tính khả thi về mặt kỹ thuật

- Các yêu cầu về mặt kỹ thuật: Xem xét sự phù hợp của phương án kỹ thuật, công nghệ với quy mô, công suất của dự án, các tiêu chuẩn, định mức và yêu cầu kỹ thuật đầu vào; tính sẵn có và khả năng ứng dụng thực tiễn của công nghệ được lựa chọn; tính rõ ràng, đầy đủ của việc xác định các rủi ro kỹ thuật chính, tính hợp lý của phương án giảm thiểu các rủi ro đó; tính thực tiễn của các chỉ số đánh giá chất lượng thực hiện dự án về mặt kỹ thuật.

- Thiết kế cơ sở: Tổng hợp ý kiến thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo pháp luật xây dựng đối với dự án có cấu phần xây dựng hoặc cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật chuyên ngành đối với dự án không có cấu phần xây dựng.

- Các yếu tố đầu vào cung ứng cho dự án: Xem xét sự phù hợp của khả năng cung ứng của các yếu tố đầu vào đối với quy mô, công suất của từng thời kỳ đảm bảo phù hợp với dự báo về tăng trưởng nhu cầu.

- Các yếu tố đầu ra của dự án: Xem xét sự phù hợp của các yếu tố đầu ra với quy mô, công suất, nhu cầu sử dụng công trình dự án, sản phẩm hoặc dịch vụ cung cấp; xem xét tính phù hợp của các chỉ số đánh giá chất lượng thực hiện dự án được trình bày trong BCNCKT.

b) Hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Đóng góp của dự án cho các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội: Việc phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội nhằm so sánh lợi ích giữa phương án thực hiện đầu tư dự án với phương án giữ nguyên hiện trạng, không thực hiện đầu tư. Bên cạnh đó, trường hợp lựa chọn giữa nhiều dự án, những dự án có hiệu quả kinh tế - xã hội cao hơn sẽ được ưu tiên lựa chọn trên cơ sở kết hợp khả năng cân đối nguồn lực đầu tư của Nhà nước. Do vậy, đơn vị thẩm định cần xem xét sự phù hợp và tính chính xác của các nhóm yếu tố chi phí, lợi ích về mặt kinh tế - xã hội và các chỉ tiêu kinh tế (Giá trị hiện tại ròng kinh tế - ENPV; Tỷ số lợi ích trên chi phí về kinh tế - BCR; Tỷ suất nội hoàn kinh tế - EIRR). Dự án đạt hiệu quả kinh tế - xã hội khi các chỉ tiêu kinh tế nêu trên đáp ứng yêu cầu sau: ENPV phải dương (>0); BCR phải lớn hơn 1 (>1); EIRR phải lớn hơn tỷ suất

chiết khấu xã hội (SDR).

- Tác động của dự án đối với môi trường: Hồ sơ đánh giá tác động môi trường của dự án phải được lập và phê duyệt phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật về bảo vệ môi trường. Đơn vị thẩm định tổng hợp ý kiến thẩm định của cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật về môi trường đối với hồ sơ nêu trên.

- Tác động của dự án đối với xã hội: Xem xét sự phù hợp của các tác động được thuyết minh trong BCNCKT đối với các nhóm đối tượng khác nhau trong xã hội, cộng đồng địa phương, những nhóm đối tượng thiệt thòi không có khả năng chi trả giá hoặc phí đối với sản phẩm, dịch vụ của dự án như phụ nữ, người nghèo, người tàn tật...

- Tác động của dự án đối với quốc phòng, an ninh (nếu có): Trường hợp dự án có liên quan đến các vấn đề quốc phòng, an ninh, xem xét sự phù hợp của các tác động và biện pháp giảm thiểu được trình bày trong BCNCKT.

c) Tính khả thi về mặt tài chính

- Trừ dự án áp dụng loại hợp đồng BT, đơn vị thẩm định xem xét sự phù hợp và tính chính xác của các yếu tố tài chính đầu vào, các chỉ tiêu tài chính (Giá trị hiện tại ròng tài chính – NPV; Tỷ suất nội hoàn tài chính – IRR) và phương án tài chính sơ bộ của dự án. Dự án đạt hiệu quả tài chính khi:

+ NPV phải dương (>0).

+ IRR lớn hơn giá trị (i) chi phí vốn bình quân gia quyền của dự án WACC và phù hợp với các giá trị: (ii) IRR của các dự án có tính chất tương tự, trong cùng lĩnh vực; (iii) IRR kỳ vọng tối thiểu của các nhà đầu tư tiềm năng đối với dự án.

+ Bên cạnh đó, đối với BCNCKT bổ sung các chỉ tiêu khác để đánh giá tính khả thi của phương án tài chính theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, đơn vị thẩm định xem xét thêm các chỉ tiêu này để đánh giá tính khả thi của dự án.

- Đối với dự án BT sử dụng quỹ đất, trụ sở làm việc, tài sản kết cấu hạ tầng hoặc quyền kinh doanh khai thác công trình, dịch vụ thanh toán cho nhà đầu tư, dự án có tính khả thi về tài chính khi quỹ đất, trụ sở làm việc, tài sản kết cấu hạ tầng hoặc quyền kinh doanh khai thác công trình, dịch vụ được xác định cụ thể, phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo nguyên tắc thanh toán theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài sản công và pháp luật chuyên ngành.

- Trường hợp dự án có sử dụng phần Nhà nước tham gia trong dự án: Xem xét sự phù hợp của giá trị phần vốn, số vốn được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn đối với vốn đầu tư công; sự phù hợp của giá trị và mục đích sử dụng tài sản công được xác định trong quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án PPP theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công

hoặc vốn từ nguồn thu để lại từ hoạt động cung cấp dịch vụ công để thanh toán cho nhà đầu tư hoặc kế hoạch vốn, dự toán chi đối với vốn từ nguồn chi thường xuyên, phương thức, kế hoạch và tiến độ giải ngân cho nhà đầu tư.

- Đối với dự án nhóm C sử dụng vốn đầu tư công, việc thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với phần vốn đầu tư công theo phân cấp quy định tại pháp luật về đầu tư công, làm cơ sở để phê duyệt BCNCKT;

- Sự phù hợp của các hình thức ưu đãi, bảo đảm đầu tư.

3. Sự phù hợp của loại hợp đồng dự án

Đơn vị thẩm định xem xét BCNCKT theo một số nội dung sau:

- Sự phù hợp của loại hợp đồng dự án và thời gian hợp đồng được lựa chọn.

- Tính hợp lý trong việc phân chia trách nhiệm của các bên trong quá trình triển khai dự án.

- Các rủi ro chính của dự án được xác định đầy đủ và phù hợp trong các kịch bản tài chính;

- Khả năng xảy ra các rủi ro và mức độ ảnh hưởng đối với dự án được xác định cụ thể và phù hợp;

- Các biện pháp giảm thiểu rủi ro được xác định phù hợp.

4. Sự phù hợp của kế hoạch triển khai dự án, cơ chế giám sát và quản lý dự án

Đơn vị thẩm định cần xem xét và có ý kiến cụ thể về sự phù hợp của kế hoạch triển khai dự án, cơ chế giám sát và quản lý dự án được trình bày trong BCNCKT.

D. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

I. Nhận xét

Trên cơ sở các phân tích nêu trên, đơn vị thẩm định tổng hợp nhận xét về BCNCKT.

II. Kiến nghị

- Trường hợp BCNCKT phù hợp với quy định của pháp luật và được đánh giá là khả thi để triển khai đầu tư theo hình thức PPP, đơn vị thẩm định kiến nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt BCNCKT. Đối với dự án nhóm C có từ hai nhà đầu tư trở lên cùng nộp hồ sơ đề xuất dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 63/2018/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư này, đơn vị thẩm định kiến nghị hồ sơ đề xuất dự án được lựa chọn để cấp có thẩm quyền phê duyệt BCNCKT.

- Trường hợp không thống nhất với nội dung của BCNCKT, đơn vị thẩm định báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo một trong hai phương án sau:

+ Phương án 1: Yêu cầu đơn vị chuẩn bị dự án, nhà đầu tư điều chỉnh BCNCKT.

+ Phương án 2: Không phê duyệt BCNCKT.

3. Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án do nhà đầu tư đề xuất.

<p>Trình tự thực hiện</p>	<p>Bước 1. Nhà đầu tư lập hồ sơ đề xuất dự án gửi UBND cấp tỉnh tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - P Quyết Thắng -Tp. Kon Tum. - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). <p>Bước 2. Cán bộ kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung. <p>Bước 3: Cơ quan, tổ chức thẩm định tiếp nhận và kiểm tra sơ bộ về tính hợp lệ của hồ sơ, phát hành văn bản lấy ý kiến (nếu có) các ngành liên quan (<i>nếu hồ sơ hợp lệ</i>).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ còn thiếu hoặc chưa hợp lệ thì có văn bản phúc đáp sau 03 ngày tiếp nhận hồ sơ. <p>Bước 4: hồ sơ Dự án đảm bảo theo quy định. Sở Kế hoạch và Đầu tư bố trí thời gian tổ chức thẩm định theo quy định và trình cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt.</p> <p>Bước 5. Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện</p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm: Hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh do nhà đầu tư chuẩn bị gồm các thành phần hồ sơ tại mục (1); hồ sơ trình phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh do tổ chức, đơn vị được giao thẩm định trình gồm các thành phần hồ sơ tại mục (2). Cụ thể:</p> <p>(1) Hồ sơ nhà đầu tư gửi cơ quan nhà nước có thẩm</p>

	<p>quyền</p> <p>+ Tờ trình phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh;</p> <p>+ Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh;</p> <p>(2) Hồ sơ trình phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh:</p> <p>+ Tờ trình phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh;</p> <p>+ Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh;</p> <p>+ Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh;</p> <p>+ Quyết định chủ trương đầu tư dự án (trừ dự án nhóm C); báo cáo thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với dự án nhóm C sử dụng vốn đầu tư công;</p> <p>+ Các tài liệu, văn bản pháp lý có liên quan.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 05 (bộ)</p>
Thời gian giải quyết	<p>- Đối với dự án quan trọng quốc gia: Không quá 90 ngày;</p> <p>- Đối với dự án nhóm A: Không quá 40 ngày;</p> <p>- Đối với dự án nhóm B, nhóm C: Không quá 30 ngày.</p>
Đối tượng thực hiện	Cá nhân, tổ chức
Cơ quan thực hiện	<p>(1) Đơn vị thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum. Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành chức năng có liên quan.</p> <p>(2) Cơ quan phê duyệt: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án không thuộc trường hợp Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.</p>
Kết quả	Báo nghiên cứu khả thi điều chỉnh được phê duyệt.
Phí, Lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai	Phụ lục IV (<i>Hướng dẫn thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án điều chỉnh PPP</i>) ban hành kèm theo Thông tư số 09/2018/TT-BKHĐT ngày 28/12/2018 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

Yêu cầu, điều kiện	Đối với dự án BT, quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/500 (nếu có) của quỹ đất dự kiến thanh toán cho nhà đầu tư phải được lập và phê duyệt theo quy định của pháp luật trước khi báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư công; - Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 về đầu tư theo hình thức PPP; - Thông tư số 09/2018/TT-BKHĐT ngày 28/12/2018 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

Mẫu: Phụ lục IV
HƯỚNG DẪN THẨM ĐỊNH
BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN PPP

Căn cứ tính chất, quy mô, lĩnh vực và nội dung của báo cáo nghiên cứu khả thi (BCNCKT), báo cáo thẩm định BCNCKT được thực hiện theo các nội dung hướng dẫn dưới đây. Đối với BCNCKT do nhà đầu tư lập, cần xem xét các yếu tố khác mà nhà đầu tư thuyết minh. Đơn vị thẩm định cần đưa ra ý kiến nhận xét cụ thể đối với từng nội dung và đề xuất phương án giải quyết trường hợp có nội dung chưa đồng thuận hoặc cần bổ sung, hoàn thiện với đơn vị chuẩn bị dự án hoặc nhà đầu tư lập BCNCKT.

A. KHÁI QUÁT VỀ DỰ ÁN

Trình bày thông tin khái quát về dự án, bao gồm: Tên dự án; tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tên đơn vị chuẩn bị dự án hoặc nhà đầu tư được giao lập BCNCKT; địa điểm, quy mô, công suất dự án, diện tích sử dụng đất; yêu cầu về kỹ thuật; tổng vốn đầu tư; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia trong dự án (nếu có); loại hợp đồng dự án; phương án tài chính; thời gian hợp đồng dự án; ưu đãi và bảo đảm đầu tư; các nội dung liên quan khác.

B. TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

1. Tổng hợp ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan.
2. Tổng hợp ý kiến đánh giá tác động của dự án theo nội dung quy định tại Mục I.6 Phần D Phụ lục III Thông tư này.

C. TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

I. Kiểm tra hồ sơ

Đơn vị thẩm định đưa ra đánh giá về:

- Tính đầy đủ về thành phần, nội dung hồ sơ.
- Sự phù hợp của căn cứ pháp lý được áp dụng để lập BCNCKT.
- Sự tuân thủ quy định của pháp luật trong quá trình tổ chức lập BCNCKT.

II. Thẩm định về nội dung của hồ sơ

1. Sự cần thiết đầu tư dự án

Đơn vị thẩm định xem xét sự phù hợp của BCNCKT đối với một số nội dung sau:

- Sự phù hợp của dự án đối với quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, vùng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.
- Tính cấp bách, cần thiết phải đầu tư dự án.

- Tác động của việc thực hiện dự án đối với cộng đồng, dân cư trong phạm vi dự án.

- Sự phù hợp của các mục tiêu tổng thể và mục tiêu cụ thể đối với hiện trạng của ngành, lĩnh vực hoặc địa phương, khả năng giải quyết các vấn đề mà cộng đồng dân cư yêu cầu.

- Lợi thế của việc đầu tư dự án theo hình thức PPP so với các phương thức đầu tư khác.

- Mức độ ảnh hưởng của các dự án có liên quan.

2. Tính khả thi của dự án

a) Thẩm định tính khả thi về mặt kỹ thuật

- Các yêu cầu về mặt kỹ thuật: Xem xét sự phù hợp của phương án kỹ thuật, công nghệ với quy mô, công suất của dự án, các tiêu chuẩn, định mức và yêu cầu kỹ thuật đầu vào; tính sẵn có và khả năng ứng dụng thực tiễn của công nghệ được lựa chọn; tính rõ ràng, đầy đủ của việc xác định các rủi ro kỹ thuật chính, tính hợp lý của phương án giảm thiểu các rủi ro đó; tính thực tiễn của các chỉ số đánh giá chất lượng thực hiện dự án về mặt kỹ thuật.

- Thiết kế cơ sở: Tổng hợp ý kiến thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo pháp luật xây dựng đối với dự án có cấu phần xây dựng hoặc cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật chuyên ngành đối với dự án không có cấu phần xây dựng.

- Các yếu tố đầu vào cung ứng cho dự án: Xem xét sự phù hợp của khả năng cung ứng của các yếu tố đầu vào đối với quy mô, công suất của từng thời kỳ đảm bảo phù hợp với dự báo về tăng trưởng nhu cầu.

- Các yếu tố đầu ra của dự án: Xem xét sự phù hợp của các yếu tố đầu ra với quy mô, công suất, nhu cầu sử dụng công trình dự án, sản phẩm hoặc dịch vụ cung cấp; xem xét tính phù hợp của các chỉ số đánh giá chất lượng thực hiện dự án được trình bày trong BCNCKT.

b) Hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Đóng góp của dự án cho các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội: Việc phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội nhằm so sánh lợi ích giữa phương án thực hiện đầu tư dự án với phương án giữ nguyên hiện trạng, không thực hiện đầu tư. Bên cạnh đó, trường hợp lựa chọn giữa nhiều dự án, những dự án có hiệu quả kinh tế - xã hội cao hơn sẽ được ưu tiên lựa chọn trên cơ sở kết hợp khả năng cân đối nguồn lực đầu tư của Nhà nước. Do vậy, đơn vị thẩm định cần xem xét sự phù hợp và tính chính xác của các nhóm yếu tố chi phí, lợi ích về mặt kinh tế - xã hội và các chỉ tiêu kinh tế (Giá trị hiện tại ròng kinh tế - ENPV; Tỷ số lợi ích trên chi phí về kinh tế - BCR; Tỷ suất nội hoàn kinh tế - EIRR). Dự án đạt hiệu quả kinh tế - xã hội khi các chỉ tiêu kinh tế nêu trên đáp ứng yêu cầu sau: ENPV phải dương (>0); BCR phải lớn hơn 1 (>1); EIRR phải lớn hơn tỷ suất

chiết khấu xã hội (SDR).

- Tác động của dự án đối với môi trường: Hồ sơ đánh giá tác động môi trường của dự án phải được lập và phê duyệt phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật về bảo vệ môi trường. Đơn vị thẩm định tổng hợp ý kiến thẩm định của cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật về môi trường đối với hồ sơ nêu trên.

- Tác động của dự án đối với xã hội: Xem xét sự phù hợp của các tác động được thuyết minh trong BCNCKT đối với các nhóm đối tượng khác nhau trong xã hội, cộng đồng địa phương, những nhóm đối tượng thiệt thòi không có khả năng chi trả giá hoặc phí đối với sản phẩm, dịch vụ của dự án như phụ nữ, người nghèo, người tàn tật...

- Tác động của dự án đối với quốc phòng, an ninh (nếu có): Trường hợp dự án có liên quan đến các vấn đề quốc phòng, an ninh, xem xét sự phù hợp của các tác động và biện pháp giảm thiểu được trình bày trong BCNCKT.

c) Tính khả thi về mặt tài chính

- Trừ dự án áp dụng loại hợp đồng BT, đơn vị thẩm định xem xét sự phù hợp và tính chính xác của các yếu tố tài chính đầu vào, các chỉ tiêu tài chính (Giá trị hiện tại ròng tài chính – NPV; Tỷ suất nội hoàn tài chính – IRR) và phương án tài chính sơ bộ của dự án. Dự án đạt hiệu quả tài chính khi:

+ NPV phải dương (>0).

+ IRR lớn hơn giá trị (i) chi phí vốn bình quân gia quyền của dự án WACC và phù hợp với các giá trị: (ii) IRR của các dự án có tính chất tương tự, trong cùng lĩnh vực; (iii) IRR kỳ vọng tối thiểu của các nhà đầu tư tiềm năng đối với dự án.

+ Bên cạnh đó, đối với BCNCKT bổ sung các chỉ tiêu khác để đánh giá tính khả thi của phương án tài chính theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, đơn vị thẩm định xem xét thêm các chỉ tiêu này để đánh giá tính khả thi của dự án.

- Đối với dự án BT sử dụng quỹ đất, trụ sở làm việc, tài sản kết cấu hạ tầng hoặc quyền kinh doanh khai thác công trình, dịch vụ thanh toán cho nhà đầu tư, dự án có tính khả thi về tài chính khi quỹ đất, trụ sở làm việc, tài sản kết cấu hạ tầng hoặc quyền kinh doanh khai thác công trình, dịch vụ được xác định cụ thể, phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo nguyên tắc thanh toán theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài sản công và pháp luật chuyên ngành.

- Trường hợp dự án có sử dụng phần Nhà nước tham gia trong dự án: Xem xét sự phù hợp của giá trị phần vốn, số vốn được bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn đối với vốn đầu tư công; sự phù hợp của giá trị và mục đích sử dụng tài sản công được xác định trong quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án PPP theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công

hoặc vốn từ nguồn thu để lại từ hoạt động cung cấp dịch vụ công để thanh toán cho nhà đầu tư hoặc kế hoạch vốn, dự toán chi đối với vốn từ nguồn chi thường xuyên, phương thức, kế hoạch và tiến độ giải ngân cho nhà đầu tư.

- Đối với dự án nhóm C sử dụng vốn đầu tư công, việc thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với phần vốn đầu tư công theo phân cấp quy định tại pháp luật về đầu tư công, làm cơ sở để phê duyệt BCNCKT;

- Sự phù hợp của các hình thức ưu đãi, bảo đảm đầu tư.

3. Sự phù hợp của loại hợp đồng dự án

Đơn vị thẩm định xem xét BCNCKT theo một số nội dung sau:

- Sự phù hợp của loại hợp đồng dự án và thời gian hợp đồng được lựa chọn.

- Tính hợp lý trong việc phân chia trách nhiệm của các bên trong quá trình triển khai dự án.

- Các rủi ro chính của dự án được xác định đầy đủ và phù hợp trong các kịch bản tài chính;

- Khả năng xảy ra các rủi ro và mức độ ảnh hưởng đối với dự án được xác định cụ thể và phù hợp;

- Các biện pháp giảm thiểu rủi ro được xác định phù hợp.

4. Sự phù hợp của kế hoạch triển khai dự án, cơ chế giám sát và quản lý dự án

Đơn vị thẩm định cần xem xét và có ý kiến cụ thể về sự phù hợp của kế hoạch triển khai dự án, cơ chế giám sát và quản lý dự án được trình bày trong BCNCKT.

D. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

I. Nhận xét

Trên cơ sở các phân tích nêu trên, đơn vị thẩm định tổng hợp nhận xét về BCNCKT.

II. Kiến nghị

- Trường hợp BCNCKT phù hợp với quy định của pháp luật và được đánh giá là khả thi để triển khai đầu tư theo hình thức PPP, đơn vị thẩm định kiến nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt BCNCKT. Đối với dự án nhóm C có từ hai nhà đầu tư trở lên cùng nộp hồ sơ đề xuất dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 63/2018/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư này, đơn vị thẩm định kiến nghị hồ sơ đề xuất dự án được lựa chọn để cấp có thẩm quyền phê duyệt BCNCKT.

- Trường hợp không thống nhất với nội dung của BCNCKT, đơn vị thẩm định báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo một trong hai phương án sau:

+ Phương án 1: Yêu cầu đơn vị chuẩn bị dự án, nhà đầu tư điều chỉnh BCNCKT.

+ Phương án 2: Không phê duyệt BCNCKT.

VIII. LĨNH VỰC VỐN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC (ODA) VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI: 02 TTHC

1. Thủ tục: Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Sau khi có quyết định chủ trương đầu tư, chủ dự án phối hợp với nhà tài trợ nước ngoài lập văn kiện chương trình, dự án; gửi Hồ sơ Dự án tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <p>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - P Quyết Thắng -Tp. Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p> <p>Bước 2: Cán bộ kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì đề xuất văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh lấy ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn cho chương trình, dự án (vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng), ý kiến của Bộ Tài chính về cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với chương trình, dự án và văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến các cơ quan khác về những nội dung có liên quan;</p> <p>Bước 3: Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, chủ dự án hoàn chỉnh văn kiện chương trình, dự án, lập Hồ sơ thẩm định chương trình, dự án để thẩm định;</p> <p>Bước 4: Sở Kế hoạch và Đầu tư bố trí thời gian tổ chức thẩm định văn kiện chương trình, dự án theo quy định</p> <p>Bước 5: Cán bộ xử lý tiếp nhận hồ sơ hoàn chỉnh hợp lệ của chủ dự án (theo Biên bản thẩm định, Thông báo kết quả thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư), lập Báo cáo kết quả thẩm định và dự thảo Quyết định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt văn kiện chương trình, dự án và quyết định đầu tư chương trình, dự án.</p> <p>Bước 6: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ</p>
----------------------------	---

	nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị thẩm định văn kiện chương trình, dự án của chủ dự án - Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án. - Văn kiện chương trình, dự án. - Trường hợp chương trình, dự án vay lại toàn bộ hoặc một phần từ ngân sách nhà nước, chủ dự án gửi kèm theo các tài liệu chứng minh năng lực tài chính, phương án trả nợ và các tài liệu khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. - Ý kiến bằng văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các cơ quan có liên quan trong quá trình xây dựng văn kiện chương trình, dự án. - Các tài liệu có liên quan đến chương trình, dự án bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	<p>1. Thời gian thẩm định văn kiện chương trình, dự án tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với dự án đầu tư nhóm A: không quá 40 ngày; - Đối với dự án đầu tư nhóm B: không quá 30 ngày; - Đối với dự án đầu tư nhóm C: không quá 20 ngày. <p>2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt Văn kiện chương trình, dự án và quyết định đầu tư chương trình, dự án.</p> <p>3. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định đầu tư chương trình, dự án; Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo cho nhà tài trợ nước ngoài và chủ dự án về quyết định đầu tư chương trình, dự án, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan Quyết định đầu tư chương trình, dự án (bản gốc hoặc bản sao có công chứng) kèm theo văn kiện chương trình, dự án đã được phê duyệt có đóng dấu giáp lai của Ủy ban nhân dân tỉnh để giám sát và phối hợp thực hiện.</p>

Đối tượng thực hiện:	Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND tỉnh. - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư (Phòng Đấu thầu, Thẩm định và Giám sát đầu tư; Phòng Kinh tế đối ngoại) - Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành chức năng có liên quan.
Kết quả:	Quyết định phê duyệt Chương trình, Dự án của UBND tỉnh hoặc của Sở Kế hoạch và Đầu tư (<i>theo hạn mức được uỷ quyền</i>)
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Mẫu Văn kiện chương trình, dự án tại Phụ lục V và VI ban hành kèm theo Nghị định 16/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 132/2018/NĐ-CP của Chính phủ.
Yêu cầu, điều kiện:	<p>Quy định tại Điều 25 Nghị định 16/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 132/2018/NĐ-CP, cụ thể: Cơ quan chủ quản phê duyệt văn kiện chương trình, dự án không thuộc phạm vi sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia đã được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư; - Chương trình mục tiêu đã được Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư; - Chương trình kèm theo khung chính sách; chương trình, dự án trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng, tôn giáo đã được quyết định chủ trương đầu tư

Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none">-Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;- Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;- Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ.- Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành Quy định một số nội dung về công tác quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước của tỉnh Kon Tum.
------------------------	--

Phụ lục V

MẪU VĂN KIẾN DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI KHÔNG CÓ CẤU PHẦN XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 của Chính phủ)

Nội dung văn kiện dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi) không có cấu phần xây dựng sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Luật đầu tư công và bổ sung các nội dung liên quan đến vốn ODA, vốn vay ưu đãi, bao gồm các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án.
2. Nhà tài trợ, đồng tài trợ nước ngoài.
3. Tên và địa chỉ liên lạc của cơ quan chủ quản và chủ dự án.

II. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA DỰ ÁN

1. Sự phù hợp và các đóng góp của dự án vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, quy hoạch phát triển ngành, vùng và địa phương.
2. Mối quan hệ với các chương trình, dự án khác nhằm hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan của chương trình, dự án.
3. Sự cần thiết của dự án (nêu rõ những vấn đề cần giải quyết trong khuôn khổ dự án).

4. Nhu cầu hỗ trợ bằng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

III. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Nêu rõ tính phù hợp của dự án với định hướng hợp tác và lĩnh vực ưu tiên của nhà tài trợ nước ngoài; điều kiện cung cấp vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài và khả năng đáp ứng của phía Việt Nam.

IV. NỘI DUNG DỰ ÁN

1. Phân tích, xác định mục tiêu, nhiệm vụ, kết quả đầu ra của dự án; phân tích, lựa chọn quy mô hợp lý; xác định phân kỳ đầu tư; lựa chọn hình thức đầu tư.
2. Phân tích các điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - kỹ thuật, lựa chọn địa điểm đầu tư.
3. Phân tích, lựa chọn phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị.
4. Phương án tổ chức quản lý, khai thác, sử dụng dự án.
5. Đánh giá tác động môi trường và giải pháp bảo vệ môi trường.
6. Phương án tổng thể đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư.

7. Dự kiến tiến độ thực hiện dự án; các mốc thời gian chính thực hiện đầu tư.

8. Vốn đầu tư:

a) Xác định tổng mức đầu tư;

b) Cơ cấu nguồn vốn, bao gồm: vốn ODA, vốn vay ưu đãi (nguyên tệ và quy đổi ra đô la Mỹ); vốn đối ứng (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ).

c) Phương án huy động vốn, trong đó nêu rõ nguồn vốn đối ứng (ngân sách trung ương, địa phương), giá trị đóng góp bằng hiện vật. Trách nhiệm bố trí vốn đối ứng của các cấp ngân sách và các đối tượng tham gia thực hiện, đối tượng thụ hưởng dự án (nếu có).

9. Điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài: giải trình về những nội dung quy định tại khoản 4, Điều 6 Nghị định này (trường hợp vốn ODA và vốn vay ưu đãi có ràng buộc).

10. Cơ chế tài chính trong nước đối với dự án:

a) Cấp phát toàn bộ, cho vay lại toàn bộ, cho vay lại một phần với tỷ lệ cho vay lại cụ thể từ ngân sách nhà nước; điều khoản và điều kiện cho vay lại; phương án trả nợ vốn vay;

b) Phương thức tài trợ dự án hay giải ngân qua ngân sách nhà nước; phương thức vay lại qua ngân hàng thương mại hay vay lại trực tiếp từ Ngân sách Nhà nước;

c) Việc thỏa mãn các điều kiện được vay lại của chủ dự án theo quy định của Luật quản lý nợ công đối với chương trình, dự án vay lại; cơ sở tính toán doanh thu, chi phí, tính khả thi của dự án theo các điều kiện của khoản vay nước ngoài; phương án trả nợ, phương án tài sản đảm bảo tiền vay.

11. Xác định chi phí vận hành, bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa lớn trong giai đoạn khai thác dự án.

12. Tổ chức quản lý dự án, bao gồm xác định chủ dự án, phân tích lựa chọn hình thức tổ chức quản lý thực hiện dự án, mối quan hệ và trách nhiệm của các chủ thể liên quan đến quá trình thực hiện dự án, tổ chức bộ máy quản lý khai thác dự án.

13. Phân tích hiệu quả đầu tư, bao gồm hiệu quả và tác động kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, khả năng thu hồi vốn đầu tư (nếu có).

14. Các hoạt động thực hiện trước (nếu có): Trên cơ sở các hoạt động thực hiện trước tại Quyết định chủ trương đầu tư, trình bày cụ thể các hoạt động thực hiện trước theo quy định tại Điều 19 Nghị định này.

V. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN

1. Kế hoạch triển khai các hành động thực hiện trước (nếu có).

2. Kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện dự án cho năm đầu tiên.

3. Kế hoạch giám sát và đánh giá dự án./.

Phụ lục VI
MẪU VĂN KIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG
VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI CÓ CẤU PHẦN XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 của Chính phủ)

Nội dung văn kiện dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi) có cấu phần xây dựng sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi theo quy định tại Điều 54 của Luật xây dựng; bổ sung thêm các nội dung liên quan đến vốn ODA và vốn vay ưu đãi, bao gồm các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án.
2. Nhà tài trợ, đồng tài trợ nước ngoài.
3. Tên và địa chỉ liên lạc của cơ quan chủ quản và chủ dự án.

II. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA DỰ ÁN

1. Sự phù hợp và các đóng góp của dự án vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, quy hoạch phát triển ngành, vùng và địa phương.

2. Mối quan hệ với các chương trình, dự án khác nhằm hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan của chương trình, dự án.

3. Sự cần thiết của dự án (nêu rõ những vấn đề cần giải quyết trong khuôn khổ dự án).

4. Nhu cầu hỗ trợ bằng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

III. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Nêu rõ tính phù hợp của dự án với định hướng hợp tác và lĩnh vực ưu tiên của nhà tài trợ nước ngoài; điều kiện cung cấp vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài và khả năng đáp ứng của phía Việt Nam.

IV. VỐN ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN

1. Cơ cấu nguồn vốn, bao gồm: vốn ODA, vốn vay ưu đãi (nguyên tệ và quy đổi 38 ra đô la Mỹ), vốn đối ứng (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ).

2. Phương án huy động vốn, trong đó nêu rõ nguồn vốn đối ứng (ngân sách trung ương, địa phương), giá trị đóng góp bằng hiện vật. Trách nhiệm bố trí vốn đối ứng của các cấp ngân sách và các đối tượng tham gia thực hiện, đối tượng thụ hưởng dự án (nếu có).

3. Điều kiện ràng buộc về sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài: giải trình về những nội dung quy định tại khoản 4, Điều 6 Nghị định này (trường hợp vốn ODA, vốn vay ưu đãi có ràng buộc).

4. Cơ chế tài chính trong nước đối với dự án:

a) Cấp phát toàn bộ, cho vay lại toàn bộ, cho vay lại một phần với tỷ lệ cho vay lại cụ thể từ ngân sách nhà nước; điều khoản và điều kiện cho vay lại; phương án trả nợ vốn vay;

b) Phương thức tài trợ dự án hay giải ngân qua ngân sách nhà nước; phương thức cho vay lại qua ngân hàng thương mại hay vay lại trực tiếp từ Ngân sách Nhà nước;

c) Việc thỏa mãn các điều kiện được vay lại của chủ dự án theo quy định của Luật quản lý nợ công đối với chương trình, dự án vay lại; cơ sở tính toán doanh thu, chi phí, tính khả thi của dự án theo các điều kiện của khoản vay nước ngoài; phương án trả nợ, phương án tài sản đảm bảo tiền vay.

V. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN

1. Kế hoạch triển khai các hành động thực hiện trước (nếu có).
2. Kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện dự án cho năm đầu tiên.
3. Kế hoạch giám sát và đánh giá dự án.

VI. CÁC HOẠT ĐỘNG THỰC HIỆN TRƯỚC (nếu có)

Trên cơ sở các hoạt động thực hiện trước tại Quyết định chủ trương đầu tư, trình bày cụ thể các hoạt động thực hiện trước theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 16/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 132/2018/NĐ-CP./

2. Thủ tục: Lập, thẩm định và quyết định phê duyệt Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1: Sau khi có quyết định chủ trương thực hiện (<i>đối với trường hợp dự án phải thực hiện trình tự, thủ tục quyết định chủ trương thực hiện</i>), chủ dự án phối hợp với nhà tài trợ nước ngoài lập văn kiện chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật; gửi Hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện gửi đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum</p> <p>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - P Quyết Thắng -Tp. Kon Tum.</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p> <p>Bước 2: Cán bộ kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ, tùy thuộc vào quy mô, tính chất và nội dung của từng dự án, khoản viện trợ phi dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định/lấy ý kiến thẩm định/không thẩm định, cụ thể như sau:</p> <p>* <i>Đối với các dự án, phi dự án quy định tại khoản 27 điều 1 Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018: Cơ quan chủ quản không tổ chức thẩm định. Người đứng đầu cơ quan chủ quản căn cứ Quyết định chủ trương thực hiện để quyết định phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án.</i></p> <p>* <i>Đối với các dự án, phi dự án không quy định tại khoản 27 điều 1 Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018: tổ chức Hội nghị thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan tùy thuộc vào quy mô, tính chất và nội dung của dự án, phi dự án.</i></p> <p>* <i>Trường hợp khoản viện trợ phi dự án có quy mô vốn ODA không hoàn lại từ 200.000 đô la Mỹ trở xuống, khi phê duyệt Văn kiện phi dự án, không bắt buộc phải lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan</i></p> <p>Bước 3: Cán bộ xử lý tiếp nhận hồ sơ hoàn chỉnh hợp lệ của chủ dự án (theo biên bản thẩm định, Thông báo kết quả thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư), lập Báo cáo kết quả thẩm định Dự án và dự</p>
-----------------------------------	--

	<p>thảo Quyết định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện:	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị thẩm định văn kiện dự án, khoản viện trợ phi dự án của chủ dự án. - Văn bản của nhà tài trợ thống nhất với nội dung dự án, phi dự án và thông báo hoặc cam kết xem xét tài trợ. - Quyết định chủ trương thực hiện chương trình, dự án, phi dự án (nếu có). - Dự thảo Văn kiện chương trình, dự án. - Các văn bản ghi nhớ với nhà tài trợ, báo cáo của đoàn chuyên gia thẩm định thực hiện theo yêu cầu của nhà tài trợ (nếu có). - Văn bản góp ý của các cơ quan liên quan. - Các tài liệu có liên quan đến chương trình, dự án, phi dự án bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thời gian thẩm định Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án: Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ 2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, khoản viện trợ phi dự án. 3. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, khoản viện trợ phi dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo cho nhà tài trợ nước ngoài và chủ dự án về quyết định phê duyệt, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan Quyết định phê duyệt (bản gốc hoặc bản sao có công chứng) kèm theo văn kiện dự án đã được phê duyệt có đóng dấu giáp lai của Ủy ban nhân dân tỉnh để giám sát và phối hợp thực hiện.
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức

Cơ quan thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư (phòng Kinh tế đối ngoại) - Cơ quan phối hợp: các sở, ban, ngành, chức năng có liên quan
Kết quả:	Quyết định phê duyệt Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, khoản viện trợ phi dự án
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Mẫu Văn kiện chương trình, dự án tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 của Chính phủ.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:	<p>Quy định tại Khoản 27, Điều 1, Nghị định 132/2018/NĐ-CP:</p> <p>Điều 30a. Thẩm quyền phê duyệt chủ trương thực hiện dự án, phi dự án và phê duyệt văn kiện dự án, phi dự án:</p> <p>1. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương thực hiện dự án, phi dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại trong các trường hợp sau: Dự án, phi dự án kèm theo khung chính sách; dự án, phi dự án trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng, tôn giáo; dự án, phi dự án có quy mô vốn ODA không hoàn lại tương đương từ 03 triệu đô la Mỹ trở lên; viện trợ mua sắm các loại hàng hóa thuộc diện phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép; sự tham gia của Việt Nam vào chương trình, dự án khu vực.</p> <p>2. Người đứng đầu cơ quan chủ quản</p> <p>a) Phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án trên cơ sở quyết định chủ trương thực hiện của Thủ tướng Chính phủ đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Phê duyệt Văn kiện dự án, phi dự án đối với các trường hợp không quy định tại khoản 1 Điều này và không phải thực hiện trình tự, thủ tục quyết định chủ trương thực hiện.</p>
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; - Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm

	<p>2016 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;</p> <p>- Thông tư số 12/2016/TT-BKHĐT ngày 08/8/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ.</p>
--	--

Phụ lục VII
MẪU VĂN KIẾN DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT SỬ DỤNG
VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI

(Ban hành kèm theo Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 của Chính phủ)

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án.
2. Nhà tài trợ, đồng tài trợ nước ngoài.
3. Tên và địa chỉ liên lạc của cơ quan chủ quản và chủ dự án.
4. Thời gian dự kiến thực hiện dự án.
5. Địa điểm thực hiện dự án.

II. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA DỰ ÁN

1. Sự phù hợp và các đóng góp của dự án vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, quy hoạch phát triển ngành, vùng và địa phương.
2. Mối quan hệ với các chương trình, dự án khác nhằm hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan của chương trình, dự án.
3. Sự cần thiết của dự án (nêu rõ những vấn đề cần giải quyết trong khuôn khổ dự án).
4. Nhu cầu hỗ trợ kỹ thuật bằng vốn ODA, vốn vay ưu đãi.

III. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Nêu rõ tính phù hợp của dự án với định hướng hợp tác và lĩnh vực ưu tiên của nhà tài trợ nước ngoài; điều kiện cung cấp vốn ODA, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài và khả năng đáp ứng của phía Việt Nam.

IV. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN

Nêu rõ các mục tiêu tổng quát và cụ thể của dự án.

V. MÔ TẢ DỰ ÁN

Các hợp phần, hoạt động và kết quả chủ yếu của hỗ trợ kỹ thuật; đánh giá khả năng vận dụng hỗ trợ kỹ thuật vào thực tế.

VI. ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

Nêu rõ đối tượng thụ hưởng trực tiếp và gián tiếp của dự án.

VII. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN

1. Kế hoạch triển khai các hành động thực hiện trước (nếu có).
2. Kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện dự án cho năm đầu tiên.
3. Kế hoạch giám sát và đánh giá dự án.

VIII. TỔ CHỨC QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Nêu rõ hình thức tổ chức quản lý thực hiện; cơ chế phối hợp giữa các bên tham gia chuẩn bị thực hiện, thực hiện và quản lý dự án; năng lực tổ chức, quản lý thực hiện dự án của chủ dự án.

IX. TỔNG VỐN DỰ ÁN

Nêu chi tiết theo từng cấu phần, hạng mục và dòng ngân sách đầu tư phát triển, hành chính sự nghiệp, bao gồm:

1. Vốn ODA, vốn vay ưu đãi (nguyên tệ và quy đổi ra đô la Mỹ).
2. Vốn đối ứng (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ). Nêu rõ nguồn vốn đối ứng (ngân sách trung ương, địa phương), giá trị đóng góp bằng hiện vật. Trách nhiệm bố trí vốn đối ứng của các cấp ngân sách và các đối tượng tham gia thực hiện, đối tượng thụ hưởng dự án (nếu có).

X. ĐIỀU KIỆN RÀNG BUỘC VỀ SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

Giải trình về những nội dung quy định tại khoản 4, Điều 6 Nghị định này (trường hợp vốn ODA, vốn vay ưu đãi có ràng buộc).

XI. CÁC HOẠT ĐỘNG THỰC HIỆN TRƯỚC

Trên cơ sở các hoạt động thực hiện trước tại Quyết định chủ trương đầu tư, trình bày cụ thể các hoạt động thực hiện trước theo quy định tại Điều 19 Nghị định này./.

IX. LĨNH VỰC NGUỒN VIỆN TRỢ PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI: 04 TTHC

1. Thủ tục: *Tiếp nhận dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN).*

Trình tự thực hiện:	<p>- Bước 1: Sau khi được Cơ quan chủ quản giao nhiệm vụ làm chủ khoản viện trợ PCPNN, đơn vị tiếp nhận khoản viện trợ PCPNN phối hợp với Bên tài trợ tổ chức xây dựng văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật theo đúng mẫu quy định; gửi Hồ sơ trực tiếp hoặc bằng đường công văn đến Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum</p> <p>+ Địa chỉ: 12 Nguyễn Viết Xuân, P. Thắng Lợi, Tp. Kon Tum.</p> <p>+ Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần.</p> <p>- Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi bộ hồ sơ kèm theo văn bản đề nghị góp ý kiến tới các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan đến nội dung khoản viện trợ PCPNN được đưa ra thẩm định</p> <p>- Bước 3: Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan có liên quan, chủ khoản viện trợ PCPNN phối hợp với Bên tài trợ hoàn thiện Hồ sơ văn kiện dự án để thẩm định.</p> <p>- Bước 4: Sở Kế hoạch và Đầu tư bố trí thời gian tổ chức thẩm định văn kiện dự án theo quy định.</p> <p>- Bước 5: Cán bộ xử lý tiếp nhận hồ sơ hoàn chỉnh hợp lệ của chủ khoản viện trợ (theo Biên bản thẩm định), lập Báo cáo kết quả thẩm định kèm theo ý kiến của các cơ quan được lấy ý kiến và dự thảo Quyết định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt việc tiếp nhận khoản viện trợ PCPNN.</p>
Cách thức thực hiện:	<p>- Trực tiếp tại trụ sở Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum</p> <p>- Thông qua hệ thống bưu chính.</p>
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Văn bản đề nghị trình phê duyệt của Chủ khoản viện trợ PCPNN- Văn bản của Bên tài trợ thống nhất với nội dung khoản viện trợ PCPNN và thông báo hoặc cam kết xem xét tài trợ cho khoản viện trợ PCPNN đó.- Dự thảo văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật (bằng cả

	<p>tiếng Việt và tiếng nước ngoài) và dự thảo Thỏa thuận viện trợ PCPNN cụ thể (nếu được yêu cầu để ký kết thay văn kiện dự án sau này).</p> <p>- Bản sao Giấy đăng ký hoạt động và/hoặc bản sao giấy tờ hợp pháp về tư cách pháp nhân của Bên tài trợ. Các bản sao cần được hợp pháp hóa lãnh sự để đảm bảo tính hợp pháp của văn bản.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 08 bộ hồ sơ (kể cả bộ hồ sơ gốc).</p>
Thời gian giải quyết:	Thời hạn thẩm định không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư (Phòng Kinh tế đối ngoại)</p> <p>- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành chức năng có liên quan.</p>
Kết quả thực hiện TTHC:	Văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền về việc tiếp nhận viện trợ phi Chính phủ nước ngoài.
Lệ phí:	Không có
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Nội dung văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài tại Phụ lục 1a ban hành kèm theo Thông tư 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ.
Yêu cầu, điều kiện:	Không có
Căn cứ pháp lý:	<p>- Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài.</p> <p>- Thông tư 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ.</p> <p>- Quyết định số 38/2010/QĐ-UBND ngày 14/10/2010 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế về vận động, quản lý và sử dụng các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</p>

PHỤ LỤC 1a
NỘI DUNG VĂN KIẾN
DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT SỬ DỤNG VỐN VIỆN TRỢ PCPNN
(Tên dự án)

THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN

- 1. Tên dự án :**
- 2. Mã ngành dự án¹: Mã số dự án²:.....**
- 3. Tên nhà tài trợ:**
- 4. Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ:**
 - a) Địa chỉ liên lạc:..... b) Số điện thoại/Fax:.....
- 5. Cơ quan chủ quản:**
 - a) Địa chỉ liên lạc:..... b) Số điện thoại/Fax:.....
- 6. Chủ dự án³:**
 - a) Địa chỉ liên lạc:..... b) Số điện thoại/Fax:.....
- 7. Thời gian dự kiến thực hiện dự án⁴:**
- 8. Địa điểm thực hiện dự án (ghi rõ tới cấp huyện, nếu có thể áp dụng được):**
- 9. Tổng vốn của dự án:USD**

Trong đó:

 - a) Vốn viện trợ PCPNN không hoàn lại:nguyên tệ, tương đương..... USD
(theo tỷ giá chuyển đổi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xây dựng Văn kiện dự án)
 - b) Vốn đối ứng:
 - Tiền mặt:VND tương đương với..... USD
 - Hiện vật: tương đươngVND tương đương với..... USD

10. Mục tiêu và kết quả chủ yếu của dự án

Khái quát mục tiêu và các kết quả của dự án

¹ Mã ngành kinh tế quốc dân của dự án, phân theo Danh mục Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam 2007 (Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ)

² Mã dự án - Không bắt buộc – có thể do Bên tài trợ quy định.

³ Chủ Dự án chính là Chủ khoản viện trợ

⁴ Xác định số năm hoặc số tháng cần thiết để thực hiện dự án kể từ ngày dự án có hiệu lực.

Chủ Dự án ký tên và đóng dấu

Đại diện Bên tài trợ ký tên và đóng dấu (nếu cần)

Ngày
tháng năm

Ngày
tháng năm

NỘI DUNG DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT SỬ DỤNG VỐN VIỆN TRỢ PCPNN

I. Căn cứ hình thành dự án

1. Cơ sở pháp lý của dự án
 - a) Quyết định phê duyệt Dự án của Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ PCPNN
 - b) Quyết định của Cơ quan chủ quản về chủ dự án
 - c) Các văn bản pháp lý liên quan khác.
2. Bối cảnh của dự án
 - a) Mô tả chi tiết vai trò, vị trí và sự cần thiết của dự án trong khung khổ quy hoạch, kế hoạch phát triển của lĩnh vực có liên quan và của đơn vị thụ hưởng viện trợ PCPNN (cơ quan, ngành, lĩnh vực, địa phương).
 - b) Nêu các chương trình, dự án tương tự đã và đang thực hiện trong lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan chủ quản và các chương trình, dự án đã được tiếp nhận trong cùng một lĩnh vực để tránh trùng lặp và đảm bảo sự phối hợp, chia sẻ kết quả giữa các dự án với nhau nhằm phát huy hiệu quả tối đa.
3. Các vấn đề sẽ được giải quyết trong khuôn khổ dự án.
4. Nêu rõ những đối tượng thụ hưởng trực tiếp của dự án.

II. Cơ sở đề xuất nhà tài trợ

1. Mô tả tính phù hợp của mục tiêu dự án với chính sách và định hướng ưu tiên của nhà tài trợ.
2. Phân tích lý do lựa chọn và lợi thế của nhà tài trợ về công nghệ, kinh nghiệm quản lý, tư vấn chính sách thuộc lĩnh vực được tài trợ.
3. Nêu các điều kiện ràng buộc theo quy định của nhà tài trợ (nếu có) và khả năng đáp ứng các điều kiện này của phía Việt Nam.

III. Mục tiêu của dự án

1. Mục tiêu dài hạn

Mô tả hiệu quả, những lợi ích lâu dài mà dự án đóng góp vào sự phát triển của xã hội, ngành, lĩnh vực, địa phương và các nhóm đối tượng liên quan.
2. Mục tiêu ngắn hạn

Mô tả đích mà dự án cần đạt được khi kết thúc để đáp ứng nhu cầu trực tiếp của đối tượng thụ hưởng, từ đó hỗ trợ đạt được mục tiêu dài hạn.

IV. Các kết quả chủ yếu của dự án

Xác định rõ các kết quả cuối cùng của dự án và các chỉ số đo lường các kết quả đó

V. Những cấu phần và hoạt động của dự án

Mô tả chi tiết kế hoạch thực hiện các cấu phần hoặc tiểu dự án (nếu có) và hoạt động tương ứng của dự án theo các nội dung sau:

- Mục đích
- Các kết quả dự kiến
- Tổ chức thực hiện

- Thời gian bắt đầu và kết thúc
- Dự kiến nguồn lực

VI. Ngân sách dự án

1. Tổng vốn của dự án:USD

Trong đó:

- a) Vốn viện trợ PCPNN không hoàn lại:....nguyên tệ, tương đương.... USD

(theo tỷ giá chuyên đổi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xây dựng Văn kiện dự án)

- b) Vốn đối ứng:.....VND tương đương với..... USD

Trong đó: -Hiện vật: tương đương..... VND

-Tiền mặt:.....VND

Nguồn vốn được huy động theo một hoặc một số các hình thức sau:

- Vốn ngân sách nhà nước cấp phát.....VND (... %) tổng vốn đối ứng

(trong đó: vốn NS trung ương %, vốn NS địa phương..... %)

- Vốn của cơ quan chủ quản.....VND (... %) tổng vốn đối ứng

- Vốn tự cân đối của chủ dự án.....VND (... %) tổng vốn đối ứng

- Vốn đóng góp của các đối tượng thụ hưởng (nếu có).....VND (... %) tổng vốn đối ứng.

2. Cơ cấu vốn theo: dịch vụ tư vấn (ước tính tỷ trọng chuyên gia trong nước/chuyên gia quốc tế), đào tạo (trong nước, nước ngoài); thiết bị và vật tư (trong nước, nhập khẩu), kinh phí tạo lập các quỹ triển khai hoạt động trong dự án (nếu có), các chi phí quản lý; chi phí theo dõi và đánh giá dự án, kiểm toán dự án và các chi phí khác.

VII. Các quy định về quản lý tài chính của dự án

1. Hình thức giải ngân (qua kho bạc, tài khoản đặc biệt hay tài khoản tạm ứng...)
2. Tổ chức công tác kế toán, thanh quyết toán
3. Trách nhiệm quản lý vốn (mở tài khoản, chủ tài khoản...)
4. Kiểm toán dự án

VIII. Tổ chức quản lý thực hiện dự án

1. Cơ cấu tổ chức
 - a) Mô hình tổ chức quản lý dự án theo thỏa thuận với nhà tài trợ
 - b) Hoạt động của Ban quản lý dự án tuân theo quy định tại Thông tư số .../2010/TT-BKH ngàyvề Hướng dẫn thực hiện Quy chế về quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009
2. Cơ chế phối hợp
 - a) Phối hợp giữa cơ quan chủ quản, chủ dự án, Ban quản lý dự án (ban quản lý tiểu dự án)
 - b) Phối hợp giữa các đơn vị tham gia thực hiện dự án với nhà tài trợ và các cơ quan khác trong quá trình thực hiện dự án.

3. Năng lực tổ chức, quản lý thực hiện của chủ dự án sẽ được giao thực hiện dự án.

IX. Theo dõi và đánh giá dự án

1. Xây dựng chi tiết kế hoạch theo dõi thực hiện dự án trên các mặt:
 - a) Thực hiện dự án
 - b) Quản lý dự án
 - c) Xử lý, phản hồi thông tin theo dõi
2. Xây dựng chi tiết kế hoạch đánh giá tình hình thực hiện dự án
 - a) Đánh giá ban đầu
 - b) Đánh giá giữa kỳ
 - c) Đánh giá kết thúc
3. Chế độ kiểm tra, báo cáo của dự án
4. Cơ chế báo cáo

Tuân theo quy định tại Thông tư số .../2010/TT-BKH ngày về Hướng dẫn thực hiện Quy chế về quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009

X. Tác động của dự án

1. Phân tích tác động của dự án đối với đối tượng thụ hưởng (trực tiếp, gián tiếp)

Nêu rõ những lợi ích đối với các đối tượng thụ hưởng sau khi dự án kết thúc (bằng định tính và định lượng).

2. Phân tích các tác động kinh tế, xã hội và môi trường của dự án sau khi kết thúc
 - a) Mô tả tác động kinh tế - xã hội của dự án: xoá đói giảm nghèo, tạo việc làm, thu nhập cho người dân, nâng cấp cơ sở hạ tầng....
 - b) Mô tả những tác động môi trường của dự án
3. Tác động giới

XI. Rủi ro

Đánh giá các rủi ro có thể xảy ra và nêu các biện pháp để khắc phục rủi ro.

XII. Đánh giá tính bền vững của dự án sau khi kết thúc

Đánh giá tính bền vững của dự án trên các phương diện:

1. Bền vững về kết quả: kết quả của dự án được duy trì và phát triển sau khi dự án kết thúc.
2. Bền vững về tổ chức: cơ cấu tổ chức, nguồn nhân lực của dự án được đảm bảo để có thể tiếp tục sau khi dự án kết thúc.
3. Bền vững về tài chính: sau khi hết tài trợ, các hoạt động của dự án có thể tự tạo ra kinh phí để tiếp tục các hoạt động cần thiết khác.
4. Bền vững về môi trường: môi trường tự nhiên quanh khu vực thực hiện dự án được bảo tồn sau khi dự án kết thúc.

Văn kiện dự án có thể kèm theo một số phụ lục sau:

1. Danh mục trang thiết bị cung cấp để thực hiện dự án
2. Khung logic của dự án
3. Điều khoản giao việc của các chức danh chủ chốt và dịch vụ tư vấn
4. Các bảng biểu bao gồm cả bảng tổng hợp và chi tiết về ngân sách dự án
5. Ảnh minh họa
6. Bản đồ
7. Các tài liệu có liên quan khác.

2. Thủ tục: Tiếp nhận dự án đầu tư sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN).

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bước 1: Sau khi được Cơ quan chủ quản giao nhiệm vụ làm chủ khoản viện trợ PCPNN, đơn vị tiếp nhận khoản viện trợ PCPNN phối hợp với Bên tài trợ tổ chức xây dựng văn kiện dự án đầu tư theo đúng mẫu quy định; gửi Hồ sơ trực tiếp hoặc bằng đường công văn đến Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 12 Nguyễn Viết Xuân, P. Thắng Lợi, Tp. Kon Tum. + Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. - Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi bộ hồ sơ kèm theo văn bản đề nghị góp ý kiến tới các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan đến nội dung khoản viện trợ PCPNN được đưa ra thẩm định - Bước 3: Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan có liên quan, chủ khoản viện trợ PCPNN phối hợp với Bên tài trợ hoàn thiện Hồ sơ văn kiện dự án để thẩm định. - Bước 4: Sở Kế hoạch và Đầu tư bố trí thời gian tổ chức thẩm định văn kiện dự án theo quy định. - Bước 5: Cán bộ xử lý tiếp nhận hồ sơ hoàn chỉnh hợp lệ của chủ khoản viện trợ (theo Biên bản thẩm định), lập Báo cáo kết quả thẩm định và dự thảo Quyết định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt việc tiếp nhận khoản viện trợ PCPNN.
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum - Thông qua hệ thống bưu chính.
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị trình phê duyệt của Chủ khoản viện trợ PCPNN - Văn bản của Bên tài trợ thống nhất với nội dung khoản viện trợ PCPNN và thông báo hoặc cam kết xem xét tài trợ cho khoản viện trợ PCPNN đó. - Dự thảo văn kiện dự án đầu tư (bằng cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài) và dự thảo Thỏa thuận viện trợ PCPNN cụ thể (nếu được yêu cầu để ký kết thay văn kiện dự án sau này). - Bản sao Giấy đăng ký hoạt động và/hoặc bản sao

	giấy tờ hợp pháp về tư cách pháp nhân của Bên tài trợ. Các bản sao cần được hợp pháp hóa lãnh sự để đảm bảo tính hợp pháp của văn bản. b) Số lượng hồ sơ: 08 bộ hồ sơ (kể cả bộ hồ sơ gốc).
Thời gian giải quyết:	Thời hạn thẩm định không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh. - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư (Phòng Đấu thầu, Thẩm định và Giám sát đầu tư; Phòng Kinh tế đối ngoại) - Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành chức năng có liên quan.
Kết quả thực hiện TTHC:	Văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền về việc tiếp nhận viện trợ phi Chính phủ nước ngoài.
Lệ phí:	Không có
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Đề cương chi tiết dự án đầu tư sử dụng vốn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài tại Phụ lục 1b ban hành kèm theo Thông tư 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ.
Yêu cầu, điều kiện:	Không có
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài. - Thông tư 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ. - Quyết định số 38/2010/QĐ-UBND ngày 14/10/2010 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế về vận động, quản lý và sử dụng các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

PHỤ LỤC 1b
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN VIỆN TRỢ PCPNN
(Tên dự án)

(Tên cơ quan chủ quản)

(Tên đơn vị đề xuất dự án)

THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ DỰ ÁN

11. Tên dự án:

12. Mã ngành dự án⁵:

13. Tên nhà tài trợ:

14. Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ:

a) Địa chỉ liên lạc:.....

thoại/Fax:.....

b) Số điện

15. Cơ quan chủ quản:

a) Địa chỉ liên lạc:.....

thoại/Fax:.....

b) Số điện

16. Đơn vị đề xuất dự án:

a) Địa chỉ liên lạc:.....

thoại/Fax:.....

b) Số điện

17. Chủ dự án dự kiến:

a) Địa chỉ liên lạc:.....

thoại/Fax:.....

b) Số điện

18. Thời gian dự kiến thực hiện dự án⁶:

19. Địa điểm thực hiện dự án:

20. Tổng vốn của dự án:USD

Trong đó:

- Vốn viện trợ PCPNN không hoàn lại:nguyên tệ, tương đương..... USD

(theo tỷ giá chuyển đổi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xây dựng Văn kiện dự án)

c) Vốn đối ứng:

- Tiền mặt:VND tương đương với..... USD

- Hiện vật: tương đươngVND tương đương với..... USD

⁵ Mã ngành kinh tế quốc dân của dự án, phân theo Danh mục Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam 2007 (Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ)

⁶ Xác định số năm hoặc số tháng cần thiết để thực hiện dự án kể từ ngày dự án có hiệu lực.

Đại diện Chủ dự án ký tên và đóng dấu

Ngày
năm

tháng

Đại diện Bên tài trợ ký tên và đóng dấu (nếu cần)

Ngày
năm

tháng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN VIỆN TRỢ PCPNN

5. Bối cảnh và sự cần thiết của dự án

1. Mô tả tóm tắt quy hoạch, kế hoạch phát triển của đơn vị thụ hưởng (cơ quan, ngành, lĩnh vực) liên quan đến nội dung của dự án và sự cần thiết, vai trò, vị trí của dự án trong quy hoạch, kế hoạch đó.
2. Khái quát các chương trình, dự án khác đã và đang thực hiện bằng những nguồn vốn khác nhau nhằm mục đích hỗ trợ giải quyết các vấn đề có liên quan của đơn vị đề xuất dự án.
3. Khái quát những vấn đề cần giải quyết trong phạm vi của dự án đề xuất.
4. Nêu rõ những đối tượng thụ hưởng trực tiếp của dự án đề xuất.

6. Cơ sở đề xuất nhà tài trợ

1. Tính phù hợp của mục tiêu dự án với chính sách và định hướng ưu tiên của nhà tài trợ.
2. Phân tích lý do lựa chọn và lợi thế của nhà tài trợ về công nghệ, kinh nghiệm quản lý, tư vấn chính sách thuộc lĩnh vực được tài trợ.
3. Các điều kiện ràng buộc theo quy định của nhà tài trợ (nếu có) và khả năng đáp ứng các điều kiện này của phía Việt Nam.

7. Các mục tiêu của dự án

1. Mục tiêu dài hạn
2. Mục tiêu ngắn hạn

8. Các kết quả chủ yếu của dự án

Kết quả dự kiến đạt được của dự án và các chỉ số đo lường các kết quả đó (theo từng cấu phần, hạng mục nếu có).

9. Cấu phần, hạng mục, hoạt động chủ yếu và dự kiến phân bổ nguồn lực của dự án

Mô tả tóm tắt các cấu phần, hạng mục, hoạt động chủ yếu theo từng kết quả dự kiến của dự án (trong đó nêu rõ từng kết quả theo từng cấu phần, hạng mục) và nguồn lực dự kiến tương ứng.

10. Cơ chế tài chính trong nước đối với dự án

1. Đối với vốn viện trợ PCPNN:
 - d) Vốn viện trợ PCPNN:.....nguyên tệ, tương đương.....USD
2. Đối với vốn đối ứng
Vốn đối ứng:..... VND

Trong đó: -Hiện vật: tương đương VND Tiền mặt:.....VND

Nguồn vốn đối ứng được huy động theo một hoặc một số hình thức sau:

- e) Vốn ngân sách trung ương cấp phát.....VND (...%) tổng vốn đối ứng
- f) Vốn khác (nêu rõ nguồn vốn):VND (...%) tổng vốn đối ứng

11. Tổ chức quản lý thực hiện dự án

1. Phương thức tổ chức quản lý thực hiện dự án.

2. Khái quát cơ chế làm việc, quan hệ giữa các cơ quan: cơ quan chủ quản, chủ dự án, Ban quản lý dự án, các nhà thầu, nhà tài trợ và các bên tham gia khác để thực hiện và quản lý dự án.
3. Năng lực tổ chức, quản lý thực hiện của chủ dự án dự kiến sẽ được giao thực hiện dự án, bao gồm cả năng lực tài chính.

12. Phương án xây dựng và công nghệ dự kiến để thực hiện dự án

13. Phân tích sơ bộ tính khả thi của dự án (về kinh tế, tài chính, công nghệ, năng lực tổ chức thực hiện)

14. Phân tích sơ bộ hiệu quả dự án

1. Đánh giá hiệu quả trực tiếp đối với đơn vị thực hiện.
 2. Đánh giá tác động kinh tế, xã hội và môi trường đối với ngành, lĩnh vực và địa phương.
 3. Đánh giá tính bền vững của dự án sau khi kết thúc.
-

Văn kiện dự án có thể kèm theo một số phụ lục sau:

8. Các hồ sơ theo quy định của Luật xây dựng (nếu là Dự án đầu tư xây dựng công trình)
9. Danh mục trang thiết bị cung cấp để thực hiện dự án
10. Khung logic của dự án
11. Điều khoản giao việc của các chức danh chủ chốt và dịch vụ tư vấn
12. Các bảng biểu bao gồm cả bảng tổng hợp và chi tiết về ngân sách dự án
13. Ảnh minh họa
14. Bản đồ
15. Các tài liệu có liên quan khác.

3. Thủ tục: Tiếp nhận chương trình sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN)

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bước 1: Sau khi được Cơ quan chủ quản giao nhiệm vụ làm chủ khoản viện trợ PCPNN, đơn vị tiếp nhận khoản viện trợ PCPNN phối hợp với Bên tài trợ tổ chức xây dựng văn kiện chương trình theo đúng mẫu quy định; gửi Hồ sơ trực tiếp hoặc bằng đường công văn đến Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 12 Nguyễn Viết Xuân, P. Thắng Lợi, Tp. Kon Tum. + Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. - Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi bộ hồ sơ kèm theo văn bản đề nghị góp ý kiến tới các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan đến nội dung khoản viện trợ PCPNN được đưa ra thẩm định - Bước 3: Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan có liên quan, chủ khoản viện trợ PCPNN phối hợp với Bên tài trợ hoàn thiện Hồ sơ văn kiện chương trình để thẩm định. - Bước 4: Sở Kế hoạch và Đầu tư bố trí thời gian tổ chức thẩm định văn kiện chương trình theo quy định. - Bước 5: Cán bộ xử lý tiếp nhận hồ sơ hoàn chỉnh hợp lệ của chủ khoản viện trợ (theo Biên bản thẩm định), lập Báo cáo kết quả thẩm định kèm theo ý kiến của các cơ quan được lấy ý kiến và dự thảo Quyết định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt việc tiếp nhận khoản viện trợ PCPNN.
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum - Thông qua hệ thống bưu chính.
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị trình phê duyệt của Chủ khoản viện trợ PCPNN - Văn bản của Bên tài trợ thống nhất với nội dung khoản viện trợ PCPNN và thông báo hoặc cam kết xem xét tài trợ cho khoản viện trợ PCPNN đó. - Dự thảo văn kiện chương trình (bằng cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài) và dự thảo Thỏa thuận viện trợ PCPNN cụ thể (nếu được yêu cầu để ký kết thay văn kiện chương trình sau này).

	<p>- Bản sao Giấy đăng ký hoạt động và/hoặc bản sao giấy tờ hợp pháp về tư cách pháp nhân của Bên tài trợ. Các bản sao cần được hợp pháp hóa lãnh sự để đảm bảo tính hợp pháp của văn bản.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 08 bộ hồ sơ (kể cả bộ hồ sơ gốc).</p>
Thời gian giải quyết:	Thời hạn thẩm định không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư (Phòng Kinh tế đối ngoại)</p> <p>- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành chức năng có liên quan.</p>
Kết quả thực hiện TTHC:	Văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền về việc tiếp nhận viện trợ phi Chính phủ nước ngoài.
Lệ phí:	Không có
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Nội dung văn kiện chương trình sử dụng vốn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài tại Phụ lục 1c ban hành kèm theo Thông tư 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ.
Yêu cầu, điều kiện:	Không có
Căn cứ pháp lý:	<p>- Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài.</p> <p>- Thông tư 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ.</p> <p>- Quyết định số 38/2010/QĐ-UBND ngày 14/10/2010 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế về vận động, quản lý và sử dụng các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</p>

PHỤ LỤC 1c
NỘI DUNG VĂN KIỆN
CHƯƠNG TRÌNH SỬ DỤNG VỐN VIỆN TRỢ PCPNN⁷
(Tên chương trình)

THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CHƯƠNG TRÌNH

21. Tên chương trình:

22. Mã ngành chương trình⁸:..... **Mã số chương trình⁹:**.....

23. Tên nhà tài trợ:

24. Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ:

a) Địa chỉ liên lạc:.....; b) Số điện thoại/Fax:.....

25. Cơ quan chủ quản:

a) Địa chỉ liên lạc:.....; b) Số điện thoại/Fax:.....

26. Chủ chương trình:

a) Địa chỉ liên lạc:.....; b) Số điện thoại/Fax:.....

27. Thời gian dự kiến thực hiện chương trình¹⁰:

28. Địa điểm thực hiện chương trình (ghi rõ tới cấp huyện, nếu áp dụng được):

29. Tổng vốn của chương trình:USD

g) Vốn viện trợ PCPNN không hoàn lại:nguyên tệ, tương đương..... USD

(theo tỷ giá chuyển đổi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xây dựng Văn kiện chương trình)

h) Vốn đối ứng:

- Tiền mặt:VND tương đương với..... USD

- Hiện vật: tương đươngVND tương đương với..... USD

30. Mục tiêu và kết quả chủ yếu của chương trình

Khái quát mục tiêu và kết quả của chương trình.

Chủ Chương trình ký tên và đóng dấu	Ngày	tháng
Đại diện Bên tài trợ ký tên và đóng dấu (nếu cần)	năm	
	Ngày	tháng
	năm	

⁷ Áp dụng đối với chương trình, dự án có nhiều cấu phần, đa lĩnh vực và chỉ có một cơ quan chủ quản.

⁸ Mã ngành kinh tế quốc dân của chương trình, phân theo Danh mục Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam 2007 (Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ).

⁹ Mã chương trình - không bắt buộc, có thể do Bên tài trợ cung cấp.

¹⁰ Xác định số năm hoặc số tháng cần thiết để thực hiện chương trình kể từ ngày chương trình có hiệu lực.

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH SỬ DỤNG VỐN VIỆN TRỢ PCPNN

15. Căn cứ hình thành chương trình

- d) Cơ sở pháp lý
 - a) Quyết định của Cơ quan phê duyệt khoản viện trợ
 - b) Quyết định của cơ quan chủ quản về chủ chương trình
 - c) Các văn bản pháp lý liên quan
- e) Bối cảnh của chương trình
 - a) Mô tả chi tiết vai trò, vị trí và sự cần thiết của chương trình trong khung khổ quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn của lĩnh vực có liên quan và của đơn vị thụ hưởng viện trợ PCPNN (cơ quan, ngành, lĩnh vực, địa phương).
 - b) Nêu các chương trình tương tự đã và đang thực hiện trong lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan chủ quản và các chương trình, dự án đã được tiếp nhận trong cùng một lĩnh vực để tránh trùng lặp và đảm bảo sự phối hợp, chia sẻ kết quả giữa các chương trình, dự án với nhau nhằm phát huy hiệu quả tối đa.
- f) Các vấn đề sẽ được giải quyết trong khuôn khổ chương trình.
- g) Nêu rõ những đối tượng thụ hưởng trực tiếp của chương trình.

16. Cơ sở đề xuất nhà tài trợ

1. Tính phù hợp của mục tiêu chương trình với chính sách và định hướng ưu tiên của nhà tài trợ.
2. Phân tích lý do lựa chọn và lợi thế của nhà tài trợ về công nghệ, kinh nghiệm quản lý, tư vấn chính sách thuộc lĩnh vực được tài trợ.
3. Các điều kiện ràng buộc theo quy định của nhà tài trợ (nếu có) và khả năng đáp ứng các điều kiện này của phía Việt Nam.

17. Mục tiêu của chương trình

1. Mục tiêu tổng thể
Mô tả hiệu quả, những lợi ích lâu dài mà chương trình đóng góp vào sự phát triển của xã hội, ngành, lĩnh vực, địa phương và các nhóm đối tượng liên quan.
2. Mục tiêu thành phần
Mô tả các mục tiêu thành phần cần đạt được để hỗ trợ đạt được mục tiêu tổng thể của chương trình.

18. Các kết quả chủ yếu của chương trình

Xác định rõ các kết quả cuối cùng của chương trình và các chỉ số đo lường các kết quả đó.

19. Các dự án thành phần hoặc cấu phần và hoạt động của chương trình

1. Mô tả các thành phần của chương trình, các dự án thành phần (nếu có) hoặc các cấu phần và các hoạt động tương ứng, gồm:
 - Mục đích
 - Các kết quả dự kiến
 - Tổ chức thực hiện
 - Thời gian bắt đầu và kết thúc

- Dự kiến nguồn lực.
- 2. Mô tả mối quan hệ tương tác giữa các dự án thành phần (nếu có) hoặc các cấu phần của chương trình.

20. Ngân sách chương trình

1. Tổng vốn của chương trình

Tổng vốn của cả chương trình:..... USD

Trong đó:

Vốn viện trợ PCPNN không hoàn lại:nguyên tệ, tương đương..... USD

(theo tỷ giá chuyển đổi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm xây dựng Văn kiện chương trình)

- Vốn đối ứng:.....VND tương đương với..... USD

Trong đó: Hiện vật: tương đương..... VND Tiền mặt:.....VND

Nguồn vốn được huy động theo một hoặc một số trong các hình thức sau:

-Vốn ngân sách nhà nước cấp phát.....VND (..... %) tổng vốn đối ứng

(trong đó: vốn NS trung ương ...%, Vốn NS địa phương.....%)

- Vốn tín dụng ưu đãi.....VND (..... %) tổng vốn đối ứng

- Vốn của cơ quan chủ quản.....VND (..... %) tổng vốn đối ứng

- Vốn tự cân đối của chủ chương trình.....VND (..... %) tổng vốn đối ứng

- Vốn đóng góp của các đối tượng thụ hưởng (nếu có)...VND (..... %) tổng vốn đối ứng.

a) Vốn cho từng thành phần (nếu có) hoặc cấu phần.

- ### 2. Cơ cấu vốn của các thành phần chương trình phân theo: dịch vụ tư vấn (ước tính tỷ trọng chuyên gia trong nước/chuyên gia quốc tế); xây lắp; thiết bị và vật tư (trong nước, ngoài nước); đào tạo (trong nước, ngoài nước); các chi phí quản lý; chi phí theo dõi và đánh giá chương trình và các chi phí khác.

21. Các quy định về quản lý tài chính của chương trình

5. Hình thức giải ngân (qua kho bạc, tài khoản đặc biệt hay tài khoản tạm ứng...)
6. Tổ chức công tác kế toán, thanh quyết toán
7. Trách nhiệm quản lý vốn (mở tài khoản, chủ tài khoản...)
8. Kiểm toán chương trình

22. Tổ chức quản lý thực hiện chương trình

1. Cơ cấu tổ chức

a) Mô hình tổ chức quản lý chương trình theo thoả thuận với nhà tài trợ

c) Hoạt động của Ban quản lý dự án tuân theo quy định tại Thông tư số .../2010/TT-BKH ngày về Hướng dẫn thực hiện Quy chế về quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009

2. Cơ chế phối hợp

- a) Phối hợp giữa cơ quan chủ quản, chủ chương trình, các đơn vị thực hiện cấu phần và Ban quản lý chương trình.
 - b) Phối hợp giữa các đơn vị tham gia thực hiện chương trình với nhà tài trợ và các cơ quan khác trong quá trình thực hiện chương trình
3. Năng lực tổ chức, quản lý thực hiện của chủ chương trình sẽ được giao thực hiện chương trình, bao gồm cả năng lực tài chính.

23.Theo dõi và đánh giá chương trình

- 1. Xây dựng chi tiết kế hoạch theo dõi thực hiện chương trình trên các mặt:
 - a) Thực hiện chương trình
 - b) Quản lý chương trình
 - c) Xử lý, phản hồi thông tin theo dõi
- 2. Xây dựng chi tiết kế hoạch đánh giá tình hình thực hiện chương trình
 - a) Đánh giá ban đầu
 - b) Đánh giá giữa kỳ
 - c) Đánh giá kết thúc
- 3. Chế độ kiểm tra, báo cáo của chương trình.

Tuân theo quy định tại Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010 về Hướng dẫn thực hiện Quy chế về quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009

24.Tác động của chương trình

- 1. Phân tích tác động của chương trình đối với đối tượng thụ hưởng (trực tiếp, gián tiếp)

Nêu rõ những lợi ích đối với các đối tượng thụ hưởng sau khi dự án kết thúc (bằng định tính và định lượng).
- 2. Phân tích các tác động kinh tế, xã hội và môi trường của chương trình
 - a) Mô tả các tác động kinh tế - xã hội của chương trình: xoá đói giảm nghèo, tạo việc làm, thu nhập cho người dân, nâng cấp cơ sở hạ tầng....
 - b) Mô tả các tác động môi trường của chương trình
- 3. Tác động giới.

25.Rủi ro

Đánh giá các rủi ro có thể xảy ra và nêu các biện pháp để khắc phục rủi ro.

26.Đánh giá tính bền vững của chương trình sau khi kết thúc

Đánh giá tính bền vững của chương trình trên các phương diện:

- 1. Bền vững về kết quả: kết quả của chương trình được duy trì và phát triển sau khi chương trình kết thúc.
- 2. Bền vững về tổ chức: cơ cấu tổ chức, nguồn nhân lực của chương trình được đảm bảo để có thể tiếp tục sau khi chương trình kết thúc.
- 3. Bền vững về tài chính: sau khi hết tài trợ, các hoạt động của chương trình có thể tự tạo ra kinh phí để tiếp tục các hoạt động cần thiết khác.
- 4. Bền vững về môi trường: môi trường tự nhiên quanh khu vực thực hiện chương trình được bảo tồn sau khi chương trình kết thúc.

Văn kiện chương trình có thể có một số phụ lục sau:

16. Đề cương chi tiết cho từng dự án thành phần hoặc cấu phần
17. Danh mục trang thiết bị cung cấp để thực hiện chương trình
18. Khung logic
19. Điều khoản giao việc của các chức danh chủ chốt và dịch vụ tư vấn
20. Các bảng biểu bao gồm cả bảng tổng hợp và chi tiết về ngân sách chương trình
21. Ảnh minh họa
22. Bản đồ
23. Các tài liệu có liên quan khác.

4. Thủ tục: Tiếp nhận nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) dưới hình thức phi dự án.

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bước 1: Sau khi được Cơ quan chủ quản giao nhiệm vụ làm chủ khoản viện trợ PCPNN, đơn vị tiếp nhận khoản viện trợ PCPNN phối hợp với Bên tài trợ tổ chức xây dựng bộ hồ sơ khoản viện trợ phi dự án; gửi Hồ sơ trực tiếp hoặc bằng đường công văn đến Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum + Địa chỉ: 12 Nguyễn Viết Xuân, P. Thắng Lợi, Tp. Kon Tum. + Thời gian: Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần. - Bước 2: Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi bộ hồ sơ kèm theo văn bản đề nghị góp ý kiến tới các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan đến nội dung khoản viện trợ PCPNN được đưa ra thẩm định - Bước 3: Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan có liên quan, chủ khoản viện trợ PCPNN phối hợp với Bên tài trợ hoàn thiện hồ sơ khoản viện trợ phi dự án. - Bước 4: Sở Kế hoạch và Đầu tư bố trí thời gian tổ chức thẩm định hồ sơ khoản viện trợ phi dự án theo quy định. - Bước 5: Cán bộ xử lý tiếp nhận hồ sơ hoàn chỉnh hợp lệ của chủ khoản viện trợ (theo Biên bản thẩm định), lập Báo cáo kết quả thẩm định kèm theo ý kiến của các cơ quan được lấy ý kiến và dự thảo Quyết định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt việc tiếp nhận khoản viện trợ PCPNN.
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại trụ sở Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum - Thông qua hệ thống bưu chính.
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị trình phê duyệt của Chủ khoản viện trợ PCPNN - Văn bản của Bên tài trợ thống nhất với nội dung khoản viện trợ PCPNN và thông báo hoặc cam kết xem xét tài trợ cho khoản viện trợ PCPNN đó. - Dự thảo danh mục các khoản viện trợ phi dự án (bằng cả tiếng Việt và tiếng nước ngoài) - Bản sao Giấy đăng ký hoạt động và/hoặc bản sao giấy tờ hợp pháp về tư cách pháp nhân của Bên tài

	<p>trợ. Các bản sao cần được hợp pháp hóa lãnh sự để đảm bảo tính hợp pháp của văn bản.</p> <p>- Trường hợp khoản viện trợ phi dự án là phương tiện đã qua sử dụng thì cần có thêm văn bản:</p> <p>+ Bản đăng ký hoặc Giấy chứng nhận sở hữu phương tiện của Bên tài trợ;</p> <p>+ Giấy Chứng nhận đăng kiểm của cơ quan có thẩm quyền của nước Bên tài trợ. Trong trường hợp có phương tiện tạm nhập tái xuất thì cần có Giấy Chứng nhận đăng kiểm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam;</p> <p>+ Văn bản giám định phương tiện vận tải còn hơn 80% so với giá trị sử dụng mới do tổ chức giám định có thẩm quyền của nước Bên tài trợ xác nhận.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 08 bộ hồ sơ (kể cả bộ hồ sơ gốc).</p>
Thời gian giải quyết:	Thời hạn thẩm định không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện:	Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư (Phòng Kinh tế đối ngoại)</p> <p>- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành chức năng có liên quan.</p>
Kết quả thực hiện TTHC:	Văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền về việc tiếp nhận viện trợ phi Chính phủ nước ngoài.
Lệ phí:	Không có
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Không có
Yêu cầu, điều kiện:	Không có
Căn cứ pháp lý:	<p>- Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài.</p> <p>- Thông tư 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ.</p> <p>- Quyết định số 38/2010/QĐ-UBND ngày 14/10/2010 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế về vận</p>

	động, quản lý và sử dụng các khoản viện trợ phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Kon Tum.
--	---

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN (21 TTHC)

I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH: 05 TTHC

01. Thủ tục: Đăng ký thành lập hộ kinh doanh

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện gửi đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện. <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none">- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh (theo mẫu)- Bản sao hợp lệ Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực của các cá nhân tham gia hộ kinh doanh hoặc người đại diện hộ gia đình và bản sao hợp lệ biên bản họp nhóm cá nhân về việc thành lập hộ kinh doanh đối với trường hợp hộ kinh doanh do một nhóm cá nhân thành lập <p>b) Số lượng: 01 bộ</p>
Thời gian giải quyết:	03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ

Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Nhóm cá nhân, Hộ gia đình
Cơ quan thực hiện:	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện - Cơ quan thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch
Kết quả:	Giấy đăng ký Hộ kinh doanh
Lệ phí:	50.000 đồng/lần cấp
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Phụ lục III-1, Thông tư 02/2019/TT-BKHĐT
Yêu cầu, điều kiện:	a) Ngành, nghề kinh doanh không thuộc danh mục ngành, nghề cấm kinh doanh; b) Tên hộ kinh doanh dự định đăng ký phù hợp quy định (1. Hộ kinh doanh có tên gọi riêng. Tên hộ kinh doanh bao gồm hai thành tố sau đây: a) Loại hình “Hộ kinh doanh”; b) Tên riêng của hộ kinh doanh. Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, có thể kèm theo chữ số, ký hiệu. 2. Không được sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc để đặt tên riêng cho hộ kinh doanh. 3. Hộ kinh doanh không được sử dụng các cụm từ “công ty”, “doanh nghiệp” để đặt tên hộ kinh doanh. 4. Tên riêng hộ kinh doanh không được trùng với tên riêng của hộ kinh doanh đã đăng ký trong phạm vi huyện) c) Nộp đủ lệ phí đăng ký theo quy định.
Căn cứ pháp lý:	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Nghị định 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

Phụ lục III-1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Kính gửi: Phòng Tài chính - Kế hoạch

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):Giới tính:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Loại Giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi

rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

.....

Ngày cấp:/..../....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

Đăng ký hộ kinh doanh với các nội dung sau:

1. Tên hộ kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

2. Địa điểm kinh doanh:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

3. Ngành, nghề kinh doanh¹¹:

4. Vốn kinh doanh:

Tổng số (*bằng số; VNĐ*):

Phần vốn góp của mỗi cá nhân (*đối với trường hợp hộ kinh doanh do một nhóm cá nhân góp vốn thành lập; kê khai theo mẫu*): Gửi kèm

5. Số lượng lao động (*dự kiến*):

6. Chủ thể thành lập hộ kinh doanh (*đánh dấu X vào ô thích hợp*):

Cá nhân

Nhóm cá nhân

Hộ gia đình

7. Thông tin về các thành viên tham gia thành lập hộ kinh doanh(*kê khai theo mẫu; chỉ kê khai đối với hộ kinh doanh thành lập bởi nhóm cá nhân*): gửi kèm.

Tôi và các cá nhân tham gia thành lập hộ kinh doanh cam kết:

- Bản thân không thuộc diện pháp luật cấm kinh doanh; không đồng thời là chủ hộ kinh doanh khác; không là chủ doanh nghiệp tư nhân; không là thành

¹¹

- Hộ kinh doanh có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hộ kinh doanh chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư.

viên hợp danh của công ty hợp danh (*trừ trường hợp được sự nhất trí của các thành viên hợp danh còn lại*);

- Địa điểm kinh doanh thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của tôi và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký trên.

**ĐẠI DIỆN HỘ KINH
DOANH**

(Ký và ghi họ tên)¹²

¹² Đại diện hộ kinh doanh ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục III-2

DANH SÁCH CÁC CÁ NHÂN GÓP VỐN THÀNH LẬP HỘ KINH DOANH

STT	Họ tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu	Vốn góp			Thời điểm góp vốn	C
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Loại tài sản, số lượng, giá trị tài sản góp vốn ²		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	3	4

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH

*(Ký và ghi họ tên)*³

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng cá nhân.

² Loại tài sản góp vốn bao gồm:

- Đồng Việt Nam
- Ngoại tệ tự do chuyển đổi
- Vàng
- Giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật
- Tài sản khác

³ Đại diện hộ kinh doanh ký trực tiếp vào phần này.

2. Thủ tục: Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện gửi đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). - Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện. <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh (theo mẫu) - Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cũ - Trường hợp hộ kinh doanh chuyển địa chỉ sang quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh khác nơi hộ kinh doanh đã đăng ký, hộ kinh doanh bổ sung thêm bản sao hợp lệ biên bản họp nhóm cá nhân về việc đăng ký thay đổi địa chỉ đối với trường hợp hộ kinh doanh do một nhóm cá nhân thành lập và bản sao hợp lệ Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực của các cá nhân tham gia hộ kinh doanh hoặc người đại diện hộ gia đình <p>b) Số lượng: 01 bộ</p>

Thời gian giải quyết:	03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Nhóm cá nhân, Hộ gia đình
Cơ quan thực hiện:	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện - Cơ quan thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch
Kết quả:	Giấy đăng ký Hộ kinh doanh
Lệ phí:	30.000 đồng/lần cấp
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Phụ lục III-3, Thông tư 02/2019/TT-BKHĐT
Yêu cầu, điều kiện:	Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong trường hợp đăng ký thay đổi địa chỉ cho hộ kinh doanh, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hộ kinh doanh đặt địa chỉ mới phải thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh nơi trước đây hộ kinh doanh đã đăng ký.
Căn cứ pháp lý:	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Nghị định 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

Phụ lục III-3

**TÊN HỘ KINH
DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh

Kính gửi: Phòng Tài chính - Kế hoạch¹

Tên hộ kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa điểm kinh doanh:

Điện thoại: Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh như sau:

.....
.....
.....

Tôi cam kết về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này (*Trường hợp đăng ký thay đổi địa điểm kinh doanh, hộ kinh doanh phải cam kết về quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp trụ sở dự định chuyển tới*).

ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH

(*Ký, ghi họ tên*)²

¹- Trường hợp hộ kinh doanh thông báo thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại Khoản 1 Điều 75 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP thì ghi tên Phòng Tài chính - Kế hoạch nơi hộ kinh doanh đã đăng ký.

- Trường hợp hộ kinh doanh thông báo thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 75 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP thì ghi tên Phòng Tài chính - Kế hoạch nơi hộ kinh doanh dự định đặt địa chỉ mới.

² Đại diện hộ kinh doanh ký trực tiếp vào phần này.

3. Thủ tục: Tạm ngừng kinh doanh của hộ kinh doanh

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện gửi đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). - Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện. <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo tạm ngừng kinh doanh (theo mẫu) <p>b) Số lượng: 01 bộ</p>
Thời gian giải quyết:	03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Nhóm cá nhân, Hộ gia đình
Cơ quan thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện - Cơ quan thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch
Kết quả:	Giấy xác nhận tạm ngừng kinh doanh
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Phụ lục III-4, Thông tư 02/2019/TT-BKHĐT
Yêu cầu, điều kiện:	- Hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh gửi thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hộ kinh doanh đã đăng ký ít nhất 15

	<p>ngày trước khi tạm ngừng kinh doanh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian tạm ngừng kinh doanh không được quá 01 năm.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Nghị định 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

Phụ lục III-4

**TÊN HỘ KINH
DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc tạm ngừng kinh doanh của hộ kinh doanh

Kính gửi: Phòng Tài chính - Kế hoạch

Tên hộ kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số Giấy chứng nhận hộ kinh doanh:.....

Ngày cấp:// Nơi cấp:

Địa điểm kinh doanh:.....

Điện thoại:.....Fax (*nếu có*):.....

Email (*nếu có*):.....Website (*nếu có*):.....

Thông báo tạm ngừng kinh doanh như sau:

Thời gian tạm ngừng:

Thời điểm bắt đầu tạm ngừng: Ngàytháng năm

Thời điểm kết thúc tạm ngừng: Ngàytháng năm

Lý do tạm ngừng:

Tôi cam kết về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này.

ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH

(*Ký, ghi họ tên*)¹

¹ Đại diện hộ kinh doanh ký trực tiếp vào phần này.

4. Thủ tục: Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện gửi đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). - Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện. <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện.</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh (theo mẫu) - Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh <p>b) Số lượng: 01 bộ</p>
<p>Thời gian giải quyết:</p>	<p>03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>
<p>Đối tượng thực hiện:</p>	<p>Cá nhân, Nhóm cá nhân, Hộ gia đình</p>
<p>Cơ quan thực hiện:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện - Cơ quan thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch
<p>Kết quả:</p>	<p>Giấy xác nhận chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh</p>
<p>Lệ phí:</p>	<p>Không</p>
<p>Tên mẫu đơn, tờ khai:</p>	<p>Phụ lục III-5, Thông tư 02/2019/TT-BKHĐT</p>

Yêu cầu, điều kiện:	<p>Khi chấm dứt hoạt động kinh doanh, hộ kinh doanh phải gửi Thông báo về việc chấm dứt hoạt động và nộp lại bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đã đăng ký, đồng thời thanh toán đầy đủ các khoản nợ, gồm cả nợ thuế và nghĩa vụ tài chính chưa thực hiện.</p>
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Nghị định 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

Phụ lục III-5

**TÊN HỘ KINH
DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO

Về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh

Kính gửi: Phòng Tài chính - Kế hoạch

Tên hộ kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa điểm kinh doanh:

Điện thoại: Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

Thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh kể từ ngày/...../.....

Hộ kinh doanh cam kết đã hoàn thành các khoản nợ, nghĩa vụ thuế, tài sản và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**ĐẠI DIỆN HỘ KINH
DOANH**

(*Ký, ghi họ tên*)¹

¹ Đại diện hộ kinh doanh ký trực tiếp vào phần này.

5. Thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện gửi đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định). - Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn. + Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện. <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<ul style="list-style-type: none"> a) Thành phần hồ sơ: <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp lại (theo mẫu) b) Số lượng: 01 bộ
Thời gian giải quyết:	03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Nhóm cá nhân, Hộ gia đình
Cơ quan thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện - Cơ quan thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Phụ lục III-6, Thông tư 02/2019/TT-BKHĐT
Yêu cầu, điều kiện:	Trường hợp hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh mới thì Giấy chứng nhận đăng ký

	hộ kinh doanh của các lần trước đó không còn hiệu lực.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Nghị định 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

Phụ lục III-6

**TÊN HỘ KINH
DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

Kính gửi: Phòng Tài chính - Kế hoạch

Tên hộ kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh:

Ngày cấp://Nơi cấp:

Địa điểm kinh doanh:

Điện thoại:Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*):Website (*nếu có*):

Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

Lý do đề nghị cấp lại:

.....

.....

Hộ kinh doanh cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**ĐẠI DIỆN HỘ KINH
DOANH**

(*Ký, ghi họ tên*)¹

¹ Đại diện hộ kinh doanh ký trực tiếp vào phần này.

II. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ, THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ (LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ): 16 TTHC

1. Thủ tục: Đăng ký thành lập Hợp tác xã

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện gửi đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện.- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Tài chính - Kế hoạch gửi thông báo để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, nếu hồ sơ hợp lệ.- Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã. <p>Hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy</p>
----------------------------	---

	<p>chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký thành lập Hợp tác xã (<i>theo mẫu</i>); - Điều lệ Hợp tác xã; - Phương án sản xuất kinh doanh (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách thành viên Hợp tác xã (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Nghị quyết Hội nghị thành lập; <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện - Cơ quan thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Hợp tác xã
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký kinh doanh . Mức thu: 50.000 đồng/lần cấp. - Miễn nộp lệ phí: Đăng ký bổ sung, thay đổi thông tin trên giấy chứng nhận hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ... trong hồ sơ đăng ký kinh doanh, hồ sơ thành lập hợp tác xã.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký thành lập HTX, (<i>Phụ lục I-1 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Phương án sản xuất kinh doanh (<i>Phụ lục I-2 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>);

	<p>- Danh sách thành viên hợp tác xã (<i>Phụ lục I-3 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>);</p> <p>- Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên (<i>Phụ lục I-4 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).</p>
<p>Yêu cầu, điều kiện:</p>	<p>Hợp tác xã được cấp giấy chứng nhận đăng ký khi có đủ các điều kiện sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm; 2. Hồ sơ đăng ký theo quy định; 3. Tên của hợp tác xã, được đặt theo quy định tại Điều 22 của Luật này (<i>Hợp tác xã, quyết định tên, biểu tượng của mình nhưng không trái với quy định của pháp luật. Tên hợp tác xã, phải được viết bằng tiếng Việt, có thể kèm theo chữ số, ký hiệu và được bắt đầu bằng cụm từ “Hợp tác xã” hoặc “”; Tên, biểu tượng của hợp tác xã, phải được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được bảo hộ theo quy định của pháp luật</i>) và Tên hợp tác xã, được viết bằng tiếng Việt hoặc ký tự La - tinh trừ ký tự đặc biệt, có thể kèm theo chữ số, ký hiệu và được bắt đầu bằng cụm từ “hợp tác xã” hoặc “” sau đó là tên riêng của hợp tác xã, ; Hợp tác xã, có thể sử dụng ngành, nghề kinh doanh hay ký hiệu phụ trợ khác để cấu thành tên hợp tác xã, ; Tên hợp tác xã, phải được viết hoặc gắn tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã. Tên hợp tác xã, phải được in hoặc viết trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do hợp tác xã, phát hành; Cơ quan đăng ký hợp tác xã có quyền từ chối chấp thuận tên dự kiến đăng ký của hợp tác xã, nếu tên đó không phù hợp với quy định tại Điều 8 Nghị định này (<i>Đặt tên đầy đủ, tên viết tắt, tên bằng tiếng nước ngoài của hợp tác xã, trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên đầy đủ hoặc tên viết tắt hoặc tên bằng tiếng nước ngoài của hợp tác xã, khác đã đăng ký trong phạm vi cả nước; Đặt tên đầy đủ, tên viết tắt, tên bằng tiếng nước ngoài xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với tên thương mại, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý của tổ chức, cá nhân khác theo pháp luật về sở hữu trí tuệ; Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của hợp tác xã, ; Sử dụng tên danh nhân, từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc</i>); Cơ quan đăng ký hợp tác xã có trách nhiệm công khai tên hợp tác xã, đã đăng ký; các hợp tác xã, đăng ký trước khi

Nghị định này có hiệu lực có tên gây nhầm lẫn thì cơ quan đăng ký hợp tác xã khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các hợp tác xã, có tên trùng và tên gây nhầm lẫn tương tự thương lượng với nhau để đăng ký đổi tên hoặc bổ sung tên địa danh để làm yếu tố phân biệt tên).

4. Có trụ sở chính theo quy định tại Điều 26 của Luật này (*Trụ sở chính của hợp tác xã, là địa điểm giao dịch của hợp tác xã, trên lãnh thổ Việt Nam, có địa chỉ được xác định gồm số nhà, tên đường, phố, xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có).*).

Hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau:

1. Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy.

2. Các thông tin đăng ký hợp tác xã được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử.

3. Hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng của một trong các chủ thể sau đây:

a) Cá nhân có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hợp tác xã theo quy định;

b) Người được cá nhân quy định tại điểm a Khoản 3 Điều này ủy quyền thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã. Trong trường hợp này, kèm theo hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử phải có các giấy tờ, tài liệu quy định tại Khoản 3 Điều 1 Thông tư này (*Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực).*

4. Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

Căn cứ pháp lý:

- *Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012;*

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ;
- Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ;
- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

Phụ lục I-1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Đăng ký thành lập hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):.....là người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã

Đăng ký thành lập hợp tác xã với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

- Thành lập mới
- Thành lập trên cơ sở tách hợp tác xã
- Thành lập trên cơ sở chia hợp tác xã
- Thành lập trên cơ sở hợp nhất hợp tác xã

2. Tên hợp tác xã:

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên hợp tác xã viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

4. Ngành, nghề kinh doanh²(ghi tên và mã ngành, nghề kinh doanh theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

² Hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Hợp tác xã chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh làm ngành, nghề kinh doanh chính. Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hay không? Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Số lượng thành viên:

Danh sách thành viên hợp tác xã: (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

8. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân
 Chiếu

Căn cước công dân
 Loại khác (ghi rõ):

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có):

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
9.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
9.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có tại thời điểm kê khai): Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
9.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính):

	Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có): Email (nếu có):				
9.4	Ngày bắt đầu hoạt động ³ (trường hợp hợp tác xã dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....				
9.5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>				
9.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁴ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)				
9.7	Tổng số lao động (dự kiến):				
9.8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>				
9.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁵ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>				
9.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai): <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 50%;">Tên ngân hàng</td> <td style="width: 50%;">Số tài khoản ngân hàng</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng				
.....				

10. Thông tin về các hợp tác xã bị chia, bị tách, bị hợp nhất (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập hợp tác xã trên cơ sở chia, tách, hợp nhất):

- a) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số Hợp tác xã mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã⁶(chỉ kê khai nếu không có mã số Hợp tác xã mã số thuế):.....
Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:
- b) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số Hợp tác xã mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã⁶(chỉ kê khai nếu không có mã số Hợp tác xã mã số thuế):.....
Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

Đề nghị(tên cơ quan đăng ký hợp tác xã) thực hiện chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất.

³ Trường hợp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

⁴ - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁵ Hợp tác xã căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chi tiêu này.

^{6,6} Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Tôi cam kết:

- Trữ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký hợp tác xã trên.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA HỢP TÁC XÃ
(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-2
PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ

PHẦN I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHẢ NĂNG THAM GIA CỦA HỢP TÁC XÃ

- I. Tổng quan về tình hình thị trường
- II. Đánh giá khả năng tham gia thị trường của hợp tác xã
- III. Căn cứ pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của hợp tác xã

PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ HỢP TÁC XÃ

- I. Giới thiệu tổng thể
 - 1. Tên hợp tác xã
 - 2. Địa chỉ trụ sở chính
 - 3. Vốn điều lệ
 - 4. Số lượng thành viên
 - 5. Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh
- II. Tổ chức bộ máy và giới thiệu chức năng nhiệm vụ tổ chức bộ máy của hợp tác xã

PHẦN III. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

- I. Phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội phát triển và thách thức của hợp tác xã
- II. Phân tích cạnh tranh
- III. Mục tiêu và chiến lược phát triển của hợp tác xã
- IV. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã
 - 1. Nhu cầu về sản phẩm, dịch vụ hoặc việc làm của thành viên
 - 2. Dự kiến các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã căn cứ vào hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)
 - 3. Xác định các hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)

V. Kế hoạch Marketing

VI. Phương án đầu tư cơ sở vật chất, bố trí nhân lực và các điều kiện khác phục vụ sản xuất, kinh doanh

PHẦN IV. PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

- I. Phương án huy động và sử dụng vốn
- II. Phương án về doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong 03 năm đầu
- III. Phương án tài chính khác

PHẦN V. KẾT LUẬN

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA HỢP TÁC XÃ

(Ký và ghi họ tên)¹

Phụ lục I-3

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỢP TÁC XÃ

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp của hộ gia đình	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp của hộ gia đình	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp		Thời điểm hoàn thành góp vốn	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ²	Gh i ch ú
									Giá trị phần vốn góp (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

¹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

² Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

....., ngày.....tháng.....năm.....
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)³

³ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không cần đóng dấu.

Phụ lục I-4
DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC),
BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN HỢP TÁC XÃ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu	Chức danh	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Danh sách Hội đồng quản trị										
1										
2										
Giám đốc (Tổng Giám đốc)										
Danh sách Ban kiểm soát (kiểm soát viên)										
1										
2										

....., ngày.... tháng.... năm...
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

2. Thủ tục: Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Hợp tác xã

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện gửi đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện.- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Tài chính - Kế hoạch gửi thông báo qua mạng điện tử đề yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường</p>
-----------------------------------	--

	<p>bưu điện</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã; - Nghị quyết của đại hội thành viên về việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; - Quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc cử người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; - Bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện - Cơ quan thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Hợp tác xã
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (<i>Phụ lục I-7 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ;

- | | |
|--|--|
| | <ul style="list-style-type: none">- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư- Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.- Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum |
|--|--|

Phụ lục I-7

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện,
địa điểm kinh doanh của hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số Hợp tác xã Mã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã¹(*chỉ kê khai nếu không có mã số Hợp tác xã mã số thuế*):.....

Ngày cấp: .../.../.... Nơi cấp:

Đăng ký thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh với các nội dung sau:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt(*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):.....

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt (*nếu có*): ..

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

3. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:

a) Ngành, nghề kinh doanh (*đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh; ghi tên và mã ngành, nghề kinh doanh theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam*):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (<i>đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai</i>)

b) Nội dung hoạt động (*đối với văn phòng đại diện*):

4. Người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ tên người đại diện (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

¹Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

ỨNG MINH NHÂN DÂN CĂN CƯỚC CÔNG DÂN
 HỘ CHIẾU LOẠI KHÁC (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tô/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tô/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):

5. Chi nhánh chủ quản(chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký thành lập địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh hợp tác xã (trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh):..... Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

6. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
6.1	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tô/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại:Fax (nếu có): Email (nếu có):
6.2	Ngày bắt đầu hoạt động ² (trường hợp chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
6.3	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp):

² Trường hợp chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận.

	Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>						
6.4	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/..... đến ngày/..... ³ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)						
6.5	Tổng số lao động (dự kiến):						
6.6	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>						
6.7	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁴ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>						
6.8	Thông tin về Tài khoản ngân hàng: <table border="1" style="width: 100%;"> <thead> <tr> <th>Tên ngân hàng</th> <th>Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </tbody> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng						
.....						
.....						

Hợp tác xã cam kết:

- Trụ sở chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ
NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)⁵

³ Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁴ Hợp tác xã căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chi tiêu này.

⁵ - Trường hợp lập địa điểm kinh doanh trực thuộc hợp tác xã thì người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp lập địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh thì người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

3. Thủ tục: Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký Hợp tác xã

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <p>+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện gửi đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. <p>+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:</p> <ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện.- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Tài chính - Kế hoạch gửi thông báo qua mạng điện tử để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện</p>
----------------------------	---

	- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	a) Thành phần hồ sơ bao gồm: - Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung (theo mẫu); - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo pháp luật của HTX. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký theo quy định của Luật Hợp tác xã. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời gian giải quyết:	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện - Cơ quan thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh HTX
Lệ phí:	- Lệ phí đăng ký kinh doanh (thay đổi nội dung). Mức thu: 30.000 đồng/lần cấp. - Miễn nộp lệ phí: Đăng ký bổ sung, thay đổi thông tin trên giấy chứng nhận hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ... trong hồ sơ đăng ký kinh doanh, hồ sơ thành lập hợp tác xã.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký (<i>Phụ lục I-5 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ

Kế hoạch và Đầu tư

- Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

Phụ lục I-5

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):.....

Mã số Hợp tác xãMã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã¹(chỉ kê khai nếu không có mã số Hợp tác xãmã số thuế):.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

Hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở (chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã hoặc sáp nhập hợp tác xã, đánh dấu X vào ô thích hợp):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã

Thông tin về hợp tác xã được tách (chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã)

a) Tên hợp tác xã(ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hợp tác xã:

b) Tên hợp tác xã(ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hợp tác xã:

Thông tin về hợp tác xã bị sáp nhập(chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã):

a) Tên hợp tác xã(ghi bằng chữ in hoa):

Mã số Hợp tác xãMã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã²(chỉ kê khai nếu không có mã số Hợp tác xãmã số thuế):.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

b) Tên hợp tác xã(ghi bằng chữ in hoa):

Mã số Hợp tác xãMã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã³(chỉ kê khai nếu không có mã số Hợp tác xãmã số thuế):.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

Đề nghị (tên cơ quan đăng ký hợp tác xã) thực hiện chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã bị sáp nhập.

Hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung đăng ký Hợp tác xã

¹ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

^{2,3} Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã như sau:
(Hợp tác xã chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/
thông báo thay đổi và gửi kèm)

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN HỢP TÁC XÃ

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt dự kiến thay đổi (ghi bằng chữ in hoa):

.....

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài dự kiến thay đổi (nếu có):

.....

Tên hợp tác xã viết tắt dự kiến thay đổi (nếu có):

.....

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu hợp tác xã thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở chính).

Hợp tác xã cam kết trụ sở hợp tác xã dự định chuyển đến thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH⁴

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Chi chú

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Chi chú

⁴ Hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú

4. Thay đổi ngành nghề kinh doanh chính (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh chính	Mã ngành	Ghi chú

Lưu ý:

Trường hợp hợp tác xã thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại Mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại Mục 2.

Trường hợp ngành, nghề kinh doanh được bổ sung hoặc ngành, nghề kinh doanh được bỏ ra khỏi danh sách đã đăng ký là ngành, nghề kinh doanh chính của hợp tác xã thì hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1 (hoặc Mục 2) và Mục 4 nêu trên.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ

Vốn điều lệ đã đăng ký (bằng số, bằng chữ, VNĐ):
 Vốn điều lệ sau khi thay đổi (bằng số, bằng chữ, VNĐ):
 Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):
 Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hay không? ng
 Thời điểm thay đổi vốn:
 Hình thức tăng, giảm vốn:

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ/SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN/
 THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT
 VIÊN**

1. Trường hợp thay đổi điều lệ thì hợp tác xã gửi kèm theo bản điều lệ của hợp tác xã sau khi thay đổi.
2. Trường hợp thay đổi số lượng thành viên thì hợp tác xã gửi kèm theo bản Danh sách thành viên sau khi thay đổi.
 (Lưu ý: Hợp tác xã chỉ kê khai các thành viên mới được bổ sung hoặc các thành viên ra khỏi hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-3 ban hành kèm theo Thông tư này).
3. Trường hợp thay đổi thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên của hợp tác xã thì hợp tác xã gửi kèm theo bản Danh sách thành viên hội đồng

quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên sau khi thay đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục I-4 ban hành kèm theo Thông tư này.

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế		
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:		
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁵ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:		
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại:Fax (nếu có): Email (nếu có):		
4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁶ :...../...../.....		
5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>		
6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁷ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)		
7	Tổng số lao động:		
8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>		
9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁸ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>		
10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng: <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; margin-top: 5px;"> <tr> <td style="width: 50%; text-align: center;">Tên ngân hàng</td> <td style="width: 50%; text-align: center;">Số tài khoản ngân hàng</td> </tr> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng		

⁵ Trường hợp hợp tác xã kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chi tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chi tiêu 2.

⁶ Trường hợp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

⁷ - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁸ Hợp tác xã căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chi tiêu này.

.....

.....

**ĐĂNG KÝ
THAY ĐỔI ĐỐI NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

Người đại diện theo pháp luật sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:Ngày hết hạn (*nếu có*):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*):Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*):

Đề nghị (*tên cơ quan đăng ký hợp*

tác xã) cập nhật thông tin về Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Danh sách Hội đồng quản trị trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

**THÔNG BÁO BỔ SUNG, CẬP NHẬT THÔNG TIN
ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ**

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hợp tác xã như sau:

.....
.....
.....

Hợp tác xã xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này và các tài liệu được gửi kèm theo.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA HỢP TÁC XÃ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)⁹

⁹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.
Trường hợp hợp tác xã thay đổi người đại diện theo pháp luật hoặc thay đổi nhiều nội dung đăng ký hợp tác xã, trong đó có thay đổi người đại diện theo pháp luật thì người ký thông báo là Chủ tịch hội đồng quản trị mới được bầu.

4. Thủ tục: Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Hợp tác xã

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện gửi đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện.- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Tài chính - Kế hoạch gửi thông báo qua mạng điện tử đề yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường</p>
-----------------------------------	--

	<p>buổi điện</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của (<i>theo mẫu</i>); - Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của Hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của ; - Bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đối với trường hợp thay đổi người đại diện. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện - Cơ quan thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Hợp tác xã
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo về việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (<i>Phụ lục I-9 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

	<ul style="list-style-type: none">- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư- Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.- Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum
--	--

Phụ lục I-9

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

**Về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh,
văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số Hợp tác xãMã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã⁶(*chỉ kê khai nếu không có mã số Hợp tác xã mã số thuế*): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

.....

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (*trường hợp không có mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh*):

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Chi nhánh chủ quản (*chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*):

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Nội dung đăng ký thay đổi:

.....

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA HỢP TÁC XÃ

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH

(*Ký, ghi họ tên, đóng dấu*)⁷

⁶ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

5. Thủ tục: Đăng ký khi Hợp tác xã chia

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <p>+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện gửi đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. <p>+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:</p> <ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện.- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Tài chính - Kế hoạch gửi thông báo qua mạng điện tử để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống</p>
----------------------------	---

7

- Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc hợp tác xã, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã hoặc người đại diện chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

	<p>thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã. Hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ. Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện - Thời gian: Sáng từ 7 giờ - 11 giờ, chiều từ 13 giờ - 17 giờ các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký thành lập HTX, (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Điều lệ; - Phương án sản xuất kinh doanh (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách thành viên, hợp tác xã thành viên (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên (<i>theo mẫu</i>); - Nghị quyết của Đại hội thành viên về việc chia HTX. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện - Cơ quan thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh HTX.
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký kinh doanh . Mức thu: 50.000 đồng/lần cấp. - Miễn nộp lệ phí: Đăng ký bổ sung, thay đổi thông tin trên giấy chứng nhận hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ... trong hồ sơ đăng ký kinh doanh, hồ sơ thành lập hợp tác xã.

Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký thành lập (<i>Phụ lục I-1 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Phương án sản xuất kinh doanh(<i>Phụ lục I-2 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách hợp tác xã thành viên(<i>Phụ lục I-3 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên (<i>Phụ lục I-4 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	<p>Sau khi đại hội thành viên quyết định chia, Hội đồng quản trị thông báo bằng văn bản cho các chủ nợ, các tổ chức và cá nhân có quan hệ kinh tế với HTX, về quyết định chia và giải quyết các vấn đề liên quan trước khi tiến hành thủ tục thành lập HTX mới.</p>
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012</i>; - <i>Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ</i>; - <i>Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ</i>; - <i>Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư</i>; - <i>Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư</i> - <i>Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.</i> - <i>Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum</i>

Phụ lục I-1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Đăng ký thành lập hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tôi là (*ghi họ tên bằng chữ in hoa*):.....là người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã

Đăng ký thành lập hợp tác xã với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập(*đánh dấu X vào ô thích hợp*)

- Thành lập mới
- Thành lập trên cơ sở tách hợp tác xã
- Thành lập trên cơ sở chia hợp tác xã
- Thành lập trên cơ sở hợp nhất hợp tác xã

2. Tên hợp tác xã:

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):.....

Tên hợp tác xã viết tắt (*nếu có*):.....

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (*nếu có*):Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*):Website (*nếu có*):

4. Ngành, nghề kinh doanh⁸(*ghi tên và mã ngành, nghề kinh doanh theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam*):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (<i>đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai</i>)

5. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (*bằng số; VNĐ*):

Vốn điều lệ (*bằng chữ; VNĐ*):.....

⁸ Hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Hợp tác xã chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh làm ngành, nghề kinh doanh chính. Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hay không? Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Số lượng thành viên:

Danh sách thành viên hợp tác xã: (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

8. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

- | | |
|--|--|
| <input type="checkbox"/> Chứng minh nhân dân | <input type="checkbox"/> Căn cước công dân |
| <input type="checkbox"/> Hộ chiếu | <input type="checkbox"/> Loại khác (ghi rõ): |

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có):

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
9.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
9.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có tại thời điểm kê khai): Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
9.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có): Email (nếu có):
9.4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁹ (trường hợp hợp tác xã dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
9.5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp):

⁹ Trường hợp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

	Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/>				
	Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>				
9.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ¹⁰ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)				
9.7	Tổng số lao động (dự kiến):				
9.8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>				
9.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ¹¹ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>				
9.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai): <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <th style="width: 50%;">Tên ngân hàng</th> <th style="width: 50%;">Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng				
.....				

10. Thông tin về các hợp tác xã bị chia, bị tách, bị hợp nhất (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập hợp tác xã trên cơ sở chia, tách, hợp nhất):

- a) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số Hợp tác xã mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã¹²(chỉ kê khai nếu không có mã số Hợp tác xã mã số thuế):.....
Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:
- b) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số Hợp tác xã mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã⁶(chỉ kê khai nếu không có mã số Hợp tác xã mã số thuế):.....
Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

Đề nghị(tên cơ quan đăng ký hợp tác xã) thực hiện chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất.

Tôi cam kết:

- Tru sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký hợp tác xã trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ
(Ký và ghi họ tên)⁷**

¹⁰ - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

¹¹ Hợp tác xã căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

^{12, 6} Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Phụ lục I-2
PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ

PHẦN I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHẢ NĂNG THAM GIA CỦA HỢP TÁC XÃ

- I. Tổng quan về tình hình thị trường
- II. Đánh giá khả năng tham gia thị trường của hợp tác xã
- III. Căn cứ pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của hợp tác xã

PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ HỢP TÁC XÃ

I. Giới thiệu tổng thể

1. Tên hợp tác xã
2. Địa chỉ trụ sở chính
3. Vốn điều lệ
4. Số lượng thành viên
5. Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh

II. Tổ chức bộ máy và giới thiệu chức năng nhiệm vụ tổ chức bộ máy của hợp tác xã

PHẦN III. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

I. Phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội phát triển và thách thức của hợp tác xã

II. Phân tích cạnh tranh

III. Mục tiêu và chiến lược phát triển của hợp tác xã

IV. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã

1. Nhu cầu về sản phẩm, dịch vụ hoặc việc làm của thành viên
2. Dự kiến các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã căn cứ vào hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)

3. Xác định các hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)

V. Kế hoạch Marketing

VI. Phương án đầu tư cơ sở vật chất, bố trí nhân lực và các điều kiện khác phục vụ sản xuất, kinh doanh

PHẦN IV. PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

I. Phương án huy động và sử dụng vốn

II. Phương án về doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong 03 năm đầu

III. Phương án tài chính khác

PHẦN V. KẾT LUẬN

⁷ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký và ghi họ tên)¹³

¹³ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-3
DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỢP TÁC XÃ

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp của hộ gia đình	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp của hộ gia đình	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp		Thời điểm hoàn thành góp vốn	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ¹	Gh i ch ú
									Giá trị phần vốn góp (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

....., ngày.....tháng.....năm.....
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
ý, ghi họ tên và đóng dấu)²

¹ Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

² Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không cần đóng dấu.

Phụ lục I-4
DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC),
BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN HỢP TÁC XÃ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu	Chức danh	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
D. Danh sách Hội đồng quản trị										
E. Giám đốc (Tổng Giám đốc)										
F. Danh sách Ban kiểm soát (kiểm soát viên)										

....., ngày.... tháng.... năm...
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

6. Thủ tục: Đăng ký khi Hợp tác xã tách

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <p>+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện gửi đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. <p>+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:</p> <ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện.- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Tài chính - Kế hoạch gửi thông báo qua mạng điện tử để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện</p>
----------------------------	---

	- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	a) Thành phần hồ sơ bao gồm: - Giấy đề nghị đăng ký thành lập HTX, (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Điều lệ; - Phương án sản xuất kinh doanh (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách thành viên, hợp tác xã thành viên (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên (<i>theo mẫu</i>); - Nghị quyết của Đại hội thành viên về việc tách HTX. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời gian giải quyết:	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện - Cơ quan thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh HTX.
Lệ phí:	- Lệ phí đăng ký kinh doanh . Mức thu: 50.000 đồng/lần cấp. - Miễn nộp lệ phí: Đăng ký bổ sung, thay đổi thông tin trên giấy chứng nhận hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ... trong hồ sơ đăng ký kinh doanh, hồ sơ thành lập hợp tác xã.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Giấy đề nghị đăng ký thành lập (<i>Phụ lục I-1 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Phương án sản xuất kinh doanh (<i>Phụ lục I-2 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách hợp tác xã thành viên (<i>Phụ lục I-3 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc),

	ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên (<i>Phụ lục I-4 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Hội đồng quản trị thông báo bằng văn bản cho các chủ nợ, các tổ chức và cá nhân có quan hệ kinh tế với HTX, về quyết định tách và giải quyết các vấn đề liên quan trước khi tiến hành thủ tục thành lập HTX mới
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

Phụ lục I-1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Đăng ký thành lập hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):.....là người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã

Đăng ký thành lập hợp tác xã với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

- Thành lập mới
- Thành lập trên cơ sở tách hợp tác xã
- Thành lập trên cơ sở chia hợp tác xã
- Thành lập trên cơ sở hợp nhất hợp tác xã

2. Tên hợp tác xã:

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên hợp tác xã viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

4. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã ngành, nghề kinh doanh theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):

¹ Hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Hợp tác xã chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh làm ngành, nghề kinh doanh chính. Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hay không? Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Số lượng thành viên:

Danh sách thành viên hợp tác xã: (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

8. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

- | | |
|--|--|
| <input type="checkbox"/> Chứng minh nhân dân | <input type="checkbox"/> Căn cước công dân |
| <input type="checkbox"/> Hộ chiếu | <input type="checkbox"/> Loại khác (ghi rõ): |

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có):

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
9.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
9.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có tại thời điểm kê khai): Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
9.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có): Email (nếu có):
9.4	Ngày bắt đầu hoạt động ² (trường hợp hợp tác xã dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....
9.5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp):

² Trường hợp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

	Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/>				
	Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>				
9.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ³ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)				
9.7	Tổng số lao động (dự kiến):				
9.8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>				
9.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁴ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>				
9.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai): <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <th style="width: 50%;">Tên ngân hàng</th> <th style="width: 50%;">Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng				
.....				

10. Thông tin về các hợp tác xã bị chia, bị tách, bị hợp nhất (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập hợp tác xã trên cơ sở chia, tách, hợp nhất):

a) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số Hợp tác xã mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã⁵(chỉ kê khai nếu không có mã số Hợp tác xã mã số thuế):.....
Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

b) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):
Mã số Hợp tác xã mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã⁶(chỉ kê khai nếu không có mã số Hợp tác xã mã số thuế):.....
Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

Đề nghị(tên cơ quan đăng ký hợp tác xã) thực hiện chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất.

Tôi cam kết:

- Trữ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký hợp tác xã trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ
(Ký và ghi họ tên)⁷**

³ - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁴ Hợp tác xã căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

^{5,6} Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Phụ lục I-2
PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ

PHẦN I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHẢ NĂNG THAM GIA CỦA HỢP TÁC XÃ

- I. Tổng quan về tình hình thị trường
- II. Đánh giá khả năng tham gia thị trường của hợp tác xã
- III. Căn cứ pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của hợp tác xã

PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ HỢP TÁC XÃ

I. Giới thiệu tổng thể

1. Tên hợp tác xã
2. Địa chỉ trụ sở chính
3. Vốn điều lệ
4. Số lượng thành viên
5. Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh

II. Tổ chức bộ máy và giới thiệu chức năng nhiệm vụ tổ chức bộ máy của hợp tác xã

PHẦN III. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

I. Phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội phát triển và thách thức của hợp tác xã

II. Phân tích cạnh tranh

III. Mục tiêu và chiến lược phát triển của hợp tác xã

IV. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã

1. Nhu cầu về sản phẩm, dịch vụ hoặc việc làm của thành viên
2. Dự kiến các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã căn cứ vào hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)

3. Xác định các hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)

V. Kế hoạch Marketing

VI. Phương án đầu tư cơ sở vật chất, bố trí nhân lực và các điều kiện khác phục vụ sản xuất, kinh doanh

PHẦN IV. PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

I. Phương án huy động và sử dụng vốn

II. Phương án về doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong 03 năm đầu

III. Phương án tài chính khác

PHẦN V. KẾT LUẬN

⁷ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký và ghi họ tên)⁶

⁶ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-3
DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỢP TÁC XÃ

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp của hộ gia đình	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp của hộ gia đình	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp		Thời điểm hoàn thành góp vốn	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ¹	Gh i ch ú
									Giá trị phần vốn góp (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

....., ngày.....tháng.....năm.....
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)²

¹ Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

² Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không cần đóng dấu.

Phụ lục I-4
DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC),
BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN HỢP TÁC XÃ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu	Chức danh	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
D. Danh sách Hội đồng quản trị										
E. Giám đốc (Tổng Giám đốc)										
F. Danh sách Ban kiểm soát (kiểm soát viên)										

....., ngày.... tháng.... năm...
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

7. Thủ tục: Đăng ký khi Hợp tác xã hợp nhất

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện gửi đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện.- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Tài chính - Kế hoạch gửi thông báo qua mạng điện tử để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện</p>
----------------------------	---

	- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký thành lập HTX, (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Điều lệ; - Phương án sản xuất kinh doanh (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách thành viên, hợp tác xã thành viên (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên (<i>theo mẫu</i>); - Nghị quyết của Đại hội thành viên về việc hợp nhất HTX. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện - Cơ quan thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh HTX.
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký kinh doanh . Mức thu: 50.000 đồng/lần cấp. - Miễn nộp lệ phí: Đăng ký bổ sung, thay đổi thông tin trên giấy chứng nhận hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ... trong hồ sơ đăng ký kinh doanh, hồ sơ thành lập hợp tác xã.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký thành lập (<i>Phụ lục I-1 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Phương án sản xuất kinh doanh(<i>Phụ lục I-2 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách hợp tác xã thành viên(<i>Phụ lục I-3 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>);

	<ul style="list-style-type: none"> - Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên (<i>Phụ lục I-4 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị của các dự kiến hợp nhất xây dựng phương án hợp nhất trình đại hội thành viên của mình quyết định và có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho các chủ nợ, các tổ chức và cá nhân có quan hệ kinh tế với về quyết định hợp nhất. - Hội đồng quản trị của các dự định hợp nhất hiệp thương thành hội đồng hợp nhất. Hội đồng có nhiệm vụ xây dựng phương án hợp nhất trình đại hội thành viên quyết định.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Luật Hợp tác xã</i> ngày 20/11/2012; - <i>Nghị định số 193/2013/NĐ-CP</i> ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 107/2017/NĐ-CP</i> ngày 15/9/2017 của Chính phủ; - <i>Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT</i> ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <i>Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i> ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - <i>Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND</i> ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - <i>Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND</i> ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

Phụ lục I-1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Đăng ký thành lập hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):.....là người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã

Đăng ký thành lập hợp tác xã với các nội dung sau:

1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)

- Thành lập mới
- Thành lập trên cơ sở tách hợp tác xã
- Thành lập trên cơ sở chia hợp tác xã
- Thành lập trên cơ sở hợp nhất hợp tác xã

2. Tên hợp tác xã:

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên hợp tác xã viết tắt (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (nếu có):Fax (nếu có):

Email (nếu có):Website (nếu có):

4. Ngành, nghề kinh doanh¹ (ghi tên và mã ngành, nghề kinh doanh theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)

5. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ):

Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ):

¹ Hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Hợp tác xã chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh làm ngành, nghề kinh doanh chính. Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hay không? Có Không

6. Nguồn vốn điều lệ:

Loại nguồn vốn	Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)
Vốn ngân sách nhà nước		
Vốn tư nhân		
Vốn nước ngoài		
Vốn khác		
Tổng cộng		

7. Số lượng thành viên:

Danh sách thành viên hợp tác xã: (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

8. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân Căn cước công dân
 Hộ chiếu Loại khác (ghi rõ):

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: Ngày hết hạn (nếu có):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tô/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Email (nếu có):

9. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
9.1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
9.2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có tại thời điểm kê khai): Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
9.3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Điện thoại (nếu có): Fax (nếu có): Email (nếu có):

9.4	Ngày bắt đầu hoạt động ² (trường hợp hợp tác xã dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã thì không cần kê khai nội dung này):/...../.....				
9.5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>				
9.6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ³ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)				
9.7	Tổng số lao động (dự kiến):				
9.8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>				
9.9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁴ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>				
9.10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai): <table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 50%;">Tên ngân hàng</td> <td style="width: 50%;">Số tài khoản ngân hàng</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng				
.....				

10. Thông tin về các hợp tác xã bị chia, bị tách, bị hợp nhất (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập hợp tác xã trên cơ sở chia, tách, hợp nhất):

a) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):
 Mã số Hợp tác xã mã số thuế:
 Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã⁵(chỉ kê khai nếu không có mã số Hợp tác xã mã số thuế):.....
 Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

b) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):
 Mã số Hợp tác xã mã số thuế:
 Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã⁶(chỉ kê khai nếu không có mã số Hợp tác xã mã số thuế):.....
 Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

Đề nghị(tên cơ quan đăng ký hợp tác xã) thực hiện chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất.

Tôi cam kết:

- Tru sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

² Trường hợp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

³ - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁴ Hợp tác xã căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

^{5,6} Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký hợp tác xã trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký và ghi họ tên)⁷

⁷ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-2
PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ

PHẦN I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHẢ NĂNG THAM GIA CỦA HỢP TÁC XÃ

- I. Tổng quan về tình hình thị trường
- II. Đánh giá khả năng tham gia thị trường của hợp tác xã
- III. Căn cứ pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của hợp tác xã

PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ HỢP TÁC XÃ

I. Giới thiệu tổng thể

1. Tên hợp tác xã
2. Địa chỉ trụ sở chính
3. Vốn điều lệ
4. Số lượng thành viên
5. Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh

II. Tổ chức bộ máy và giới thiệu chức năng nhiệm vụ tổ chức bộ máy của hợp tác xã

PHẦN III. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

I. Phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội phát triển và thách thức của hợp tác xã

II. Phân tích cạnh tranh

III. Mục tiêu và chiến lược phát triển của hợp tác xã

IV. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã

1. Nhu cầu về sản phẩm, dịch vụ hoặc việc làm của thành viên
2. Dự kiến các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã căn cứ vào hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)

3. Xác định các hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)

V. Kế hoạch Marketing

VI. Phương án đầu tư cơ sở vật chất, bố trí nhân lực và các điều kiện khác phục vụ sản xuất, kinh doanh

PHẦN IV. PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

I. Phương án huy động và sử dụng vốn

II. Phương án về doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong 03 năm đầu

III. Phương án tài chính khác

PHẦN V. KẾT LUẬN

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký và ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-3
DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỢP TÁC XÃ

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp của hộ gia đình	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp của hộ gia đình	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp		Thời điểm hoàn thành góp vốn	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ¹	Gh i ch ú
									Giá trị phần vốn góp (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

....., ngày.....tháng.....năm.....
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)²

¹ Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

² Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không cần đóng dấu.

Phụ lục I-4
DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC),
BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN HỢP TÁC XÃ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu	Chức danh	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
D. Danh sách Hội đồng quản trị										
E. Giám đốc (Tổng Giám đốc)										
F. Danh sách Ban kiểm soát (kiểm soát viên)										

....., ngày.... tháng.... năm...
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

8. Thủ tục: Đăng ký khi Hợp tác xã sáp nhập

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <p>+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện gửi đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. <p>+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:</p> <ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện.- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Tài chính - Kế hoạch gửi thông báo qua mạng điện tử đề yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện</p> <ul style="list-style-type: none">- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30
----------------------------	--

	các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung (theo mẫu); - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Điều lệ; - Phương án sản xuất kinh doanh (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách thành viên, hợp tác xã thành viên (<i>theo mẫu</i>); - Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên (<i>theo mẫu</i>); - Nghị quyết của đại hội thành viên về việc sáp nhập HTX <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện - Cơ quan thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh HTX.
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký kinh doanh . Mức thu: 30.000 đồng/lần cấp. - Miễn nộp lệ phí: Đăng ký bổ sung, thay đổi thông tin trên giấy chứng nhận hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ... trong hồ sơ đăng ký kinh doanh, hồ sơ thành lập hợp tác xã.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký (<i>Phụ lục I-5 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Phương án sản xuất kinh doanh(<i>Phụ lục I-2 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách hợp tác xã thành viên(<i>Phụ lục I-3 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên (<i>Phụ lục I-4 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).

Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị của các HTX bị sáp nhập xây dựng phương án sáp nhập trình đại hội thành viên của mình quyết định và có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho các chủ nợ, các tổ chức và cá nhân có quan hệ kinh tế với về quyết định sáp nhập. - Hội đồng quản trị của các HTX, bị sáp nhập hiệp thương về phương án sáp nhập, gồm các nội dung chủ yếu sau: phương án xử lý tài sản, vốn, các khoản nợ; phương án xử lý lao động và những vấn đề tồn đọng của các HTX bị sáp nhập.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

Phụ lục I-5

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):.....

Mã số Hợp tác xãMã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã¹(chỉ kê khai nếu không có mã số Hợp tác xãmã số thuế):.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

Hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở (chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã hoặc sáp nhập hợp tác xã, đánh dấu X vào ô thích hợp):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã

Thông tin về hợp tác xã được tách (chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã)

a) Tên hợp tác xã(ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hợp tác xã:

b) Tên hợp tác xã(ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hợp tác xã:

Thông tin về hợp tác xã bị sáp nhập(chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã):

a) Tên hợp tác xã(ghi bằng chữ in hoa):

Mã số Hợp tác xãMã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã²(chỉ kê khai nếu không có mã số Hợp tác xãmã số thuế):.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

b) Tên hợp tác xã(ghi bằng chữ in hoa):

Mã số Hợp tác xãMã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã³(chỉ kê khai nếu không có mã số Hợp tác xãmã số thuế):.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

Đề nghị (tên cơ quan đăng ký hợp tác xã) thực hiện chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã bị sáp nhập.

Hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung đăng ký Hợp tác xã

¹ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

^{2,3} Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã như sau:
(Hợp tác xã chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/
thông báo thay đổi và gửi kèm)

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN HỢP TÁC XÃ

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt dự kiến thay đổi (ghi bằng chữ in hoa):

.....

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài dự kiến thay đổi (nếu có):

.....

Tên hợp tác xã viết tắt dự kiến thay đổi (nếu có):

.....

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu hợp tác xã thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở chính).

Hợp tác xã cam kết trụ sở hợp tác xã dự định chuyển đến thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH⁴

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Chi chú

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Chi chú

⁴ Hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú

4. Thay đổi ngành nghề kinh doanh chính (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh chính	Mã ngành	Ghi chú

Lưu ý:

Trường hợp hợp tác xã thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại Mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại Mục 2.

Trường hợp ngành, nghề kinh doanh được bổ sung hoặc ngành, nghề kinh doanh được bỏ ra khỏi danh sách đã đăng ký là ngành, nghề kinh doanh chính của hợp tác xã thì hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1 (hoặc Mục 2) và Mục 4 nêu trên.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ

Vốn điều lệ đã đăng ký (bằng số, bằng chữ, VNĐ):

Vốn điều lệ sau khi thay đổi (bằng số, bằng chữ, VNĐ):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên

Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hay không? ng

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ/SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN/
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT
VIÊN**

1. Trường hợp thay đổi điều lệ thì hợp tác xã gửi kèm theo bản điều lệ của hợp tác xã sau khi thay đổi.

2. Trường hợp thay đổi số lượng thành viên thì hợp tác xã gửi kèm theo bản Danh sách thành viên sau khi thay đổi.

(Lưu ý: Hợp tác xã chỉ kê khai các thành viên mới được bổ sung hoặc các thành viên ra khỏi hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-3 ban hành kèm theo Thông tư này).

3. Trường hợp thay đổi thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên của hợp tác xã thì hợp tác xã gửi kèm theo bản Danh sách thành viên hội đồng

quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên sau khi thay đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục I-4 ban hành kèm theo Thông tư này.

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế		
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:		
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁵ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:		
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại:Fax (nếu có): Email (nếu có):		
4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁶ :...../...../.....		
5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>		
6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁷ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)		
7	Tổng số lao động:		
8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>		
9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁸ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>		
10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng: <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; margin-top: 5px;"> <tr> <td style="width: 50%; text-align: center;">Tên ngân hàng</td> <td style="width: 50%; text-align: center;">Số tài khoản ngân hàng</td> </tr> </table>	Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng		

⁵ Trường hợp hợp tác xã kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

⁶ Trường hợp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

⁷ - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁸ Hợp tác xã căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

.....

.....

**ĐĂNG KÝ
THAY ĐỔI ĐỐI NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

Người đại diện theo pháp luật sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:Ngày hết hạn (*nếu có*):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*):Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*):

Đề nghị (*tên cơ quan đăng ký hợp*

tác xã) cập nhật thông tin về Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Danh sách Hội đồng quản trị trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

**THÔNG BÁO BỔ SUNG, CẬP NHẬT THÔNG TIN
ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ**

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hợp tác xã như sau:

.....
.....
.....

Hợp tác xã xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này và các tài liệu được gửi kèm theo.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA HỢP TÁC XÃ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)⁹

⁹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.
Trường hợp hợp tác xã thay đổi người đại diện theo pháp luật hoặc thay đổi nhiều nội dung đăng ký hợp tác xã, trong đó có thay đổi người đại diện theo pháp luật thì người ký thông báo là Chủ tịch hội đồng quản trị mới được bầu.

Phụ lục I-2
PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ

PHẦN I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHẢ NĂNG THAM GIA CỦA HỢP TÁC XÃ

- I. Tổng quan về tình hình thị trường
- II. Đánh giá khả năng tham gia thị trường của hợp tác xã
- III. Căn cứ pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của hợp tác xã

PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ HỢP TÁC XÃ

- I. Giới thiệu tổng thể
 1. Tên hợp tác xã
 2. Địa chỉ trụ sở chính
 3. Vốn điều lệ
 4. Số lượng thành viên
 5. Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh
- II. Tổ chức bộ máy và giới thiệu chức năng nhiệm vụ tổ chức bộ máy của hợp tác xã

PHẦN III. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

- I. Phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội phát triển và thách thức của hợp tác xã
- II. Phân tích cạnh tranh
- III. Mục tiêu và chiến lược phát triển của hợp tác xã
- IV. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã
 1. Nhu cầu về sản phẩm, dịch vụ hoặc việc làm của thành viên
 2. Dự kiến các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã căn cứ vào hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)
 3. Xác định các hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)
- V. Kế hoạch Marketing
- VI. Phương án đầu tư cơ sở vật chất, bố trí nhân lực và các điều kiện khác phục vụ sản xuất, kinh doanh

PHẦN IV. PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

- I. Phương án huy động và sử dụng vốn
- II. Phương án về doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong 03 năm đầu
- III. Phương án tài chính khác

PHẦN V. KẾT LUẬN

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký và ghi họ tên)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-3
DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỢP TÁC XÃ

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp của hộ gia đình	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp của hộ gia đình	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp		Thời điểm hoàn thành góp vốn	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ¹	Gh i ch ú
									Giá trị phần vốn góp (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

....., ngày.....tháng.....năm.....
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)²

¹ Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

² Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không cần đóng dấu.

Phụ lục I-4
DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC),
BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN HỢP TÁC XÃ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu	Chức danh	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
D. Danh sách Hội đồng quản trị										
E. Giám đốc (Tổng Giám đốc)										
F. Danh sách Ban kiểm soát (kiểm soát viên)										

....., ngày.... tháng.... năm...
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)¹

¹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

9. Thủ tục: Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện gửi đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện.- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Tài chính - Kế hoạch gửi thông báo qua mạng điện tử đề yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp</p>
----------------------------	--

	<p>nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (<i>theo mẫu</i>) - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện - Cơ quan thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (<i>Phụ lục I-18 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ

Kế hoạch và Đầu tư

- Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

Phụ lục I-18

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

**Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã,
Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại
diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số Hợp tác xã mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã¹(*chỉ kê khai nếu không có mã số Hợp tác xã mã số thuế*):Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.

Thông tin về chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*chỉ kê khai trong trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh*):

- Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/ địa điểm kinh doanh:

- Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/ địa điểm kinh doanh:

Chi nhánh chủ quản (*chỉ kê khai đối với trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*):

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh hợp tác xã (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*):Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Lý do đề nghị cấp lại:

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH

(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)²

¹ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

10. Thủ tục: *Giải thể tự nguyện Hợp tác xã*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện gửi đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Tài chính - Kế hoạch truyền dữ liệu giải thể của DN sang cơ quan thuế để xác nhận giao dịch và trả kết quả trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận Thông báo giải thể để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp</p>
----------------------------	---

²Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trực thuộc hợp tác xã, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã hoặc người đại diện chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

	<p>nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc giải thể HTX, (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền tiến hành thủ tục giải thể. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Nghị quyết của đại hội thành viên về việc giải thể HTX; - Biên bản hoàn thành việc giải thể HTX; - Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu của hợp tác xã; - Giấy biên nhận của cơ quan thông tin đại chúng về việc nhận đăng thông báo về việc giải thể HTX, hoặc bản in 03 số báo liên tiếp đã đăng thông báo về việc giải thể HTX. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện - Cơ quan thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch
Kết quả:	Giấy xác nhận giải thể
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo về việc giải thể (<i>Phụ lục số I-13 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>)
Yêu cầu, điều kiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày đại hội thành viên ra quyết định thành lập hội đồng giải thể phải thực hiện các công việc sau: <ul style="list-style-type: none"> + Thông báo về việc giải thể tới cơ quan nhà nước đã cấp giấy chứng nhận đăng ký HTX; đăng báo địa phương nơi HTX, hoạt động trong 03 số liên tiếp về việc giải thể; + Thông báo tới tổ chức, cá nhân có quan hệ kinh tế với HTX, về thời hạn thanh toán nợ, thanh lý các hợp đồng; thực hiện việc xử lý tài sản, vốn của HTX, ;

Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none">- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012;- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ;- Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ;- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư- Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.- Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum
------------------------	--

TÊN HỢP TÁC XÃ

Phụ lục I-13

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO
Về việc giải thể hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số Hợp tác xãMã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã³(*chỉ kê khai nếu không có mã số Hợp tác xã mã số thuế*):Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Thông báo về việc giải thể hợp tác xã như sau:

Trường hợp hợp tác xã gửi Quyết định giải thể đến cơ quan đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Khoản 1 Điều 54 Luật Hợp tác xã thì ghi:

Quyết định giải thể số:..... ngày.../...../.....

Lý do giải thể:

.....

.....

Kính đề nghị(*tên cơ quan đăng ký hợp tác xã*) thông báo tình trạng hợp tác xã đang làm thủ tục giải thể, đăng tải quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ của hợp tác xã (*nếu có*) trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

Trường hợp hợp tác xã nộp hồ sơ giải thể đến cơ quan đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Khoản 4 Điều 54 Luật Hợp tác xã thì ghi:

Hợp tác xã cam kết đã hoàn thành các khoản nợ, nghĩa vụ thuế, tài sản. Kính đề nghị(*tên cơ quan đăng ký hợp tác xã*) cập nhật tình trạng pháp lý của hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng đã giải thể. Hợp tác xã hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ

(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)⁴

³ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

⁴ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

11. Thủ tục: *Thông báo thay đổi nội dung đăng ký Hợp tác xã*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <p>+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện gửi đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ. <p>+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:</p> <ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện.- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Tài chính - Kế hoạch gửi thông báo qua mạng điện tử để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện</p>
----------------------------	---

	- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy thông báo thay đổi nội dung đăng ký HTX, (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực. - Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký HTX. - Trường hợp thay đổi điều lệ thì HTX, gửi kèm theo bản điều lệ sau khi thay đổi; - Trường hợp thay đổi số lượng thành viên thì hợp tác xã, liên hiệp HTX gửi kèm theo bản danh sách thành viên (<i>theo mẫu</i>) sau khi thay đổi; - Trường hợp thay đổi thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên thì HTX, gửi kèm theo bản danh sách thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên (<i>theo mẫu</i>) sau khi thay đổi <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện - Cơ quan thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch
Kết quả:	Bổ sung hồ sơ đăng ký
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký kinh doanh (thay đổi thông tin). Mức thu: 30.000 đồng/lần cấp. - Miễn nộp lệ phí: Đăng ký bổ sung, thay đổi thông tin trên giấy chứng nhận hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ... trong hồ sơ đăng ký kinh doanh, hồ sơ thành lập hợp tác xã.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	- Giấy đề nghị đăng ký nội dung đăng ký (<i>Phụ lục I-5 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).

	<ul style="list-style-type: none"> - Danh sách thành viên hợp tác xã - trong trường hợp thay đổi số lượng hợp tác xã thành viên (<i>Phụ lục I-3 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên - trong trường hợp thay đổi thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên (<i>Phụ lục I-4 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

Phụ lục I-5

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):.....

Mã số Hợp tác xãMã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã¹(chỉ kê khai nếu không có mã số Hợp tác xãmã số thuế):.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

Hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở (chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã hoặc sáp nhập hợp tác xã, đánh dấu X vào ô thích hợp):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã

Thông tin về hợp tác xã được tách (chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã)

a) Tên hợp tác xã(ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hợp tác xã:

b) Tên hợp tác xã(ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hợp tác xã:

Thông tin về hợp tác xã bị sáp nhập(chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã):

a) Tên hợp tác xã(ghi bằng chữ in hoa):

Mã số Hợp tác xãMã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã²(chỉ kê khai nếu không có mã số Hợp tác xãmã số thuế):.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

b) Tên hợp tác xã(ghi bằng chữ in hoa):

Mã số Hợp tác xãMã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã³(chỉ kê khai nếu không có mã số Hợp tác xãmã số thuế):.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

Đề nghị (tên cơ quan đăng ký hợp tác xã) thực hiện chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã bị sáp nhập.

Hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung đăng ký Hợp tác xã

¹ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

^{2,3} Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã như sau:
(Hợp tác xã chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/
thông báo thay đổi và gửi kèm)

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN HỢP TÁC XÃ

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt dự kiến thay đổi (ghi bằng chữ in hoa):

.....

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài dự kiến thay đổi (nếu có):

.....

Tên hợp tác xã viết tắt dự kiến thay đổi (nếu có):

.....

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax (nếu có):

Email (nếu có): Website (nếu có):

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu hợp tác xã thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở chính).

Hợp tác xã cam kết trụ sở hợp tác xã dự định chuyển đến thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH⁴

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Chi chú

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Chi chú

⁴ Hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ghi chú

4. Thay đổi ngành nghề kinh doanh chính (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh chính	Mã ngành	Ghi chú

Lưu ý:

Trường hợp hợp tác xã thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại Mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại Mục 2.

Trường hợp ngành, nghề kinh doanh được bổ sung hoặc ngành, nghề kinh doanh được bỏ ra khỏi danh sách đã đăng ký là ngành, nghề kinh doanh chính của hợp tác xã thì hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1 (hoặc Mục 2) và Mục 4 nêu trên.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ

Vốn điều lệ đã đăng ký (bằng số, bằng chữ, VNĐ):

Vốn điều lệ sau khi thay đổi (bằng số, bằng chữ, VNĐ):

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có):

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên

Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hay không? ng

Thời điểm thay đổi vốn:

Hình thức tăng, giảm vốn:

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ/SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN/
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT
VIÊN**

1. Trường hợp thay đổi điều lệ thì hợp tác xã gửi kèm theo bản điều lệ của hợp tác xã sau khi thay đổi.

2. Trường hợp thay đổi số lượng thành viên thì hợp tác xã gửi kèm theo bản Danh sách thành viên sau khi thay đổi.

(Lưu ý: Hợp tác xã chỉ kê khai các thành viên mới được bổ sung hoặc các thành viên ra khỏi hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-3 ban hành kèm theo Thông tư này).

3. Trường hợp thay đổi thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên của hợp tác xã thì hợp tác xã gửi kèm theo bản Danh sách thành viên hội đồng

quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên sau khi thay đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục I-4 ban hành kèm theo Thông tư này.

THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): Điện thoại:
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) ⁵ : Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Điện thoại:
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính): Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:..... Xã/Phường/Thị trấn: Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: Tỉnh/Thành phố: Điện thoại:Fax (nếu có): Email (nếu có):
4	Ngày bắt đầu hoạt động ⁶ :...../...../.....
5	Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp): Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/> Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>
6	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày/.....đến ngày/..... ⁷ (ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)
7	Tổng số lao động:
8	Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
9	Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) ⁸ : Khấu trừ <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/> Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/> Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>
10	Thông tin về Tài khoản ngân hàng: <input type="checkbox"/>

⁵ Trường hợp hợp tác xã kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

⁶ Trường hợp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

⁷ - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

⁸ Hợp tác xã căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

Tên ngân hàng	Số tài khoản ngân hàng
.....

**ĐĂNG KÝ
THAY ĐỔI ĐỐI NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:

Người đại diện theo pháp luật sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../.....Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:Ngày hết hạn (*nếu có*):/...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Quốc gia:

Điện thoại (*nếu có*):Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*):

Đề nghị (*tên cơ quan đăng ký hợp tác xã*) cập nhật thông tin về Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Danh sách Hội đồng quản trị trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

**THÔNG BÁO BỔ SUNG, CẬP NHẬT THÔNG TIN
ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ**

Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hợp tác xã như sau:

.....
.....
.....

Hợp tác xã xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này và các tài liệu được gửi kèm theo.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)⁹

⁹ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.
Trường hợp hợp tác xã thay đổi người đại diện theo pháp luật hoặc thay đổi nhiều nội dung đăng ký hợp tác xã, trong đó có thay đổi người đại diện theo pháp luật thì người ký thông báo là Chủ tịch hội đồng quản trị mới được bầu.

Phụ lục I-3
DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỢP TÁC XÃ

S T T	Tên thành viên	Ngày, tháng, năm sinh đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp của hộ gia đình	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại đối với thành viên là cá nhân, người đại diện hợp pháp của hộ gia đình	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số, ngày, cơ quan cấp Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu đối với cá nhân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy chứng nhận tương đương) đối với doanh nghiệp; Quyết định thành lập đối với tổ chức	Vốn góp		Thời điểm hoàn thành góp vốn	Mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)	Chữ ký của thành viên ¹	Gh i ch ú
									Giá trị phần vốn góp (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

....., ngày.....tháng.....năm.....
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)²

¹ Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

² Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không cần đóng dấu.

Phụ lục I-4
DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC),
BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN HỢP TÁC XÃ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu	Chức danh	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
D. Danh sách Hội đồng quản trị										
E. Giám đốc (Tổng Giám đốc)										
F. Danh sách Ban kiểm soát (kiểm soát viên)										

....., ngày.... tháng.... năm...
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)³

³ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

12. Thủ tục: Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của Hợp tác xã

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện gửi đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện.- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Tài chính - Kế hoạch gửi thông báo qua mạng điện tử đề yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường</p>
----------------------------	--

	<p>bưu điện</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của HTX, (theo mẫu); - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực; - Nghị quyết của đại hội thành viên về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của HTX. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện - Cơ quan thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch
Kết quả:	Bổ sung hồ sơ đăng ký
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của (Phụ lục I-6 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum

TÊN HỢP TÁC XÃ

Phụ lục I-6
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số Hợp tác xã/Mã số thuế:

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã¹(chỉ kê khai nếu không có mã số Hợp tác xã/mã số thuế):... Ngày cấp: .../.../..... Nơi cấp: ...

Hợp tác xã thông báo về việc góp vốn/mua cổ phần/thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã như sau: (Hợp tác xã chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung thông báo và gửi kèm)

THÔNG BÁO VỀ VIỆC GÓP VỐN

1. Doanh nghiệp hợp tác xã góp vốn

Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp: .../.../..... Nơi cấp: ...

2. Số vốn góp:

THÔNG BÁO VỀ VIỆC MUA CỔ PHẦN

1. Doanh nghiệp hợp tác xã mua cổ phần

Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): Ngày cấp: .../.../..... Nơi cấp: ..

2. Số cổ phần:

3. Mệnh giá cổ phần:

4. Giá trị số cổ phần đã mua:

THÔNG BÁO VỀ VIỆC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP

1. Doanh nghiệp hợp tác xã thành lập

Tên doanh nghiệp:

Mã số doanh nghiệp:

2. Vốn điều lệ:

Hợp tác xã cam kết:

- Việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật.

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

¹ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)²

² Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

13. Thủ tục: Tạm ngừng hoạt động của Hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Hợp tác xã

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện gửi đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện.+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện.- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Tài chính - Kế hoạch gửi thông báo qua mạng điện tử để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp</p>
-----------------------------------	---

	<p>nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của HTX, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX, <i>(theo mẫu)</i>; - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực; - Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của Hội đồng quản trị về việc tạm ngừng hoạt động của HTX, , tạm ngừng hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện - Cơ quan thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch
Kết quả:	Giấy xác nhận tạm ngừng
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của HTX, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX <i>(Phụ lục I-10 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT)</i> .
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

	<p>- Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.</p> <p>- Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum</p>
--	--

Phụ lục I-10

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

**Về việc tạm ngừng kinh doanh của hợp tác xã, chi nhánh,
văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số Hợp tác xãMã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã³(*chỉ kê khai nếu không có mã số Hợp tác xã mã số thuế*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

1. Đối với hợp tác xã:

Thông báo tạm ngừng kinh doanh từ ngày.... tháng.... năm.... cho đến ngày.... tháng....

Lý do tạm ngừng:

Sau khi hợp tác xã tạm ngừng kinh doanh, đề nghị (*tên cơ quan đăng ký hợp tác xã*) chuyển tình trạng hoạt động của tất cả các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng tạm ngừng hoạt động.

2. Đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh tạm ngừng hoạt động:

Thông báo tạm ngừng hoạt động từ ngày.... tháng.... năm.... cho đến ngày.... tháng.... năm.... đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*)

.....

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh*):..... Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Chi nhánh chủ quản (*chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký tạm ngừng hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*):

Tên chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*):..... Ngày cấp:/...../.....

Nơi cấp:

³ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Lý do tạm ngừng:
Hợp tác xã cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)⁴

4

- Trường hợp tạm ngừng kinh doanh đối với hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc hợp tác xã, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp tạm ngừng kinh doanh đối với địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã hoặc người đại diện chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

14. Thủ tục: Chăm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của/ Hợp tác xã

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện gửi đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/ tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện.- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Tài chính - Kế hoạch gửi thông báo qua mạng điện tử đề yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p> <p>Hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường</p>
----------------------------	--

	<p>bưu điện</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX, (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực; - Nghị quyết của đại hội thành viên về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX, ; - Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện - Cơ quan thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch
Kết quả:	Giấy xác nhận chấm dứt hoạt động
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX(<i>Phụ lục I-11 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>); - Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX ở nước ngoài (<i>Phụ lục I-12 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

	<ul style="list-style-type: none">- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư- Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.- Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum
--	--

Phụ lục I-11

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số Hợp tác xãMã số thuế:

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã⁵(*chỉ kê khai nếu không có mã số Hợp tác xã mã số thuế*): Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã sau:

1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh(*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh*):

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại (*nếu có*):..... Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*):Website (*nếu có*):

3. Chi nhánh chủ quản(*chỉ kê khai đối với trường hợp chấm dứt hoạt động của địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh*):

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh:

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh*):

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

4. Lý do chấm dứt hoạt động:.....

⁵ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Hợp tác xã cam kết sẽ chịu trách nhiệm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
HỢP TÁC XÃ
NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)⁶

6

- Trường hợp chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc hợp tác xã, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.
- Trường hợp chấm dứt hoạt động đối với địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã hoặc người đại diện chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-12

TÊN HỢP TÁC XÃ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

**Về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện,
địa điểm kinh doanh của hợp tác xã ở nước ngoài**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....
Mã số Hợp tác xã Mã số thuế:
Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp
tác xã¹(*chỉ kê khai nếu không có mã số Hợp tác xã mã số thuế*):
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

**Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa
điểm kinh doanh sau:**

**1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng
chữ in hoa*):**

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng
nước ngoài (*nếu có*):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt (*nếu có*): .
.....
.....

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

.....

Điện thoại (*nếu có*): Fax (*nếu có*):

Email (*nếu có*): Website (*nếu có*):

**3. Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa
điểm kinh doanh hoặc giấy tờ tương đương khác:**

Do (*tên cơ quan nước ngoài cấp*): cấp ngày:...../...../.....

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính
hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**

¹ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)²

² Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

15. Thủ tục: *Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện gửi đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).- Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ.+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ.+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử:<ul style="list-style-type: none">- Người có thẩm quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác nhận/ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân/tổ chức sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký Hợp tác xã qua mạng điện tử. <p>Bước 2:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ hoặc thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản nếu hồ sơ không đủ điều kiện.- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Tài chính - Kế hoạch gửi thông báo qua mạng điện tử để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, nếu hồ sơ hợp lệ. <p>Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký hợp tác xã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.</p>
----------------------------	--

	<p>Hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.</p> <p>Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện nơi hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký (<i>theo mẫu</i>); - Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực; - Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hoặc bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được cấp trước đây và bản chính Giấy chứng nhận đăng ký thuế <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ</p>
Thời gian giải quyết:	03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện - Cơ quan thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký HTX.
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Giấy đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký (<i>Phụ lục I-17 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT</i>).
Yêu cầu, điều kiện:	Không
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014

	<p><i>của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</i></p> <ul style="list-style-type: none">- <i>Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư</i>- <i>Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.</i>- <i>Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum</i>
--	--

Phụ lục I-17

TÊN HỢP TÁC XÃ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Mã số Hợp tác xã mã số thuế:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã¹(*chỉ kê khai nếu không có mã số Hợp tác xã mã số thuế*): ... Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp: ...

Đề nghị được cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.

Trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã mới, đề nghị cập nhật, bổ sung mã ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam đối với những ngành, nghề kinh doanh mà hợp tác xã đã đăng ký kinh doanh như sau²:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (<i>đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai</i>)

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

¹ Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

² Hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Hợp tác xã chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh làm ngành, nghề kinh doanh chính. Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

- Hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT không cần ghi lại ngành, nghề kinh doanh tại mục này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)³

³ Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

16. Thủ tục: Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã

Trình tự thực hiện:	<p>- Bước 1: Khi thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã, hợp tác xã gửi 01 bộ hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện gửi đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện</p> <p>+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p> <p>- Bước 2: Khi tiếp nhận hồ sơ, Phòng Tài chính - Kế hoạch: + Yêu cầu người đến làm thủ tục nộp bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực. + Trường hợp được ủy quyền thì phải có giấy tờ sau: Hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập hợp tác xã, hợp tác xã và tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật.</p> <p>Bước 3: Phòng Tài chính - Kế hoạch giao giấy biên nhận khi nhận hồ sơ đảm bảo tính hợp lệ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Phòng Tài chính - Kế hoạch đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã bàn giao đầy đủ 01 bộ hồ sơ đăng ký cho hợp tác xã và lưu giữ 01 bản sao bộ hồ sơ đó tại Phòng Tài chính - Kế hoạch. Khi bàn giao hồ sơ cho hợp tác xã, phải có giấy biên nhận có chữ ký của người trao, người nhận hồ sơ, toàn bộ hồ sơ được niêm phong và được giao cho người nhận. Trong trường hợp không bàn giao bộ hồ sơ đăng ký hợp tác xã cho hợp tác xã thì Phòng Tài chính - Kế hoạch phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>- Bước 4: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại hồ sơ đăng ký hợp tác xã, hợp tác xã phải tiến hành đăng ký thay đổi nơi đăng ký hợp tác xã tại Phòng Tài chính - Kế hoạch đăng ký hợp tác xã mới. Phòng Tài chính - Kế hoạch đăng ký hợp tác xã mới thực hiện việc thay đổi và cấp giấy chứng nhận đăng ký mới cho hợp tác xã. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận đăng ký cho hợp tác xã thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho hợp tác xã biết.</p> <p>- Bước 5: Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã mới, hợp tác xã phải nộp bản gốc giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã đã được cấp trước đó.</p>
----------------------------	--

	<p>- Bước 6: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc qua đường bưu điện</p> <p>- Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử.
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã; - Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã; - Bộ hồ sơ đã được cơ quan đăng ký hợp tác xã cũ bàn giao (khi hợp tác xã tiến hành đăng ký tại Phòng Tài chính - Kế hoạch đăng ký hợp tác xã mới). <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời gian giải quyết:	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện - Cơ quan thực hiện: Phòng Tài chính - Kế hoạch
Kết quả:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Hợp tác xã
Lệ phí:	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký kinh doanh . Mức thu: 50.000 đồng/lần cấp. - Miễn nộp lệ phí: Đăng ký bổ sung, thay đổi thông tin trên giấy chứng nhận hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận do thay đổi về địa giới hành chính, thông tin về chứng minh nhân dân, địa chỉ... trong hồ sơ đăng ký kinh doanh, hồ sơ thành lập hợp tác xã.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	không
Yêu cầu, điều kiện:	Không quy định
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

	<p><i>- Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum. - Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum</i></p>
--	--

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ (03 TTHC)

I. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC: 03 TTHC

1. Thủ tục: *Thông báo thành lập tổ hợp tác*

Trình tự thực hiện:	<p>Bước 1: Tổ trưởng tổ hợp tác hoặc người đại diện theo ủy quyền của tổ hợp tác gửi thông báo thành lập tổ hợp tác nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc qua đường bưu điện gửi đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã</p> <p>+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p> <p>Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ thông báo thành lập tổ hợp tác.</p> <p>Bước 3: Sau khi tiếp nhận hồ sơ thông báo thành lập tổ hợp tác, Ủy ban nhân dân cấp xã cập nhật vào Sổ theo dõi về việc thành lập và hoạt động của tổ hợp tác các thông tin có liên quan.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc qua đường bưu điện</p> <p>+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
Cách thức thực hiện:	Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc qua đường bưu điện
Thành phần, số lượng hồ sơ:	<p>- Trưởng hợp tổ trưởng tổ hợp tác nộp thông báo thì cần có:</p> <p>(1) Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam);</p> <p>(2) Biên bản cuộc họp tổ hợp tác về việc bầu tổ trưởng;</p> <p>(3) Giấy thông báo thành lập tổ hợp tác;</p> <p>(4) Hợp đồng hợp tác.</p> <p>- Trưởng hợp người đại diện theo ủy quyền của tổ</p>

	<p>hợp tác nộp thông báo thì cần có:</p> <p>(1) Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam);</p> <p>(2) Văn bản ủy quyền của một trăm phần trăm (100%) tổng số thành viên tổ hợp tác.</p> <p>(3) Giấy thông báo thành lập tổ hợp tác;</p> <p>(4) Hợp đồng hợp tác.</p> <p>Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.</p>
Thời gian giải quyết:	Ngay tại thời điểm nhận hồ sơ.
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	UBND cấp xã
Kết quả:	Cập nhật thông tin trong Sổ theo dõi về việc thành lập và hoạt động của tổ hợp tác.
Lệ phí:	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<p>- Giấy thông báo thành lập tổ hợp tác theo mẫu I.01 tại Phụ lục Nghị định <u>77/2019/NĐ-CP</u> ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về tổ hợp tác;</p> <p>- Hợp đồng hợp tác theo mẫu I.02 tại Phụ lục Nghị định <u>77/2019/NĐ-CP</u> ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về tổ hợp tác.</p>
Yêu cầu, điều kiện:	<p>- Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm; trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề yêu cầu phải có điều kiện;</p> <p>- Tên của tổ hợp tác được đặt theo quy định tại Điều 13 của Nghị định <u>77/2019/NĐ-CP</u>:</p> <p><i>“1. Tổ hợp tác có quyền chọn tên, biểu tượng của mình phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều này và không trùng lặp với tên, biểu tượng của tổ hợp tác khác trong địa bàn cấp xã.</i></p> <p><i>2. Tên của tổ hợp tác chỉ bao gồm hai thành tố sau đây:</i></p> <p><i>a) Loại hình “Tổ hợp tác”;</i></p> <p><i>b) Tên riêng của tổ hợp tác. Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, có thể kèm theo chữ số, ký hiệu. Không được sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc để đặt tên riêng cho tổ hợp tác. Không được sử dụng</i></p>

	<p><i>các cụm từ gây nhầm lẫn với các loại hình tổ chức khác theo quy định của pháp luật Việt Nam để đặt tên tổ hợp tác.”</i></p> <p>- Hồ sơ thông báo thành lập có đầy đủ giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật.</p>
Căn cứ pháp lý:	<p>- Bộ luật dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;</p> <p>- Nghị định số <u>77/2019/NĐ-CP</u> ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về tổ hợp tác.</p>

2. Thủ tục: *Thông báo thay đổi tổ hợp tác*

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1: Tổ trưởng tổ hợp tác hoặc người đại diện theo ủy quyền của tổ hợp tác nộp thông báo thay đổi tổ hợp tác nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc qua đường bưu điện gửi đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã</p> <p>+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p> <p>Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ thông báo thay đổi tổ hợp tác.</p> <p>Bước 3: Sau khi tiếp nhận hồ sơ thông báo thay đổi tổ hợp tác, Ủy ban nhân dân cấp xã cập nhật vào Sổ theo dõi về việc thành lập và hoạt động của tổ hợp tác các thông tin có liên quan.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc qua đường bưu điện</p> <p>+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc qua đường bưu điện</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>- Trường hợp tổ trưởng tổ hợp tác nộp thông báo thì cần có:</p> <p>(1) Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam);</p> <p>(2) Biên bản cuộc họp tổ hợp tác về việc bầu tổ trưởng;</p> <p>(3) Hợp đồng hợp tác;</p> <p>(4) Giấy thông báo thay đổi tổ hợp tác.</p> <p>- Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của tổ hợp tác nộp thông báo thì cần có:</p> <p>(1) Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối</p>

	<p>với công dân Việt Nam);</p> <p>(2) Văn bản ủy quyền của một trăm phần trăm (100 %) tổng số thành viên tổ hợp tác.</p> <p>(3) Hợp đồng hợp tác;</p> <p>(4) Giấy thông báo thay đổi tổ hợp tác.</p> <p>- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.</p>
Thời gian giải quyết:	Ngay tại thời điểm nhận hồ sơ.
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	UBND cấp xã
Kết quả:	Cập nhật thông tin trong Sổ theo dõi về việc thành lập và hoạt động của tổ hợp tác.
Lệ phí:	Không.
Tên mẫu đơn, tờ khai:	<p>- Giấy thông báo thay đổi tổ hợp tác theo mẫu I.01 tại Phụ lục Nghị định <u>77/2019/NĐ-CP</u> ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về tổ hợp tác;</p> <p>- Hợp đồng hợp tác theo mẫu I.02 tại Phụ lục Nghị định <u>77/2019/NĐ-CP</u> ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về tổ hợp tác.</p>
Yêu cầu, điều kiện:	<p>- Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm; trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề yêu cầu phải có điều kiện;</p> <p>- Tên của tổ hợp tác được đặt theo quy định tại Điều 13 của Nghị định 77/2019/NĐ-CP:</p> <p><i>“1. Tổ hợp tác có quyền chọn tên, biểu tượng của mình phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều này và không trùng lặp với tên, biểu tượng của tổ hợp tác khác trong địa bàn cấp xã.</i></p> <p><i>2. Tên của tổ hợp tác chỉ bao gồm hai thành tố sau đây:</i></p> <p><i>a) Loại hình “Tổ hợp tác”;</i></p> <p><i>b) Tên riêng của tổ hợp tác. Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, có thể kèm theo chữ số, ký hiệu. Không được sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc để đặt tên riêng cho tổ hợp tác. Không được sử dụng các cụm từ gây nhầm lẫn với các loại hình tổ chức khác theo quy định của pháp luật Việt Nam để đặt tên tổ hợp tác.”</i></p> <p>- Hồ sơ thông báo có đầy đủ giấy tờ và nội dung các</p>

	giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật.
Căn cứ pháp lý:	<ul style="list-style-type: none">- Bộ luật dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;- Nghị định số <u>77/2019/NĐ-CP</u> ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về tổ hợp tác.

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC MẪU GIẤY SỬ DỤNG CHO TỔ HỢP TÁC

(Kèm theo Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về tổ hợp tác)

Mẫu I.01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY THÔNG BÁO

Thành lập/Thay đổi tổ hợp tác

Kính gửi: UBND xã, phường, thị trấn¹

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):..... Giới tính:.....

Sinh ngày:...../...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Chúng minh nhân dân/cần cước công dân số:.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:.....

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/CCCD):.....

Số giấy chứng thực cá nhân:.....

Ngày cấp:..... /...../..... Ngày hết hạn:..... /...../..... Nơi cấp:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:.....

Xã/Phường/Thị trấn:.....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:.....

Tỉnh/Thành phố:.....

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường
phố/xóm/ấp/thôn:.....

Xã/Phường/Thị
trần:.....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc
tỉnh:.....

Tỉnh/Thành
phố:.....

Điện
thoại:..... Fax:

Email: Website:.....
.....

Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác với các nội dung sau²:

1. Tình trạng thành lập/thay đổi (đánh dấu X vào ô thích hợp)

Thành lập mới

Thay đổi trên cơ sở tổ hợp tácthành lập tại thời điểm³
.....

2. Tên tổ hợp tác

Tên tổ hợp tác viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in
hoa):.....

Tên tổ hợp tác viết bằng tiếng nước ngoài (nếu
có):.....

Tên tổ hợp tác viết tắt (nếu
có):.....

3. Địa chỉ tổ hợp tác⁴

Số nhà, đường
phố/xóm/ấp/thôn:.....

Xã/Phường/Thị
trần:.....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc
tỉnh:.....

Tỉnh/Thành
phố:.....

Điện
thoại:..... Fax:

.

Email: Website:.....
.....

4. Ngành, nghề kinh doanh⁵

5. Tổng giá trị phân đóng góp:

Tổng số (bằng số;
VNĐ):.....

6. Số lượng thành viên:

Tôi cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung các thông tin khai ở trên.

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ HỢP TÁC
(Ký và ghi họ tên⁶)

Các giấy tờ gửi kèm:

- Hợp đồng hợp tác;
- Danh sách thành viên;
-

1. Ghi tên UBND xã, phường, thị trấn nơi tổ hợp tác hoạt động. Nếu tổ hợp tác hoạt động trên địa bàn nhiều xã thì ghi tên xã, phường, thị trấn nơi tổ hợp tác hoạt động chủ yếu.

2. Trường hợp thông báo thay đổi, khai các nội dung mới cần được thông báo cho UBND xã, phường, thị trấn nơi tổ hợp tác hoạt động.

3. Ghi tên cũ của tổ hợp tác và năm tổ hợp tác thành lập.

4. Ghi địa chỉ trụ sở của tổ hợp tác (nếu có) hoặc địa chỉ của tổ trưởng/người đại diện của tổ hợp tác.

5. Tổ hợp tác có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, tổ hợp tác chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện quy định tại Điều 6 của Luật Đầu tư và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo Luật Đầu tư.

6. Tổ trưởng/ người đại diện của Tổ hợp tác ký trực tiếp vào phần này.

Mẫu I.02

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngàytháng.....năm.....

HỢP ĐỒNG HỢP TÁC

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Nghị định số .../2019/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2019 của Chính phủ về tổ hợp tác;

Chúng tôi gồm các thành viên có danh sách kèm theo cùng nhau cam kết thực hiện hợp đồng hợp tác với các nội dung sau:

Điều 1. Tên, biểu tượng, địa chỉ giao dịch của tổ hợp tác

1. Tên của tổ hợp tác:

.....

2. Biểu tượng (nếu có)

(Hợp đồng hợp tác ghi rõ tên, biểu tượng của tổ hợp tác (nếu có) không trùng, không gây nhầm lẫn với tên, biểu tượng của tổ hợp tác khác; biểu tượng của tổ hợp tác phải được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.)

3. Địa chỉ giao dịch:

a. Số nhà (nếu có).....

b. Đường phố/thôn/bản.....

c. Xã/phường/thị trấn.....

d. Huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh.....

e. Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.....

(Địa chỉ giao dịch của tổ hợp tác là địa chỉ trụ sở của tổ hợp tác (nếu có) hoặc địa chỉ nơi cư trú của tổ trưởng/người đại diện của tổ hợp tác.)

f. Số điện thoại/fax (nếu có).....

g. Địa chỉ thư điện tử (nếu có).....

h. Địa chỉ Website (nếu có).....

Điều 2. Mục đích, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác

(1. Mục đích:

Các thành viên tổ hợp tác sau khi thảo luận, thống nhất quyết định thực hiện các công việc sau:

a

.....

b.....

.....

c.....

.....

2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác áp dụng các quy định tại Điều 4 của Nghị định .../2019/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2019 của Chính phủ về tổ hợp tác (sau đây gọi tắt là Nghị định về tổ hợp tác). Tổ hợp tác có thể quy định thêm các nguyên tắc khác không trái với quy định của pháp luật.)

Điều 3. Thời hạn hợp đồng hợp tác

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày thángnăm.... đến hết ngày.....tháng.... năm.....

(Tổ hợp tác chú ý xác định thời hạn hợp đồng hợp tác phù hợp với mục đích của tổ hợp tác theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Nghị định về tổ hợp tác.)

Điều 4. Tài sản, phần đóng góp của tổ hợp tác

Hợp đồng hợp tác áp dụng các quy định tại Điều 504, 505 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 22, 23, 24, 25, 26, 27 của Nghị định về tổ hợp tác.

Trường hợp thành viên thỏa thuận về trách nhiệm hữu hạn đối với phần đóng góp của mình vào tổ hợp tác phải được thỏa thuận cụ thể và thể hiện trong hợp đồng hợp tác .

3. Danh sách thành viên tổ hợp tác trong đó ghi rõ giá trị phần đóng góp của thành viên được lập thành Phụ lục kèm theo hợp đồng hợp tác và là một phần không thể tách rời của hợp đồng hợp tác (tham khảo Mẫu I.02.01 trong Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định về tổ hợp tác).

4. Hợp đồng hợp tác quy định cụ thể về tài sản chung của thành viên tổ hợp tác, cơ chế và cách thức xử lý tài sản chung của thành viên tổ hợp tác quy định của pháp luật.)

Điều 5. Công tác tài chính, kế toán của tổ hợp tác

(1. Hợp đồng hợp tác áp dụng các quy định tại khoản 4 Điều 22 của Nghị định về tổ hợp tác.

2. Hợp đồng hợp tác quy định hình thức, nội dung, thời hạn báo cáo tài chính trong nội bộ tổ hợp tác)

Điều 6. Phương thức hợp tác, tổ chức thực hiện hợp đồng hợp tác

1. Hợp đồng hợp tác ghi rõ nội dung, phương thức hợp tác và kế hoạch thực hiện hợp đồng hợp tác căn cứ theo mục đích hoạt động và thỏa thuận của các thành viên tổ hợp tác.

2. Việc hợp tác giữa các thành viên không được trái pháp luật và các quy định của Nghị định về tổ hợp tác.)

Điều 7. Phương thức phân phối hoa lợi, lợi tức và xử lý lỗ giữa các thành viên tổ hợp tác

(1. Hợp đồng hợp tác áp dụng các quy định tại Điều 23 Nghị định về tổ hợp tác.

2. Hợp đồng hợp tác có thể quy định cụ thể tỷ lệ đa số tổ viên biểu quyết từ trên 50% đến 100% .

3. Hợp đồng hợp tác quy định cụ thể phương thức xử lý lỗ và rủi ro, quy định về tỷ lệ đóng góp, phân chia rủi ro đối với các thành viên theo tỷ lệ phần đóng góp hoặc theo thỏa thuận cụ thể đối với từng thành viên.)

Điều 8. Điều kiện, quy trình bổ sung thành viên tổ hợp tác

(1. Hợp đồng hợp tác áp dụng các quy định tại Điều 7, 10 của Nghị định về tổ hợp tác.

2. Hợp đồng hợp tác có thể quy định cụ thể tỷ lệ đa số tổ viên biểu quyết từ trên 50% đến 100% nhưng không được trái với quy định tại khoản 3 Điều 10 của Nghị định về tổ hợp tác.

3. Căn cứ ngành nghề, lĩnh vực hoạt động của tổ hợp tác để thống nhất các quy định khác về điều kiện trở thành tổ viên, như: tay nghề, sức khỏe, phần đóng góp, v.v.)

4. Tổ hợp tác lập danh sách thành viên tổ hợp tác tại Phụ lục kèm theo hợp đồng hợp tác và là một phần không thể tách rời của hợp đồng hợp tác (tham khảo Mẫu I.02.01 trong Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định về tổ hợp tác).

Phụ lục “Danh sách thành viên” bao gồm đầy đủ các nội dung sau: Họ, tên, số định danh cá nhân hoặc tên, số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của pháp nhân; số tiền, giá trị tài sản hoặc sức lao động đóng góp được quy thành tiền và tỷ lệ phần đóng góp.)

Điều 9. Quyền, nghĩa vụ của các thành viên

(1. Áp dụng các quy định tại Điều 507, 508, 509, 510 của Bộ luật dân sự và Điều 8, 9 của Nghị định về tổ hợp tác.

2. Hợp đồng hợp tác quy định cụ thể hình thức kiểm tra, giám sát của thành viên đối với tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác.)

Điều 10. Điều kiện, quy trình chấm dứt tư cách thành viên

(1. Áp dụng quy định tại Điều 510 của Bộ luật dân sự và Điều 11 của Nghị định về tổ hợp tác.

2. Hợp đồng hợp tác có thể quy định các trường hợp thành viên có thể bị miễn trừ tư cách thành viên và trình tự, thủ tục thực hiện việc miễn trừ tư cách thành viên trong trường hợp này nhưng không được trái quy định tại Điều 11 của Nghị định về tổ hợp tác.)

Điều 11. Đại diện của tổ hợp tác trong xác lập, thực hiện giao dịch

(1. Áp dụng các quy định tại Điều 16 của Nghị định về tổ hợp tác.

2. Người đại diện của tổ hợp tác phải được toàn bộ thành viên tổ hợp tác đồng ý ủy quyền. Hợp đồng hợp tác quy định thêm các điều kiện, tiêu chuẩn đối với người đại diện, ví dụ: phải là người có năng lực, trình độ, nhiệt tình, có trách nhiệm, v.v.

3. Người đại diện của tổ hợp tác có thể là bất kỳ thành viên tổ hợp tác nào hoặc không phải là thành viên tổ hợp tác, tùy theo thỏa thuận của thành viên tổ hợp tác. Nội dung, phạm vi và thời gian ủy quyền của người đại diện của tổ hợp tác được ghi rõ bằng văn bản để tránh trường hợp lạm dụng hoặc lạm quyền.)

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ của tổ trưởng tổ hợp tác

(1. Áp dụng các quy định tại Điều 17 của Nghị định về tổ hợp tác.

2. Tổ trưởng phải là thành viên tổ hợp tác, hợp đồng hợp tác quy định thêm các điều kiện, tiêu chuẩn đối với tổ trưởng, ví dụ: phải là người có năng lực, trình độ, nhiệt tình, có trách nhiệm, v.v.

3. Việc trả thù lao đối với tổ trưởng được thỏa thuận giữa các thành viên tổ hợp tác.

4. Hợp đồng hợp tác quy định cụ thể phạm vi, nội dung và quyền hạn của tổ trưởng tổ hợp tác để tránh trường hợp lạm dụng hoặc lạm quyền.

5. Hợp đồng hợp tác có thể quy định bổ sung quyền của tổ trưởng không trái với quy định của pháp luật.)

Điều 13. Quyền, nghĩa vụ của ban điều hành (nếu có)

(1. Áp dụng các quy định tại Điều 18 của Nghị định về tổ hợp tác.

2. Hợp đồng hợp tác có thể quy định cụ thể về số lượng thành viên ban điều hành, phân công rõ nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể của thành viên ban điều hành trong quản lý, điều hành hoạt động của tổ hợp tác.

Tổ hợp tác lập danh sách thành viên ban điều hành và tổ trưởng tổ hợp tác tại Phụ lục kèm theo và là một bộ phận không thể tách rời với hợp đồng hợp tác (tham khảo Mẫu I.02.02 trong Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định của tổ hợp tác). Phụ lục Danh sách ban điều hành hoặc thông tin về tổ trưởng tổ hợp tác phải bảo đảm đầy đủ các nội dung sau: Tên, số định danh cá nhân, địa chỉ thường trú của tổ trưởng tổ hợp tác và ban điều hành (nếu có.)

Điều 14. Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác

(1. Áp dụng các quy định tại Điều 512 của Bộ luật dân sự và Điều 14, 15 của Nghị định về tổ hợp tác.

2. Hợp đồng hợp tác có thể quy định các trường hợp chấm dứt tổ hợp tác khác do các thành viên tự thỏa thuận.)

Điều 15. Quy định phương thức giải quyết tranh chấp trong nội bộ tổ hợp tác

1. Áp dụng các quy định tại Điều 28 của Nghị định về tổ hợp tác.

2. Hợp đồng hợp tác có thể quy định về việc thành lập và cơ chế hoạt động của Ủy ban/ban hòa giải hoặc chỉ định thành viên có uy tín giải quyết tranh chấp trong nội bộ tổ hợp tác).

Điều 16. Các thỏa thuận khác (nếu có)

(Tổ hợp tác có thể thỏa thuận các nội dung khác của Hợp đồng hợp tác không trái quy định pháp luật.)

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Hợp đồng hợp tác này đã được thông qua tại cuộc họp thành viên Tổ hợp tác ngày tháng năm.....

2. Các thành viên của tổ có trách nhiệm thi hành Hợp đồng hợp tác này.

3. Mọi sự thay đổi hợp đồng hợp tác phải được thành viên thống nhất thông qua.

(Hợp đồng hợp tác có thể quy định cụ thể tỷ lệ đa số tổ viên thống nhất thông qua từ trên 50% đến 100%.)

Chúng tôi, gồm tất cả thành viên tổ hợp tác thống nhất và ký tên vào Hợp đồng hợp tác này:

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chữ ký (hoặc điểm chỉ)
I	Người đại diện của tổ hợp tác		
II	Tổ trưởng		
III	Ban điều hành (nếu có)		
1			
2			
IV	Thành viên		
1			
2			

Mẫu I.02.01
DANH SÁCH THÀNH VIÊN TỔ HỢP TÁC

(Kèm theo Hợp đồng hợp tác của Tổ hợp tác¹. Phụ lục này là một phần không thể tách rời của hợp đồng hợp tác)

I. THÀNH VIÊN LÀ CÁ NHÂN

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân/ căn cước công dân hoặc hộ chiếu	Phần đóng góp		Thời điểm đóng góp	Chữ ký của thành viên
									Giá trị phần đóng góp ² (bằng số; VND)	Tỷ lệ(%)		

II. THÀNH VIÊN LÀ PHÁP NHÂN

STT	Tên pháp nhân	Địa chỉ trụ sở chính	Số chứng đăng (hoặc giấy chứng nhận tương đương)	Giấy nhận ký các chứng nhận	Phần đóng góp		Thời điểm đóng góp	Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của pháp nhân
					Giá trị phần đóng góp ³ (bằng số; VND)	Tỷ lệ (%)		

....., ngày.... tháng.... năm...
ĐẠI DIỆN CỦA TỔ HỢP TÁC
(Ký, ghi rõ họ tên⁴)

¹ Tên Tổ hợp tác dự định thành lập

² Ghi tổng giá trị phần đóng góp của từng thành viên.

³ Ghi tổng giá trị phần đóng góp của từng thành viên.

⁴ Đại diện tổ hợp tác ký trực tiếp vào đây

Mẫu I.02.02
DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH TỔ HỢP TÁC (nếu có)

(Kèm theo Hợp đồng hợp tác của Tổ hợp tác Phụ lục này là một phần không thể tách rời của hợp đồng hợp tác)

ST T	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thườn g trú	Số, ngày, c ơ quan cấp chứng minh nhân dân/ căn cước công dân hoặc hộ chiếu	Phần đóng góp		Th ời điể m góp vố n	Chức dan h
									Giá trị phần đóng góp ¹ (bằng số: VNĐ)	Tỷ lệ (%)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1												
2												

....., ngày.... tháng.... năm...
ĐẠI DIỆN CỦA TỔ HỢP TÁC
(Ký, ghi rõ họ tên)²

1 Ghi tổng giá trị phần đóng góp của từng thành viên

2 Đại diện tổ hợp tác ký trực tiếp vào đây.

3. Thủ tục: *Thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác*

<p>Trình tự thực hiện:</p>	<p>Bước 1: Tổ trưởng tổ hợp tác hoặc người đại diện theo ủy quyền của tổ hợp tác nộp thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc qua đường bưu điện gửi đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã</p> <p>+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p> <p>Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác.</p> <p>Bước 3: Sau khi tiếp nhận hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác, Ủy ban nhân dân cấp xã cập nhật vào Sổ theo dõi về việc thành lập và hoạt động của tổ hợp tác các thông tin có liên quan.</p> <p>Bước 4: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc qua đường bưu điện</p> <p>+ Thời gian: Sáng từ 7h30 - 10h30, chiều từ 13h30 - 16h30 các ngày làm việc trong tuần (trừ thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ theo quy định).</p>
<p>Cách thức thực hiện:</p>	<p>Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc qua đường bưu điện</p>
<p>Thành phần, số lượng hồ sơ:</p>	<p>- Trường hợp tổ trưởng tổ hợp tác nộp thông báo thì cần có:</p> <p>(1) Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam);</p> <p>(2) Biên bản cuộc họp tổ hợp tác về việc bầu tổ trưởng;</p> <p>(3) Đối với trường hợp tổ hợp tác chấm dứt theo sự thỏa thuận của các thành viên, thì bổ sung thêm biên bản cuộc họp tổ hợp tác về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác, ghi cụ thể tỷ lệ phần trăm số thành viên tán thành, có chữ ký xác nhận của tổ trưởng tổ hợp tác (hoặc người được các thành viên tổ hợp tác ủy quyền) và các thành viên tổ hợp tác, trừ trường hợp họp đồng hợp tác quy định khác;</p> <p>(4) Giấy thông báo về việc chấm dứt hoạt động của</p>

	<p>tổ hợp tác.</p> <p>- Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của tổ hợp tác nộp thông báo thì cần có:</p> <p>(1) Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam);</p> <p>(2) Văn bản ủy quyền của một trăm phần trăm (100%) tổng số thành viên tổ hợp tác.</p> <p>(3) Đối với trường hợp tổ hợp tác chấm dứt theo sự thỏa thuận của các thành viên, thì bổ sung thêm biên bản cuộc họp tổ hợp tác về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác, ghi cụ thể tỷ lệ phần trăm số thành viên tán thành, có chữ ký xác nhận của tổ trưởng tổ hợp tác (hoặc người được các thành viên tổ hợp tác ủy quyền) và các thành viên tổ hợp tác, trừ trường hợp đồng ý hợp tác quy định khác;</p> <p>(4) Giấy thông báo về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác.</p> <p>- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.</p>
Thời gian giải quyết:	Ngay tại thời điểm nhận hồ sơ.
Đối tượng thực hiện:	Cá nhân, Tổ chức
Cơ quan thực hiện:	UBND cấp xã
Kết quả:	Ủy ban nhân dân xã/ phường cập nhật các thay đổi và biến động của tổ hợp tác theo quy định của pháp luật.
Lệ phí:	Không
Tên mẫu đơn, tờ khai:	Giấy thông báo chấm dứt tổ hợp tác theo mẫu I.03 quy định tại Phụ lục Nghị định <u>77/2019/NĐ-CP</u> ngày 10 tháng 10 năm 2019 về tổ hợp tác.
Yêu cầu, điều kiện:	<p>- Hồ sơ thông báo có đầy đủ giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật;</p> <p>- Thông tin của tổ hợp tác đã được kê khai đầy đủ vào các giấy tờ trong hồ sơ thông báo thành lập hoặc thay đổi tổ hợp tác và được cập nhật vào Sổ theo dõi thành lập và hoạt động của tổ hợp tác theo quy định của pháp luật.</p>
Căn cứ pháp lý:	<p>- Bộ luật dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;</p> <p>- Nghị định số <u>77/2019/NĐ-CP</u> ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về tổ hợp tác.</p>

Mẫu I.03

TÊN TỔ HỢP TÁC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác

Kính gửi: UBND cấp xã, phường, thị trấn¹

Tên tổ hợp tác (*ghi bằng chữ in
hoa*):.....

Địa chỉ trụ

sở:

Thông báo về việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác như sau:

Lý do chấm dứt hoạt
động²:.....

Tổ hợp tác cam kết đã hoàn thành các khoản nợ, nghĩa vụ thuế, tài sản và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ HỢP TÁC

(*Ký, ghi rõ họ tên*)³

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

1. Ghi tên UBND xã, phường, thị trấn nơi tổ hợp tác hoạt động. Nếu tổ hợp tác hoạt động trên địa bàn nhiều xã thì ghi tên xã, phường, thị trấn nơi tổ hợp tác hoạt động chủ yếu.

2. Tổ hợp tác ghi lý do chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác theo Điều 512 của Bộ luật dân sự và Điều 31 của Nghị định về tổ hợp tác

3. Người đại diện của Tổ hợp tác ký trực tiếp vào phần này.